

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐỘT DẬP MOCHIZUKI VIỆT NAM



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Của Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Lô IN3-10*,
Khu Đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, thuộc
Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, xã Lập Lễ,
huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng**

Hải Phòng, tháng 8 năm 2024

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐỘT DẬP MOCHIZUKI VIỆT NAM



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Lô IN3-10*,
Khu Đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, thuộc
Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, xã Lập Lễ,
huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐỘT DẬP
MOCHIZUKI VIỆT NAM



TỔNG GIÁM ĐỐC
Choki Masaharu

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC
MÔI TRƯỜNG



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Đại

Hải Phòng, tháng 8 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	4
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	5
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	8
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	9
1.1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	9
1.2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	9
1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	11
1.3.1. Công suất của dự án đầu tư	11
1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	17
1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	25
1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	26
1.4.1. Nguyên vật liệu, hóa chất sử dụng trong giai đoạn vận hành	26
1.4.2. Nhu cầu điện, nước và nguồn cung cấp.....	30
1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	31
1.5.1. Xuất xứ của Dự án.....	31
1.5.2. Tổ chức quản lý và vận hành Dự án giai đoạn vận hành	33
1.5.3. Biện pháp tổ chức thi công trong giai đoạn xây dựng mở rộng nhà xưởng	34
1.5.4. Tiến độ thực hiện dự án.....	39
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	40
2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG	40
2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	42
CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	43
3.1. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA KHU CÔNG NGHIỆP VSIP	43
3.2. HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA KHU CÔNG NGHIỆP VSIP	47
CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	49
4.1. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN TRIỂN KHAI XÂY DỰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ	49
4.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng	49

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

4.1.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện trong giai đoạn triển khai xây dựng	74
4.2. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH	81
4.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành	81
4.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	104
4.3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	133
4.3.1. Kế hoạch xây lắp và dự toán kinh phí đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.....	133
4.3.2. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường	135
4.4. NHẬN XÉT VỀ MỨC ĐỘ CHI TIẾT, ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO	135
4.4.1. Về mức độ chi tiết của các đánh giá.....	135
4.4.2. Về độ tin cậy của các đánh giá	135
CHƯƠNG V. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC	136
CHƯƠNG VI. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	137
6.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI	137
6.1.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	137
6.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải	137
6.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI.....	139
6.2.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	139
6.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải	139
6.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	140
6.3.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	140
6.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.....	141
6.4. YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	142
6.4.1. Yêu cầu về quản lý chất thải.....	142
6.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại	144
6.4.3. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.....	145
6.5. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	146
6.5.1. Yêu cầu về cải tạo, phục hồi môi trường.....	146
6.5.2. Yêu cầu về bồi hoàn đa dạng sinh học	146
6.5.3. Các nội dung chủ dự án đầu tư tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	146

6.5.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường	146
CHƯƠNG VII. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	147
7.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	147
7.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	147
7.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải	147
7.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT	148
7.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	148
7.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	148
7.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án .	148
7.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM	149
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	150
PHỤ LỤC	151
PHỤ LỤC 1. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ	152
PHỤ LỤC 2. HÌNH ẢNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	153

DANH MỤC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Các thông số môi trường

BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hoá (5 ngày)
DO	Hàm lượng oxy hòa tan
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
TDS	Tổng chất rắn hoà tan

Các tiêu chuẩn so sánh

QCCP	Quy chuẩn cho phép
GHCP	Giới hạn cho phép
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam

Các cơ quan, tổ chức

WHO	Tổ chức Y tế thế giới
UBND	Ủy ban nhân dân
BQL KKT	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng
HACEM	Trung tâm Quan trắc môi trường

Các ký hiệu viết tắt khác

ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
KCN VSIP	Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
CTR	Chất thải rắn thông thường
CTNH	Chất thải nguy hại
PCCC	Phòng cháy và chữa cháy

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Quy mô công suất sản xuất, sản phẩm của dự án đầu tư	12
Bảng 1.2. Cơ cấu sử dụng đất của Dự án	12
Bảng 1.3. Quy mô các hạng mục công trình của Dự án.....	12
Bảng 1.4. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất giai đoạn vận hành	20
Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, hóa chất trong giai đoạn vận hành của Dự án	27
Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu trong giai đoạn vận hành của Dự án	30
Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn sau hoàn thành xây dựng của dự án	31
Bảng 1.8. Bảng cân bằng khối lượng đào đắp.....	34
Bảng 1.9. Dự báo khối lượng nguyên vật liệu thi công xây dựng.....	35
Bảng 1.10. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng	38
Bảng 4.1. Bảng liệt kê nguồn phát sinh chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng...	49
Bảng 4.2. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ động cơ của xe ô tô tải trong giai đoạn xây dựng	52
Bảng 4.3. Tải lượng bụi do xe ô tô tải cuốn lên	53
Bảng 4.4. Tải lượng bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển vật liệu phá dỡ	53
Bảng 4.5: Dự báo nồng độ chất ô nhiễm gia tăng từ động cơ của xe vận tải.....	54
Bảng 4.6. Dự báo nồng độ các chất ô nhiễm khi cộng với môi trường nền trong vận chuyển.....	54
Bảng 4.7. Dự báo khối lượng bụi phát sinh từ hoạt động đào, đắp san nền.....	55
Bảng 4.8. Lượng dầu DO tiêu thụ của các máy móc, thiết bị thi công	56
Bảng 4.9. Tải lượng chất ô nhiễm từ các máy móc, thiết bị thi công xây dựng	56
Bảng 4.10. Tải lượng bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động xây dựng các hạng mục công trình.....	57
Bảng 4.11. Dự báo nồng độ các chất ô nhiễm gia tăng từ hoạt động xây dựng.....	57
Bảng 4.12. Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn triển khai xây dựng .	59
Bảng 4.13. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....	59
Bảng 4.14. Lượng nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công	60
Bảng 4.15. Dự báo nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải xây dựng	60
Bảng 4.16. Dự báo khối lượng đất đào móng	61
Bảng 4.17. Dự báo khối lượng chất thải rắn từ nguyên vật liệu thi công xây dựng	62

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Bảng 4.18. Số lượng máy móc, thiết bị cần bảo dưỡng	64
Bảng 4.19. Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh giai đoạn thi công xây dựng	65
Bảng 4.20. Tác động của tiếng ồn theo mức ồn	66
Bảng 4.21. Tiếng ồn phát sinh từ các máy móc, thiết bị hoạt động độc lập (có tường rào bao quanh)	67
Bảng 4.22. Tiếng ồn phát sinh khi 100% các máy móc, thiết bị hoạt động đồng thời.	69
Bảng 4.23. Độ rung phát sinh từ các máy móc, thiết bị thi công xây dựng	70
Bảng 4.24. Bảng liệt kê các tác động đến môi trường trong giai đoạn vận hành.....	81
Bảng 4.25. Lượng xe vận chuyển trong giai đoạn vận hành.....	82
Bảng 4.26. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ động cơ của xe ô tô tải trong giai đoạn vận hành.....	83
Bảng 4.27. Tải lượng bụi do bị xe ô tô tải cuốn lên trong giai đoạn vận hành	83
Bảng 4.28. Tải lượng các chất ô nhiễm từ hoạt động vận chuyển bằng xe ô tô tải trong giai đoạn vận hành.....	84
Bảng 4.29. Tải lượng các chất ô nhiễm từ xe máy của công nhân giai đoạn vận hành	84
Bảng 4.30. Tải lượng các chất ô nhiễm từ hoạt động giao thông đường bộ trong giai đoạn vận hành.....	85
Bảng 4.31. Dự báo nồng độ chất ô nhiễm gia tăng từ hoạt động giao thông đường bộ trong giai đoạn vận hành	85
Bảng 4.32. Kết quả phân tích môi trường lao động năm 2023	86
Bảng 4.33. Hệ số và tải lượng phát thải chất ô nhiễm của máy phát điện	87
Bảng 4.34. Tải lượng và nồng độ chất ô nhiễm từ các máy phát điện dự phòng giai đoạn vận hành.....	88
Bảng 4.35. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....	89
Bảng 4.36. Khối lượng rác thải sinh hoạt giai đoạn vận hành	91
Bảng 4.37. Khối lượng CTR công nghiệp dự kiến giai đoạn vận hành	92
Bảng 4.38. Khối lượng CTR thông thường giai đoạn vận hành và khả năng phân loại để tái chế.....	93
Bảng 4.39. Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành	95
Bảng 4.40. Kết quả quan trắc môi trường lao động năm 2023	96
Bảng 4.41. Hệ thống gió, điều hoà, hút khói, hút ẩm hiện tại	106
Bảng 4.42. Danh mục bổ sung hệ thống gió, điều hoà, hút khói của dự án giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án.....	106
Bảng 4.43. Kích thước các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện tại	114

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

***Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư***

Bảng 4.44. Máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện tại	114
Bảng 4.45. Các bể trong hệ thống xử lý giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án ...	121
Bảng 4.46. Máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án	121
Bảng 4.47. Kế hoạch xây lắp và dự toán kinh phí đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	134
Bảng 6. 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	141
Bảng 6.2. Giá trị giới hạn đối với mức ồn	141
Bảng 6.3. Giá trị giới hạn đối với mức gia tốc rung	141
Bảng 6.4. Khối lượng phát sinh chất thải nguy hại	142
Bảng 6.5. Khối lượng phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường	143
Bảng 6.6. Khối lượng, chủng loại phế liệu phát sinh	144
Bảng 7.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải	147
Bảng 7.2. Kế hoạch quan trắc nước thải, đánh giá hiệu quả công trình xử lý	147
Bảng 7.3. Chương trình quan trắc định kỳ	149

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Sơ đồ vị trí của KCN VSIP và Dự án.....	10
Hình 1.2. Sơ đồ tổng mặt bằng các hạng mục công trình hiện trạng	15
Hình 1.3. Sơ đồ tổng mặt bằng các hạng mục công trình của giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án	16
Hình 1.4. Quy trình sản xuất phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tử	17
Hình 1.5. Quy trình sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm.....	19
Hình 1.6. Một số máy móc thiết bị của dự án	24
Hình 1.7. Hình ảnh sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện	26
Hình 1.8. Sơ đồ bộ máy quản lý của Dự án trong giai đoạn vận hành.....	33
Hình 4.1. Sơ đồ cân bằng vật chất với sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tử	94
Hình 4.2. Sơ đồ cân bằng vật chất của dự án với sản phẩm khuôn dập	94
Hình 4.3. Bản vẽ tổng thể hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải của Dự án hiện tại	108
Hình 4.4. Sơ đồ khối hệ thống thu gom và thoát nước thải hiện tại.....	109
Hình 4.5. Sơ đồ cấu tạo bể tách mỡ.....	110
Hình 4.6. Sơ đồ cấu tạo của bể tự hoại.....	111
Hình 4.7. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải của Dự án hiện tại.....	115
Hình 4.8. Bản vẽ tổng thể hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải của Dự án giai đoạn sau hoàn thành xây dựng	117
Hình 4.9. Sơ đồ khối hệ thống thu gom và thoát nước thải giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án	118
Hình 4.10. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án	119

CHƯƠNG I.
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Tên chủ dự án đầu tư: **Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam.**
- Địa chỉ văn phòng của chủ dự án đầu tư: Lô IN3-10*C, Khu đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Choki Masaharu; Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Điện thoại: 0225.3869918; Fax: 0225.3869919
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0201288701 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 09/01/2013, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/09/2022.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 4330084821 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chứng nhận lần đầu ngày 09/01/2013, chứng nhận thay đổi lần thứ 05 ngày 14/6/2024.

1.2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Tên dự án đầu tư: **Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam.**
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Lô IN3-10*C, Khu đô thị, Công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (gọi tắt là KCN VSIP).
- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng của dự án đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.
- Các văn bản pháp lý liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:
 - + Giấy phép môi trường số 1133/GPMT-BQL ngày 21/3/2023 của Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư



Hình 1.1. Sơ đồ vị trí của KCN VSIP và Dự án

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô (công suất 2.380 tấn/năm); phụ kiện điện tử (công suất 20 tấn/năm); khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm (công suất 4 tấn/năm). Dự án có tổng vốn đầu tư là 153.715.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi ba tỷ, bảy trăm mười lăm triệu đồng) thuộc lĩnh vực sản xuất thiết bị thông tin, điện tử và lĩnh vực công trình cơ khí. Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, Dự án được phân loại là dự án nhóm B (khoản 2 Điều 9 Luật Đầu tư công năm 2019).

- Hiện trạng khu đất xây dựng dự án: Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam thực hiện mở rộng nhà xưởng trong khuôn viên khu đất của Công ty TNHH công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam - Lô IN3-10*C, KCN VSIP. Khu đất trống triển khai dự án đã được san lấp mặt bằng và kết nối đầy đủ hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc...) đến chân công trình.

- Hiện trạng các công trình xung quanh:

+ Các đối tượng tự nhiên: Cách khu đất triển khai dự án khoảng 300m về phía Bắc và phía Đông là đất cây xanh nằm trong diện tích đất đang san lấp của KCN VSIP. Lô đất IN 3-10*C cách sông Cấm khoảng 10 km về phía Nam và cách sông Đá Bạch 7,3km về phía Đông. Tiếp giáp dự án là bãi đất trống dự phòng của Công ty TNHH Bao bì Toàn Cầu Inter – Trend và khu đất đang san lấp khác của Khu công nghiệp.

+ Các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ:

Về phía Tây Nam khu đất là các nhà xưởng sản xuất đang hoạt động. Dọc trục đường 359 (cách Công ty 10km về phía Nam) có các hoạt động dịch vụ, thương mại quy mô gia đình phát triển khá mạnh, tập trung vào các ngành nghề như: kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống; kinh doanh điện máy, vật liệu xây dựng....

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

+ Khu vực dân cư và các công trình khác:

Khu dân cư tập trung ở khu vực phía Bắc (cách khu đất dự án khoảng 1km). Người dân sinh sống với nhiều ngành nghề đa dạng như công nhân viên, buôn bán kinh doanh dịch vụ, làm nông nghiệp. Xung quanh khu vực Công ty không có các công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử và các đối tượng nhạy cảm khác

+ Giao thông đường bộ: Phía Tây khu đất Công ty giáp với đường nội bộ của KCN VSIP với chiều rộng mặt đường là 30m. Nằm về phía Nam, cách Công ty 2km là tuyến đường 9C có bề rộng mặt đường là 40m. Khu đất dự án nằm trong phạm vi Khu công nghiệp được kết nối với hệ thống giao thông thuận lợi. Đặc biệt vị trí Khu công nghiệp nằm trên trục đường tỉnh 359, kết nối KCN với toàn bộ huyện Thủy Nguyên, thuận lợi cho các hoạt động triển khai dự án của Công ty.

+ Giao thông đường thủy: Trong phạm vi bán kính 2km xung quanh Công ty không có hoạt động của giao thông đường thủy

Kết luận: Dự án nằm trong KCN VSIP, cách xa khu dân cư và các đối tượng nhạy cảm về môi trường, có đường giao thông thuận lợi. Do đó, trong quá trình triển khai thực hiện Dự án cần chú trọng công tác bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố để giảm thiểu tác động tiêu cực đến người lao động làm việc trực tiếp tại Dự án.

1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.3.1. Công suất của dự án đầu tư

Công suất hiện tại của nhà máy theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 4330084821, chứng nhận lần đầu ngày 09/01/2013; chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 06/01/2023 là **1204 tấn/năm**, trong đó sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện là 1.200 tấn/năm; khuôn dập kim loại và phụ tùng đi kèm là 04 tấn/năm.

Hiện nay, công suất nhà máy đã đạt mức thiết kế, với nhu cầu đơn đặt hàng tăng cao, Công ty quyết định triển khai “Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam” để mở rộng nhà xưởng, nhập thêm máy móc, thiết bị, tăng quy mô sản xuất (đối với sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tử). Dự án mở rộng sẽ được triển khai trên phần diện tích 1.991,08 m² trên tổng số 11.250,0 m² tại Lô IN3-10*C, KCN VSIP. Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 4330084821 được cấp bởi Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng, lần đầu ngày 09/01/2023; chứng nhận điều chỉnh lần thứ 5 ngày 14/6/2024, quy mô của “Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam” cho sản xuất ổn định hàng năm và của giai đoạn hiện tại như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Bảng 1.1. Quy mô công suất sản xuất, sản phẩm của dự án đầu tư

TT	Tên sản phẩm	Mã ngành theo VSIC	Công suất (tấn/năm)	
			Giai đoạn hiện tại	Dự án sau hoàn thành xây dựng
1	Sản phẩm phụ kiện ô tô	2930	1200,0	2.380,0
2	Sản phẩm phụ kiện điện tử	2610		20,0
3	Khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm	2599	4,0	4,0
Tổng			1.204,0	2.404,0

Dự án mở rộng dự kiến được triển khai thi công xây dựng tháng 3/2025; hoạt động chính thức tháng 11/2025. Cụ thể như sau:

Bảng 1.2. Cơ cấu sử dụng đất của Dự án

STT	Sử dụng đất	Theo hiện trạng		Sau hoàn thành xây dựng Dự án		Quy định KCN
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
1	Đất xây dựng công trình	4.740,0	42,13	6.490,0	57,7	≤ 60
2	Đất giao thông, sân bãi	3.431,2	30,5	2.477,9	22,0	-
3	Đất trồng cây xanh	3.078,8	27,37	2.282,1	20,3	≥ 20
Tổng		11.250,0	100	11.250,0	100	

Bảng 1.3. Quy mô các hạng mục công trình của Dự án

STT	Hạng mục công trình	Theo hiện trạng		Sau hoàn thành xây dựng Dự án		Thay đổi so với hiện trạng
		Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	
I	Công trình chính					
1	Nhà xưởng chính	3.979,37	02	5.819,0	02 (tầng 1: 5.819m ² ; tầng 2: 742,1m ²)	Tăng diện tích tầng 1
II	Công trình phụ trợ					
2	Nhà bảo vệ	55,44	01	55,44	01	Giữ nguyên
3	Nhà để xe máy	229,40	01	229,40	01	Giữ nguyên

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

STT	Hạng mục công trình	Theo hiện trạng		Sau hoàn thành xây dựng Dự án		Thay đổi so với hiện trạng
		Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	
4	Nhà để xe ô tô	63,43	01	63,43	01	Giữ nguyên
5	Nhà phụ trợ điện nước	198,90	01	198,90	01	Giữ nguyên
6	Biển tên	2,64	-	2,64	-	Giữ nguyên
7	Cột cờ	4,81	-	4,81	-	Giữ nguyên
8	Tường rào	93,43	-	93,43	-	Giữ nguyên
III	Công trình bảo vệ môi trường					
9	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	-	-	-	-	Mở rộng
10	Hệ thống thu gom và thoát nước thải	-	-	-	-	Mở rộng
11	Bể tự hoại (thể tích 8,5 m ³)	-	-	-	-	Giữ nguyên
12	Bể tách mỡ nhà ăn (thể tích 2,4 m ³)	-	-	-	-	Giữ nguyên
13	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	25,0 (công suất 5m ³ /ngày đêm)	-	25,0 (công suất 7m ³ /ngày đêm)	-	Giữ nguyên diện tích, thay đổi công nghệ
14	Khu tập kết rác thải sinh hoạt	8,4	-	8,4	-	Chuyển vị trí
15	Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp	26,9 (gồm 4 ngăn)	01	47,94 (gồm 4 ngăn)	1	Phá kho hiện hữu, xây mới tăng diện tích
16	Kho lưu giữ chất thải nguy hại	20,2 (gồm 3 ngăn)	01	31,5 (gồm 3 ngăn)	1	
IV	Công trình tạm (trong giai đoạn xây dựng)					
17	Sàn công tác bê tông	-	-	35,70	-	Xây tạm
18	Bãi đỗ xe máy ô tô	-	-	96,0	-	Xây tạm

Như vậy, so với hiện trạng, dự án mở rộng sẽ **tăng diện tích xây dựng nhà xưởng** từ 3.979,37 m² lên 5.819,0 m², **phá kho rác cũ và xây mới tăng diện tích, mở rộng hệ**

thông thoát nước mưa và thoát nước thải; giữ nguyên diện tích các bể chứa và **thay đổi công nghệ xử lý nước thải**, giữ nguyên hầu hết các công trình phụ trợ.

*** Các công trình chính bao gồm:**

- Nhà xưởng chính: 2 tầng, diện tích tầng 1: 5.819m² (bao gồm phần hiện hữu và phần mở rộng), diện tích tầng 2: 742,1m² (hiện hữu). Tường hỗn hợp bao gồm tường xây gạch, tường nhẹ tấm xi măng Cem board/ Plaster Board; Khung thép tiền chế; Móng Cọc/ kết cấu BTCT; Mái lợp tôn sóng.

Tầng 1 bao gồm: sảnh, khu vực nhập hàng, khu vực xuất hàng, khu xưởng sản xuất, văn phòng, kho khuôn, kho vật liệu 1 và 2, kho thành phẩm, phòng phân loại, kho sản phẩm lỗi, kho phế liệu, bếp, nhà ăn, phòng nghỉ, phòng thay đồ, khu vệ sinh.

Tầng 2 có khoảng thông tầng, gồm văn phòng quản lý, phòng máy chủ, phòng giám đốc, 2 phòng họp, kho, nhà vệ sinh và kho thành phẩm.

- Nhà bảo vệ: (hiện hữu) Diện tích 55,44 m². Tường xây gạch; Khung BTCT; Móng BTCT; Mái BTCT.

- Nhà để xe máy: (hiện hữu) Diện tích 229,4 m². Không sử dụng kết cấu bao che; Khung thép tiền chế; Móng BTCT; Mái lợp tôn sóng.

- Nhà để xe ô tô: (hiện hữu) Diện tích 63,4 m². Không sử dụng kết cấu bao che; Khung thép tiền chế; Móng BTCT; Mái lợp tôn sóng.

*** Các hạng mục công trình phụ trợ**

- **Nhà phụ trợ: (hiện hữu)** Diện tích 198,9m². Tường xây gạch; Khung BTCT; Móng BTCT; Mái BTCT. Khu vực này bao gồm phòng kỹ thuật điện nước, phòng để máy phát điện, sàn máy biến áp, phòng nén khí và 01 bể nước ngầm 450 m³.

*** Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường**

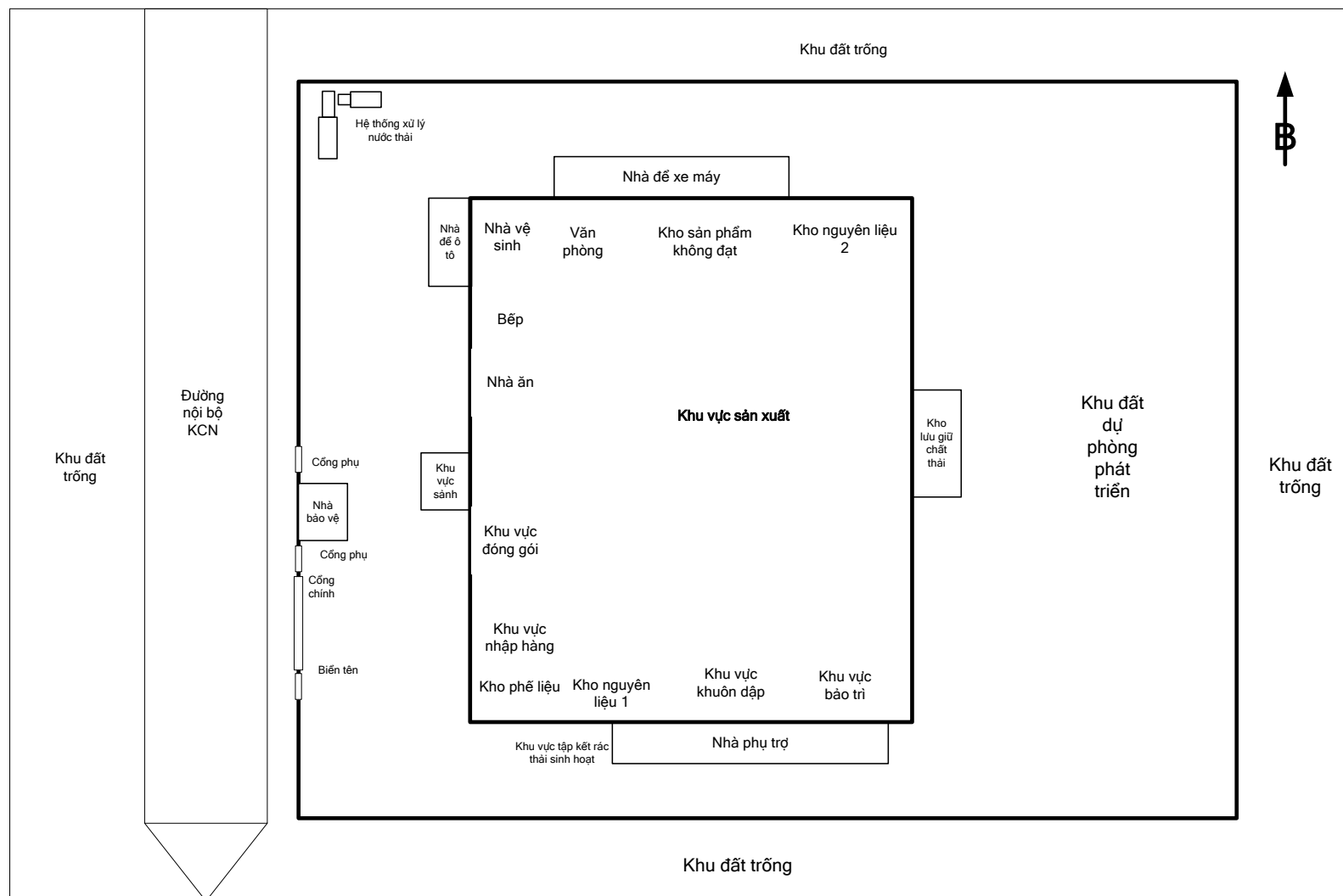
- **Nhà chứa rác: (xây mới)** Diện tích 79,44 m², chia làm 7 ngăn, 04 ngăn chứa rác thải công nghiệp (diện tích 47,94m²), 03 ngăn chứa chất thải độc hại (diện tích 31,5m²). **Tường xây gạch; Cửa thép lá sách, Móng BTCT; Mái lợp tôn sóng.**

- **Khu vực xử lý nước thải:** diện tích 25m² (hiện hữu) bao gồm các bể xử lý đặt ngầm. Dự án sẽ cải tạo, thay đổi công nghệ xử lý để **nâng công suất** hệ thống xử lý nước thải từ **5m³/ngày đêm** lên **7m³/ngày đêm**.

Tổng mặt bằng Nhà máy được xem xét trên cơ sở lựa chọn các giải pháp có lợi, mang lại hiệu quả kinh tế cao phù hợp với cảnh quan kiến trúc, đảm bảo giảm tới mức thấp nhất chi phí đầu tư xây dựng, tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng đồng thời hạn chế tối đa ảnh hưởng tác động môi trường. Việc bố trí nhà máy phù hợp với hướng gió thịnh hành tại khu vực, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn về phòng cháy chữa cháy.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ dệt dáp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

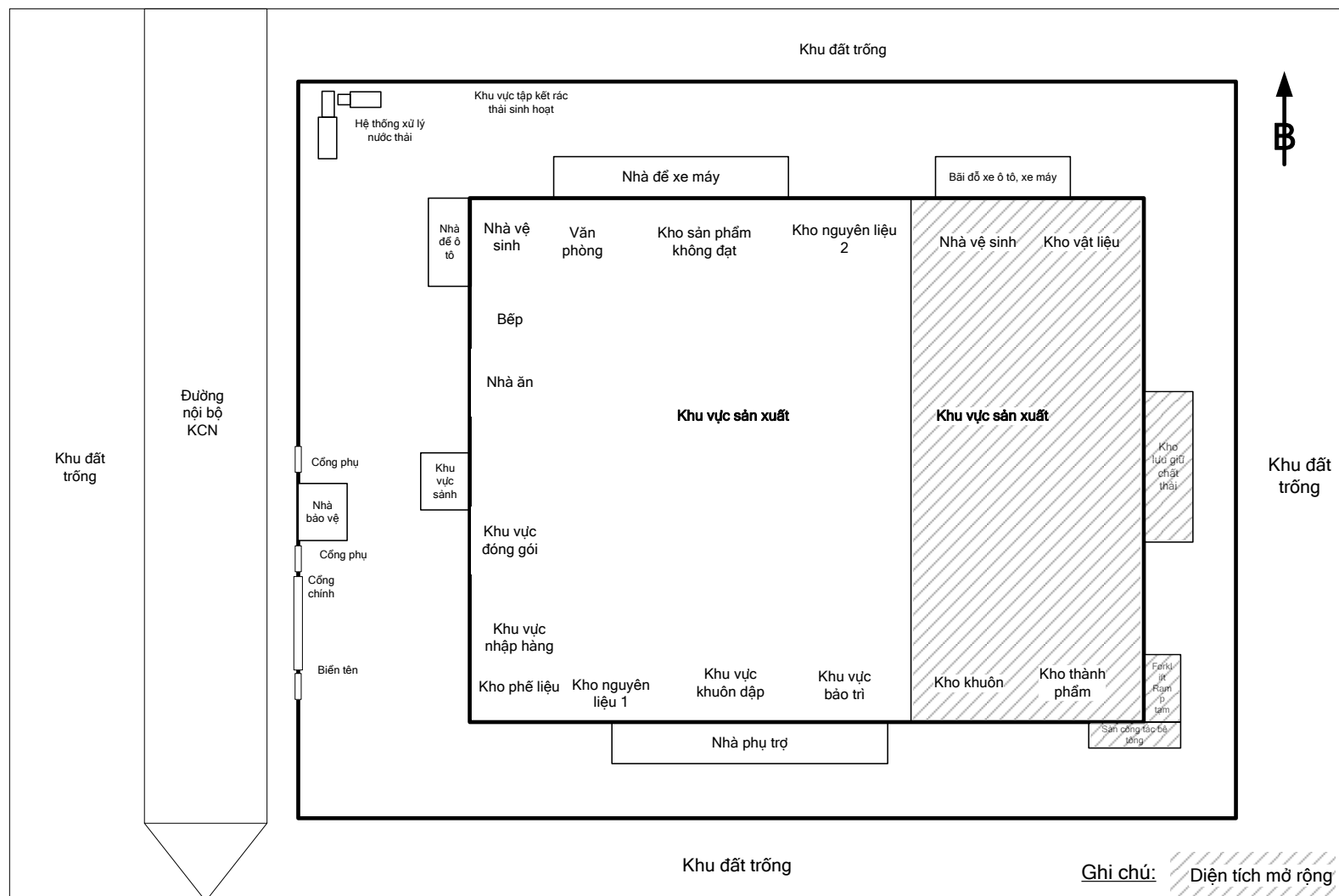
Tổng mặt bằng các hạng mục công trình hiện tại:



Hình 1.2. Sơ đồ tổng mặt bằng các hạng mục công trình hiện trạng

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do
Công ty TNHH Công nghệ dệt dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Tổng mặt bằng các hạng mục công trình của Dự án giai đoạn sau hoàn thành xây dựng như sau:



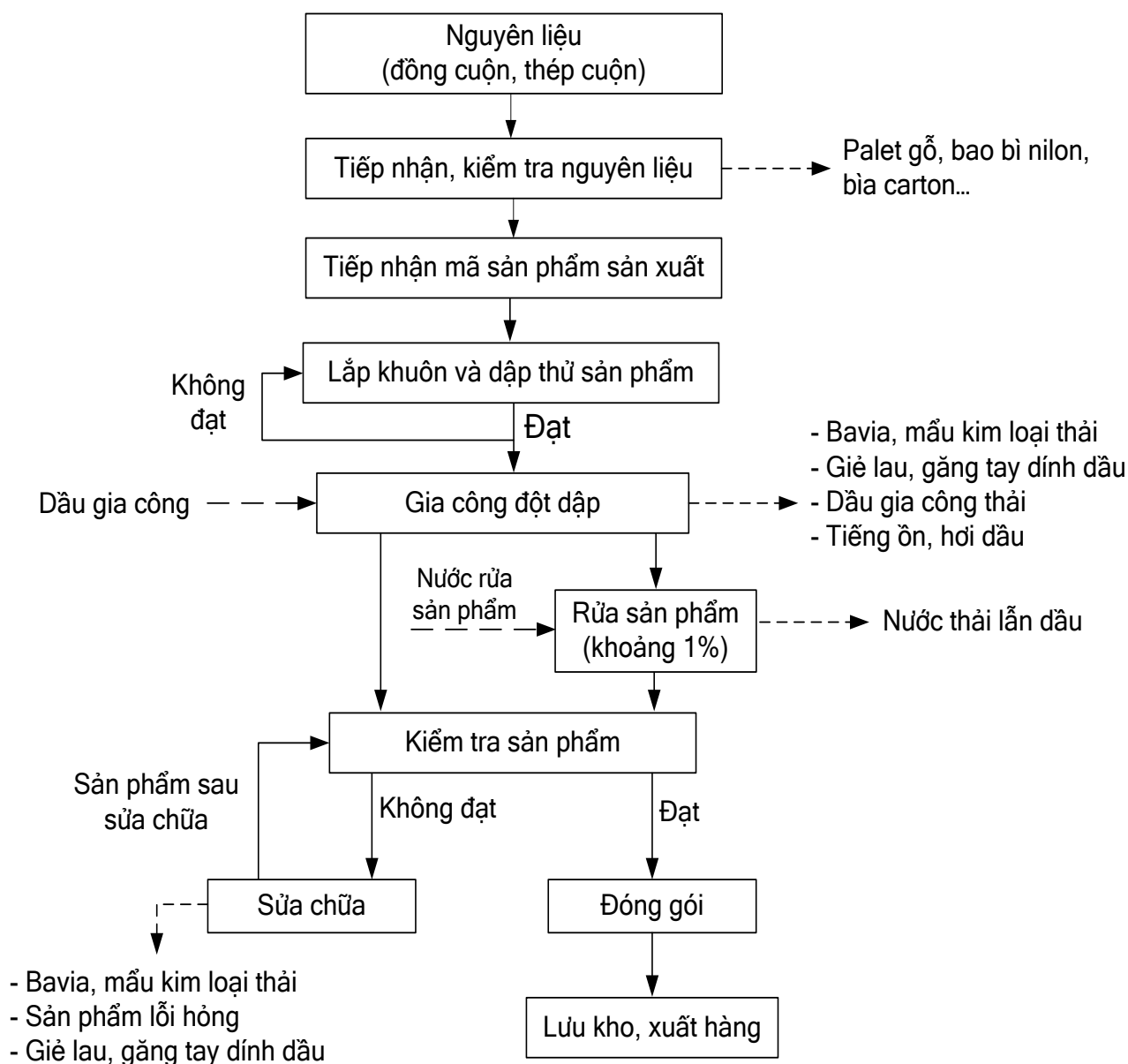
Hình 1.3. Sơ đồ tổng mặt bằng các hạng mục công trình của giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

1.3.2.1. Công nghệ sản xuất của dự án

Công suất hiện tại của Công ty là 1204 tấn/năm, Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam sau hoàn thành xây dựng sẽ hoạt động với công suất sản phẩm phụ kiện ô tô là **2.380 tấn/năm**; sản phẩm phụ kiện điện tử: **20 tấn/năm**; sản phẩm khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm **4 tấn/năm**. Quy trình công nghệ sản xuất, vận hành thực tế của Dự án là không thay đổi so với phương án trong Giấy phép môi trường 1133/GPMT-BQL ngày 21/3/2023. Tại công ty có hai quy trình công nghệ sản xuất: trong đó, sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tử có cùng quy trình công nghệ. Cụ thể như sau:

a. Quy trình sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tử



Hình 1.4. Quy trình sản xuất phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tử

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

* *Nguyên liệu:* Nguyên liệu sản xuất là đồng cuộn, thép cuộn có kích thước, độ dày khác nhau tùy theo các mã nguyên liệu và yêu cầu của sản phẩm sản xuất.

* *Tiếp nhận, kiểm tra nguyên liệu:* Nguyên liệu nhập về được cán bộ vật tư kiểm tra số lượng, chủng loại, bao bì trước khi lưu vào trong kho.

* *Tiếp nhận mã sản phẩm sản xuất:* Bộ phận sản xuất sẽ tiếp nhận mã sản phẩm, sau đó lựa chọn khuôn tương ứng với sản phẩm để lắp vào máy đột dập.

* *Lắp khuôn và dập thử sản phẩm:* Tiến hành lắp thủ công khuôn vào máy đột dập, điều chỉnh và kiểm tra hành trình đột dập cho phù hợp. Cho nguyên liệu vào và tiến hành đột dập thử sản phẩm. Kiểm tra các thông số kỹ thuật của sản phẩm, nếu đạt yêu cầu cho phép đột dập hàng loạt, nếu không đạt yêu cầu tiến hành điều chỉnh lại.

* *Gia công đột dập:* Nguyên liệu được chuyển từ kho về khu vực sản xuất bằng xe nâng và đưa vào máy đột dập. Tại đây, nguyên liệu được đột dập liên hoàn theo hành trình đã được cài đặt trên các khuôn mẫu để tạo thành sản phẩm. Trong quá trình đột dập có phun một lớp dầu mỏng lên trên bề mặt nguyên liệu tại các vị trí dập để giảm nhiệt độ do ma sát trong quá trình đột dập.

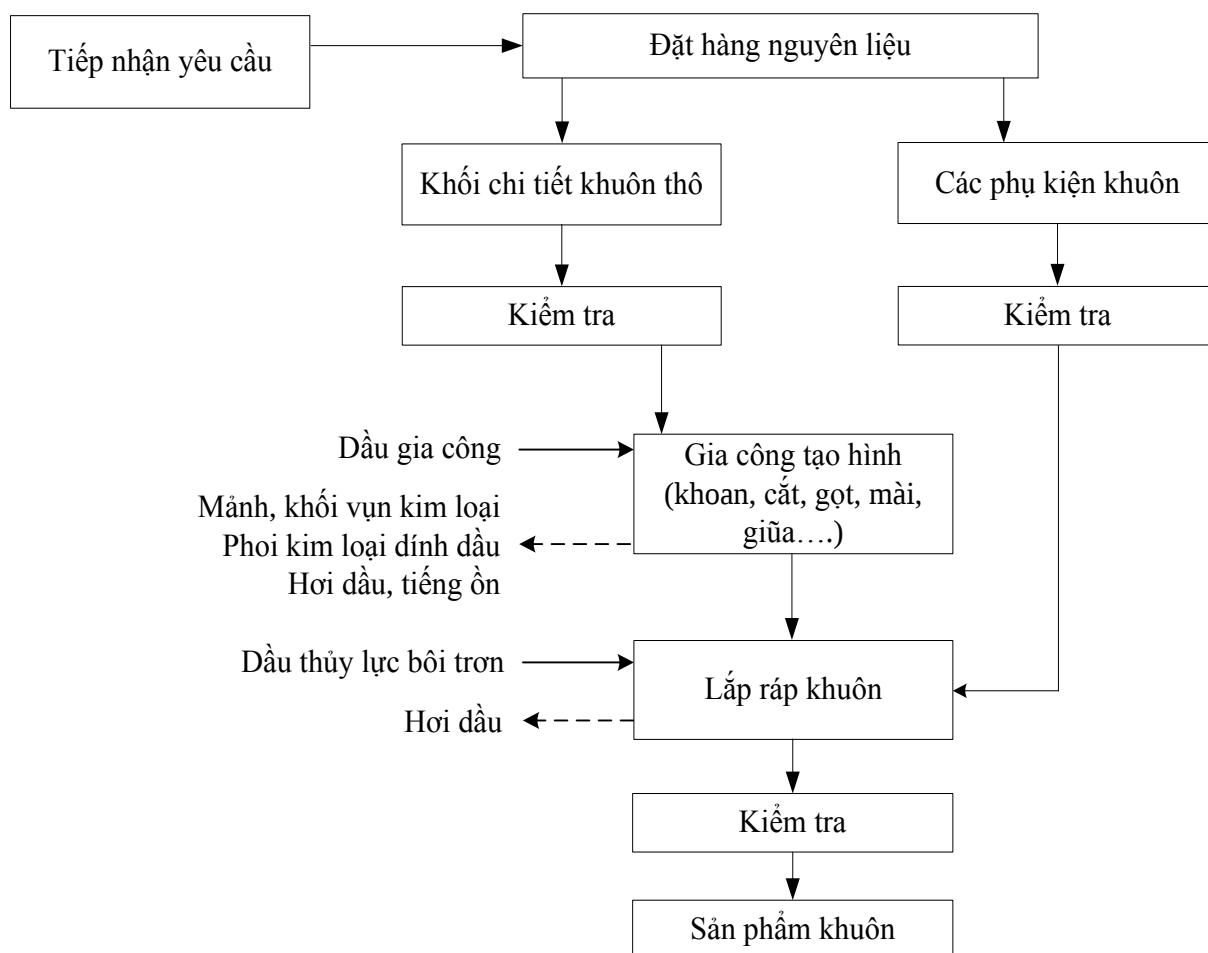
* *Rửa sản phẩm:* Một số sản phẩm được khách hàng yêu cầu làm sạch sẽ được đưa vào máy rửa. Tại đây, sản phẩm được đựng trong các rọ chứa bằng thép và được ngâm nhúng vào thùng chứa chất lỏng của máy rửa AQUA hoặc máy rửa CLEANVY (tùy theo mã sản phẩm) để làm sạch các chất bẩn, dầu mỡ bám trên bề mặt. Số lượng sản phẩm cần rửa khoảng 1%. Nước rửa được tuần hoàn, sau một thời gian phần nước rửa có lẫn dầu sẽ được rút ra. Lượng nước này được thu gom vào thùng dầu thải, định kỳ thu gom xử lý như chất thải nguy hại.

* *Kiểm tra sản phẩm:* Tiến hành kiểm tra xác suất các thông số kỹ thuật của mẫu sản phẩm. Sản phẩm đạt yêu cầu được đưa qua bộ phận đóng gói. Sản phẩm chưa đạt yêu cầu được đưa qua bộ phận sửa chữa. Sản phẩm mắc các lỗi về kích thước, bề mặt, hình dạng.... không thể sửa chữa được xếp vào phân phế liệu.

* *Sửa chữa:* Các sản phẩm chưa đạt yêu cầu về các lỗi như bavia, cong vênh.... sẽ được chỉnh sửa bằng việc cắt gọt, mài giũa hay nắn thẳng.

* *Đóng gói và lưu kho:* Các sản phẩm được đóng gói theo quy cách và yêu cầu của khách hàng, đánh mã số lô hàng, chuyển về kho thành phẩm chờ xuất hàng.

b. Quy trình sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm



Hình 1.5. Quy trình sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm

Dự án chỉ tiến hành gia công lắp ráp, không tiến hành đúc khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm.

* *Tiếp nhận yêu cầu và đặt hàng nguyên liệu:* Bộ phận kỹ thuật tiếp nhận các bản vẽ và yêu cầu từ khách hàng. Sau đó, tổng hợp thông tin để đặt hàng nguyên liệu được sản xuất từ các đối tác bên ngoài.

Nguyên liệu: Nguyên liệu sản xuất bao gồm khối chi tiết khuôn thô và các phụ kiện khuôn. Khối chi tiết khuôn thô gồm tấm đế khuôn (đế trên, đế dưới), các khối chi tiết trong khuôn như dao, chày, cối... bằng thép. Các phụ kiện khuôn gồm máng dẫn liệu, chốt định vị, dẫn hướng, lò xo, đệm cao su, vít định vị, chốt đẩy,... Khối chi tiết khuôn thô và các phụ kiện khuôn được các đối tác bên ngoài sản xuất, chế tạo theo bản vẽ thiết kế và các yêu cầu kỹ thuật.

* *Kiểm tra:* Cán bộ kỹ thuật sẽ kiểm tra các thông số kỹ thuật của khối chi tiết khuôn thô và các phụ kiện khuôn như kích thước, khối lượng, bề mặt, vật liệu.... Nếu đạt yêu cầu kỹ thuật, các khối chi tiết khuôn thô được đưa vào gia công tạo hình, các phụ

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

kiện khuôn được đưa vào lắp khuôn. Nếu không đạt yêu cầu kỹ thuật sẽ được chuyển trả lại cho đơn vị cung cấp.

* *Gia công tạo hình*: Các khối chi tiết trong khuôn sẽ được gia công (khoan, cắt, mài, phay, cưa...) để tạo hình dao, chày, cối... Tấm đế khuôn được khoan lỗ định vị với các chi tiết trong khuôn. Dự án có 03 máy mài để tham gia hoạt động gia công tạo hình khuôn. Trong quá trình mài, sử dụng dầu gia công phun lên vị trí mài để làm mát kim loại, làm sạch những mảnh vụn kim loại khỏi bề mặt chi tiết và đồng thời làm hạn chế bụi phát sinh trong quá trình mài. Dầu gia công từ máy mài sẽ theo đường ống được thu hồi vào thùng phuy với lượng phát sinh là khoảng 120 lít/năm (10 lít/tháng) và được quản lý như chất thải nguy hại.

* *Lắp ráp khuôn*: Tiến hành lắp ráp các chi tiết khuôn để tạo thành khuôn hoàn chỉnh. Trong đó, dao, chày được lắp với chuỗi khuôn và đế trên nhờ các bộ phận áo chày, vít. Cối lắp với đế dưới qua bộ phận áo cối, vít định vị. Các chi tiết khuôn khác như bộ phận dẫn hướng, tấm dẫn, tấm đẩy phôi... được kết nối với các vị trí đã định vị trên khuôn. Quá trình lắp ráp khuôn sử dụng dầu thủy lực để bôi trơn, giảm ma sát giữa các chi tiết khuôn.

* *Kiểm tra, thử khuôn*: Toàn bộ khuôn sau khi lắp ráp xong sẽ được kiểm tra các thông số kỹ thuật như kích thước, bề mặt..... Tiến hành thử khuôn bằng cách lắp khuôn vào máy đột dập để đột dập thử, kết quả sản phẩm phản ánh tới khuôn.

Ngoài ra, Dự án định kỳ sẽ tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng các khuôn mẫu và những chi tiết khuôn đến hạn thay thế sẽ được thay mới (khoảng 1 tháng/lần).

c. Các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà máy

Danh mục máy móc, thiết bị giai đoạn hiện tại và giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án được trình bày dưới bảng sau:

Bảng 1.4. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất giai đoạn vận hành

STT	Các máy móc, thiết bị	Số lượng (bộ/cái)			Tình trạng mới cũ	Thời gian hoàn thành lắp đặt
		Theo GPMT 2022	Nhà máy hiện tại	Sau hoàn thành xây dựng		
I	Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tử					
1	Máy đột dập 30 tấn - YAMADA DOBBY, Nhật Bản	01	01	01	80%	T12/2021
2	Máy đột dập 40 tấn - YAMADA DOBBY, Nhật Bản	01	01	01	80%	T12/2021
3	Máy đột dập 40 tấn - NIDEC SHIMPO, Trung Quốc	01	01	01	90%	T12/2021

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

*Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư*

STT	Các máy móc, thiết bị	Số lượng (bộ/cái)			Tình trạng mới cũ	Thời gian hoàn thành lắp đặt
		Theo GPMT 2022	Nhà máy hiện tại	Sau hoàn thành xây dựng		
4	Máy dệt dấp 40 tấn - NIDEC SHIMPO, Trung Quốc	01	01	01	100% (mới)	T12/2021
5	Máy dệt dấp 40 tấn - NIDEC SHIMPO, Trung Quốc	00	01	01	100% (mới)	T12/2021
6	Máy dệt dấp 40 tấn - NIDEC SHIMPO, Trung Quốc	00	01	01	100% (mới)	T4/2022
7	Máy dệt dấp 45 tấn – KOMATSU, Nhật Bản	01	01	01	80%	T12/2021
8	Máy dệt dấp 45 tấn – KOMATSU, Nhật Bản	01	01	01	80%	T12/2021
9	Máy dệt dấp 45 tấn – KOMATSU, Nhật Bản	01	01	01	100% (mới)	T12/2021
10	Máy dệt dấp 60 tấn - YAMADA DOBBY, Nhật Bản	01	01	01	75%	T12/2021
11	Máy dệt dấp 60 tấn - NIDEC SHIMPO, Trung Quốc	01	01	01	100% (mới)	T12/2021
12	Máy dệt dấp 80 tấn - YAMADA DOBBY, Nhật Bản	01	01	01	80%	T12/2021
13	Máy dệt dấp 80 tấn - YAMADA DOBBY, Nhật Bản	01	01	01	75%	T12/2021
14	Máy dệt dấp 80 tấn - NIDEC SHIMPO, Trung Quốc	00	01	01	100% (mới)	T3/2024
15	Máy dệt dấp 160 tấn – AIDA, Malaysia	01	01	01	100% (mới)	T1/2022
16	Máy dệt dấp 200 tấn – AIDA, Malaysia	01	01	01	80%	T12/2021
17	Máy dấp lớn (80-120 tấn) YAMADA DOBBY, Nhật Bản	00	00	05	100% (mới)	Mở rộng
18	Máy dấp trung (45-60 tấn) YAMADA DOBBY, Nhật Bản	00	00	08	100% (mới)	Mở rộng
Tổng		13	16	29	-	-
II	Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất khuôn dấp kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm					
1	Máy mài 3,5 kW – MITSUI, Nhật Bản	01	01	01	75%	T12/2021
2	Máy mài 3,0 kW – NICCO, Nhật Bản	01	01	01	80%	T12/2021

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

*Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dáp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư*

STT	Các máy móc, thiết bị	Số lượng (bộ/cái)			Tình trạng mới cũ	Thời gian hoàn thành lắp đặt
		Theo GPMT 2022	Nhà máy hiện tại	Sau hoàn thành xây dựng		
3	Máy mài 138 W – MAKITA, Nhật Bản	01	01	01	80%	T12/2021
4	Máy khoan bàn 0,4 kW – KIRA Nhật Bản	01	01	01	80%	T12/2021
5	Máy khoan phóng điện 0,75 kW - SODICK– Nhật Bản	01	01	01	80%	T12/2021
6	Máy cắt dây phóng điện 2,8 kW - MAKINO– Nhật Bản	01	01	01	70%	T12/2021
7	Máy phay 2,2 kW –MAKINO- Nhật Bản	01	01	01	80%	T12/2021
8	Máy cưa 1,5 kW - LUXO– Nhật Bản	01	01	01	80%	T12/2021
9	Máy cắt dây – MITSUBISHI- Nhật Bản	00	01	01	100% (mới)	T5/2024
III	Máy móc, thiết bị phụ trợ sản xuất					
1	Máy rửa sản phẩm 55 kW – AQUA, Nhật Bản	01	01	01	80%	T12/2021
2	Máy rửa sản phẩm CLEAVY, Nhật Bản	00	01	01	100% (mới)	T4/2024
3	Máy rửa sản phẩm YAMADA DOBBY- Nhật Bản	00	00	03	100% (mới)	Mở rộng
4	Máy kiểm tra sản phẩm bằng camera SWS- Việt Nam	00	01	01	100% (mới)	T4/2024
5	Máy kiểm tra sản phẩm bằng camera- YAMADA DOBBY- Nhật Bản	00	00	09	100% (mới)	Mở rộng
6	Máy nén khí nhỏ 22 kW - KOBELCO, Nhật Bản	01	01	01	80%	T12/2021
7	Máy nén khí to 55 kW KOBELCO, Nhật Bản	01	01	01	80%	T12/2021
8	Máy sấy khí 8,5 kW – ORION, Thái Lan	01	01	01	80%	T12/2021
9	Xe nâng 2,0 tấn – Nhật Bản	01	01	01	75%	T12/2021
10	Xe nâng 2,5 tấn – Nhật Bản	01	01	01	100% (mới)	T12/2021
11	Palăng điện 2,0 tấn – Đài Loan	01	01	01	80%	T12/2021

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

STT	Các máy móc, thiết bị	Số lượng (bộ/cái)			Tình trạng mới cũ	Thời gian hoàn thành lắp đặt
		Theo GPMT 2022	Nhà máy hiện tại	Sau hoàn thành xây dựng		
12	Cầu trục 2,0 tấn – Đài Loan	01	01	01	80%	T12/2021
13	Máy phát điện dự phòng 125 kVA – Nhật Bản	01	01	01	100% (mới)	T12/2021
14	Máy phân loại sản phẩm tự động MMCZV2301	00	01	00	100% (mới)	T4/2024
15	Máy phân loại sản phẩm tự động MMCZV2301	00	00	08	100% (mới)	Mở rộng

** Hình ảnh một số thiết bị, máy móc chính của dự án*



Máy dấp

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư



Máy kiểm tra sản phẩm bằng hình ảnh



Máy rửa sản phẩm

Hình 1.6. Một số máy móc thiết bị của dự án

1.3.2.2. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Dự án không sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế hoặc cấm chuyển giao theo Phụ lục II và III, Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/20218 của Chính phủ

Dự án thuộc danh mục các dự án công nghiệp khuyến khích đầu tư theo Phụ lục 1, Quyết định 1338/QĐ ngày 10/5/2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Danh mục các dự án Công nghiệp khuyến khích đầu tư, không khuyến khích đầu tư trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Sản phẩm chính của Dự án là phụ kiện ô tô thuộc Danh mục các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển (Ban hành kèm theo Quyết định 1483/QĐ-Ttg ngày 26/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Các thiết bị, máy móc được sử dụng có tính chính xác cao, sạch, hiện đại và an toàn cho người lao động. Đối với từng sản phẩm, các công đoạn sản xuất tự động hóa cao và sản phẩm sẽ trải qua từng công đoạn, đáp ứng yêu cầu mới được chuyển tiếp xuống công đoạn tiếp theo.

Quy trình sản xuất của Dự án được tổ chức một cách chặt chẽ theo một quy trình khép kín, đảm bảo quá trình sản xuất được thực hiện một cách đồng bộ, giảm thiểu chi phí sản xuất, nâng cao năng suất lao động, đồng thời đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra.

Vì vậy, có thể thấy công nghệ được lựa chọn sử dụng tại Dự án hoàn toàn phù hợp với vị trí thực hiện dự án, công suất đề ra và đảm bảo được yếu tố bảo vệ môi trường.

1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

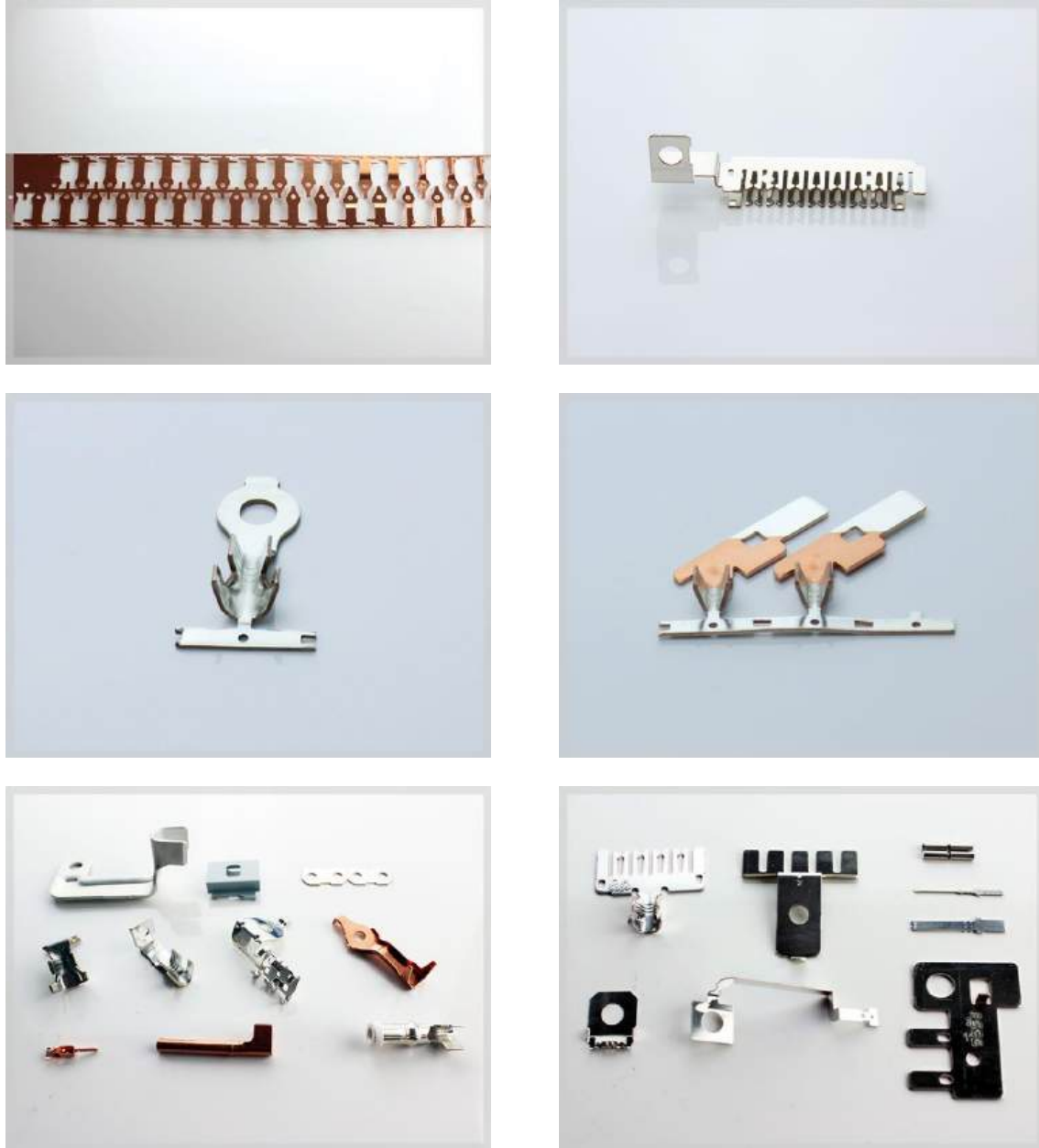
❖ Giai đoạn hiện tại

Công suất sản xuất của công ty với sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tử là **1.200 tấn/năm**; sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm với công suất là **4 tấn/năm**. Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Dự án là xuất khẩu 100%, khách hàng chủ yếu là Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á như Thái Lan, Philipin, Indonesia, Singapore. Sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tử hiện đã đạt công suất thiết kế. Sản phẩm khuôn dập hiện tại chưa triển khai do chưa có đơn hàng.

❖ Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án

Dự án sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô với công suất là **2.380 tấn/năm**, phụ kiện điện tử với công suất là **20 tấn/năm**; sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm với công suất là **4 tấn/năm**. Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Dự án là xuất khẩu 100%, khách hàng chủ yếu là Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á như Thái Lan, Philipin, Indonesia, Singapore... Cụ thể các sản phẩm như sau:

** Sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tử như giá lắp cầu chì của hệ thống đèn, đầu nối dây điện, đầu nối dây tiếp đất, các khớp nối của hệ thống điện trong ô tô; các phụ kiện điện trong ổ đĩa của máy tính; các phụ kiện ô tô, phụ kiện điện có kích thước nhỏ khác (0,5 - 50 g/sản phẩm).*



Hình 1.7. Hình ảnh sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tử

* Khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm là khuôn đột dập để phục vụ cho sản xuất của Dự án hoặc theo đơn đặt hàng của khách hàng. Khuôn dập gồm các phụ tùng kim loại như đế khuôn, các chi tiết dao, chày, cối, dẫn hướng.... Khối lượng khuôn dập từ 0,7 – 1,0 tấn/sản phẩm.

1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.4.1. Nguyên vật liệu, hóa chất sử dụng trong giai đoạn vận hành

Dự án sử dụng nguyên liệu là đồng cuộn, thép cuộn để sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tử và nhập các khối chi tiết khuôn thô bằng thép, phụ kiện khuôn để sản xuất khuôn dập kim loại, các phụ tùng kim loại đi kèm. Dự án sử dụng hóa chất

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

là các loại dầu gia công, dầu thủy lực cho các máy đột dập, máy mài, ráp khuôn.... và sử dụng nước rửa AQUA, nước rửa J CLEAN D để làm sạch bụi kim loại, dầu mỡ bám trên bề mặt sản phẩm. Ngoài ra, hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có sử dụng một số loại hóa chất để xử lý nước thải.

Dự án giai đoạn sau hoàn thành xây dựng, sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tử tăng công suất từ 1.200 tấn/năm lên 2.400 tấn/năm, sản phẩm khuôn dập vẫn giữ nguyên công suất. Do vậy, lượng nguyên vật liệu cho sản xuất phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tử cũng như các nguyên liệu phụ trợ đi kèm cho sản phẩm này dự kiến sẽ tăng so với nhu cầu hiện tại. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu hóa chất trong giai đoạn hiện tại và giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án như sau:

Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, hóa chất trong giai đoạn vận hành của Dự án

STT	Nguyên vật liệu, hoá chất	Nhu cầu sử dụng (kg/tháng)	
		Giai đoạn hiện tại	Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án
I	Nguyên vật liệu chính	161.950,0	323.500,0
1	Nguyên liệu sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện	161.550,0	323.100,0
1.1	Đồng cuộn	160.000,0	320.000,0
1.2	Thép, nhôm	1.550,0	3.100,0
2	Nguyên liệu sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm	400,0	400,0
2.1	Khối chi tiết khuôn thô bằng thép	352,0	352,0
2.2	Phụ kiện khuôn	48,0	48,0
II	Nguyên vật liệu phụ	75.508,0	151.016,0
1	Bao bì carton	11.018,0	22.036,0
2	Khay xếp sản phẩm	20.843,0	41.686,0
3	Túi, màng bọc nilon	8.052,0	16.104,0
4	Pallet gỗ	35.595,0	71.190,0
III	Hóa chất	335,6	1.082,3
1	Dầu gia công	212,0	810,0
1.1	Dầu gia công MB10	69,0	230,0

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

1.2	Dầu gia công FIX30	45,0	150,0
1.3	Dầu gia công PA5	68,0	230,0
1.4	Dầu gia công RA15	30,0	200,0
2	Dầu thủy lực	32,0	105,0
2.1	Dầu thủy lực 32	12,0	40,0
2.2	Dầu thủy lực 68	20,0	65,0
3	Nước rửa sản phẩm	70,0	130,0
3.1	Nước rửa AQUA	55,0	100,0
3.2	Nước rửa J Clean D	15,0	30,0
4	Xử lý nước thải	21,6	37,3
4.1	Methanol (CH ₃ OH) hoặc Ethanol (C ₂ H ₅ OH)	16,0	-
4.2	Chất keo tụ (Polytetsu hoặc PAC)	1,6	-
4.3	Chất trung hoà (NaOH)	1,6	-
4.4	Chất khử trùng Chlorine (TCCA)	2,4	-
4.5	Ethanol (C ₂ H ₅ OH) 96%	-	16,9
4.6	Hợp chất khử trùng TCCA 90%	-	0,5
4.7	NAOH 90%	-	1,3
4.8	Javen 7%	-	18,6
Tổng		237.793,6	475.598,3

Nguồn: Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki năm 2024.

*** Đặc tính của nguyên liệu, phụ liệu, hóa chất**

Nguyên liệu:

- Đồng, thép: là dạng các cuộn nguyên liệu với khối lượng mỗi cuộn từ 50-300kg, chiều rộng tấm từ 16-257mm; bề dày tấm từ 0,15-2,5mm.
- Tấm đế khuôn, các khối chi tiết khuôn: là các khối bằng thép có kích thước, vật liệu theo bản vẽ trong đơn đặt hàng, được đặt gia công tại các công ty trong nước hoặc nhập khẩu từ công ty mẹ hoặc các công ty nước ngoài.
- Linh kiện khuôn: là các bộ phận hoàn chỉnh được đặt gia công theo bản vẽ trong đơn đặt hàng.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Phụ liệu:

- Bao bì carton: được đặt từ các cơ sở sản xuất bao bì có kích cỡ, hình dạng theo yêu cầu từng mã sản phẩm.
- Khay xếp sản phẩm: để xếp các sản phẩm trước khi đóng thùng carton, có kích thước, hình dáng theo yêu cầu của từng mã sản phẩm
- Túi nilon, màng bọc nilon: để bọc các sản phẩm, khay sản phẩm tránh bị không khí làm han rỉ.
- Gỗ ép: để đóng kiện, thùng hàng, làm kết cấu bao che.

Hóa chất:

- Dầu gia công: có tác dụng làm mát và bảo vệ bề mặt kim loại tại các mối cắt trong các công đoạn gia công đột dập, khoan, cắt, mài. Thành phần chính của dầu gia công là dầu gốc (70-80%) và phụ gia. Cảnh báo nguy hiểm đến sức khỏe, gây kích ứng da, mắt và mũi cảm về hô hấp. Dầu gia công có nhiều loại được lựa chọn phù hợp với tính chất của nguyên liệu kim loại, cấu tạo của khuôn và yêu cầu đặc biệt từ khách hàng.

+ Dầu gia công AQUAPRESS MB-10R là dầu gia công cho sản xuất cơ khí, là chất lỏng không màu, trong suốt, tỷ trọng $0,77\text{g/cm}^3$ (15°C), điểm chớp cháy: 49°C , điểm nóng chảy 179°C , điểm đánh lửa $>200^\circ\text{C}$, giới hạn dễ cháy trong không khí cho các thành phần chính: 0,6-7,0%, mật độ hơi trong không khí >1 , không tan trong nước hoặc tan không đáng kể, độ nhớt động học $1,45$ (tại 40°C)

+ Dầu gia công AQUAPRESS FIX-30: chất lỏng màu vàng nhạt, tỷ trọng $0,763\text{g/cm}^3$ (15°C), điểm chớp cháy: 44°C , điểm nóng chảy $->168^\circ\text{C}$, điểm đánh lửa $>200^\circ\text{C}$, giới hạn dễ cháy trong không khí cho các thành phần chính: 0,6-7,0%, mật độ hơi trong không khí >1 , không tan trong nước hoặc tan không đáng kể, độ nhớt động học $1,4$ (tại 40°C).

+ Dầu gia công RELIAPRESS PA15: chất lỏng màu vàng nhạt, có mùi nhẹ, tỷ trọng $0,837\text{g/cm}^3$ (15°C), điểm chớp cháy: 140°C ; nhiệt độ tự bốc cháy: $200 - 410^\circ\text{C}$, không tan trong nước, điểm đông đặc $-37,5^\circ\text{C}$

+ Dầu gia công RELIAPRESS RA15: chất lỏng màu vàng nhạt, có mùi nhẹ, tỷ trọng $0,8724\text{g/cm}^3$ (15°C), điểm chớp cháy: 178°C ; nhiệt độ tự bốc cháy: $200 - 410^\circ\text{C}$, không tan trong nước, độ nhớt động học $\leq 20,5$ (tại 40°C)

- Nước rửa sản phẩm để làm sạch dầu, mỡ bám trên bề mặt sản phẩm theo yêu cầu khách hàng.

+ Nước rửa sản phẩm AQUA (nước làm mát Iloquench 700 Aqua): thành phần là Methyl pentane-2,4-diol và Triethanolamine. Đặc tính lý hóa: dạng lỏng màu nhạt, trong, có mùi nhẹ, tỷ trọng $>1\text{g/cm}^3$ (15°C), hòa tan trong nước; điểm chớp cháy: $> 100^\circ\text{C}$;

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

pH: 9,5. Cảnh báo nguy hiểm đến sức khỏe, gây kích ứng da và mắt. Khi cháy, áp suất tăng có thể gây vỡ thùng chứa.

+ Nước rửa sản phẩm J Clean D: thành phần chính là Pentamethylheptane. Đặc tính lý hóa: dạng lỏng, không màu, bay hơi nhanh, ít độc, ít mùi, tỷ trọng 0,75g/cm³ (15 °C), điểm sôi: 175°C; điểm khô: 181°C; điểm chớp cháy: 48°C; hòa tan trong nước; điểm chớp cháy: > 100°C; pH: 9,5. Cảnh báo nguy hiểm đến sức khỏe, gây kích ứng da và mắt, khó thở. Khi cháy, áp suất tăng có thể gây vỡ thùng chứa.

Dự án sử dụng nhiên liệu dầu Diesel (DO) để vận hành máy phát điện dự phòng (khi mất điện lưới) và sử dụng gas (LPG) để phục vụ nấu ăn. Cụ thể như sau:

Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu trong giai đoạn vận hành của Dự án

STT	Nhiên liệu	Mục đích sử dụng	Nhu cầu sử dụng	Nguồn cung cấp
1	Dầu Diesel (DO)	Vận hành máy phát điện dự phòng (khi mất điện lưới).	100 lít (dự trữ)	Cơ sở kinh doanh xăng dầu
		Vận hành xe nâng hàng	30 lít/ngày	
2	Gas (LPG)	Phục vụ hoạt động đun nấu tại khu bếp nấu nhà ăn.	100 kg/tháng	Cơ sở kinh doanh khí đốt

1.4.2. Nhu cầu điện, nước và nguồn cung cấp

a. Nhu cầu sử dụng điện và nguồn cung cấp

Dự án sử dụng điện cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt. Nguồn cung cấp điện là từ trạm biến áp 320 kVA của KCN VSIP. Ngoài ra, Dự án còn có 01 máy phát điện dự phòng công suất 125 kVA chạy bằng nhiên liệu dầu Diesel (DO).

❖ Lượng điện tiêu thụ theo thực tế nhà máy hiện tại

Căn cứ vào hoá đơn thu tiền điện từ tháng 4/2023 đến nay của Công ty TNHH VSIP Hải Phòng, lượng điện sử dụng thực tế của Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam trung bình là **54.439,9 kWh/tháng** tương đương **2.268,3 kWh/ngày** (24 ngày/tháng).

❖ Lượng điện tiêu thụ theo định mức giai đoạn sau dự án hoàn thành xây dựng

Tổng công suất các máy móc, thiết bị sử dụng điện trong giai đoạn vận hành của Dự án là **260 kW**. Do đó, lượng điện sử dụng theo định mức trong giai đoạn vận hành của Dự án là 260 kW x 8 giờ/ca x 02 ca/ngày = **4.160 kWh/ngày** tương đương **99.840 kWh/tháng** (24 ngày/tháng).

b. Nhu cầu sử dụng nước và nguồn cung cấp

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Dự án sử dụng nước cho các hoạt động sinh hoạt, tưới cây và vệ sinh sân đường. Nguồn cung cấp nước là từ trạm cấp nước sạch của KCN VSIP.

❖ *Lượng nước tiêu thụ hiện tại*

Căn cứ vào hoá đơn thu tiền nước từ tháng 5/2023 đến tháng 4/2024 của Công ty TNHH VSIP Hải Phòng, lượng nước sử dụng thực tế của Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki hiện tại trung bình là 76,1 m³/tháng tương đương **3,17 m³/ngày** (24 ngày/tháng).

❖ *Lượng nước tiêu thụ theo định mức*

Số lượng cán bộ, công nhân viên trong giai đoạn vận hành sau hoàn thành xây dựng dự án là 120 người. Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn vận hành của Dự án như sau:

Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn sau hoàn thành xây dựng của dự án

TT	Thành phần sử dụng nước	Quy mô sử dụng nước	Định mức sử dụng nước	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ngày)
I	Hoạt động sinh hoạt			6,60
1	Vệ sinh (phân xưởng khác, văn phòng)	90 người	25 lít/người/ca ⁽¹⁾	2,25
2	Vệ sinh (phân xưởng tòa nhiệt)	30 người	45 lít/người/ca ⁽¹⁾	1,35
3	Nấu ăn	120 suất ăn	20 lít/suất ăn/ngày ⁽²⁾	3,0
II	Hoạt động khác			2,38
1	Tưới cây	2282,1 m ²	0,5 lít/m ² /ngày ⁽¹⁾	1,14
2	Vệ sinh sân đường	2477,9 m ²	0,5 lít/m ² /ngày ⁽¹⁾	1,24
Tổng nhu cầu sử dụng nước				8,98

Ghi chú: ⁽¹⁾ TCVN 13606:2023 Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Yêu cầu thiết kế.

⁽²⁾ Định mức sử dụng nước tính theo TCVN 4513-1998 – Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế

1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.5.1. Xuất xứ của Dự án

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Từ năm 2013, Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam đã thực hiện việc đầu tư tại Nhà xưởng D4, Lô IL8-IL10 và IL18-IL20, KCN VSIP với công suất sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện là 250 tấn/năm (UBND huyện Thủy Nguyên đã chấp thuận Bản cam kết bảo vệ môi trường tại Thông báo số 169/TB-UBND ngày 21/6/2013).

Năm 2018, Công ty nâng công suất sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện đến 745 tấn/năm và bổ sung sản xuất khuôn dập kim loại, các phụ tùng kim loại đi kèm với công suất 4 tấn/năm (UBND thành phố Hải Phòng đã phê duyệt Báo cáo ĐTM tại Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 08/5/2018).

Năm 2020, Công ty quyết định triển khai thực hiện “Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Lô IN3-10*C, KCN VSIP với công suất sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện là 1.200 tấn/năm; khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm là 4 tấn/năm (UBND thành phố Hải Phòng đã phê duyệt Báo cáo ĐTM tại Quyết định số 2640/QĐ-UBND ngày 04/9/2020).

Tháng 02/2021, Dự án được triển khai thi công xây dựng và đến tháng 11/2021 đã cơ bản hoàn thành các hạng mục công trình phục vụ giai đoạn vận hành. Tháng 12/2021, Công ty đã chuyển toàn bộ các máy móc, thiết bị hiện có tại Nhà xưởng D4 sang lắp đặt tại nhà xưởng xây mới của Dự án, đồng thời lắp đặt thêm 04 máy đột dập mới để đảm bảo công suất sản xuất của Dự án. Sau đó, Công ty hoàn thiện các thủ tục để hoàn trả lại Nhà xưởng D4 cho Công ty TNHH VISP Hải Phòng là Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng.

Năm 2022, Dự án đã hoàn thành việc xây lắp các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành và được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, chấp thuận việc đưa Dự án đi vào vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải tại Công văn số 3076/STNMT-CCBVMT ngày 27/7/2022.

Tháng 8/2022, Công ty đã đưa các công trình xử lý chất thải của Dự án đi vào vận hành thử nghiệm, đồng thời đã ký hợp đồng với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để tiến hành quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải. Sau khi có đầy đủ số liệu quan trắc chất thải, Công ty lập Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận tại Công văn số 10/STNMT-CCBVMT ngày 04/01/2023.

Năm 2023, thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Dự án Sản xuất Mochizuki Việt Nam” tại Lô IN3-10*C, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng trình Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng thẩm định,

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

cấp phép. Công ty được Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp Giấy phép môi trường số 1133/GPMT-BQL ngày 21/3/2023.

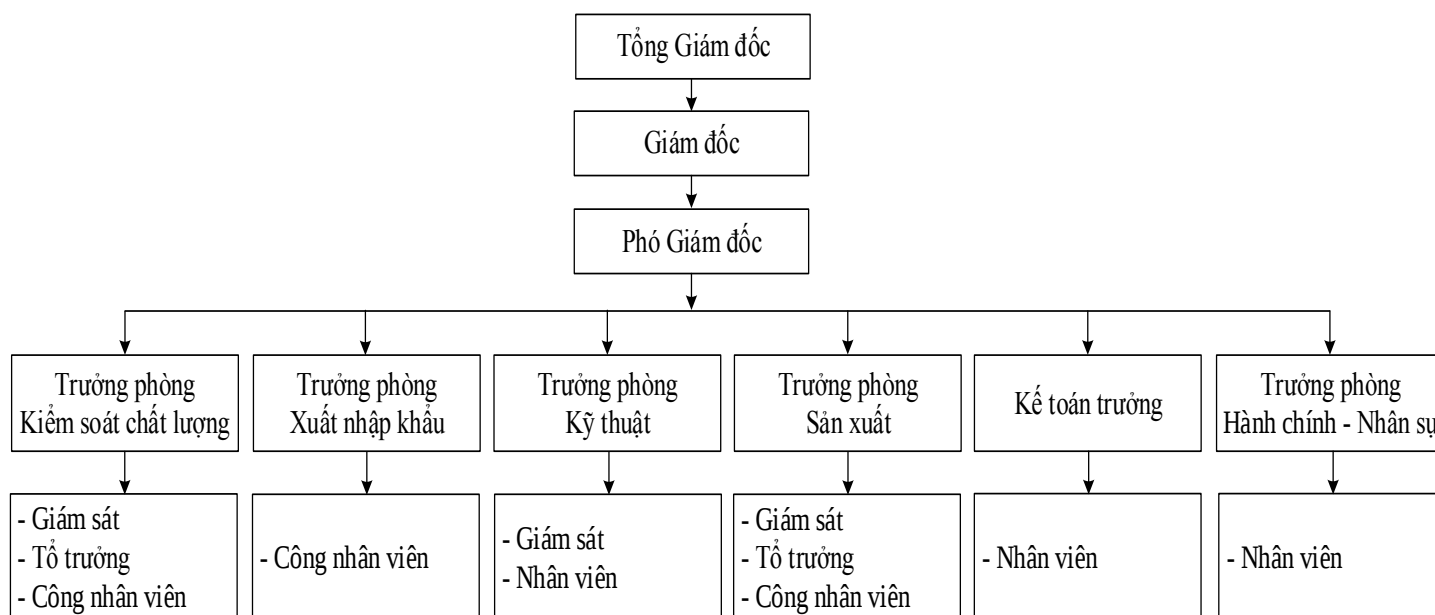
Hiện tại, công suất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện đã đạt 100% công suất thiết kế (1.200 tấn/năm). Công ty quyết định triển khai thực hiện Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam để mở rộng nhà xưởng, tăng quy mô, công suất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện từ 1.200 tấn/năm lên 2.400 tấn/năm; giữ nguyên công suất sản phẩm khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm. Với tổng mức đầu tư của Công ty là 153,715 tỷ đồng thuộc lĩnh vực công trình cơ khí được phân loại là dự án nhóm **B** (theo khoản 2 Điều 9 Luật Đầu tư công năm 2019).

Căn cứ điểm b, khoản 3 Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b, khoản 4 Điều 30, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Công ty thuộc đối tượng **cấp lại** Giấy phép môi trường cho dự án mở rộng tăng quy mô, công suất và thẩm quyền cấp phép là Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng (đã được UBND thành phố ủy quyền).

1.5.2. Tổ chức quản lý và vận hành Dự án giai đoạn vận hành

Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam là đơn vị trực tiếp quản lý và vận hành Dự án. Tổng số cán bộ, công nhân viên làm việc tại công ty hiện tại là 63 người; Dự án sau giai đoạn hoàn thành xây dựng là 120 người. Dự án tổ chức làm việc 02 ca/ngày, 08 giờ/ca, 24 ngày/tháng và có bố trí ăn ca cho các cán bộ, công nhân viên làm việc tại Dự án.

Sơ đồ bộ máy quản lý của Dự án trong giai đoạn vận hành như sau:



Hình 1.8. Sơ đồ bộ máy quản lý của Dự án trong giai đoạn vận hành

Ngoài ra, Công ty đã bổ nhiệm 01 cán bộ có trình độ chuyên môn phù hợp phụ trách công tác bảo vệ môi trường của Dự án và báo cáo kịp thời lên lãnh đạo cấp trên.

1.5.3. Biện pháp tổ chức thi công trong giai đoạn xây dựng mở rộng nhà xưởng

1.5.3.1. Xây dựng cơ sở hạ tầng

a. Tạo mặt bằng thi công

Khu đất triển khai thực hiện Dự án là phần đất trống còn lại của Lô IN3-10*C, KCN VSIP đã được san lấp đến cao độ yêu cầu. Dự án sẽ tiến hành xây sàn công tác bê tông để tạo mặt bằng thi công, tập kết máy móc, nguyên vật liệu; lắp đặt forklift ramp tạm phục vụ nâng, cầu vật liệu trong quá trình thi công.

Cân bằng khối lượng đào đắp của dự án được thể hiện ở Bảng sau:

Bảng 1.8. Bảng cân bằng khối lượng đào đắp

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
A	Giai đoạn thi công san nền			
AI	Tổng lượng đất đào	m³	251,3	
1.1	Đất đào móng xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật (Đào đất cho đường giao thông diện tích 718m ² chiều sâu 0,35m, cốt GL-0,07m tới GL-0,42m)	m ³	251,3	Hợp đồng đổ thải
AII	Tổng lượng vật liệu đắp trồng cây xanh (bổ sung đất màu cho diện tích trồng cỏ 757m ² , chiều dày 0,07m)	m³	53,0	Mua bổ sung
B	Giai đoạn xây dựng công trình			
BI	Tổng lượng đất đào	m³	411,8	
1.1	Đất đào hố móng xây dựng các công trình nhà máy, kho rác. (Diện tích đài móng 288m ² , chiều sâu móng 1,1m cốt GL+0,00 tới cốt GL-1,10m, hệ số mở rộng + mái dốc 1,3 lần trừ thể tích bê tông chiếm chỗ 124m ³)	m ³	278,8	Tái sử dụng san lấp nền
1.2	Đất đào hố móng xây dựng các công trình nhà máy, kho rác (bằng thể tích bê tông móng dưới cốt đất tự nhiên 124m ³)	m ³	124,0	Hợp đồng đổ thải
BII	Tổng lượng đất đắp	m³	1.269,0	

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
2.1	Đất lấp hồ móng	m ³	278,8	Tái sử dụng mục 1.1
2.2	Vật liệu sử dụng: cát đen đắp đất tôn nền nhà máy - Chiều cao đắp: +0,55m - Diện tích đắp tôn nền: 1.784 m ²	m ³	981,2	Mua bổ sung
	Tổng lượng đất đào của dự án (AI + BI)	m³	663,1	
	Tổng lượng đất đắp của dự án (AII + BII)	m³	1.322,0	

b. Vận chuyển vật liệu xây dựng

Các loại vật liệu được sử dụng để thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án bao gồm: Cát, đá, gạch các loại, gỗ cốt pha, bê tông tươi, sắt thép, dây hàn, sơn..... được vận chuyển từ các cửa hàng, đại lý cung cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng, chủ yếu từ huyện Thủy Nguyên và khu vực Quán Toan, Sở Dầu vận chuyển bằng xe vận tải theo đường bộ hiện có (đường 359, đường Hùng Vương qua cầu Bính) đến khu vực thực hiện Dự án.

Căn cứ vào hồ sơ Dự toán công trình, dự kiến lượng nguyên vật liệu trong quá trình thi công xây dựng như sau:

Bảng 1.9. Dự báo khối lượng nguyên vật liệu thi công xây dựng

TT	Tên nguyên vật liệu	Khối lượng sử dụng	Khối lượng sử dụng (tấn)
I	Vật liệu bổ sung đào móng		1.625,2
1	Cát đen	1.108 m ³	1.551
2	Đất màu trồng cây	53 m ³	74,2
II	Vật liệu thi công nền mặt đường		552,6
1	Gạch con sâu lối đi bộ	5 m ³	9
2	Bê tông lót cho lối đi bộ	9 m ³	21,6
3	Bê tông nhựa	50 m ³	120
4	Cấp phối đá dăm	251 m ³	402
III	Vật liệu xây dựng công trình		2.595,47

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

1	Sắt thép	74,4	tấn	74,4
2	Bê tông tươi	698,9	m ³	1747
3	Gạch nung đặc	12.065	viên	19,3
4	Kết cấu thép	57,9	tấn	57,9
5	Mái tôn, tường tôn	2967	m ²	11,6
6	Sơn các loại	136	kg	0,14
7	Tấm thạch cao	1634	m ²	3,56
8	Cọc ép D300	4.973	md	586,8
9	Cống thoát nước mưa BTCT D300-:- D600	153	md	30,6
10	Dây điện	15.475	md	3,1
11	Ống nhựa uPvc	3.328	md	0,32
12	Dây hàn	150	kg	0,15
13	Gỗ các loại	776	m ²	9,6
14	Xi măng	3,0	tấn	3,0
15	Đá các loại	30,0	m ³	48
16	Cửa thép	37,0	m ²	1,48
17	Cửa cuốn	45,0	m ²	1,35
18	Cửa sổ	2,4	m ²	0,07
	Tổng (I+II+III)			4.776,17

c. Đồ thải đất đào móng và vật liệu xây dựng thải

Các công trình cần được xử lý móng nên sẽ phát sinh đất đào thải từ quá trình đào móng và các vật liệu xây dựng thải (gạch đá vỡ, bê tông, vữa xi măng). Phần đất đào móng và vật liệu xây dựng thải sẽ được tận dụng để làm đất đắp, san nền khu vực Dự án trong KCN VSIP. Phần đất đào không được tái sử dụng là **375,3 m³** sẽ được vận chuyển đổ thải. Chủ dự án cam kết sẽ chuyển giao chất thải cho cơ sở sử dụng chất thải làm nguyên liệu san lấp mặt bằng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

d. Bố trí mặt bằng công trường

Xung quanh khu đất đã có hàng rào của nhà máy đang hoạt động, khu vực mở rộng nhà máy sẽ được phân chia bằng tường rào tôn cao 3,0 m có kèm 02 cổng ra vào

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

để phục vụ các xe vận chuyển và công nhân ra vào công trường. Tại mỗi cổng, có bố trí trạm gác bảo vệ trực 24/24 giờ để kiểm soát tất cả người, xe, vật tư ra vào công trường.

Bố trí văn phòng ban chỉ huy, nhà kho, tủ điện phục vụ thi công, bãi tập kết vật liệu, tại vị trí phù hợp. Các công trình phục vụ thi công sẽ được dọn dẹp, tháo dỡ sau khi thi công hoàn thành, hoàn lại mặt bằng cho nhà máy.

Bố trí nhà vệ sinh di động đặt tại vị trí hợp lý, định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút bùn cặn; Bố trí khu vực thu gom rác, các thùng chứa rác tại vị trí thích hợp cho công nhân trong quá trình thi công. Hợp đồng với đơn vị chức năng tới thu gom vận chuyển đưa đi xử lý.

Để chuẩn bị cho giai đoạn thi công xây dựng, Dự án sẽ bố trí lán trại, văn phòng tạm cho 30 cán bộ, công nhân viên trong suốt thời gian thi công xây dựng (khoảng 08 tháng) và bố trí khu vực tập kết vật tư, thiết bị. Dự án không tổ chức nấu ăn cũng như ở tạm trú cho cán bộ, công nhân trên công trường.

e. Biện pháp thi công xây dựng

*** Trình tự thi công**

Thi công cọc → Thi công hệ kết cấu móng → San nền → Thi công lắp dựng và đổ bê tông sàn tầng 1 → Thi công kết cấu phần thân → Thi công kết cấu mái → Thi công hệ thống MEP → Thi công hoàn thiện → Thi công hạng mục cảnh quan.

(Hệ thống MEP gồm hệ thống thông gió và điều hòa không khí, hệ thống cấp thoát nước và thiết bị vệ sinh, hệ thống điện, hệ thống PCCC).

*** Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật**

Trên mỗi khu vực thi công mở rộng nhà máy, tiến hành dọn dẹp mặt bằng, phá dỡ các công trình hiện trạng. Phần đất hữu cơ được tập kết tại dự án để tận dụng cho trồng cây xanh, các đất không thích hợp được vận chuyển đổ thải tại bãi theo hợp đồng với đơn vị xử lý chất thải.

Các hạng mục công trình giao thông, san nền, thoát nước mưa, thoát nước thải, đấu nối nước, điện, viễn thông được thi công phối hợp và tuần tự. Giao thông và san nền tiến hành đắp vật liệu (cát hoặc đất) đạt độ chặt yêu cầu đến cao độ đặt cống thoát nước mưa, cống thoát nước thải. Khi đó hạng mục thi công các tuyến cống thoát nước mưa và thoát nước thải tiến hành thi công lắp đặt cống và hố ga. Phần phạm vi tuyến cống nằm sâu dưới nền thiên nhiên thì sẽ thi công lắp đặt cống kết hợp công tác đào hữu cơ hoặc thi công độc lập. Các hạng mục khác được thi công phối hợp khi điều kiện mặt bằng thi công được đảm bảo.

Công tác thi công hoàn thiện được tiến hành tuần tự theo các phạm vi thi công, kết hợp các hạng mục để xử lý các xung đột giao cắt hợp lý nhất.

Xe, máy thi công và nhân lực được bố trí phù hợp theo từng giai đoạn thi công và phù hợp với mặt bằng thi công, đảm bảo tiến độ thi công các hạng mục.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Đầu nối và sử dụng bể xử lý nước thải hiện hữu khi đưa vào sử dụng.

*** Biện pháp thi công kết cấu đối với nhà xưởng:**

+ Phương án xử lý nền móng: Móng cọc ép ly tâm dự ứng lực PHC D300 loại A, chiều dài cọc dự kiến 28m, sức chịu tải dự kiến 45 tấn; Đài móng: Đài khu vực 2 tầng, kích thước đài 600x1500 mm, cao 700mm, Đài khu vực 1 tầng kích thước đài 600x600 mm và 600x67500, cao 700mm; Kết cấu nền xưởng bê tông dày 150mm, khu nhà xe dày 100mm, bê tông sử dụng bê tông B22.5; Kết cấu móng sử dụng bê tông B22.5.

+ Phương án kết cấu thân: Kết cấu chịu lực; Cột BTCT 400x400 mm; Sàn tầng 2 sàn BTCT dày 12cm, bố trí 2 lớp thép D10a200 chịu lực; Sàn dulong bê tông cấp độ bền B22,5; Mái dulong kèo thép tổ hợp, lợp tôn; Kết cấu chịu lực khu vực kho xưởng: khung kết cấu thép tổ hợp; Cột thép hình tổ hợp vật liệu: thép Q345, mái lợp tôn, xà gồ mái Z150x62x68x18x1,8mm.

*** Biện pháp thi công hoàn thiện**

Xoa nền bê tông, đánh mặt bằng bê tông tăng cứng; Tường bao che xây cao 2,2m, trát hoàn thiện bằng vữa xi măng cát, sơn epoxy trực tiếp 2 nước, phía trên ốp tôn bao che dày 0,45mm; Khung kết cấu thép; Cầu thang ốp hoàn thiện đá granite tự nhiên, trát hoàn thiện đáy bản thang, trát lại bằng vữa xi măng cát, sơn hoàn thiện 2 nước, lan can inox 304; Mái xà gồ, tôn lợp dày 0,45mm.

*** Kết nối với nhà xưởng hiện hữu**

Nhà xưởng mới cách xưởng mới bởi khe co giãn. Mái được lợp nối tiếp, giữa mái cũ và mái mới sẽ có điểm che. Vì vậy trong quá trình thi công xây dựng, việc kết nối hai xưởng không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của xưởng hiện hữu.

*** Máy móc, thiết bị thi công xây dựng**

Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án dự kiến như sau:

Bảng 1.10. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng

STT	Máy móc, thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Nhiên liệu
1	Xe ô tô tải tự đổ 12 tấn	04	Hàn Quốc	DO
2	Ô tô chuyển trộn bê tông 10,7m ³	01	Hàn Quốc	DO
3	Xe cần trục ô tô, sức nâng 20 tấn	01	Trung Quốc	DO
4	Xe nâng, chiều cao nâng 12m	02	Trung Quốc	DO
5	Máy xúc lật 1,25 m ³	01	Trung Quốc	DO
6	Máy đào gầu, bánh hơi 1,25 m ³	02	Trung Quốc	DO
7	Máy lu bánh hơi tự hành 16 tấn	02	Trung Quốc	DO

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

***Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư***

STT	Máy móc, thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Nhiên liệu
8	Máy ủi 110 CV	02	Trung Quốc	DO
9	Máy ép cọc Robot 460 tấn	01	Hàn Quốc	Điện
10	Máy hàn	01	Trung Quốc	Điện
11	Máy cắt sắt cầm tay 1,7 kW	6	Trung Quốc	Điện
12	Máy nén khí, động cơ điện 5m ³ /h	01	Trung Quốc	Điện
13	Máy cắt gạch đá 1,7 kW	02	Trung Quốc	Điện

Ghi chú: Chủ đầu tư sẽ yêu cầu các nhà thầu thi công sử dụng các máy móc, thiết bị có đầy đủ kiểm định và có độ mới đạt $\geq 80\%$.

1.5.4. Tiến độ thực hiện dự án

- Khởi công xây dựng: tháng 3/2025
- Hoạt động chính thức: tháng 11/2025

CHƯƠNG II.
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG
CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

2.1.1. Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 về phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, khoản 3 Điều 1 đã nêu nhiệm vụ về bảo vệ môi trường là giảm thiểu tác động đến môi trường từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại. Dự án sẽ triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường thích hợp theo phân vùng môi trường nhằm kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường đến sự sống và phát triển bình thường của con người và sinh vật. Dự án sẽ tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường và yêu cầu kỹ thuật.

2.1.2. Quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

* Đối với thành phố Hải Phòng

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, Dự án nằm trong vành đai phát triển công nghiệp, dịch vụ từ cảng Lạch Huyện đến phía Bắc (huyện Thủy Nguyên).

- UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định 1338/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 về việc ban hành Danh mục các dự án công nghiệp khuyến khích đầu tư, không khuyến khích đầu tư trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Theo đó, Dự án thuộc mục số 5, mục số 7, Phụ lục 1: Danh mục các dự án công nghiệp khuyến khích đầu tư.

- Dự án đã được Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký đăng ký đầu tư, mã số dự án: 4330084821, cấp chứng nhận lần đầu ngày 09/01/2013, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 14/6/2024. Theo đó, mục tiêu của Dự án là sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện: 2400 tấn/năm; khuôn dập kim loại đi kèm: 04 tấn/năm.

* Đối với Khu công nghiệp VSIP Hải Phòng

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Khu công nghiệp VSIP Hải Phòng có tên gọi đầy đủ là Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng (tiền thân là Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Bắc Sông Cấm) được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư vào ngày 11/12/2008. Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng có tổng diện tích đất là 1.566,33 ha, trên địa bàn của 8 xã là Tân Dương, Thủy Sơn, Thủy Đường, Dương Quan, An Lữ, Trung Hà, Thủy Triều và Lập Lễ thuộc huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Tổng vốn đầu tư của Khu công nghiệp là 258,2 triệu USD cho riêng phần phát triển Khu công nghiệp

Khu công nghiệp VSIP Hải Phòng có tên gọi đầy đủ là Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng (tiền thân là Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Bắc Sông Cấm) được Thủ tướng Chính Phủ chấp thuận chủ trương đầu tư và cho phép thành phố Hải Phòng thu hồi đất từ tháng 09/2007 tại Thông báo số 180/TB-VPCP ngày 25/09/2007 trong khuôn khổ thực hiện Hiệp định khung kết nối Việt Nam - Singapore.

Ngày 10/12/2008, UBND thành phố Hải Phòng đã phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Dự án Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng theo quyết định số 2112/QĐ-UBND. Sau đó, khu công nghiệp được điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 theo Quyết định số 3251/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của UBND thành phố Hải Phòng.

Theo quy hoạch được phê duyệt, KCN VSIP Hải Phòng có tổng diện tích quy hoạch là 1.566,33 ha, trong đó diện tích khu công nghiệp là 507,6 ha (trong đó diện tích đất công nghiệp cho thuê là 327,69 ha, chiếm 64,56% diện tích), diện tích khu đô thị là 1.058,73 ha với vị trí quy hoạch thuộc địa bàn các xã Tân Dương, Thủy Sơn, Thủy Đường, Dương Quan, An Lữ, Trung Hà, Thủy Triều và Lập Lễ thuộc huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Về tính chất, Khu công nghiệp VSIP Hải Phòng được định hướng trở thành một khu công nghiệp hiện đại, đa ngành, tập trung thu hút các dự án sạch, có giá trị kinh tế lớn và hiệu quả cao trong hoạt động như điện, điện tử, cơ khí...

Về vị trí liên kết vùng, KCN VSIP Hải Phòng có vị trí quy hoạch phía Tây giáp với Khu đô thị mới Bắc Sông Cấm và đường tỉnh 359, phía Nam giáp với Sông Cấm, chính vì vậy KCN có khả năng kết nối giao thông thuận lợi:

- Cách sân bay quốc tế Cát Bi 15 km
- Cách cảng Lạch Huyện 36 km, cách cảng Đình Vũ 19 km
- Cách tuyến cao tốc Hà Nội - Hải Phòng 20 km

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Cách trung tâm thành phố Hà Nội 112 km.

Hệ thống đường giao thông nội khu: trục chính của khu công nghiệp VSIP Hải Phòng có chiều rộng mặt cắt là 60 m - 78 m, trong đó chiều rộng mặt đường là 36 m, dải phân cách 10 m và vỉa hè mỗi bên rộng 7 m; Các đường nhánh trong khu công nghiệp có chiều rộng mặt cắt từ 20m - 26m - 36m - 50m, trong đó chiều rộng lòng đường từ 15m - 30m, toàn bộ các đường nhánh đều được xây dựng vỉa hè hai bên với chiều rộng 5m.

Hệ thống cấp điện: nguồn điện phục vụ sản xuất tại KCN VSIP Hải Phòng được lấy từ Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng qua đường dây 110kV thông qua 03 trạm biến áp 110/22kV có tổng công suất cấp điện khoảng 210,9 MVA. Các đường dây 22kV được đi nổi bằng dây trần thông qua hệ thống cột bê tông cốt thép dài 20m đến từng lô đất trong khu công nghiệp, sẵn sàng đấu nối theo yêu cầu của các nhà đầu tư

Hệ thống cấp nước: Khu công nghiệp VSIP Hải Phòng được chủ đầu tư xây dựng Trạm sản xuất nước sạch có công suất 69.000 m³/ngày đêm với nguồn nước từ sông Giá và được cung cấp tới từng lô đất trong khu công nghiệp thông qua mạng lưới đường ống dạng mạch vòng kết hợp với mạng cụt.

Hệ thống xử lý nước thải: Toàn bộ nước thải được xử lý tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP do Công ty TNHH VSIP Hải Phòng quản lý với công suất thiết kế 9.950 m³/ngày.đêm, đã được cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2895/GP-BTNTM ngày 10/11/2015 do Bộ Tài nguyên và môi trường.

Tiện ích hạ tầng khác: Hệ thống thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn; Hệ thống cây xanh cảnh quan và chiếu sáng nội khu được đầu tư đồng bộ với hệ thống đường giao thông; Các dịch vụ bưu chính viễn thông được cung cấp sẵn có; Hệ thống thoát nước mưa được bố trí độc lập với hệ thống thoát nước thải; Các trụ cứu hỏa được bố trí với khoảng cách 150 m mỗi trụ; Cao độ san lấp không thấp hơn +4,2 m với khu đô thị và không thấp hơn +5,5m đối với phần giáp với sông Cấm...

2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Nội dung này đã được đánh giá trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường và hiện tại không thay đổi. Do đó, Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này không phải thực hiện đánh giá lại.

CHƯƠNG III.

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Căn cứ điểm c, khoản 2, điều 28 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường. Đối với Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam - là dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp thì không phải thực hiện việc đánh giá hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư. Do vậy, báo cáo không đánh giá nội dung này. Thay vào đó, Báo cáo sẽ trình bày nội dung về hoạt động đầu tư phát triển và bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp VSIP. Cụ thể như sau:

3.1. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA KHU CÔNG NGHIỆP VSIP

a. Hiện trạng sử dụng đất của KCN VSIP

Khu công nghiệp VSIP Hải Phòng được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư vào ngày 11/12/2008. Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng có tổng diện tích đất là 1.566,3 ha, trên địa bàn của 7 xã là Tân Dương, Thủy Đường, Dương Quan, An Lư, Trung Hà, Thủy Triều và Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Tổng vốn đầu tư của Khu công nghiệp là 169 triệu USD. Bao gồm đất xây dựng khu thương mại và nhà ở 1.058,73ha, đất xây dựng khu công nghiệp là 507,6ha (bao gồm các loại đất khác như: đất khu điều hành – dịch vụ, đất cây xanh, mặt nước, đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật và đất giao thông,...). Diện tích đất có thể cho thuê của KCN là 372,36 ha. Cho đến nay, có rất nhiều dự án lớn đã tìm đến đầu tư tại KCN, mang lại nguồn vốn đầu tư lớn cho thành phố, tạo ra hàng ngàn việc làm cho người lao động, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cho thành phố Hải Phòng. Một số nhà đầu tư tiêu biểu như Fuji Xerox, Kyocera, Nipro, Zeon, Reginal Miracle...

KCN VSIP khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực thuộc công nghiệp nhẹ như: điện tử, điện lạnh, viễn thông, công nghệ thông tin và công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ cho công nghệ cao... đầu tư vào KCN; tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư thuận lợi.

Dự án VSIP Hải Phòng được phát triển theo mô hình kết hợp giữa Khu Công nghiệp và khu Đô thị, bao gồm các nhà máy sản xuất thân thiện với môi trường, các công trình nhà ở và thương mại. Các khu vực tiêu biểu của dự án VSIP Hải Phòng gồm Khu Công nghiệp sạch, khu Trung tâm Thương mại, khu Đô thị ven sông trải dài 4 km, các trung tâm tài chính, hội nghị và hội thảo.

Dự án VSIP Hải Phòng đáp ứng nhu cầu ở và sinh sống cho khoảng 150.000 người, với mục tiêu tạo ra một môi trường sống và làm việc hoàn hảo cho người dân, bao gồm các công trình tiện ích cần thiết cho một khu đô thị hoàn chỉnh như trường học,

khu vực công cộng, siêu thị, bệnh viện. Dự án VSIP Hải Phòng sẽ nằm cạnh và kết nối với trung tâm hành chính và đại học mới của thành phố Hải Phòng trong tương lai. Về tổng thể, việc phát triển dự án sẽ hình thành một khu đô thị mới Bắc Sông Cấm nằm trong trung tâm của thành phố Hải Phòng.

Toàn bộ diện tích của dự án VSIP Hải Phòng nằm tại Khu Kinh tế Đình Vũ-Cát Hải. Nhờ vậy, các doanh nghiệp hoạt động trong dự án VSIP Hải Phòng sẽ được hưởng các ưu đãi đầu tư đặc biệt theo quy định của Chính phủ Việt Nam. Với việc áp dụng các kinh nghiệm quy hoạch, quản lý Khu Công nghiệp, Đô thị của Singapore phù hợp với điều kiện của Hải Phòng, VSIP Hải Phòng sẽ trở thành một minh chứng điển hình cho sự phát triển lâu dài và bền vững.

Dự án VSIP Hải Phòng được triển khai theo nhiều giai đoạn khác nhau, tích cực tiến hành xây dựng và hoàn thiện các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và hiện đại, bao gồm hệ thống đường xá, các công trình tiện ích như nhà máy nước, nhà máy xử lý nước thải, trạm điện, san lấp và chuẩn bị các lô đất để bàn giao cho các nhà đầu tư.

Hiện nay, đã có 38 dự án đầu tư vào KCN, trong đó có 54 dự án đã triển khai hoạt động. Trong tương lai, vẫn còn rất nhiều các dự án đang chờ đợi để có thể tiến hành xin đầu tư vào Việt Nam và KCN VSIP Hải Phòng.

b. Hiện trạng cơ sở hạ tầng của KCN VSIP

- ***Hệ thống đường giao thông***

Hệ thống đường giao thông được xây dựng với dạng ô cờ nhằm khai thác tối đa tính hiệu quả và việc tiếp cận. Hai trục đường Bắc Nam và Đông Tây sẽ tạo ra mạng lưới giao thông kết nối với nhau. Duy trì đường cao tốc Đông – Tây đã được thành phố Hải Phòng quy hoạch và sử dụng con đường này để chia tách khu đô thị, dịch vụ với khu công nghiệp. Các loại đường đã được thông qua như sau:

- Loại đường giao thông nội bộ gồm 2 luồng đường, mỗi luồng đường 2 làn xe rộng 26m.
- Loại đường khu vực gồm 2 luồng đường, mỗi luồng đường 3 làn xe rộng 36m.
- Trục đường chính (rộng 50m): gồm 2 luồng đường, mỗi luồng đường 4 làn xe.
- Trục đường chính (rộng 60m): gồm 2 luồng đường, mỗi luồng đường 5 làn xe (3 làn cao tốc, 2 làn gom).

- ***Hệ thống cấp điện***

Theo tính toán, tổng công suất tiêu thụ toàn bộ khu là khoảng 210,9MW. Nguồn điện cấp từ Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng qua đường dây 110kV bao gồm 03 trạm biến áp 110/22kV. Bên trong Khu công nghiệp là hệ thống đường dây trên không trung áp 22kV, trong khu Khu đô thị dùng loại 24kV được chôn ngầm dưới đất. Đi kèm với đó,

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

toàn bộ được trang bị hệ thống chiếu sáng hiện đại gồm, đèn cao áp được bố trí cách nhau 120-150m dọc các tuyến đường nội bộ khu.

- **Hệ thống cấp nước**

Nguồn nước được lựa chọn để sử dụng là từ sông Giá. Lượng nước cấp trung bình cho Khu công nghiệp khoảng: 175.492 m³/tháng được lấy từ Nhà máy xử lý nước cấp công suất 150.000 m³/ngày đêm của Công ty TNHH VSIP Hải Phòng. Lượng nước chủ yếu được sử dụng cho các hoạt động sản xuất của các Nhà máy và hoạt động xây dựng của Khu công nghiệp. Ngoài ra, còn được sử dụng để cấp cho hệ thống phòng cháy chữa cháy của Khu công nghiệp và các Nhà máy đang hoạt động.

- **Hệ thống thoát nước**

- Hiện trạng thoát nước mưa tràn mặt:

Khu công nghiệp xây dựng mạng lưới thoát nước mưa tách riêng mạng lưới thoát nước thải. Công thoát nước được thiết kế theo kiểu tự chảy trọng lực. Hướng thoát về 02 trục kênh chính là kênh Đầm Dài và kênh Đầm U. Dựa theo độ dốc đường và san nền bố trí tuyến rãnh thoát nước dọc theo các tuyến đường, nước mưa trên mặt đường được thu vào tuyến rãnh chính qua cửa thu nước lòng đường.

Tuyến rãnh thoát nước mưa được bố trí cách bó vỉa đường 2m. Tuyến thoát nước mưa sử dụng rãnh thoát nước tiết diện chữ nhật B = 800-2000mm. Để thu nước mưa trên đường, bố trí các cửa thu với khoảng cách 30-40m/ga dọc theo hai bên đường. Hai đầu các đoạn cống ngang đường xây dựng các hố ga thăm.

Để đảm bảo khả năng thoát nước tốt nhất về mùa mưa, bão lũ, Khu VSIP Hải Phòng có xây dựng 2 trạm bơm cưỡng bức lưu lượng 4 m³/s và 5 m³/s có phai chắn để thoát nước khi thủy triều lên.

- Hiện trạng thoát nước thải:

Khu công nghiệp VSIP Hải Phòng đã xây dựng trạm xử lý nước thải công suất 9.950 m³/ ngày đêm đã được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số: 2889/GP-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 06/10/2021 và Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số: 22/GXN-TCMT ngày 19/02/2016.

Hiện tại, tất cả nước thải từ các doanh nghiệp trong KCN VSIP đều được thu gom vào hệ thống thu gom nước thải và đưa đến trạm xử lý nước thải tập trung. Ban quản lý hạ tầng khu VSIP Hải Phòng yêu cầu tất cả các đơn vị hoạt động trong Khu công nghiệp đều phải xây dựng hệ thống tiền xử lý đối với nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt phát sinh, đảm bảo trước khi thải vào hệ thống thu gom chung các thông số ô nhiễm phải đạt giá trị theo quy định của Khu VSIP Hải Phòng.

Quy định về nồng độ các chất thải của các cơ sở trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải của Khu VSIP Hải Phòng như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Bảng 3.1. Yêu cầu nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung VSIP HP

STT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn đầu vào VSIP HP
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	6-9
3	Độ màu (Co-Pt, pH =7)	-	50
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	400
5	COD	mg/l	600
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	400
7	Thạch tín/ Arsenic (As)	mg/l	0,04
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,004
9	Chì (Pb)	mg/l	0,08
10	Cadmium (Cd)	mg/l	0,04
11	Crom (VI)	mg/l	0,04
12	Crom (III)	mg/l	0,16
13	Đồng (Cu)	mg/l	1,6
14	Kẽm (Zn)	mg/l	2,43
15	Niken (Ni)	mg/l	0,16
16	Mangan (Mn)	mg/l	0,4
17	Sắt (Fe)	mg/l	0,8
18	Cyanua (CN)	mg/l	0,056
19	Phenol	mg/l	0,08
20	Dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
21	Clo dư	mg/l	0,81
22	PCB	mg/l	0,002
23	Hóa chất bảo vệ thực vật lân hữu cơ	mg/l	0,2
24	Hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,04
25	Sunfua	mg/l	0,16

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

26	Florua	mg/l	4,05
27	Clorua	mg/l	405
28	Ammoni (NH ₄)	mg/l	4,05
29	Nitơ tổng	mg/l	16,2
30	Photpho tổng	mg/l	3,24
31	Coliform	MPN/100ml	5.000
32	Hoạt độ phóng xạ anpha (α)	Bq/l	0,1
33	Hoạt độ phóng xạ beta (β)	Bq/l	1,0

Toàn bộ nước thải của các cơ sở sản xuất trong Khu VSIP Hải Phòng được thu gom qua mạng lưới cống thoát nước tự chảy, hướng thoát nước chính là hướng dốc theo địa hình từ Tây Bắc sang Đông Nam. Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý là tại Kênh Phán Đạt, sau đó chảy ra sông Ruột Lợn.

- *Hệ thống thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại*
 - Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân trên công trường thi công các Dự án và công nhân viên các công ty đang hoạt động tại Khu công nghiệp. Công ty TNHH VSIP Hải Phòng đã ký Hợp đồng số VSIP/AMD18-169 với Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ kho vận Phú Hưng để thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đúng quy định và đảm bảo vệ sinh.
 - Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình thi công, xây dựng nhà máy, chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất của các công ty trong Khu Đô thị Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng thì do các công ty đang thực hiện tự quản lý hoặc thuê các đơn vị có đủ năng lực thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật và cam kết với KCN, không làm ảnh hưởng đến môi trường.
 - Chất thải nguy hại: Các doanh nghiệp thứ cấp trong khu tùy thuộc vào thành phần chất thải nguy hại phát sinh sẽ hợp đồng với một hoặc nhiều đơn vị xử lý có đủ chức năng theo quy định của nhà nước thu gom, xử lý theo quy định.

3.2. HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA KHU CÔNG NGHIỆP VSIP

KCN VSIP đã hoàn thiện các thủ tục về bảo vệ môi trường như sau:

- Báo cáo Đánh giá tác động môi trường do Dự án: “Đầu tư xây dựng Khu Đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng” của Công ty TNHH VSIP HP được phê duyệt theo Quyết định Số: 874/QĐ-BTNMT ngày 13/05/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Báo cáo Đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án: “ Đầu tư xây dựng Khu đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP HP” tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã được phê duyệt theo Quyết định Số: 1735/QĐ-BTNMT ngày 13/09/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2889/GP-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 06/10/2021.

- Giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT Số: 22/GXN-TCMT ngày 19/02/2016 phục vụ giai đoạn vận hành do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

KCN VSIP đã lắp đặt hệ thống giám sát và quan trắc liên tục, tự động tại vị trí cửa xả nước thải sau xử lý của Nhà máy xử lý nước thải tập trung và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng và thực hiện đúng thủ tục về môi trường khác theo quy định của pháp luật.

(Nguồn: Công ty TNHH VSIP Hải Phòng, năm 2023)

CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong suốt quá trình từ khâu lập dự án, thi công xây dựng cho đến khi dự án đi vào hoạt động ổn định không thể tránh khỏi những tác động nhất định đến môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội. Do đó, việc đánh giá các yếu tố tác động đến môi trường của dự án là rất cần thiết nhằm xác định mức độ ảnh hưởng để từ đó đưa ra các biện pháp khống chế, giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường, hạn chế các tác động tiêu cực tới môi trường.

Như đã trình bày ở trên, báo cáo sẽ đánh giá tác động môi trường từ quá trình thi công xây dựng và hoạt động trên phần diện tích 11.250m². Các hoạt động khác không nằm trong phạm vi đánh giá của báo cáo. Các hoạt động có khả năng phát sinh chất thải của dự án bao gồm:

- Giai đoạn triển khai xây dựng dự án đầu tư từ tháng 3 đến tháng 11/2025 (8 tháng tương đương 240 ngày);
- Giai đoạn vận hành chính thức (sau khi hoàn thành xây dựng dự án) (Từ tháng 11/2025).

Trong suốt quá trình thi công xây dựng, hoạt động sản xuất của phân xưởng hiện hữu vẫn diễn ra bình thường. Do đó, các tác động môi trường trong giai đoạn xây dựng dự án là tác động tổng hợp từ hoạt động xây dựng và hoạt động sản xuất. Chất thải phát sinh trong giai đoạn này bao gồm chất thải từ hoạt động xây dựng và chất thải từ hoạt động sản xuất. Tuy nhiên, tại mục 4.1, Báo cáo chỉ đánh giá các tác động môi trường từ từ hoạt động xây dựng, các tác động môi trường phát sinh từ hoạt động sản xuất sẽ được trình bày tại mục 4.2.

Cụ thể về các nguồn tác động, mức độ tác động và đánh giá các tác động sẽ được cụ thể trong những phần dưới đây.

4.1. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN TRIỂN KHAI XÂY DỰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

4.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng

Các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được liệt kê trong bảng dưới đây:

Bảng 4.1. Bảng liệt kê nguồn phát sinh chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng

STT	Nguồn phát thải	Chất phát thải
I	Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và chất thải xây dựng	- Bụi, CO, SO ₂ , NO ₂ , VOC

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

II	Hoạt động xây dựng	
1	Hoạt động san nền, đào đắp	- Bụi, khí thải (CO, SO ₂ , NO _x ...).
		- Chất thải rắn xây dựng.
2	Hoạt động thi công xây dựng công trình	- Bụi, khí thải (CO, SO ₂ , NO _x ...).
		- Chất thải rắn xây dựng.
3	Hoạt động hàn cấu kiện thép	- Bụi, khí thải (khói hàn).
		- Chất thải nguy hại.
4	Hoạt động sơn các công trình	- Bụi, khí thải (hơi dung môi).
		- Chất thải nguy hại.
5	Hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị	- Nước thải xây dựng.
		- Chất thải nguy hại.
III	Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân xây dựng	- Nước thải sinh hoạt
		- Chất thải rắn sinh hoạt
IV	Hoạt động bảo dưỡng máy móc thiết bị	- Chất thải nguy hại

4.1.1.1. Đánh giá tác động của các nguồn phát sinh chất thải

A. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

Nguồn phát sinh bụi và khí thải trong quá trình thi công xây dựng gồm:

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển.
- Hoạt động thi công đào đắp, san nền.
- Hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công.
- Hoạt động hàn các cấu kiện thép.
- Hoạt động sơn các công trình.

a1, Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển

Dự án sẽ vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng (cát, gạch, đá, vật tư) từ nơi cung cấp đến Dự án và vận chuyển các chất thải rắn từ Dự án đến nơi xử lý; vận chuyển máy móc thiết bị mới lắp đặt vào nhà xưởng. Hoạt động của các phương tiện vận chuyển sẽ làm phát sinh bụi, khí thải (SO_x, NO_x, CO, VOCs,...) gây ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân xây dựng, môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án và dọc tuyến đường vận chuyển. Bụi, khí thải từ các nguồn nêu trên tác động tới môi trường cụ thể như sau:

- Bụi bám vào máy móc thiết bị làm cho máy móc thiết bị chóng mòn, nhanh xuống cấp nếu không có biện pháp ngăn ngừa. Bụi bám vào các ổ trục máy và làm tăng

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

ma sát. Bụi đất cát rơi vãi làm ảnh hưởng đến giao thông đi lại. Bụi có kích thước nhỏ có khả năng xâm nhập vào cơ thể người qua đường hô hấp gây ra các bệnh về đường hô hấp, bệnh hen suyễn, viêm cuống phổi. Bụi bay vào mắt có thể gây xước, viêm giác mạc. Đối với thực vật, bụi làm giảm khả năng quang hợp của lá cây...

- Khí thải từ các phương tiện thi công, đặc biệt từ các phương tiện vận chuyển, gồm: SO_x , NO_x , CO, CO_2 ... Tùy theo loại động cơ và loại nhiên liệu mà khối lượng các chất thải độc hại chiếm tỷ lệ khác nhau trong khí xả ra môi trường. Nhiễm độc CO gây ra các triệu chứng như: đau đầu, buồn nôn, mệt mỏi, rối loạn thị giác, nặng có thể dẫn tới tử vong. Nhiễm độc SO_2 gây kích ứng niêm mạc mắt và các đường hô hấp trên. Ở nồng độ rất cao, SO_2 gây viêm kết mạc, bỏng và đục giác mạc. Nhiễm độc NO_x gây kích ứng mắt, rối loạn tiêu hóa, viêm phế quản, tổn thương răng.

Theo Hồ sơ dự toán công trình, tổng khối lượng nguyên vật liệu phục vụ thi công xây dựng công trình của Dự án là **4.776,2 tấn** (chi tiết tại Bảng 1.9)

Như đã tính toán tại phần trên, khối lượng chất thải rắn phát sinh từ quá trình thi công xây dựng là **51,9 tấn** (chi tiết tại Bảng 4.17).

Khối lượng đất đào cần đổ thải là $251,3\text{m}^3$ và 124m^3 bê tông ngâm, tương đương **450,4 tấn** (chi tiết tại Bảng 1.8)

Khối lượng đất cần vận chuyển đến để bổ sung lượng đất trồng cây xanh: 53m^3 tương đương **74,2 tấn** (chi tiết tại Bảng 1.8).

Khối lượng cát đen cần vận chuyển đến tôn nền: $981,2\text{m}^3$ tương đương **1.197,1 tấn** (chi tiết tại Bảng 1.8).

Như vậy, tổng khối lượng nguyên vật liệu xây dựng, các máy móc thiết bị xây dựng và chất thải rắn cần vận chuyển là: $4.776,2 + 51,9 + 450,4 + 74,2 + 1.197,1 = \mathbf{6.549,8}$ (tấn).

Giả sử dùng xe ô tô tải có trọng tải 12 tấn chạy bằng nhiên liệu dầu DO để vận chuyển, thì số chuyến xe cần vận chuyển là: $6.549,8 : 12 \approx 545,8$ chuyến.

Mỗi chuyến xe vận chuyển gồm 2 lượt đi nên số lượt xe cần đi trong suốt thời gian thi công xây dựng là $545,8 \times 2 = 1.091,6$ lượt.

Dự án tiến hành thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị tập trung trong thời gian khoảng 8 tháng (240 ngày). Do đó, số lượt xe trong một ngày là: $1.091,6 : 240 \approx 4,5$ lượt xe/ngày.

Coi tỷ lệ xe chạy trong giờ làm việc là như nhau, một ngày làm việc 8 giờ, từ đó có thể tính bình quân số lượt xe chạy trong một giờ là: $4,5 : 8 \approx \mathbf{0,57}$ lượt xe/h.

+ Tính toán bụi và khí thải phát sinh từ động cơ của xe ô tô tải:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Từ số lượt xe vận chuyển, tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ động cơ của xe ô tô tải được tính toán như sau:

Bảng 4.2. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ động cơ của xe ô tô tải trong giai đoạn xây dựng

STT	Các chất phát thải	Hệ số phát thải (kg/1000km/lượt xe) (*)	Tải lượng phát thải (g/km.h)	Tải lượng phát thải (E) (mg/m.s)
1	Bụi	0,9	0,511703	0,142
2	CO	2,9	1,648821	0,458
3	SO ₂	4,15S	0,001180	0,0003
4	NO ₂	14,4	8,187250	2,274
5	C _x H _y	0,8	0,454847	0,126

Ghi chú: (*) Hệ số phát thải theo Hướng dẫn về phương pháp đánh giá nhanh ô nhiễm môi trường, WHO, 1993 đối với loại xe ô tô có trọng tải 3,5 - 16,0 tấn chạy bằng nhiên liệu dầu Diesel (DO); S là hàm lượng % lưu huỳnh có trong dầu Diesel (S = 0,05%).

+ Tính toán bụi phát sinh do xe ô tô tải cuốn lên:

Trong quá trình vận chuyển vật liệu phá dỡ bằng xe ô tô tải, bụi phát sinh từ chính vật liệu chở và bị cuốn lên từ lốp xe. Hệ số phát thải bụi do xe ô tô tải cuốn lên được tính bằng công thức của Air Chief – Cục Môi trường Mỹ, 1995:

$$L = 1,7 * k * \left[\frac{s}{12} \right] * \left[\frac{S}{48} \right] * \left[\frac{W}{2,7} \right]^{0,7} * \left[\frac{w}{4} \right]^{0,5} * \left[\frac{365-p}{365} \right] \quad (\text{Công thức 1})$$

Trong đó:

L: Hệ số phát thải bụi (kg/km/lượt xe);

k: Cấu trúc hạt bụi bị cuốn lên, k = 1,75 (xét hạt bụi có kích thước ≤ 100 μm);

s: Hệ số mặt đường, s = 30% (đối với đường nhựa);

S: Tốc độ trung bình của xe vận tải, S = 40 km/h;

W: Trọng tải của xe vận tải, W = 12 tấn;

w: Số bánh của xe vận tải, w = 6 bánh;

p: Số ngày mưa trung bình năm, p = 146,4 ngày (Trạm khí tượng Phù Liễn).

Từ cấu trúc hạt bụi, tốc độ trung bình, trọng tải và số bánh xe của xe vận tải, xác định được hệ số phát thải bụi **L = 0,129 kg/km/lượt xe**.

Từ số lượt xe chạy đã tính toán ở trên, xác định được tải lượng bụi do bị xe ô tô tải cuốn lên như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Bảng 4.3. Tải lượng bụi do xe ô tô tải cuốn lên

Số lượt xe (lượt xe/h)	Hệ số phát thải bụi (kg/km/lượt xe)	Tải lượng bụi (kg/km.h)	Tải lượng bụi (mg/m.s)
0,57	0,129	0,0734	0,0204

Như vậy, tải lượng bụi và khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển vật liệu phá dỡ của Dự án như sau:

Bảng 4.4. Tải lượng bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển vật liệu phá dỡ

Nguồn phát sinh	Thông số (mg/m.s)				
	Bụi	CO	SO ₂	NO ₂	C _x H _y
Từ động cơ của xe ô tô tải	0,000142	0,000458	0,00000033	0,002274	0,000126
Do xe ô tô tải cuốn lên	0,0204398	-	-	-	-
Tổng	0,020540	0,000458	0,00000033	0,002274	0,000126

Áp dụng mô hình Sutton (*Công thức 2*), tính toán nồng độ các chất ô nhiễm gia tăng từ quá trình vận chuyển vật liệu phá dỡ của Dự án như sau

Nồng độ chất ô nhiễm gia tăng được tính toán theo mô hình khuếch tán nguồn đường như sau (công thức Sutton):

$$C = 0,8E \frac{\left\{ \exp \left[\frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2} \right] + \exp \left[\frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2} \right] \right\}}{\sigma_z \cdot u} \quad (\text{Công thức 2})$$

Trong đó:

- C là nồng độ chất ô nhiễm trong không khí (mg/m³);
- E là tải lượng của chất gây ô nhiễm từ nguồn thải;
- z là độ cao của điểm tính toán, z = 2,0 m;
- h là độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh, h = 0,2 m;
- u là tốc độ gió trung bình tại khu vực, u = 2,9 m/s;
- $\sigma_z = 0,53 \cdot x^{0,73}$ là hệ số khuếch tán chất ô nhiễm theo phương thẳng đứng (m);
- x là khoảng cách của điểm tính toán so với nguồn thải (tìm đường), theo hướng gió (m).

Áp dụng “*Công thức 2*”, tính toán nồng độ các chất ô nhiễm gia tăng từ động cơ của xe vận tải như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Bảng 4.5: Dự báo nồng độ chất ô nhiễm gia tăng từ động cơ của xe vận tải

Khoảng cách (m)		10	20	30	50	100	150	200
Nồng độ (mg/m ³)	Bụi	0,003464	0,002282	0,001736	0,001213	0,000738	0,000550	0,000446
	CO	0,000077	0,000051	0,000039	0,000027	0,000016	0,000012	0,000010
	SO ₂	0,00000006	0,00000004	0,00000003	0,00000002	0,00000001	0,00000001	0,00000001
	NO ₂	0,000384	0,000253	0,000192	0,000134	0,000082	0,000061	0,000049
	C _x H _y	0,000021	0,000014	0,000011	0,000007	0,000005	0,000003	0,000003

Nồng độ chất ô nhiễm không khí trong giai đoạn thi công = nồng độ chất ô nhiễm trong môi trường không khí hiện trạng + nồng độ chất ô nhiễm gia tăng.

Theo Báo cáo hiện trạng môi trường thành phố năm 2023 do Trung tâm Quan trắc môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện, nồng độ các thông số ô nhiễm trong môi trường không khí tại khu vực huyện Thủy Nguyên như sau: Bụi = 16,79 µg/Nm³, CO = 5.780,0 µg/Nm³, SO₂ = 64,0 µg/Nm³, NO₂ = 47,0 µg/Nm³.

Vậy, nồng độ bụi, khí thải trong giai đoạn vận chuyển vật liệu xây dựng, chất thải cho dự án được thể hiện tại Bảng sau:

Bảng 4.6. Dự báo nồng độ các chất ô nhiễm khi cộng với môi trường nền trong vận chuyển

Thông số	Nồng độ (µg/Nm³)								
	Hiện trạng	Dự báo theo khoảng cách (m)							QCVN 05:2023/ BTNMT
		10	20	30	50	100	150	200	
Bụi	16,79	20,3	19,1	18,5	18,0	17,5	17,3	17,2	300
CO	5782,0	5782,1	5782,1	5782,0	5782,0	5782,0	5782,0	5782,0	30.000,0
SO ₂	64,0	64,0	64,0	64,0	64,0	64,0	64,0	64,0	350
NO ₂	43,0	43,4	43,3	43,2	43,1	43,1	43,1	43,0	200

Ghi chú: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

Nhận xét:

Từ kết quả tính toán trên nhận thấy, nồng độ các chất ô nhiễm gia tăng do hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và chất thải xây dựng trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án bằng xe ô tô tải thấp hơn rất nhiều lần QCCP.

Tuyến đường giao thông chính vào Dự án là đường 359 và đường nội bộ KCN. Đây là mạch giao thông chủ đạo, phục vụ cho hoạt động giao thông, phân phối chuyên

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

chở vật liệu xây dựng từ khu vực Thủy Nguyên, đường 5 cũ. Chất lượng mặt đường còn mới, đảm bảo chất lượng, do đó giảm thiểu được ô nhiễm.

Như vậy, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị và chất thải xây dựng trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án không làm gia tăng đáng kể các chất gây ô nhiễm môi trường không khí tại khu vực có tuyến đường vận chuyển đi qua. Tuy nhiên, để hạn chế tối đa tác động tiêu cực từ hoạt động vận chuyển này, Chủ dự án sẽ đưa ra các biện pháp giảm thiểu tại phần sau của báo cáo.

a2, Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình

*** Bụi phát sinh từ hoạt động san nền cục bộ và hoạt động đào móng công trình :** Tổng khối lượng đất đào của dự án là 663,1 m³ tương đương 928,4 tấn; tổng khối lượng đất đắp của dự án là 1.322,0 m³ tương đương 1674,2 tấn (chi tiết tại Bảng 1.8).

Hoạt động đào, đắp san nền sẽ làm phát sinh bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Theo tài liệu hướng dẫn ĐTM của Ngân hàng Thế giới (Environmental Assessment Sourcebook, Volume II, World Bank, 8/1991), hệ số phát thải bụi từ hoạt động đào đất là 0,170 kg/tấn đất, từ hoạt động đắp san nền là 0,134 kg bụi/tấn đất. Dự báo khối lượng bụi phát sinh từ hoạt động đào, đắp san nền tại bảng sau:

Bảng 4.7. Dự báo khối lượng bụi phát sinh từ hoạt động đào, đắp san nền

Nguồn phát sinh bụi	Khối lượng (tấn)	Hệ số (kg/tấn)	Khối lượng bụi phát sinh (kg)
Hoạt động đào đất	928,40	0,17	157,83
Hoạt động đắp san nền	1.674,24	0,134	224,35
Tổng cộng			382,18

Thời gian thi công san nền khoảng 20 ngày (mỗi ngày làm việc 8 giờ), trên khu vực có diện tích 11.250,0 m² (chu vi 424,7m). Như vậy, tải lượng bụi phát sinh từ vật liệu trong quá trình đào đắp, san nền là 382,18 : (20 x 8 x 11.250,0) ≈ 0,00021 kg/m².h ≈ **0,059 mg/m².s** tương đương **1,562mg/m.s**.

Tải lượng bụi phát sinh từ quá trình đào móng là không lớn, mặt khác Dự án đã có tường bao xung quanh cao 1,8 m nên lượng bụi phát sinh chủ yếu ảnh hưởng đến công nhân viên làm việc tại khu đất dự án.

*** Bụi và khí thải phát sinh từ các máy móc, thiết bị thi công:**

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình, Dự án sẽ sử dụng các máy móc, thiết bị chạy bằng nhiên liệu dầu Diesel (DO) do vậy sẽ làm phát sinh bụi và khí thải (CO; SO₂; NO₂; C_xH_y...). Nhu cầu sử dụng dầu DO ước tính như sau:

Bảng 4.8. Lượng dầu DO tiêu thụ của các máy móc, thiết bị thi công

STT	Máy móc, thiết bị	Số lượng (chiếc)	Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng (l/ca máy) ⁽¹⁾	Lượng dầu DO tiêu thụ (kg/h)
1	Xe ô tô tải tự đổ 12 tấn	04	65	26,0
2	Ô tô chuyển trộn bê tông 10,7m ³	01	64	6,4
3	Xe cần trục ô tô, sức nâng 20 tấn	01	44	4,4
4	Xe nâng, chiều cao nâng 12m	02	25	5,0
5	Máy xúc lật 1,25 m ³	01	47	4,7
6	Máy đào gầu, bánh hơi 1,25 m ³	02	73	14,6
7	Máy lu bánh hơi tự hành 16 tấn	02	38	7,6
8	Máy ủi 110 CV	02	46	9,2
Tổng				77,9

Ghi chú: ⁽¹⁾: Định mức sử dụng nhiên liệu DO được quy định tại Quyết định 156/QĐ-SXD ngày 13/5/2022 của Sở Xây dựng về việc công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Tỷ trọng dầu Diesel (DO) là 0,8 kg/l, ước tính 1 ca máy hoạt động trung bình là 8 giờ/ca máy.

Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ các máy móc, thiết bị thi công xây dựng được xác định theo công thức sau:

$$E = (B \times L) : (3,6 \times P) \quad \text{(Công thức 3)}$$

Trong đó:

E: Tải lượng chất ô nhiễm (mg/m.s);

L: Hệ số phát thải ô nhiễm ứng với loại nhiên liệu tiêu thụ (g/kg nhiên liệu);

B: Lượng nhiên liệu tiêu thụ của thiết bị thi công (kg/h), B = 77,9 kg/h;

P: Chu vi khu vực thi công (m), P = 424,7m

Bảng 4.9. Tải lượng chất ô nhiễm từ các máy móc, thiết bị thi công xây dựng

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải ô nhiễm (g/kg dầu DO) (*)	Tải lượng (mg/m.s)
1	Bụi	0,71	0,0362
2	CO	2,19	0,1116

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải ô nhiễm (g/kg dầu DO) (*)	Tải lượng (mg/m.s)
3	SO ₂	2,4S	0,0001
4	NO ₂	9,62	0,4901
5	CxHy	0,79	0,0403

Ghi chú: (*) Nguồn *Rapid inventory technique in environmental control, WHO, 1993*; S là hàm lượng % lưu huỳnh có trong dầu Diesel ($S = 0,05\%$).

→ Như vậy, tải lượng bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động xây dựng các hạng mục công trình như sau:

Bảng 4.10. Tải lượng bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động xây dựng các hạng mục công trình

Nguồn phát sinh	Tải lượng (mg/m.s)				
	Bụi	CO	SO ₂	NO ₂	C _x H _y
Từ hoạt động đào đắp, san nền cục bộ	1,562	-	-	-	-
Từ hoạt động của các máy móc, thiết bị	0,0362	0,1116	0,0001	0,4901	0,0403
Tổng	1,5985	0,1116	0,0001	0,4901	0,0403

Sử dụng công thức Sutton (công thức 2) tính toán nồng độ bụi và các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động xây dựng như sau:

Bảng 4.11. Dự báo nồng độ các chất ô nhiễm gia tăng từ hoạt động xây dựng

Thông số	Nồng độ (µg/m ³) theo khoảng cách (m)							QCVN (*)
	10	20	30	50	100	150	200	
Bụi	269,6	177,6	135,1	94,4	57,4	42,8	34,7	300
CO	18,8	12,4	9,4	6,6	4,0	3,0	2,4	30000
SO ₂	0,010	0,007	0,005	0,004	0,002	0,002	0,001	350
NO ₂	82,7	54,5	41,4	29,0	17,6	13,1	10,6	200
C _x H _y	6,79	4,47	3,40	2,38	1,45	1,08	0,87	5000

Ghi chú: (*) QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

Nhận xét:

Từ bảng trên nhận thấy các chất ô nhiễm phát sinh đều nằm trong GHCP. Tuy nhiên, để hạn chế tối đa tác động tiêu cực từ hoạt động xây dựng, Chủ dự án sẽ đưa ra các biện pháp giảm thiểu tại phần sau của báo cáo.

*** Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động hàn cấu kiện thép**

Trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình, Dự án sẽ sử dụng máy hàn công nghệ hàn MIG (Metal Inert Gas) để nối cứng lại các cấu kiện, chi tiết sắt thép vào nhau. Hàn MIG (Metal Inert Gas) là một phương pháp hàn phổ biến và thân thiện với môi trường. Một số ưu điểm đối với môi trường so với các phương pháp hàn khác như sau: giảm lượng khí thải độc hại; ít bắn tóe và khói; ít cần sử dụng vật liệu tiêu hao; tạo ít ô nhiễm trong quá trình làm việc. Do vậy lượng thải ra từ quá trình hàn là không đáng kể.

*** Hơi dung môi từ hoạt động sơn các công trình**

Trong quá trình thi công xây dựng, dự án sẽ tiến hành sơn để hoàn thiện công trình, trong quá trình sơn sẽ làm phát sinh bụi sơn và hơi dung môi ra ngoài môi trường. Tuy nhiên công trình của Dự án được sơn thủ công chủ yếu bằng chổi quét hay con lăn nên hầu như không làm phát sinh bụi sơn.

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (Air emission inventories and controls, WHO, 1993), hệ số phát thải hơi dung môi trong quá trình sơn công trình nhà cửa là 15 kg/tấn sơn. Theo bảng khối lượng nguyên vật liệu của Dự án (Bảng 1.9), khối lượng sơn sử dụng là 0,14 tấn. Lượng hơi dung môi thải ra ngoài môi trường do hoạt động sơn của Dự án là $0,14 \text{ tấn} \times 15 \text{ kg/tấn} = 2,1 \text{ kg}$.

Lượng hơi dung môi phát sinh từ quá trình sơn của Dự án chủ yếu tác động trực tiếp đến công nhân làm việc trên công trường (khoảng 30 người). Để bảo vệ sức khỏe của người công nhân, Chủ đầu tư sẽ đưa ra các biện pháp giảm thiểu tại phần sau của báo cáo.

B. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải xây dựng. Cụ thể như sau:

b1. Nước thải sinh hoạt

Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án, nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân xây dựng. Khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh được tính bằng 100% lượng nước cấp dành cho hoạt động sinh hoạt:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Bảng 4.12. Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn triển khai xây dựng

STT	Dự kiến số cán bộ, công nhân viên xây dựng	Định mức cấp nước	Khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh
1	30 người	45 lít/người/ngày	1,4 m ³ /ngày

Ghi chú: Định mức sử dụng nước theo TCVN 13606:2023: Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế.

Nước thải sinh hoạt có chứa các chất lơ lửng, chất hữu cơ, chất cặn bã và vi sinh vật gây bệnh. Nồng độ các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt như sau:

Bảng 4.13. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

Thông số	Đơn vị	Nồng độ (khi chưa xử lý)	Tiêu chuẩn KCN VSIP (*)
BOD ₅	mg/l	529 - 635	400
Chất rắn lơ lửng	mg/l	824 - 1.706	400
Amoni (theo N)	mg/l	24 - 48	8
Dầu mỡ động thực vật	mg/l	118 - 353	-
Tổng Coliform	MPN/100ml	10 ⁶ - 10 ⁹	5.000

(Nguồn: Báo cáo hiện trạng nước thải sinh hoạt - Viện Khoa học và Công nghệ môi trường - Đại học Bách khoa Hà Nội, 2006).

Ghi chú: (*) Mức tiêu chuẩn yêu cầu đối với nước thải trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN VSIP.

Từ số liệu tại bảng trên cho thấy, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi chưa qua xử lý cao hơn Quy chuẩn cho phép nhiều lần. Do đó, nếu không có biện pháp xử lý đối với nước thải sinh hoạt, không làm tốt công tác vệ sinh môi trường thì lượng nước thải sinh hoạt của công nhân viên sẽ là nguồn gây ô nhiễm đáng kể cho môi trường nguồn nước tiếp nhận của khu vực và làm tăng nguy cơ gây ra các bệnh truyền nhiễm cho con người mà đối tượng trực tiếp là công nhân tham gia thi công xây dựng. Vì vậy, Chủ dự án sẽ đưa ra phương án thu gom, xử lý đối với nước thải sinh hoạt trong giai đoạn triển khai xây dựng tại phần sau của Báo cáo.

b2. Nước thải xây dựng

Trong giai đoạn triển khai xây dựng, Dự án sử dụng bê tông thương phẩm nên không phát sinh nước thải từ quá trình trộn bê tông. Do đó, nước thải xây dựng phát sinh gồm nước thải từ quá trình dưỡng hộ bê tông và nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Nước thải từ quá trình dưỡng hộ bê tông: Quá trình dưỡng hộ bê tông thường diễn ra trong khoảng thời gian ngắn (từ 3 - 4 ngày sau khi tạo hình bê tông) và lượng nước sử dụng cho dưỡng hộ bê tông chủ yếu sẽ bị bốc hơi bề mặt.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công: Các máy móc, thiết bị thi công được vệ sinh thường xuyên tại công trường chủ yếu là xe nâng, máy xúc, máy đào, máy lu, máy ủi, xe tải, xe trở bê tông. Căn cứ kinh nghiệm thực tế thi công trên công trường, tính trung bình lượng nước sử dụng để vệ sinh máy móc, thiết bị thi công là 250 lít/thiết bị/ngày và khối lượng nước thải được tính bằng 100% lượng nước cấp.

Bảng 4.14. Lượng nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công

Dự kiến số máy móc, thiết bị thi công phải vệ sinh	Định mức cấp nước	Khối lượng nước thải xây dựng phát sinh (m ³ /ngày)
15 thiết bị	250 lít/thiết bị/ngày	3,8

Người công nhân sẽ dùng vòi xịt nước để vệ sinh, làm sạch máy móc thiết bị trên công trường. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị được dự báo tại bảng sau:

Bảng 4.15. Dự báo nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải xây dựng

Loại nước thải	Nồng độ các chất ô nhiễm (chưa xử lý)				
	pH	COD (mg/l)	TSS (mg/l)	Sắt (mg/l)	Dầu mỡ (mg/l)
Từ vệ sinh máy móc, thiết bị thi công	8,5 – 9	50 - 80	250 - 400	0,4 - 0,8	8 - 15
QCVN 40:2011/BTNMT	5,5 – 9	150	100	5	10

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật Môi trường Đô thị và Khu công nghiệp (CEETIA) - Đại học Xây dựng Hà Nội)

Ghi chú: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Lượng nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thường có hàm lượng các chất rắn lơ lửng và dầu mỡ khoáng cao. Từ số liệu tại bảng trên nhận thấy, nước thải xây dựng khi chưa qua xử lý có độ pH cao, nồng độ TSS vượt QCCP đến 4,0 lần; dầu mỡ khoáng vượt QCCP đến 1,5 lần.

Tuy lượng nước thải phát sinh hàng ngày không lớn, song do phát sinh ngay tại công trường thi công nên nếu công tác bảo đảm môi trường thi công không được kiểm soát tốt, nước thải không được thu gom, xử lý sẽ chảy vào nguồn nước tiếp nhận của

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

khu vực gây ô nhiễm môi trường, tác động đến hệ sinh thái thủy sinh. Chủ dự án sẽ đưa ra phương án thu gom, xử lý đối với nước thải xây dựng tại phần sau của báo cáo.

C. Nguồn phát sinh chất thải rắn thông thường

Nguồn phát sinh chất thải rắn trong giai đoạn thi công xây dựng cơ sở hạ tầng của Dự án bao gồm:

- Hoạt động thi công nền móng: Đất thải.
- Hoạt động thi công xây dựng: Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên: Chất thải rắn sinh hoạt.

c1. Đất thải từ hoạt động thi công nền móng

** Khối lượng đất đào các công trình*

Dự án đã san lấp đến cao độ mặt đất tự nhiên ngoài nhà +0,00. Sau khi ép cọc âm đến cao trình đỉnh cọc, tiến hành đào móng nông để thi công phần đài, hệ giằng đài cọc. Theo hồ sơ dự toán công trình, phần diện tích cần đào đất cho đường giao thông là 718m², chiều sâu đào 0,35m. Phần diện tích cần đào hố móng cho xây dựng nhà xưởng và kho rác dự tính là 288m², chiều sâu đào 1,1m.

Bảng 4.16. Dự báo khối lượng đất đào móng

STT	Tên công trình	Diện tích đất (m ²)	Chiều sâu đào móng (m)	Khối lượng đất đào (m ³)
I.	Công trình hạ tầng kỹ thuật			
1	Đường giao thông	718	0,35	215,3
II	Công trình nhà máy, kho rác			
2	Nhà máy, kho rác	288	1,1	411,8
Tổng				633,1

Ghi chú: *Khối lượng đất đào = Diện tích x Chiều sâu móng đào x 1,3 (hệ số mái dốc); không tính hệ số mái dốc đối với móng đường giao thông.*

Khối lượng đất đào móng là 633,1 m³. Trong đó, phần bê tông ngầm 124 m³ dưới cốt tự nhiên của nhà máy kho rác (chi tiết Bảng 1.8) và toàn bộ đất đào móng đường giao thông là 124+251,3= 375,3 m³ tương đương **450,4 tấn** không tái sử dụng mà đem đổ thải. Vị trí đổ thải là khu đất trong KCN VSIP. Lượng đất đào móng còn lại 278,8 m³ sẽ được tận dụng hết để làm đất đắp, san nền (chi tiết Bảng 1.8).

c2, Chất thải rắn từ hoạt động thi công xây dựng cơ sở hạ tầng

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng bao gồm: Gạch đá vỡ, vữa xi măng, sắt thép vụn, gỗ,... Dựa trên định mức hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình thi công xây dựng, dự báo khối lượng chất thải rắn phát sinh như sau:

Bảng 4.17. Dự báo khối lượng chất thải rắn từ nguyên vật liệu thi công xây dựng

STT	Tên nguyên vật liệu	Khối lượng (tấn)	Định mức hao hụt (*)	Khối lượng phát thải (tấn)
1	Gạch con sâu lối đi bộ	9	1,5	0,14
2	Bê tông lót cho lối đi bộ	21,6	1,5	0,32
3	Bê tông nhựa	120	1,5	1,80
4	Cấp phối đá dăm	402	1,5	6,03
5	Sắt thép	74,4	2,0	1,49
6	Bê tông tươi	1747	1,5	26,21
7	Gạch nung đặc	19,3	1,5	0,29
8	Kết cấu thép	57,9	2,0	1,16
9	Mái tôn, tường tôn	11,6	1,0	0,12
10	Sơn các loại	0,14	2,0	0,00
11	Tấm thạch cao	3,56	2,0	0,07
12	Cọc ép D300	586,8	2,0	11,74
13	Cống thoát nước mưa BTCT D300-:- D600	30,6	5,0	1,53
14	Dây điện	3,1	1,0	0,03
15	Ống nhựa uPvc	0,32	1,0	0,00
16	Dây hàn	0,15	0,0	0,00
17	Gỗ các loại	9,6	5,0	0,48
18	Xi măng	3,0	1,0	0,03
19	Đá các loại	48	1,0	0,48
20	Cửa thép	1,48	0,0	0,00
21	Cửa cuốn	1,35	0,0	0,00
22	Cửa sổ	0,07	0,0	0,00
Tổng		3151,1	-	51,9

Ghi chú: Định mức hao hụt vật liệu được quy định tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

Lượng chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng dự tính là **51,9 tấn**. Lượng chất thải này phải được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định để tránh làm ảnh hưởng đến hoạt động thi công xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị của Dự án.

c3, Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên xây dựng

Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên xây dựng trên công trường gồm: Đầu mẩu thuốc lá, vỏ hộp nước ngọt, thức ăn dư thừa... Ước tính số lượng công nhân là 30 người, mỗi người mỗi ngày thải ra khoảng 0,5 kg/ngày. Lượng chất thải rắn sinh hoạt là **15 kg/ngày**. Lượng chất thải này có chứa nhiều chất hữu cơ, dễ lâu dễ bị phân hủy, gây mùi hôi thối, ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân trực tiếp tham gia xây dựng. Mặt khác, loại chất thải này nếu không được thu gom sẽ làm mất vệ sinh, đi theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm khu vực xung quanh dự án.

Chủ dự án sẽ đề ra biện pháp thu gom và xử lý toàn bộ lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng.

D. Nguồn phát sinh chất thải nguy hại

Trong giai đoạn triển khai xây dựng của Dự án, chất thải nguy hại phát sinh bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải từ hoạt động của văn phòng chỉ huy; vỏ thùng sơn thải từ quá trình sơn các công trình; dầu thải, vỏ can dầu thải, ắc quy thải và giẻ lau dính dầu mỡ từ quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị; mùn cưa, cát khô, tấm thấm dầu khi xảy ra sự cố tràn dầu....

Khối lượng các chất thải nguy hại phát sinh tùy thuộc vào nhiều yếu tố như quy mô và kết cấu các hạng mục công trình; số lượng máy móc, thiết bị thi công trên công trường; chu kỳ các bảo dưỡng máy móc, thiết bị... Cụ thể như sau:

d1. Khối lượng vỏ thùng sơn thải

Khối lượng sơn sử dụng để sơn hoàn thiện các công trình của Dự án là 136 kg. Dự án sử dụng thùng sơn dung tích 23kg/cặp thùng. Do đó, số lượng vỏ thùng sơn thải là: $136\text{kg} : 23\text{kg/thùng} \approx 6$ cặp thùng. Mỗi vỏ thùng sơn 1,2 kg/thùng nên khối lượng vỏ thùng sơn thải của Dự án là: $6 \text{ cặp thùng} \times 1,2 \text{ kg/thùng} = \mathbf{7,2 \text{ kg}}$.

d2. Khối lượng dầu thải, vỏ can dầu thải, ắc quy thải, giẻ lau dính dầu mỡ thải

Lượng chất thải nguy hại này tùy thuộc vào số lượng, tình trạng của các máy móc, thiết bị tham gia thi công và chu kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị này. Chu kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị khoảng 6 tháng/lần. Thời gian thi công xây dựng của Dự án dự kiến là 8 tháng (240 ngày).

Do đó, nhà thầu sẽ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị thi công khoảng 01 lần trong quá trình thi công xây dựng. Căn cứ kinh nghiệm thực tế thi công trên công trường, tính

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

trung bình lượng dầu thải từ quá trình bảo dưỡng các máy móc, thiết bị là 7 lit/thiết bị/lần thay. Số lượng các máy móc, thiết bị cần bảo dưỡng là 16 chiếc. Cụ thể như sau:

Bảng 4.18. Số lượng máy móc, thiết bị cần bảo dưỡng

STT	Máy móc, thiết bị	Số lượng (chiếc)	Số lần bảo dưỡng (lần)	Lượng dầu thải (lít)
1	Xe ô tô tải tự đổ 12 tấn	04	01	28
2	Ô tô chuyển trộn bê tông 10,7m ³	01	01	7
3	Xe cần trục ô tô, sức nâng 20 tấn	01	01	7
4	Xe nâng, chiều cao nâng 12m	02	01	14
5	Máy xúc lật 1,25 m ³	01	01	7
6	Máy đào gầu, bánh hơi 1,25 m ³	02	01	14
7	Máy lu bánh hơi tự hành 16 tấn	02	01	14
8	Máy ủi 110 CV	02	01	14
Tổng		15		105

- Lượng dầu thải từ quá trình bảo dưỡng các máy móc, thiết bị tham gia thi công là 105 lít ~ **89,3 kg** (khối lượng riêng của dầu $d = 0,85 \text{ kg/lit}$).

- Sử dụng can dầu 10 lit thì số lượng vỏ can dầu thải là 8,9 vỏ; 1 vỏ can dầu 10 lit nặng khoảng 0,4 kg. Do đó, khối lượng vỏ can dầu thải là: $8,9 \times 0,4 = \mathbf{3,6 \text{ kg}}$.

- Lượng giẻ lau dính dầu mỡ thải ra khi bảo dưỡng máy móc, thiết bị trung bình là 1,0 kg/5 thiết bị trong mỗi lần bảo dưỡng. Số lượng các máy móc, thiết bị cần bảo dưỡng là 15 chiếc, số lần bảo dưỡng là 01 lần trong suốt quá trình thi công xây dựng. Do đó, khối lượng giẻ lau dính dầu mỡ phát sinh là: $(15 : 5) \times 1,0 \times 1 = \mathbf{3,0 \text{ kg}}$.

- Số lượng phương tiện cần thay thế ắc quy là 10 phương tiện. Ước tính mỗi ắc quy thay thế có khối lượng trung bình là 1kg. Với lần bảo dưỡng là 01 lần trong suốt quá trình thi công xây dựng, khối lượng ắc quy thải là **10 kg**.

d3. Khối lượng váng dầu mỡ thải và tắm thấm dầu thải từ bể thu nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị

Lượng váng dầu từ bể thu nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị thi công ước tính chiếm khoảng 0,01% thể tích nước thải. Theo tính toán ở trên, lượng nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị là 3,8 m³/ngày. Thời gian thi công xây dựng của Dự án

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

là 150 ngày nên lượng váng dầu mỡ phát sinh sẽ là $3,8 \text{ m}^3/\text{ngày} \times 150 \text{ ngày} \times 0,01\% = 0,057 \text{ m}^3 = 57 \text{ lít}$, tương đương **45,6 kg** (khối lượng riêng của váng dầu $d = 0,8 \text{ kg/lít}$).

Dự án sử dụng các tấm thấm dầu bằng chất liệu Polypropylen có diện tích $0,4 \text{ m}^2/\text{tấm}$ ($0,8 \text{ m} \times 0,5 \text{ m}$) và khối lượng là $0,2 \text{ kg/tấm}$ có khả năng hút là $0,3 \text{ lít/tấm}$. Lượng váng dầu dự kiến không vớt được (phải sử dụng tấm dầu để thấm hút) bằng 10% lượng váng dầu phát sinh tương đương $57 \text{ lít} \times 10\% = 5,7 \text{ lít}$. Vậy, số lượng tấm thấm dầu cần sử dụng $5,7 \text{ lít} : 0,3 \text{ lít/tấm} = 19 \text{ tấm}$. Khối lượng tấm thấm dầu thải sau khi sử dụng là $19 \text{ tấm} \times 0,2 \text{ kg/tấm} = \mathbf{3,8 \text{ kg}}$.

d4. Khối lượng cát dính dầu thải khi có sự cố rò rỉ dầu tại công trường

Khi có sự cố dầu bị rơi vãi, rò rỉ tại công trường, nhà thầu xây dựng sẽ sử dụng cát để thu gom lượng dầu rò rỉ, rơi vãi này. Vì vậy, đây là CTNH phát sinh không thường xuyên nên rất khó để dự báo. Tạm tính lượng cát dính dầu phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng **30 kg**.

d5. Khối lượng bóng đèn huỳnh quang thải

Tạm tính lượng bóng đèn huỳnh quang thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng **0,5kg**. Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng như sau:

Bảng 4.19. Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh giai đoạn thi công xây dựng

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Tính chất nguy hại chính	Khối lượng (8tháng thi công) (kg)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Đ, ĐS	NH	0,5
2	Ắc quy thải	Rắn	16 01 12	Đ, ĐS, AM	NH	5,0
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Đ, ĐS, C	NH	89,3
4	Váng dầu mỡ	Lỏng	17 05 05	Đ, ĐS	NH	45,6
5	Vỏ can dầu thải	Rắn	18 01 03	Đ, ĐS	KS	3,6
6	Vỏ thùng sơn thải	Rắn				7,2
7	Tấm thấm dầu thải	Rắn	18 02 01	Đ, ĐS	KS	3,8
8	Giẻ lau dính dầu mỡ	Rắn				3,0
9	Cát dính dầu	Rắn				30,0

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Tính chất nguy hại chính	Khối lượng (8tháng thi công) (kg)
Tổng						188,0

Ghi chú:

- KS: Chất thải công nghiệp phải kiểm soát.
- NH: Chất thải nguy hại trong mọi trường hợp.
- C: Dễ cháy; Đ: Có độc tính; ĐS: Có độc tính sinh thái; AM: Ăn mòn

Như vậy, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án là **188,0 kg**. Đây là các chất thải dễ bắt cháy, gây ra các sự cố cháy nổ. Các chất thải nguy hại này nếu không được thu gom và xử lý theo đúng quy định, khi phát tán ra ngoài môi trường sẽ gây tác động nguy hại đến các thành phần môi trường xung quanh, đặc biệt là đối với môi trường đất và nước. Chủ dự án sẽ có các biện pháp giảm thiểu đối với các chất thải nguy hại này tại phần sau của Báo cáo

4.1.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động môi trường không liên quan đến chất thải

a. Tác động do tiếng ồn

Trong giai đoạn thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án, tiếng ồn phát sinh chủ yếu là từ các máy móc, thiết bị tham gia thi công trên công trường. Theo thống kê của Bộ Y tế và Viện Nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật Bảo hộ lao động của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam thì tiếng ồn đối với cơ thể con người được thể hiện cụ thể ở các mức ồn khác nhau như sau:

Bảng 4.20. Tác động của tiếng ồn theo mức ồn

Mức ồn (dBA)	Tác động đến người nghe
0	Ngưỡng nghe thấy
100	Bắt đầu làm biến đổi nhịp tim
110	Kích thích mạnh màng nhĩ
120	Ngưỡng chói tai
130 - 135	Gây bệnh thần kinh và nôn mửa, làm yếu xúc giác và cơ bắp
140	Đau chói tai, nguyên nhân gây bệnh mất trí, điên
145	Giới hạn mà con người có thể chịu được đối với tiếng ồn
150	Nếu chịu đựng lâu sẽ bị thủng màng tai
160	Nếu tiếp xúc lâu sẽ gây hậu quả nguy hiểm

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Tiếng ồn từ các máy móc, thiết bị tham gia thi công nhìn chung là không liên tục, phụ thuộc vào nhiều yếu tố như biện pháp thi công, số lượng và tình trạng của các máy móc, thiết bị được sử dụng. Các máy móc, thiết bị được sử dụng một cách riêng biệt trong thi công được gọi là nguồn điểm.

Hiện nay, không chỉ Việt Nam mà còn nhiều nước khác trên Thế giới đều sử dụng các tài liệu đánh giá tiếng ồn điển hình từ các phương tiện, thiết bị thi công của Cục bảo vệ môi trường Mỹ làm căn cứ đánh giá mức ồn. Từ đó dự báo được mức ồn nguồn và tính toán mức ồn tại các đối tượng tiếp nhận khác nhau.

Để dự báo tiếng ồn gây ra tại các khu vực lân cận, có thể tính theo công thức Mackermienze (1985) về suy giảm tiếng ồn theo khoảng cách như sau:

$$L_i = L_p - \Delta L_d - \Delta L_c$$

Trong đó:

- L_p : Là tiếng ồn tại điểm cách nguồn 15 m;
- ΔL_c : Là mức độ suy giảm tiếng ồn khi đi qua vật cản (dự án đã có tường rào bao quanh $\Delta L_c = 15$ dBA);
- ΔL_d : Là mức độ suy giảm tiếng ồn đối với nguồn điểm ở khoảng cách d, tính theo công thức sau:

$$\Delta L_d = 20 \log [(r_2/r_1)^{1+a}] \text{ (dBA)}$$

- a: Là hệ số tính đến ảnh hưởng hấp thụ tiếng ồn của địa hình mặt đất, $a = 0$ (mặt đất khu vực được coi là trống trải);
- r_1 : Là khoảng cách từ nguồn đến điểm đo, $r_1 = 15$ m;
- r_2 : Là khoảng cách tính toán mức độ suy giảm tiếng ồn ứng với L_i (m).

Bảng 4.21. Tiếng ồn phát sinh từ các máy móc, thiết bị hoạt động độc lập (có tường rào bao quanh)

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng (chiếc)	Tiếng ồn (dBA) theo khoảng cách (m) ⁽¹⁾							
			15 (*)	20	30	40	50	100	150	200
1	Xe ô tô tải tự đổ 12 tấn	4	84,5	67,0	63,5	61,0	59,0	53,0	49,5	47,0
2	Ô tô chuyển trộn bê tông 10,7m ³	1	73,0	55,5	52,0	49,5	47,5	41,5	38,0	35,5
3	Xe cần trục ô tô, sức nâng 20 tấn	1	78,0	60,5	57,0	54,5	52,5	46,5	43,0	40,5

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng (chiếc)	Tiếng ồn (dBA) theo khoảng cách (m) ⁽¹⁾							
			15 (*)	20	30	40	50	100	150	200
4	Xe nâng, chiều cao nâng 12m	2	74,5	57,0	53,5	51,0	49,0	43,0	39,5	37,0
5	Máy xúc lật 1,25 m ³	1	83,5	66,0	62,5	60,0	58,0	52,0	48,5	46,0
6	Máy đào gầu, bánh hơi 1,25 m ³	2	81,5	64,0	60,5	58,0	56,0	50,0	46,5	44,0
7	Máy lu bánh hơi tự hành 16 tấn	2	82,0	64,5	61,0	58,5	56,5	50,5	47,0	44,5
8	Máy ủi 110 CV	2	81,0	63,5	60,0	57,5	55,5	49,5	46,0	43,5
9	Máy ép cọc Robot 460 tấn	1	75,0	57,5	54,0	51,5	49,5	43,5	40,0	37,5
10	Máy hàn	1	71,8	54,3	50,8	48,3	46,3	40,3	36,8	34,3
11	Máy cắt sắt cầm tay 1,7 kW	6	81,5	64,0	60,5	58,0	56,0	50,0	46,5	44,0
12	Máy nén khí, động cơ điện 5m ³ /h	1	76,0	58,5	55,0	52,5	50,5	44,5	41,0	38,5
QCVN 26:2010/BTNMT (6 giờ - 21 giờ)			70							

Ghi chú: (*): Cục Bảo vệ môi trường Mỹ, tiếng ồn và các thiết bị thi công, thiết bị xây dựng và đồ gia dụng, NJID, 300.1, ngày 31.12.1971

⁽¹⁾: Phát ồn đối với 1 thiết bị.

Để dự báo tiếng ồn phát sinh khi tất cả các máy móc, thiết bị thi công trên công trường hoạt động đồng thời, có thể tính theo công thức sau:

$$\Sigma L = L_1 + \Delta L \quad \text{(Công thức 4)}$$

Trong đó:

- ΣL : Tiếng ồn tổng tại điểm cách nguồn một khoảng cách;
- L_1 : Mức âm của nguồn âm lớn nhất;
- L_2 : Mức âm của nguồn âm thứ 2;
- ΔL : Số gia của nguồn âm, phụ thuộc vào hiệu số của 2 nguồn âm. ΔL theo bảng sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

L1 – L2	0	1	2	3	4	5	6	7	8	20	0	1
ΔL	3	2,5	2	1,6	1,5	1,2	1	0,8	0,6	0	3	2,5

(Nguồn: Giáo trình âm học kiến trúc, KTS Việt Hà – Nguyễn Ngọc Giả, Trường Đại học Kiến Trúc thành phố Hồ Chí Minh, 1993).

Áp dụng “Công thức 4”, tính toán cụ thể với trường hợp tiếng ồn do 04 xe ô tô tải 12 tấn sinh ra tại khoảng cách 30m:

$$L_H^{2-1} = 63,5 + 3 = 66,5 \text{ dB (do } L_2 - L_1 = 0 \text{ nên } \Delta L = 3)$$

$$L_H^{2-1-3} = 66,5 + 1,6 = 68,1 \text{ dB (do } L_{2-1} - L_3 = 3 \text{ nên } \Delta L = 1,6)$$

$$L_H^{2-1-3-4} = 68,1 + 1,2 = 69,3 \text{ dB (do } L_{2-1-3} - L_4 = 4,6 \text{ nên } \Delta L = 1,2)$$

Tính toán tương tự với các thiết bị khác cho kết quả như sau. Tính toán tiếng ồn phát sinh khi các máy móc, thiết bị thi công xây dựng trên công trường hoạt động đồng thời như sau:

Bảng 4.22. Tiếng ồn phát sinh khi 100% các máy móc, thiết bị hoạt động đồng thời

STT	Tên máy móc, thiết bị	Tiếng ồn (dBA) theo khoảng cách (m)						
		20	30	40	50	100	150	200
1	100% hoạt động đồng thời	77,3	71,8	69,3	67,3	61,3	57,8	55,3
QCVN 26:2010/BTNMT		70						

Ghi chú: QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

* Nhận xét: Từ các kết quả tính toán trên nhận thấy khi 100% các máy móc hoạt động đồng thời, tiếng ồn phát sinh ở khoảng cách 20 đến 30 m, vượt lần lượt 1,1 lần và 1,03 lần so với QCVN 26:2010/BTNMT. Tuy nhiên, trong thực tế không có trường hợp tất cả các máy móc, thiết bị thi công đều hoạt động đồng thời tại một vị trí và nếu Dự án bố trí thời gian thi công hợp lý sẽ giảm thiểu rất nhiều tác động từ tiếng ồn đến môi trường xung quanh. Khu đất triển khai thực hiện Dự án giáp với khu đất trống dự phòng của Công ty TNHH Bao bì Toàn Cầu Inter-Trend và cách cổng Công ty Bao bì 60 m, và đã có hàng rào ngăn cách cao 1,8 m. Do đó, tiếng ồn phát sinh trong quá trình thi xây dựng của Dự án sẽ không ảnh hưởng đến cán bộ, công nhân viên Công ty Bao bì nhưng lại ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân làm việc trên công trường. Vì vậy, chủ dự án đã đưa ra các biện pháp giảm thiểu để hạn chế tác động đến công nhân công trường được nêu tại phần sau của Báo cáo:

b. Nguồn gây rung động

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Hoạt động thi công xây dựng có thể gây ra độ rung ở mặt đất với mức độ khác nhau, phụ thuộc vào các máy móc, thiết bị thi công, phương pháp thi công và giảm dần theo khoảng cách. Các công trình gần khu vực thi công xây dựng sẽ bị ảnh hưởng của độ rung với các mức độ khác nhau từ không bị ảnh hưởng (ở mức rung thấp nhất), đến có thể cảm nhận được rung (ở mức rung trung bình) và gây phá hủy nhẹ (mức rung cao nhất). Độ rung sinh ra từ các hoạt động xây dựng ít khi đạt được mức gây phá hủy các cấu trúc khác, tuy nhiên có thể đạt đến mức có thể cảm nhận thấy tại những công trình nằm gần khu vực thực hiện dự án.

Trong giai đoạn thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án, hoạt động gây ra độ rung chủ yếu là từ hoạt động thi công nền móng. Để dự báo mức suy giảm độ rung tại một khoảng cách bất kỳ đối với nguồn điểm sử dụng công thức sau:

$$L_v(D) = L_v(7,62) - 20\log(D/7,62) \quad (\text{Công thức 5})$$

Trong đó:

- $L_v(D)$: Mức rung tại điểm tiếp nhận độ rung.
- $L_v(7,62)$: Mức rung tham khảo tại điểm cách nguồn 7,62 m.
- D : Khoảng cách từ thiết bị đến điểm tiếp nhận độ rung.

Tính toán độ rung phát sinh từ các máy móc, thiết bị thi công xây dựng như sau:

Bảng 4.23. Độ rung phát sinh từ các máy móc, thiết bị thi công xây dựng

STT	Thiết bị	Độ rung (dB) theo khoảng cách (m)								
		7,62(*)	10	20	30	40	50	100	150	200
1	Xe trộn bê tông 10 m ³	76	73,6	67,6	64,1	61,6	59,7	53,6	50,1	47,6
2	Máy xúc lật 1,5 m ³	71	68,6	62,6	59,1	56,6	54,7	48,6	45,1	42,6
3	Máy đào gầu 1,25m ³	75	72,6	66,6	63,1	60,6	58,7	52,6	49,1	46,6
4	Máy san ủi 110 CV	73	70,6	64,6	61,1	58,6	56,7	50,6	47,1	44,6
5	Máy lu bánh hơi tự hành 16 tấn	82	79,6	73,6	70,1	67,6	65,7	59,6	56,1	53,6
6	Máy ép cọc Robot 460 tấn	72	69,6	63,6	60,1	57,6	55,7	49,6	46,1	43,6
QCVN 27:2010/BTNMT (6 giờ - 21 giờ)		75								

Ghi chú: QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

() : Sở Giao thông vận tải Mỹ, đánh giá tiếng ồn, rung động từ hoạt động xây dựng, 2006.*

Nhận xét:

Từ kết quả tính toán trên nhận thấy, độ rung phát sinh trong quá trình thi công xây dựng của Dự án hầu hết đều nằm trong GHCP của QCVN 27:2010/BTNTM. Riêng máy lu tại khoảng cách 10m lớn hơn GHCP 1,06 lần. Để hạn chế tối đa tác động tiêu cực của độ rung trong hoạt động thi công xây dựng, Chủ dự án sẽ đưa ra các biện pháp giảm thiểu tại phần sau của báo cáo.

c. Tác động do nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn qua khu vực Dự án trong thời gian thi công xây dựng sẽ cuốn theo đất, cát, xi măng, chất thải sinh hoạt, dầu mỡ rơi vãi... gây ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận. So với nước thải sinh hoạt, nước mưa khá sạch, theo số liệu thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa đợt sau là: N: 0,5-1,5 mg/l; P: 0,004-0,03 mg/l; COD: 10-20 mg/l và TSS: 10-20 mg/l.

Lưu lượng nước mưa được tính toán theo phương pháp cường độ giới hạn:

$$Q = q \times F \times \varphi$$

Trong đó :

- Q: Lưu lượng nước mưa tính toán (m³/s);
- F: Diện tích lưu vực tính toán thoát nước mưa (ha), F = 1,125 ha;
- φ : Hệ số dòng chảy trong lưu vực ứng với loại mặt phủ ($\varphi = 0,15- 0,95$), trung bình $\varphi_{tb} = 0,6$;
- q: Cường độ mưa tính toán (l/s.ha), được xác định theo TCVN 7957:2023 – Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế.

$$q = \frac{A*(1+C*lgP)}{(t+b)^n} \times K$$

- P: Chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán (năm), đối với khu công nghiệp có công nghệ bình thường, P = 5;
- t: Thời gian dòng chảy mưa (phút), thời gian mưa tối đa t = 20 phút;
- A, C, b, n: Tham số xác định theo điều kiện mưa của địa phương. Tại thành phố Hải Phòng có A = 5.950; C = 0,55; b = 21; n = 0,82.

$$q = \frac{5950 \times (1+0,55 \times lg5)}{(20+21)^{0,82}} = 283,2 \text{ (l/s.ha)}$$

Vậy lưu lượng nước mưa qua khu vực Dự án là:

$$Q = (283,2 \times 1,125 \times 0,6)/1000 = \mathbf{0,19 \text{ (m}^3/\text{s)}}$$

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Lưu lượng nước mưa chảy qua khu vực Dự án tuy không lớn nhưng trong trường hợp mưa to, kéo dài trong mùa mưa bão, nếu hệ thống thoát nước của khu vực có nhiều bùn cặn lắng đọng sẽ làm nước mưa thoát không kịp, gây ngập úng cục bộ. Ngoài ra, trong nước mưa đợt đầu thường chứa lượng lớn các chất bẩn được tích tụ trên bề mặt như bụi, đất cát, dầu mỡ... từ quá trình thi công xây dựng trong những ngày không mưa. Lượng chất bẩn tích tụ trên bề mặt trong một khoảng thời gian được xác định như sau:

$$G = M_{\max} \times (1 - e^{-k_z \times T}) \times F$$

Trong đó:

- $M_{\max}$: Lượng chất bẩn có thể tích lũy lớn nhất (phụ thuộc vào mật độ giao thông tại khu vực), áp dụng cho khu vực công nghiệp $M_{\max} = 20$ kg/ha;
- k_z : Hệ số động học tích lũy chất bẩn (phụ thuộc vào cấp đô thị của khu vực), nội thành $k_z = 0,4$ ngày⁻¹;
- T : Thời gian tích lũy chất bẩn, xét $T = 15$ ngày;
- F : diện tích đất triển khai dự án, $F = 1,125$ ha.

$$G = 20 * [1 - \exp (-0,4 * 15)] * 1,125 = 22,45 \text{ kg}$$

Như vậy, lượng chất bẩn tích tụ trong khoảng 15 ngày tại khu vực thực hiện Dự án là **22,45 kg**. Lượng chất bẩn này không nhiều, tuy nhiên sẽ theo nước mưa chảy vào nguồn nước xung quanh gây ô nhiễm môi trường, tác động đến hệ sinh thái thủy sinh. Chủ dự án sẽ đưa ra các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tại phần sau của báo cáo.

d. Tác động đến giao thông khu vực

Trong quá trình thi công xây dựng, lưu lượng xe vận chuyển nguyên vật liệu và chất thải xây dựng của dự án trung bình khoảng 7,3 lượt xe/ngày, sẽ làm tăng lưu lượng xe tham gia giao thông trên đường vận chuyển. Đặc biệt cung đường vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng của dự án lại nằm trên đường 356 của huyện Thủy Nguyên và đường 5 cũ - tuyến đường có lượng phương tiện giao thông khá cao, nếu không có kế hoạch vận chuyển hợp lý rất dễ xảy ra ùn tắc gây ảnh hưởng đến hoạt động của các phương tiện khác, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu của Nhà máy. Đặc biệt cần lưu ý khi đi vào đường nội bộ KCN cần có các biện pháp thích hợp để hạn chế ảnh hưởng đến môi trường KCN. Mật độ giao thông tăng sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động của các phương tiện khác. Chủ dự án sẽ đưa ra biện pháp vận chuyển thích hợp để hạn chế ảnh hưởng đến việc đi lại của người dân và các hoạt động vận tải hàng hóa của các cơ sở đang hoạt động trong Khu công nghiệp.

e. Tác động tới kinh tế - xã hội

Trong giai đoạn thi công xây dựng công trình, Dự án tác động đến kinh tế - xã hội của khu vực như sau:

- Góp phần thúc đẩy một số ngành kinh doanh khác phát triển như: Vận tải, buôn bán vật liệu xây dựng, dịch vụ ăn uống...

- Tạo công ăn việc làm cho một bộ phận các công nhân xây dựng (tuy chỉ mang tính nhất thời).

- Dự án nằm trong Khu công nghiệp VSIP, do đó tác động đến trật tự xã hội gần như không đáng kể. Việc bảo vệ thiết bị, vật tư được đảm bảo do đã có tường rào bao quanh khuôn viên, hạn chế ảnh hưởng đến tiến độ của dự án.

4.1.1.3. Đánh giá, dự báo các tác động do các rủi ro, sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn xây dựng

a. Tai nạn lao động

Dự án tập trung 10– 30 công nhân trong quá trình xây dựng và thi công lắp đặt thiết bị. Khi công nhân thao tác máy móc không cẩn thận, bất cẩn, làm việc mất tập trung hoặc không tuân thủ đúng các quy định về an toàn lao động thì tai nạn lao động rất dễ xảy ra, gây ảnh hưởng tới sức khỏe, thậm chí gây nguy hiểm đến tính mạng của người lao động. Nguyên nhân chủ yếu là do bị vật liệu xây dựng rơi đổ vào người, ngã từ trên cao xuống do giàn giáo, cầu trục bị sập gãy, tai nạn do vận hành các máy móc cơ giới hay do các thiết bị, đường dây bị hở điện...

Tai nạn lao động cũng có thể xảy ra do tình trạng bất lợi của thời tiết (mưa bão, tố, lốc, sương mù,...) mang lại.

b. Tai nạn giao thông

Trong thời gian xây dựng, các phương tiện giao thông đi lại tại khu vực thực hiện Dự án sẽ tăng lên. Tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu và chất thải xây dựng của Dự án là các tuyến tập trung đông dân cư, có mật độ giao thông cao, nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông lớn. Khi tai nạn giao thông xảy ra sẽ gây thiệt hại về người, tài sản và làm gián đoạn tiến độ thi công dự án.

c. Sự cố cháy nổ

Sự cố cháy nổ, chập điện, mất điện có thể xảy ra trong giai đoạn xây dựng và đặc biệt khi thi công lắp đặt thiết bị do các nguyên nhân như bảo quản dầu và các chất thải dễ cháy không đúng quy định, các thiết bị sử dụng không được kiểm tra an toàn. Các sự cố này nếu không được phát hiện và ngăn chặn kịp thời sẽ gây ra những thiệt hại về người, tài sản và ảnh hưởng đến hoạt động xây dựng dự án.

- Cháy nổ thường xảy ra tại khu vực để phụ liệu dầu và khu vực ổ điện, nếu dầu bị rò rỉ và gặp ngọn lửa hoặc xảy ra sự cố chập điện thì sẽ dẫn đến cháy nổ.

- Sự cố chập điện có thể làm hỏng các thiết bị xây dựng dự án sử dụng hoặc có thể gây ra chập cháy, mất điện toàn dự án dẫn đến dừng thi công. Sự cố chập điện thường xảy ra bởi các nguyên nhân như:

+ Chập mạch: thường xảy ra ở đoạn dây dẫn hở, hiện tượng này xảy ra khi các pha chập vào nhau hoặc dây pha chạm đất, khiến cho điện trở dây dẫn tăng lên đột ngột làm cháy dây dẫn sinh ra lửa điện và làm hủy hoại các thiết bị điện.

+ Quá tải điện năng: nguyên nhân bắt nguồn từ những thiết bị điện có công suất lớn mà hệ thống mạng điện của dự án chưa khoa học, không có ổn áp hỗ trợ.

+ Các mối nối không chặt chẽ: thường gặp ở vị trí nơi ổ cắm, phích cắm không tương thích với nhau, quá lỏng lẻo hoặc quá chặt, hở. Chính chỗ bị hở không khí vào sẽ làm cho điện trở dây dẫn tăng làm chảy nhựa xung quanh điểm tiếp xúc dẫn tới cháy thiết bị liền kề.

d. Sự cố thiên tai

Hải Phòng nằm trong khu vực có tần suất bão đổ bộ trực tiếp lớn trong cả nước. Gió bão có thể gây ra các sự cố sau đối với quá trình xây dựng Dự án:

- Đổ các giàn giáo, cần cẩu thi công,...
- Thổi bay người từ trên cao xuống, thổi bay các tấm lợp.
- Mưa bão có thể phá hủy đường vận chuyển nguyên vật liệu, làm hư hỏng các thiết bị điện chưa lắp ráp.
- Khi mưa bão thường xuất hiện sét, có thể gây hiện tượng sét đánh vào thiết bị điện, máy móc bằng kim loại trên công trường, gây chập điện, cháy nổ, hư hại thiết bị.
- Cuốn trôi các máy móc, thiết bị tập kết chuẩn bị lắp ráp và phương tiện thi công.
- Lật đổ xe vận chuyển nguyên vật liệu, phá hủy các hạng mục công trình đang thi công, gây thất thoát tài sản và ngừng trệ tiến độ thi công xây lắp.

e. Sự cố máy hàn

Dự án sử dụng máy hàn để hàn các cấu kiện thép. Quá trình hàn có thể xảy ra các sự cố như máy hàn tự động ngắt hoặc không hàn được, máy hàn yếu, phát ra tiếng kêu lớn, máy bị rò điện, rò khí, các mối nối điện bị cháy đen... Sự cố xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hiệu suất công việc cũng như sự an toàn của người công nhân.

4.1.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện trong giai đoạn triển khai xây dựng

4.1.2.1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đối với các tác động có liên quan đến chất thải

a. Giảm thiểu tác động xấu do bụi, khí thải

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Chủ dự án sẽ yêu cầu và giám sát các nhà thầu thi công thông qua Hợp đồng trúng thầu thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu như sau:

- Cách ly khu vực công trường thi công với các khu vực xung quanh bằng tường rào bằng tôn, chiều cao tối thiểu của tường rào là 3,0 m để giảm thiểu bụi, khí thải phát tán.
- Phương tiện vận chuyển phải được đăng kiểm theo quy định và được phủ bạt che kín thùng xe đặc biệt là khi vận chuyển các nguyên vật liệu rời.
- Phương tiện vận chuyển không được chở quá trọng tải quy định, tuân thủ các quy định về an toàn giao thông đường bộ như chạy đúng làn đường, đúng tốc độ...
- Bố trí tuyến đường vận chuyển, thời gian vận chuyển hợp lý tránh vào các giờ cao điểm, tan tầm.
- Tổ chức phun nước làm ẩm trên công trường vào những ngày thời tiết hanh khô (với tần suất ít nhất 1 lần/ngày).
- Công trường thi công xây dựng thường xuyên được quét dọn, luôn đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Không sử dụng các máy móc, thiết bị thi công quá cũ (có hệ số phát thải chất ô nhiễm cao), đồng thời tắt khi hoạt động gián đoạn, không cần thiết.
- Các máy móc, thiết bị phải được bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa hư hỏng kịp thời để đảm bảo vận hành an toàn đồng thời giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trên công trường như găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ, kính.

b. Giảm thiểu tác động xấu do nước thải

Chủ dự án sẽ yêu cầu và giám sát các nhà thầu thi công thông qua Hợp đồng trúng thầu thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu như sau:

*** Nước thải sinh hoạt**

- Ban hành nội quy nghiêm cấm phóng uế bừa bãi tại khu vực xây dựng.
- Trang bị 02 nhà vệ sinh di động đặt tại những vị trí phù hợp, thuận tiện cho sinh hoạt của công nhân và tránh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất hiện tại của nhà máy. Nhà vệ sinh di động làm bằng vật liệu nhựa composit, vách ngăn hai lớp cách nhiệt, có thể tích hầm chứa phân tiểu là khoảng 1.000 lít. Ký hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng để định kỳ 2 ngày/lần tiến hành nạo hút và vận chuyển chất thải nhà vệ sinh di động đi xử lý theo quy định.

*** Nước thải xây dựng**

- Xây sàn công tác bê tông tạm thời tại phía tây nam dự án để làm mặt bằng thi

công, tập kết và vệ sinh các máy móc, thiết bị, phương tiện.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển được thu gom vào bể thu để lắng cặn các chất thải rắn. Bể thu tạm thời được bố trí trong khu vực công trường gần khu vực vệ sinh thiết bị. Bể thu có kích thước BxLxH = 1,0x2,0x1,0 m chia làm hai ngăn (một ngăn lắng và một ngăn có các tấm thấm dầu). Nước thải sau bể thu chảy vào hệ thống thu gom nước thải hiện có của Khu công nghiệp VSIP. Sau khi thi công xong, bể thu sẽ được lấp đầy và gia cố chặt. Tấm thấm dầu sẽ được thu gom và quản lý cùng với chất thải nguy hại khác phát sinh tại công trường.

c. Giảm thiểu tác động xấu do chất thải rắn thông thường

Chủ dự án sẽ yêu cầu và giám sát các nhà thầu thi công thông qua Hợp đồng trúng thầu thực hiện các biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Cụ thể như sau:

*** Đối với chất thải rắn sinh hoạt**

- Bố trí các thùng đựng rác có nắp đậy loại 120 lít đặt tại vị trí phù hợp, thuận tiện cho sinh hoạt của cán bộ, công nhân xây dựng. Nhân viên sẽ thực hiện phân loại rác thải và tập kết tại khu tập kết rác thải sinh hoạt của nhà máy hiện tại. Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng – Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân sẽ vận chuyển, xử lý hàng ngày theo hợp đồng với KCN VSIP.

- Ban hành nội quy giữ gìn vệ sinh chung tại công trường xây dựng trong đó yêu cầu toàn thể cán bộ nhân viên bỏ rác thải đúng nơi quy định.

*** Đối với chất thải rắn xây dựng**

- Lập phương án thu gom, vận chuyển và đổ thải chất thải xây dựng theo tiến độ thực hiện Dự án, đảm bảo tránh gây cản trở và làm mất an toàn trong thi công.

- Bố trí khu vực tập kết tạm thời chất thải rắn xây dựng tại công trường đảm bảo tránh ngập nước và có bạt che phủ phòng tránh nước mưa chảy tràn.

- Hạn chế tối đa lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh bằng việc có giải pháp thiết kế phù hợp, tính toán hợp lý vật liệu sử dụng, giáo dục công nhân có ý thức tiết kiệm và thắt chặt công tác quản lý, giám sát công trình.

- Chất thải rắn xây dựng phải được phân loại ngay tại nơi phát sinh để có phương án thu gom, vận chuyển và xử lý cho phù hợp:

+ Xây kho chứa rác công nghiệp tạm tại khu vực phía Đông Bắc dự án. Kho có mái che, tường xây gạch, có các thùng chứa 500l có nắp đậy.

+ Đất đào hố móng (278,8m³) được tận dụng để san nền khu đất dự án, không thải ra ngoài môi trường.

+ Chất thải rắn từ quá trình thi công xây dựng (gạch, vữa, bê tông...) sẽ đổ thải tại các dự án trong khu công nghiệp VSIP làm vật liệu san lấp mặt bằng. Chủ dự án chỉ thực hiện hoạt động đổ thải sau khi ký văn bản thỏa thuận với các chủ dự án/chủ bãi đổ thải có nhu cầu tiếp nhận chất thải xây dựng làm vật liệu san lấp mặt bằng.

+ Chất thải có khả năng tái chế như sắt, thép, đầu mẫu gỗ thừa,... sẽ được thu gom vào thùng chứa loại 500 lít và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng tái chế.

+ Chất thải rắn thông thường không có khả năng tái chế như bao bì nilon, phoi gỗ,... được thu gom vào thùng chứa loại 500 lít tại kho chứa rác tạm, vận chuyển, xử lý theo như chất thải công nghiệp của nhà máy hiện hữu. Sau khi dự án hoàn thành xây dựng, kho rác sẽ được phá dỡ, rác thải được vận chuyển về kho mới.

d. Giảm thiểu tác động xấu do chất thải nguy hại

Chủ dự án sẽ yêu cầu và giám sát các nhà thầu thi công thông qua Hợp đồng trúng thầu thực hiện các biện pháp quản lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2002/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể như sau:

- Phân công một cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để đảm nhiệm việc phân định, phân loại và quản lý CTNH.

- Bố trí khu vực kho lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời, dự kiến xây tại khu vực phía Đông Bắc nhà máy. Kho chứa tạm có diện tích khoảng 10m², có mái che, nền chống thấm, gờ chống tràn, cửa ra vào khép kín và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Tiến hành phân loại chất thải ngay tại nguồn. Bố trí các thùng rác có nắp đậy loại 120 lít để mỗi loại chất thải sẽ được lưu giữ trong một thùng riêng biệt, bên ngoài mỗi thùng chứa CTNH có dán mã chất thải và dấu hiệu cảnh báo. Kho chứa sẽ lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng và từ quá trình sản xuất của nhà máy hiện hữu. Sau khi dự án hoàn thành xây dựng, kho rác sẽ được phá dỡ, rác thải được vận chuyển về kho mới.

- Lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong đó có nội dung về quản lý chất thải nguy hại gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

4.1.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đối với các tác động không liên quan đến chất thải

a. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu do tiếng ồn và độ rung

- Bố trí thời gian và sắp xếp các hoạt động thi công xây dựng hợp lý nhằm hạn chế việc diễn ra đồng thời các hoạt động gây ra tiếng ồn và độ rung lớn, đặc biệt là vào thời gian nghỉ ngơi.

- Thực hiện nghiêm túc các quy phạm trong thi công xây dựng:
- + Tất cả những máy móc, thiết bị hoạt động gián đoạn nếu không cần thiết;
- + Các máy móc, thiết bị thi công hoạt động đúng công suất thiết kế;
- + Lắp đặt các kết cấu đàn hồi giảm rung dưới chân bệ các máy móc, thiết bị như hộp dầu giảm chấn, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su...;
- + Định kỳ kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ tra dầu mỡ bôi trơn, bảo dưỡng đối với các máy móc thiết bị thi công, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để bảo đảm sự vận hành an toàn và giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh;
- Ưu tiên, khuyến khích nhà thầu thi công sử dụng các máy móc, thiết bị và phương pháp thi công có mức gây tiếng ồn, độ rung thấp;
- Công nhân làm việc ở gần nguồn gây ồn phải được trang bị thiết bị chống ồn.

b. Giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công xây dựng sẽ qua song chắn để loại bỏ đất đá có kích thước lớn, sau đó theo rãnh đào thu về hố ga (kích thước 0,6 x 0,8 x 1,0 m) để lắng cặn trước khi chảy vào hệ thống thoát nước mưa của KCN VSIP. Hố ga được thường xuyên vệ sinh, nạo vét bùn cặn.
- Bố trí đầy đủ bạt phủ để che khu vực tập kết tạm thời chất thải xây dựng, đảm bảo không để các chất thải bị cuốn theo nước mưa xuống hệ thống thoát nước chung của khu vực.
- Thường xuyên quét dọn vệ sinh công trường, quản lý ngăn chặn rò rỉ dầu mỡ, vật liệu và chất thải xây dựng rơi vãi do các phương tiện thi công gây ra. Trong trường hợp có dầu mỡ rơi vãi, sử dụng cát để thu gom lượng dầu mỡ rơi vãi này. Lượng cát dính dầu mỡ sẽ được thu gom, quản lý cùng với các chất thải nguy hại khác.

c. Giảm thiểu tác động đến giao thông khu vực

- Bố trí tuyến đường và thời gian vận chuyển hợp lý, hạn chế qua khu vui chơi, chợ, trường học, bệnh viện... và tránh vào các giờ cao điểm, tan tầm.
- Yêu cầu người điều khiển phương tiện chấp hành các quy định về an toàn giao thông đường bộ như chờ đúng trọng tải, chạy đúng làn đường, đúng tốc độ...
- Các phương tiện vận chuyển dừng, đỗ đúng nơi quy định và có kế hoạch cứu hộ các phương tiện bị sự cố, tránh gây ùn tắc giao thông.
- Đặt biển báo hạn chế tốc độ, cảnh báo “công trường thi công” trước và sau khu vực triển khai thực hiện Dự án.
- Kết hợp với cảnh sát giao thông và chính quyền địa phương để phân luồng giao thông, đặc biệt vào các giờ cao điểm vì dễ xảy ra ùn tắc, tai nạn.

d. Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội khu vực

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương để hạn chế số lượng công nhân từ những nơi khác đến. Đăng ký tạm trú cho công nhân xây dựng.
- Chủ dự án sẽ kết hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền cho công nhân hiểu biết về các tệ nạn xã hội.
- Đề ra nội quy lao động, nghiêm cấm đánh bạc, sử dụng các chất kích thích trong thời gian thi công.
- Bố trí lực lượng bảo vệ giám sát công trường để hạn chế tình trạng mất cắp vật tư, thiết bị.

4.1.2.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đối với các rủi ro, sự cố có thể xảy ra

a. Đối với tai nạn lao động

*** Trách nhiệm của nhà thầu thi công**

- Xây dựng và ban hành nội quy về an toàn lao động đối với tất cả các hoạt động trên công trường xây dựng.
- Lập phương án xử lý, ứng cứu khẩn cấp khi xảy ra sự cố mất an toàn trong quá trình thi công xây dựng.
- Tất cả công nhân trên công trường được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và được đào tạo, tập huấn về các quy định an toàn lao động, vệ sinh môi trường.
- Các công nhân tham gia vận hành máy móc, thiết bị thi công có chứng chỉ hành nghề và được huấn luyện khi xảy ra sự cố.
- Kiểm tra thường xuyên các thông số kỹ thuật, điều kiện an toàn của các máy móc, thiết bị tham gia thi công.
- Lập hàng rào cách ly, lắp đặt đèn tín hiệu và biển cảnh báo tại các khu vực nguy hiểm, dễ xảy ra tai nạn.
- Bố trí hộp sơ cứu tại nhà văn phòng ban quản lý và đưa người bị nạn đến bệnh viện gần nhất để cấp cứu nếu gặp tai nạn.
- Phối hợp các bên liên quan kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường trên công trường.

*** Trách nhiệm của Chủ dự án**

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn trong thi công xây dựng của nhà thầu thi công.

- Kiên quyết dừng thi công và yêu cầu nhà thầu thi công khắc phục khi phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định về an toàn trong thi công xây dựng và có chế tài xử phạt trong hợp đồng nếu xảy ra mất an toàn.

b. Đối với tai nạn giao thông

- Đặt biển báo hạn chế tốc độ, cảnh báo có công trình xây dựng.
- Hạn chế các phương tiện vận chuyển vào giờ cao điểm.
- Người điều khiển các phương tiện giao thông phải chấp hành các quy định về an toàn giao thông đường bộ
- Khi có sự cố xảy ra cần báo cáo ngay cho Chủ dự án, Cảnh sát giao thông để có phương án cứu hộ xe tai nạn, tránh ùn tắc giao thông.

c. Đối với sự cố cháy nổ

Chủ dự án sẽ yêu cầu và giám sát các nhà thầu thi công thông qua Hợp đồng trúng thầu thực hiện các biện pháp sau:

- Nghiêm chỉnh tuân thủ quy định của pháp luật về PCCC và các quy định, tiêu chuẩn trong thi công xây dựng.
- Lập phương án PCCC phù hợp với thực tế, đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình thi công, đảm bảo an toàn cháy nổ.
- Tất cả công nhân trên công trường được đào tạo, tập huấn về PCCC và thực hiện đầy đủ nội quy phòng chống cháy nổ.
- Trong quá trình lắp đặt hệ thống điện và các thiết bị điện phải đảm bảo tuân thủ tuyệt đối các quy tắc an toàn về điện.
- Quản lý chặt chẽ các nguồn nhiệt, nguồn lửa dễ phát sinh cháy nổ.
- Quản lý và hướng dẫn công nhân trong công tác thi công các hạng mục liên quan đến sử dụng điện và phát sinh tia lửa như hàn, cắt kim loại....
- Bố trí các phương tiện, thiết bị PCCC để khắc phục tại chỗ khi có cháy xảy ra, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản.
- Trong thời gian thi công phải liên hệ với các cơ sở xung quanh và chính quyền địa phương để hỗ trợ công tác PCCC khi cần thiết.
- Đảm bảo giao thông được thông suốt cũng như lượng nước chữa cháy để công tác chữa cháy kịp thời, hiệu quả khi xảy ra sự cố cháy nổ.

d. Đối với sự cố thiên tai

Chủ dự án sẽ yêu cầu và giám sát các nhà thầu thi công thông qua Hợp đồng trúng thầu thực hiện các biện pháp sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Lập phương án phòng chống lụt bão chi tiết trong thời gian thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.
- Tổ chức học tập, phổ biến, nắm chắc nội dung các công việc cần phải làm để ứng cứu sự cố bão lụt đến tất cả công nhân viên trên công trường.
- Tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố môi trường để đảm bảo việc ứng cứu luôn kịp thời, hiệu quả khi xảy ra các sự cố.
- Ngừng toàn bộ các hoạt động thi công xây dựng trên công trường khi có mưa bão, ngập lụt lớn xảy ra.
- Khi có hiện tượng ngập lụt, phải nhanh chóng tiến hành di dời các máy móc, thiết bị, vật tư, chất thải... và có các biện pháp khơi thông dòng chảy.
- Chủ dự án thường xuyên theo dõi dự báo về bão, giông và các hiện tượng thời tiết bất thường khác để thông báo cho các nhà thầu thi công. Khi nhận được thông báo, nhà thầu thi công phải kịp thời triển khai kế hoạch phòng chống lụt bão theo đúng phạm vi, chức trách được phân công.

e. Sự cố máy hàn: Khi sự cố xảy ra kiểm tra lại máy hàn, vệ sinh máy hàn, đấu lại dây điện, điều chỉnh là nguồn điện của máy hàn.

4.2. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH

4.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

Các nguồn tác động phát sinh chất thải trong giai đoạn vận hành của Dự án được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 4.24. Bảng liệt kê các tác động đến môi trường trong giai đoạn vận hành

STT	Nguồn gây tác động	Chất phát thải
1	Hoạt động giao thông	- Bụi, khí thải (CO, SO ₂ , NO _x ,...). - Tiếng ồn, độ rung.
2	Hoạt động sản xuất	- Phoi, vụn kim loại từ quá trình gia công đột dập - Phế liệu đồng, thép. - Sản phẩm lỗi - Các tấm carton dính dầu - Dung dịch rửa sản phẩm thải - Hơi dầu
3	Hoạt động sinh hoạt	- Nước thải sinh hoạt. - Chất thải rắn sinh hoạt.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

STT	Nguồn gây tác động	Chất phát thải
4	Hoạt động văn phòng	- Chất thải rắn thông thường. - Chất thải nguy hại.
5	Hoạt động bảo dưỡng máy móc, thiết bị	- Chất thải nguy hại (dầu bôi trơn thải, vỏ can đựng dầu, giẻ lau dính dầu,...).
6	Hoạt động của máy phát điện dự phòng	- Bụi, khí thải

4.2.1.1. Đánh giá tác động của các nguồn phát sinh chất thải

A. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

Các nguồn phát sinh bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành của Dự án bao gồm:
 (1) Bụi, khí thải từ hoạt động giao thông của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm và phương tiện giao thông cá nhân; (2) Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất; (3) Mùi từ hoạt động đun nấu; (4) Bụi, khí thải từ hoạt động máy phát điện dự phòng.

*** Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông**

Theo thống kê tại Bảng 1.5, khối lượng nguyên vật liệu và sản phẩm cần vận chuyển tại dự án trong giai đoạn hiện tại như sau: lượng nguyên vật liệu nhập về trung bình 161.950,0 kg/tháng; khối lượng sản phẩm cần vận chuyển đi là: 100.333,0 kg/tháng. Đối với dự án mở rộng hoạt động với công suất 2404,0 tấn sản phẩm/năm, lượng nguyên liệu nhập về trung bình 323.500,0 kg/tháng; lượng sản phẩm cần vận chuyển đi: 200.333,0 kg/tháng.

Hoạt động vận chuyển sẽ làm phát sinh bụi và khí thải (SO_2 , NO_2 , CO, C_nH_m) từ động cơ của xe ô tô tải sử dụng nhiên liệu dầu Diesel (DO). Việc vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm của Dự án được thực hiện bằng xe ô tô tải sử dụng nhiên liệu dầu Diesel (DO) có trọng tải trung bình là 12 tấn; thời gian vận chuyển là 26 ngày/tháng và 8 giờ/ngày. Do đó, số chuyến xe như sau:

Bảng 4.25. Lượng xe vận chuyển trong giai đoạn vận hành

STT	Nội dung	Dự án hiện tại	Dự án sau hoàn thành xây dựng
1	Khối lượng nguyên vật liệu (kg/tháng)	161950,0	323.500,0
2	Sản phẩm (kg/tháng)	100333,0	200.333,0
Tổng khối lượng vận chuyển (kg/tháng)		262283,0	523.833,0
Số chuyến xe (lượt xe/giờ)		0,21	0,42

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Từ số lượt xe vận chuyển đã tính toán ở trên, xác định được tải lượng các chất ô nhiễm từ động cơ của xe ô tô tải như sau:

Bảng 4.26. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ động cơ của xe ô tô tải trong giai đoạn vận hành

STT	Các chất phát thải	Hệ số phát thải (kg/1000km.lượt xe)	Tải lượng phát thải (E) (mg/m.s)	
			Dự án hiện tại	Dự án sau hoàn thành xây dựng
1	Bụi	0,9	0,000053	0,000105
2	CO	14,4	0,000169	0,000338
3	SO ₂	4,15S	0,00000012	0,00000024
4	NO ₂	2,9	0,000841	0,001679
5	C _n H _m	0,8	0,000047	0,000093

Ghi chú: (*) Hệ số phát thải theo Hướng dẫn về phương pháp đánh giá nhanh ô nhiễm môi trường, WHO, 1993 đối với loại xe ô tô có trọng tải 3,5 - 16,0 tấn chạy bằng nhiên liệu dầu Diesel (DO); S là hàm lượng % lưu huỳnh có trong dầu Diesel (S = 0,05%).

Trong quá trình xe ô tô tải vận chuyển hàng, bụi phát sinh từ chính nguyên vật liệu vận chuyển và bụi trên mặt đường bị cuốn lên từ lớp xe. Áp dụng công thức 1, tính toán được hệ số phát thải bụi **L = 0,129 kg/km/lượt xe**. Từ số lượt xe chạy đã tính toán ở trên, xác định được tải lượng bụi do bị xe ô tô tải cuốn lên như sau:

Bảng 4.27. Tải lượng bụi do bị xe ô tô tải cuốn lên trong giai đoạn vận hành

Giai đoạn vận hành	Số lượt xe (lượt xe/h)	Hệ số phát thải bụi (kg/km/lượt xe)	Tải lượng bụi (kg/km.h)	Tải lượng bụi (mg/m.s)
Hiện tại	0,21	0,129	0,027111	0,007531
Mở rộng	0,42	0,129	0,054146	0,015041

Như vậy, tải lượng các chất ô nhiễm từ hoạt động vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm của Dự án bằng xe ô tô tải như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Bảng 4.28. Tải lượng các chất ô nhiễm từ hoạt động vận chuyển bằng xe ô tô tải trong giai đoạn vận hành

STT	Các chất phát thải	Tải lượng phát thải (E) (mg/m.s)	
		Dự án hiện tại	Dự án sau hoàn thành xây dựng
1	Bụi	0,007583	0,015146
2	CO	0,000169	0,000338
3	SO ₂	0,00000012	0,00000024
4	NO ₂	0,000841	0,001679
5	C _n H _m	0,000047	0,000093

*** Bụi và khí thải từ phương tiện giao thông cá nhân**

Người lao động đến Dự án làm việc chủ yếu bằng xe máy, tập trung ra vào trong khoảng thời gian 1 giờ vào đầu buổi sáng và 1 giờ vào cuối buổi chiều. Tổng số lao động của dự án hiện tại là 63 người, dự án mở rộng là khoảng 120 người, tương ứng số lượt xe máy của người lao động ra vào khu vực Dự án lần lượt là **63 và 120 lượt/giờ**. Theo Hướng dẫn về kỹ thuật đánh giá nhanh ô nhiễm môi trường của Tổ chức Y tế thế giới (WHO, 1993), tải lượng các chất ô nhiễm từ xe máy của công nhân viên như sau:

Bảng 4.29. Tải lượng các chất ô nhiễm từ xe máy của công nhân giai đoạn vận hành

STT	Các chất phát thải	Tải lượng (g/10km.lượt xe)	Tải lượng phát thải (E) (mg/m.s)	
			Dự án hiện tại	Dự án sau hoàn thành xây dựng
1	Bụi	1,2	0,0021	0,0040
2	CO	2,2	0,0039	0,0073
3	SO ₂	0,6	0,0011	0,0020
4	NO ₂	0,8	0,0014	0,0027
5	C _n H _m	1,5	0,0026	0,0050

Từ các bảng trên, tính toán được tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động giao thông (gồm phương tiện vận chuyển hàng hoá và phương tiện giao thông cá nhân) tại khu vực Dự án như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Bảng 4.30. Tải lượng các chất ô nhiễm từ hoạt động giao thông đường bộ trong giai đoạn vận hành

STT	Các chất phát thải	Tải lượng phát thải (E) (mg/m.s) ^(*)	
		Dự án hiện tại	Dự án sau hoàn thành xây dựng
1	Bụi	0,0097	0,0191
2	CO	0,0040	0,0077
3	SO ₂	0,0011	0,0020
4	NO ₂	0,0022	0,0043
5	C _n H _m	0,0027	0,0051

Ghi chú: ^(*) Bao gồm tải lượng do hoạt động vận chuyển của xe tải, và từ xe máy của công nhân.

Áp dụng công thức Sutton, công thức 2, tính toán nồng độ các chất ô nhiễm không khí gia tăng như sau:

Bảng 4.31. Dự báo nồng độ chất ô nhiễm gia tăng từ hoạt động giao thông đường bộ trong giai đoạn vận hành

Khoảng cách (m)			10	20	30	40	50	100	150	200	QCVN (*)
Nồng độ (µg/m ³)	Hiện tại	Bụi	1,63	1,08	0,82	0,67	0,57	0,35	0,21	0,21	300
		CO	0,68	0,45	0,34	0,28	0,24	0,14	0,09	0,09	30.000
		SO ₂	0,18	0,12	0,09	0,07	0,06	0,04	0,02	0,02	350
		NO ₂	0,38	0,25	0,19	0,15	0,13	0,08	0,05	0,05	200
		C _n H _m	0,45	0,30	0,23	0,18	0,16	0,10	0,06	0,06	5000
	Giai đoạn sau Dự án hoàn thành xây dựng	Bụi	3,23	2,13	1,62	1,32	1,13	0,69	0,42	0,42	300
		CO	1,29	0,85	0,65	0,53	0,45	0,28	0,17	0,17	30.000
		SO ₂	0,34	0,22	0,17	0,14	0,12	0,07	0,04	0,04	350
		NO ₂	0,73	0,48	0,37	0,30	0,26	0,16	0,09	0,09	200
		C _n H _m	0,86	0,57	0,43	0,35	0,30	0,18	0,11	0,11	5000

Ghi chú: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

So sánh nồng độ các chất ô nhiễm với QCVN 05:2023/BTNMT nhận thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong giai đoạn hiện tại và Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án thấp hơn nhiều lần giới hạn cho phép của QCVN. Khối lượng sản phẩm và lượng tiêu thụ nguyên vật liệu của nhà máy tương đối thấp, lượng xe ô tô cần vận chuyển không nhiều và số lượng xe của cán bộ công nhân viên cũng không lớn. Do vậy, khí thải sinh ra từ hoạt động giao thông của dự án khi đi vào vận hành gần như không đáng kể. Chủ dự án sẽ đưa ra biện pháp giảm thiểu khí thải từ hoạt động giao thông.

*** Bụi và khí thải từ quá trình gia công đột dập và bảo dưỡng**

Dự án mở rộng chỉ mở rộng nhà xưởng, giữ nguyên công nghệ. Do nguyên liệu đầu vào là tấm đồng cuộn, thép cuộn có chất lượng cao và quá trình gia công sử dụng dầu gia công có tác dụng vừa làm mát vừa tăng chất lượng cắt gọt, giảm mài mòn, hạn chế bụi kim loại phát sinh ra môi trường nên bụi kim loại từ quá trình dập, khoan, phay, tiện hầu như không phát sinh. Theo thực tế hoạt động tại công ty, bụi và khí thải phát sinh như sau:

Bảng 4.32. Kết quả phân tích môi trường lao động năm 2023

STT	Vị trí quan trắc	Kết quả (mg/m ³)				
		Bụi toàn phần	CO	CO ₂	SO ₂	NO ₂
1	Phòng QC	0,029	<1,15	2845,0	<0,262	<0,19
2	Phòng sản xuất	0,038	<1,15	3267,0	<0,262	<0,19
3	Phòng bảo dưỡng	0,035	<1,15	3750,0	<0,262	<0,19
4	Khu đóng gói và xuất hàng	0,038	<1,15	3158,0	<0,262	<0,19
5	Văn phòng Tầng 1	0,028	<1,15	2976,0	<0,262	<0,19
QCVN 02:2019/BYT		8,0	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT		-	20	9000	5	5

Nguồn: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường lao động năm 2023.

QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Từ Bảng trên cho thấy, Bụi toàn phần và các hơi khí độc quan trắc trong môi trường lao động của công ty không phát hiện hoặc thấp hơn nhiều lần giới hạn cho phép theo QCVN 02:2019/BYT và 03:2019/BYT. Ngoài ra, Công ty còn các biện pháp giảm thiểu phù hợp khác nên không ảnh hưởng đến công nhân làm việc trong nhà xưởng.

*** Mùi từ hoạt động đun nấu**

Hiện tại, suất ăn của công ty được cung cấp từ đơn vị bên ngoài, công ty chưa phát sinh hoạt động đun nấu. Tuy nhiên, khi dự án mở rộng đi vào hoạt động, dự tính sẽ có hoạt động nấu ăn cho 120 công nhân viên. Bếp ăn sẽ sử dụng gas để đun nấu. Gas (LPG) được xem là loại nhiên liệu sạch đối với môi trường nên ảnh hưởng từ hoạt động đun nấu bằng gas đến môi trường không khí xung quanh là không đáng kể. Do đó, trong quá trình đun nấu, chế biến thức ăn sẽ chỉ phát sinh mùi thức ăn.

*** Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng**

Dự án hiện tại và dự án mở rộng có lắp đặt 1 máy phát điện dự phòng có công suất 125kVA chạy bằng nhiên liệu dầu Diesel (DO). Hoạt động của máy phát điện có thể làm phát sinh bụi và khí thải (CO , SO_2 , NO_x , C_xH_y ,...) do quá trình đốt cháy dầu DO.

Lượng dầu DO tiêu thụ của máy phát điện có công suất 125 kVA là 10,8 lít/h tương đương 9 kg/h (với khối lượng riêng của dầu DO là 840 kg/m^3). Hệ số và tải lượng phát thải chất ô nhiễm từ máy phát điện được tính toán như sau:

Bảng 4.33. Hệ số và tải lượng phát thải chất ô nhiễm của máy phát điện

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải (kg/tấn dầu DO)	Tải lượng phát thải (kg/h)
1	TSP	0,71	0,00639
2	CO	2,19	0,01971
3	SO ₂	20S	0,00900
4	NO ₂	9,62	0,08658
5	C _x H _y	0,79	0,00711

(Nguồn: *Compliance test Report for particulate emission from waukesha diesel Generator, Bristol Meyers, Wallinsford, CT, TRC. Environmental consultant, 1987*)

Ghi chú: - S là nồng độ % lưu huỳnh trong dầu Diesel ($S = 0,05\%$).

- Tải lượng phát thải = Hệ số phát thải x Lượng nhiên liệu tiêu thụ.

Nhiệt độ dòng khí từ máy phát điện khoảng 200°C và áp suất 103kPa thì lượng khí thải khi đốt cháy 1kg DO khoảng 38 m^3 . Như vậy, lượng khí thải phát sinh từ máy phát điện của Dự án khi đốt cháy 9 kg DO là: $9 \times 38 = 342 \text{ m}^3/\text{h}$.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh từ máy phát điện dự phòng của Dự án được tính toán như sau:

Bảng 4.34. Tải lượng và nồng độ chất ô nhiễm từ các máy phát điện dự phòng giai đoạn vận hành

STT	Chất ô nhiễm	Nồng độ (mg/Nm ³) (*)	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (**)
1	Bụi	18,68	200
2	CO	57,63	1.000
3	SO ₂	26,32	500
4	NO _x	253,16	850
5	C _x H _y	32,72	-

Ghi chú: - (*): Nm³ - Mét khối khí thải chuẩn ở nhiệt độ 25°C, áp suất 760 mm Hg;

- (**): QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (áp dụng hệ số K_p = 1 với lưu lượng nguồn thải P ≤ 20.000 m³/h; K_v = 1,0 áp dụng cho khu công nghiệp).

Nhận xét:

Từ kết quả tính toán trên cho thấy, bụi và khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng của Dự án có nồng độ thấp hơn so với QCCP (QCVN 19:2009/BTNMT). Mặt khác, đây là nguồn phát thải không thường xuyên và chỉ phát sinh cho công tác PCCC do vậy tác động tới môi trường là nhỏ. Để hạn chế tác động tiêu cực từ máy phát điện dự phòng, chủ dự án sẽ đưa ra các biện pháp giảm thiểu.

B. Nguồn phát sinh nước thải

b1, Nước thải sinh hoạt

❖ **Đối với dự án hiện tại:**

Số lượng cán bộ, người lao động hiện tại của công ty là 63 người. Lượng nước cấp cho sinh hoạt trung bình khoảng 3,17 m³/ngày, (theo hóa đơn nước năm 2023). Lượng nước thải sinh hoạt hiện tại là 3,17 m³/ngày (Căn cứ theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sử dụng).

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên nhà máy bao gồm:

+ Nước thải chứa phân, tiểu từ bồn cầu nhà vệ sinh còn được gọi là “nước đen” (Theo Báo cáo của Viện Khoa học Kỹ thuật Môi trường - Đại học Xây dựng Hà Nội tại hội thảo "Công nghệ xử lý chất thải đô thị và khu công nghiệp", tháng 4/2009, khối

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

lượng nước thải chứa phân tiêu từ bồn cầu vệ sinh chiếm khoảng 20% tổng khối lượng nước thải phát sinh: $3,17 \times 20\% = 0,63 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Trong nước thải dạng này thường chứa cặn, chất hữu cơ cao và các loại vi khuẩn gây bệnh, gây mùi hôi thối. Hàm lượng các chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (Nitơ tổng, Phospho tổng) cao. Loại nước thải này thường gây nguy hại đến sức khỏe con người, dễ gây nhiễm bẩn nguồn nước tiếp nhận.

+ Nước thải khác (nước từ nhà tắm, nước từ lavabo rửa tay, nước vệ sinh sàn) có chứa chất hoạt động bề mặt, chất tẩy trắng... Nước thải loại này mang tính kiềm cao.

Hiện tại, nước thải sinh hoạt tại công ty được xử lý sơ bộ tại các bể tách mỡ, bể tự hoại 3 ngăn, Trạm xử lý nước thải $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN VIP.

❖ **Đối với dự án sau hoàn thành giai đoạn xây dựng**

Nhu cầu nước của dự án sau giai đoạn hoàn thành xây dựng dự kiến là $8,98 \text{ m}^3$ (trong đó $6,6 \text{ m}^3$ cho hoạt động sinh hoạt; $2,38 \text{ m}^3$ cho hoạt động tưới cây, vệ sinh sân đường) (Chi tiết: bảng 1.7).

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên nhà máy bao gồm:

+ Nước thải chứa phân, tiêu từ bồn cầu nhà vệ sinh còn được gọi là “nước đen” ước tính: $1,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Nước thải từ bếp, nhà ăn (dự kiến, dự án mở rộng sẽ tổ chức nấu ăn cho 120 cán bộ, công nhân với lượng sử dụng là 25 lít/người.ngđ) là khoảng $3,0 \text{ m}^3/\text{ngđ}$. Nước thải bếp ăn phát sinh từ hoạt động rửa và chế biến thực phẩm. Nước thải này có nồng độ dầu, mỡ động thực vật cao nên khi thải ra nguồn tiếp nhận sẽ làm giảm lượng oxy hoà tan trong nước, ảnh hưởng tới đời sống của động thực vật thủy sinh. Chủ dự án sẽ đưa ra biện pháp giảm thiểu.

+ Nước thải khác (từ nhà tắm, nước từ lavabo rửa tay, nước vệ sinh sàn) có chứa chất hoạt động bề mặt, chất tẩy trắng....

Chất lượng nước thải sinh hoạt khi không được xử lý được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 4.35. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

Chất ô nhiễm	Nồng độ (mg/l) (Khi chưa xử lý)	Yêu cầu chất lượng nước thải của KCN VSIP
BOD ₅	450 - 540	400
COD	720 - 1020	600
Chất rắn lơ lửng	700 - 1450	400

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Chất ô nhiễm	Nồng độ (mg/l) (Khi chưa xử lý)	Yêu cầu chất lượng nước thải của KCN VSIP
Tổng N	60 - 120	16,2
Amoni (theo N)	24 - 48	4,05
Mật độ Coliform (MPN/100ml)	10^6 - 10^9	5.000

Nguồn: PGS.TS Hoàng Kim Cơ và các cộng sự, Kỹ thuật Môi trường, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

Số liệu trong bảng trên cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi chưa qua xử lý cao hơn so với yêu cầu của KCN VSIP.

Để chất lượng nước thải đạt Tiêu chuẩn của KCN VSIP theo hợp đồng đã ký kết, nước thải của công ty sẽ được xử lý sơ bộ tại các bể tách mỡ, bể tự hoại 3 ngăn trước khi chảy vào Trạm xử lý nước thải $7\text{m}^3/\text{ngày}$ của Nhà máy. Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN và dẫn về trạm xử lý nước thải KCN VSIP. Hàng tháng, Công ty TNHH công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam thực hiện trả phí xử lý nước thải đầy đủ cho KCN VSIP.

- *Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải dự án của Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP:*

Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP do Công ty TNHH VSIP Hải Phòng quản lý với công suất thiết kế $9.950\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, đã được cấp phép xả thải, ra kênh Phán Đạt. Các kết quả quan trắc chất lượng nước thải đầu ra đến nay đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A (với hệ số $K_q=0,9$ và $K_f=0,9$)

Tính đến tháng 08 năm 2024, 100% số khách hàng hoạt động trong KCN đều đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP. Tổng số cơ sở đầu nối và đăng ký đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN hiện tại là: 54 cơ sở. Hiện tại, hệ thống xử lý đang vận hành với công suất $5.200\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, đạt 52,3% công suất thiết kế.

Như vậy, Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN còn đủ khả năng chịu tải đối với công suất $7\text{ m}^3/\text{ngày}$ của dự án.

b2, Nước từ phòng máy nén khí

Luôn luôn có chứa một lượng nước trong không khí xung quanh được hút vào máy nén khí. Và lượng nước này cần được loại bỏ trước khi đưa vào sử dụng. Máy nén có một bộ bể nước đặc biệt được lắp đặt sau bộ làm mát, dùng để bể và loại bỏ nước trong khí nén khi đã ngưng tụ. Lượng máy nén khí cho dự án mở rộng không đổi so với hiện tại. Ước tính lượng nước ngưng xả đáy tối đa là 20-30 lít/ ngày. Tùy theo điều kiện

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

về thời tiết, nhiệt độ, độ ẩm khác nhau, lượng thải sẽ có sự chênh lệch. Lượng nước này thường lẫn dầu trong máy nén khí nên cần được xử lý như chất thải nguy hại.

b3, Nước rửa sản phẩm

Theo yêu cầu một số sản phẩm cần phải rửa sạch dầu mỡ bám trên sản phẩm (khoảng 1%). Lượng nước rửa sản phẩm không lớn khoảng 10 lít trong thùng chứa, quá trình rửa mỗi mẻ sản phẩm rất nhanh, trong hệ thống khép kín nên mức độ phát tán hơi trong nhà xưởng trong quá trình rửa không đáng kể. Quá trình rửa sản phẩm làm phát sinh nước thải có chứa cặn dầu, mỡ được xếp là chất thải nguy hại và quản lý theo quy định. Trung bình sau $50 \div 100$ lần rửa, công nhân sẽ xả khoảng 1 lít dầu cặn ở đáy. 1 ngày rửa được khoảng 25 lần. Dầu cặn và nước rửa xả lẫn dầu được thu gom vào phuy dầu thải để chuyển giao cho Công ty CP xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình xử lý.

C. Nguồn phát sinh chất thải rắn thông thường

c1, Chất thải rắn sinh hoạt

Rác thải sinh hoạt của cán bộ công nhân nhà máy chủ yếu bao gồm:

- Rác thải từ khu vực bếp, nhà ăn bao gồm: túi nilon, phần thừa của thức ăn, vỏ lon, vỏ hoa quả, bánh kẹo...
- Rác thải từ văn phòng: giấy vụn, bì, kẹp ghim...

Khối lượng rác sinh hoạt của dự án hiện tại và dự án mở rộng như sau:

Bảng 4.36. Khối lượng rác thải sinh hoạt giai đoạn vận hành

STT	Nội dung	Hiện tại	Mở rộng (dự tính)
1	Số lượng người	63 người	120 người
2	Khối lượng rác thải sinh hoạt	4,7 kg/ngày (*) 122,2 kg/tháng	60kg/ngày (**) 1.560 kg/tháng

Ghi chú: (*): Theo chứng từ chuyển giao từ năm tháng 5/2023 đến tháng 4/2023 của công ty.

(**): Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong các cơ sở sản xuất công nghiệp có nhà ăn tập thể ước tính trung bình là khoảng 0,5 kg/người/ngày.

c2, Chất thải rắn sản xuất

- Nguyên liệu thừa, vật liệu tái chế:

Sau khi phân loại và sửa chữa, phần sản phẩm lỗi còn lại được coi là phế liệu. Phần thừa sản xuất bao gồm: đầu thừa (zanzai), bavaria của đồng cuộn, thép cuộn hay gọi chung là phế liệu, phế thải được bố trí đưa vào hai kho riêng chứa nguyên liệu thừa, vật liệu tái chế. Theo thống kê của công ty từ năm 2023 đến tháng 7/2024, lượng đồng phế liệu (đầu thừa) được chuyển giao trung bình 51.976,7 kg/tháng bao gồm đồng phế liệu

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

51.512,2 kg/tháng, thép phế liệu 464,5 kg/tháng.

Lượng chất thải rắn có thể tái sử dụng này nếu không được tận dụng sẽ gây lãng phí, không mang lại hiệu quả kinh tế cho chủ đầu tư. Vì vậy, trong quá trình sản xuất, lượng nguyên liệu thừa và vật liệu có thể tái chế sẽ được chủ dự án thu gom, phân loại, có các hướng xử lý phù hợp với lượng phế liệu, phế thải phát sinh nêu trên.

- *Chất thải rắn công nghiệp:*

Lượng rác thải công nghiệp bao gồm: gỗ, bìa carton, nilon thải, nhựa thải..., tính theo thực tế phát sinh từ tháng 5/2023 đến tháng 4/2024 và dự kiến phát sinh giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án như sau:

Bảng 4.37. Khối lượng CTR công nghiệp dự kiến giai đoạn vận hành

STT	Chất thải công nghiệp	Khối lượng (kg/tháng)	
		Dự án hiện tại (*)	Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án
1	Gỗ (thùng gỗ, pallet gỗ)	1690,2	5000,0
2	Giấy (bìa carton, giấy bọc, giấy in)	464,3	400,0
3	Nhựa (khay nhựa, bao bì nhựa)	155,5	1000,0
4	Kim loại (dây đai sắt, đinh ghim kẹp, chi tiết khuôn)	77,0	180,0
5	Khác (túi nilon, màng bọc nilon, dây sợi buộc,...)	419,9	1000,0
Tổng		2.910,8	7580,0

Ghi chú: (*) *Thống kê theo chứng từ chuyển giao rác thải công nghiệp từ tháng 5/2023 đến tháng 4/2023.*

Như vậy, khối lượng rác thải công nghiệp phát sinh hiện tại **2,9 tấn/tháng** và của dự án sau hoàn thành xây dựng là **7,6 tấn/tháng**.

Dự báo khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong giai đoạn vận hành của Dự án và khả năng phân loại để tái chế như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Bảng 4.38. Khối lượng CTR thông thường giai đoạn vận hành và khả năng phân loại để tái chế

STT	Tên CTR công nghiệp thông thường	Khối lượng (kg/tháng)		Ghi chú
		Dự án hiện tại (*)	Dự án sau hoàn thành xây dựng	
I	Hoạt động sinh hoạt			
1	Chất thải rắn sinh hoạt	122,2	1.560,0	Tiến hành phân loại và thuê đơn vị có chức năng xử lý
II	Hoạt động sản xuất			
2.1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường				
1	Gỗ (thùng gỗ, pallet gỗ)	1794,1	5000,0	Bán cho đơn vị có chức năng tái chế
2	Nhựa (khay nhựa, bao bì nhựa)	155,5	400,0	Bán cho đơn vị có chức năng tái chế
3	Giấy (bìa carton, giấy bọc, giấy in)	464,3	1000,0	Bán cho đơn vị có chức năng tái chế
4	Kim loại (dây đai sắt, đinh ghim kẹp, chi tiết khuôn)	77,0	180,0	Bán cho đơn vị có chức năng tái chế
5	Khác (túi nilon, màng bọc nilon, dây sợi buộc,...)	419,9	1000,0	Tiến hành phân loại và thuê đơn vị có chức năng xử lý
2.2. Phế liệu (gồm nguyên liệu thừa và sản phẩm lỗi không thể khắc phục)				
6	Đồng phế liệu	51.512,2	122.000,0	Bán cho đơn vị có chức năng tái chế
7	Sắt thép phế liệu	464,4	1.100,0	Bán cho đơn vị có chức năng tái chế
Tổng		55.009,6	132.240,0	-

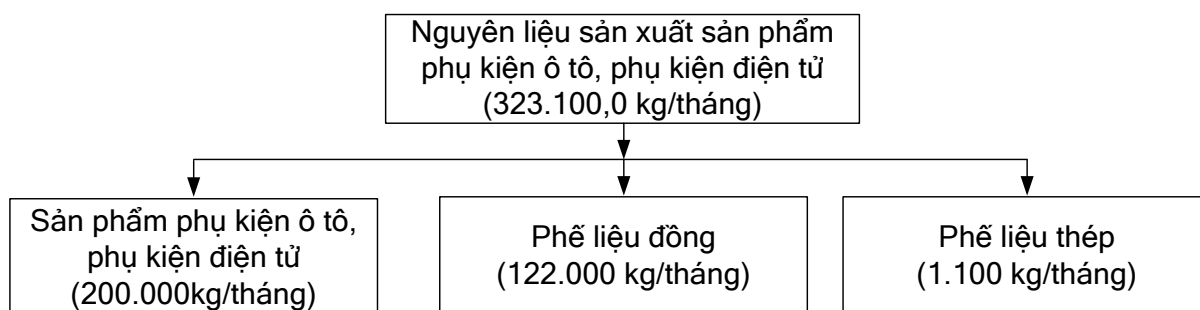
Lượng rác công nghiệp của công ty không lớn, tuy nhiên nếu không có biện pháp thu gom, quản lý sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất.

** Tính toán cân bằng giữa khối lượng nguyên vật liệu sử dụng và khối lượng chất thải phát sinh khi đạt 100% công suất và sơ đồ cân bằng vật chất trong giai đoạn sau khi hoàn thành dự án.*

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

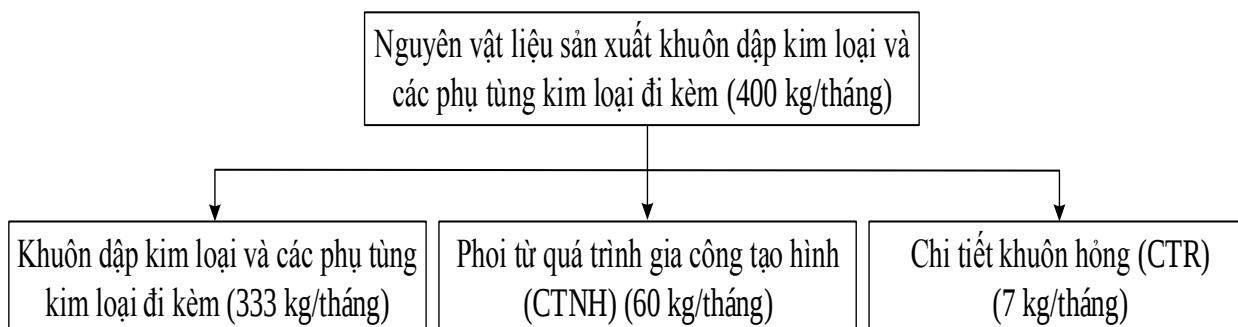
- Sản phẩm khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm: giữ nguyên công suất.

- Sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tử: tăng công suất từ 1.200 tấn/năm lên 2.400 tấn/năm. Khối lượng nguyên vật liệu (323.100,0 kg/tháng) = Khối lượng sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tử (200.000,0 kg/tháng) + Khối lượng phế liệu (123.100,0 kg/tháng).



Hình 4.1. Sơ đồ cân bằng vật chất với sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tử

- Khối lượng nguyên vật liệu sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm (400 kg/tháng) = Khối lượng sản phẩm khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm (333 kg/tháng) + Khối lượng phoi từ quá trình gia công tạo hình (60 kg/tháng) + Khối lượng chi tiết khuôn hồng (7 kg/tháng).



Hình 4.2. Sơ đồ cân bằng vật chất của dự án với sản phẩm khuôn dập

D. Tác động của chất thải nguy hại

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký chất thải nguy hại trong Giấy phép môi trường năm 2023 của công ty. Các chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Công ty bao gồm:

- Giẻ lau, găng tay dính dầu;
- Các loại bao bì dầu, mỡ thải;
- Dầu động cơ, bôi trơn tổng hợp thải và cặn dầu thải cùng nước rửa xả lẫn dầu từ thùng rửa sản phẩm phát sinh không thường xuyên tùy thuộc vào sản phẩm cần rửa theo yêu cầu khách hàng. Ngoài ra, còn một lượng nước lẫn dầu từ phòng máy nén khí.
- Phoi kim loại lẫn dầu,

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (đá mài kim cương, trung bình 1 năm thay 1 lần, 1 viên đá nên không phải chất thải phát sinh thường xuyên);

- Gói hút ẩm (có chứa thành phần silic) thải;

- Bóng đèn huỳnh quang thải, mực in thải;

Lượng CTNH phát sinh của dự án hiện tại (từ tháng 5/2023 đến tháng 4/2024) và dự báo CTNH phát sinh trong giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án đạt công suất 2404 tấn/năm (tăng công suất gấp 2 lần so với GPMT năm 2023) như sau:

Bảng 4.39. Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Tính chất nguy hại chính	Khối lượng (kg/tháng)	
						Giai đoạn hiện tại	Giai đoạn hoàn thành xây dựng dự án
1	Chất thải có silic hữu cơ nguy hại (gói hút ẩm)	Rắn	02 08 01	Đ, C	KS	21,0	160,0
2	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	Đ, ĐS	NH	39,8	500,0
3	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu	Rắn	07 03 11	Đ, ĐS	KS	7,8	120,0
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Đ, ĐS	NH	-	3,0
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	Đ, ĐS, AM	NH	-	10,0
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Đ, ĐS, C	NH	-	60,0
7	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02	Đ, ĐS	KS	-	100,0
8	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	Đ, ĐS	KS	-	20,0
9	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Đ, ĐS	KS	34,6	640,0
10	Nước thải có các thành phần nguy hại (nước thải từ rửa sản phẩm, nước thải từ máy nén khí)	Lỏng	19 10 01	Đ	KS	-	100,0
Tổng khối lượng						103,2	1.713,0

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Ghi chú: - KS: Chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

- NH: Chất thải nguy hại trong mọi trường hợp.

- C: Dễ cháy; Đ: Có độc tính; ĐS: Có độc tính sinh thái; AM: Ăn mòn

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành hiện tại và Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án của Dự án là không nhiều. Tuy nhiên, đây là các chất thải dễ bắt cháy, gây ra các sự cố cháy nổ và nếu không được thu gom, xử lý theo đúng quy định, khi phát tán ra ngoài môi trường sẽ gây tác động nguy hại đến các thành phần môi trường xung quanh, đặc biệt là đối với môi trường đất và nước. Chủ dự án sẽ đưa ra các biện pháp giảm thiểu đối với các chất thải nguy hại này tại phần sau của báo cáo.

4.2.1.2. Đánh giá tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải

E. Nguồn phát sinh tiếng ồn

❖ Giai đoạn hiện tại

Kết quả quan trắc vi khí hậu và ánh sáng, tiếng ồn tại công ty năm 2023 như sau:

Bảng 4.40. Kết quả quan trắc môi trường lao động năm 2023

STT	Vị trí quan trắc	Kết quả				
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Ánh sáng (Lux)	Tiếng ồn (dBA)
1	Phòng QC	26,8	62,3	ĐH	1341	60,4
2	Phòng sản xuất	27,2	61,0	ĐH	652	82,5
3	Phòng bảo dưỡng	26,3	66,7	ĐH	922	64,5
4	Khu đóng gói và xuất hàng	27,4	68,8	ĐH	378	70,3
5	Văn phòng Tầng 1	26,7	66,7	ĐH	545	59,2
QCVN 26:2016/BYT		18-32	40-80	0,2-1,5	≥300	-
QCVN 24:2016/BYT		-	-	-	-	85

Ghi chú: Nguồn: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường lao động năm 2023.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- DH: Sử dụng điều hòa (Đối với phòng sử dụng điều hòa, tốc độ chuyển động không khí có thể dưới 0,2m/s nếu thông gió trong phòng đảm bảo nồng độ không khí CO₂ đạt tiêu chuẩn cho phép).

Tiếng ồn phát sinh là đặc trưng ô nhiễm của loại hình cơ khí. Tiếng ồn sẽ gây ảnh hưởng tới sức khỏe lao động cũng như gây mất ngủ, mệt mỏi, gây tâm lý khó chịu. Tiếng ồn còn làm giảm năng suất lao động của người công nhân. Tiếp xúc với tiếng ồn có cường độ cao trong thời gian dài sẽ làm thính lực giảm sút, dẫn tới bệnh điếc nghề nghiệp.

Theo kết quả quan trắc môi trường lao động tại Công ty năm 2023 (Bảng 4.40) thì kết quả tiếng ồn đo từ 59,2 đến 82,5dB. Khu vực sản xuất, chứa máy dập có tiếng ồn cao nhất, tuy nhiên vẫn nhỏ hơn GHCP theo QCVN 24:2016/BYT của Bộ Y tế. Theo thống kê của Bộ Y tế và Viện Nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật Bảo hộ lao động của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam thì tiếng ồn phát sinh tại công ty vẫn nằm trong ngưỡng nghe thấy (Bảng 4.20).

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án**

Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án, dự án xây thêm xưởng sản xuất, số lượng máy dập lắp đặt tại xưởng 2 là 13 máy, 100% máy mới (so với 16 máy dập có độ mới từ 70% tại xưởng hiện hữu). Do vậy, dự tính tiếng ồn từ hoạt động sản xuất tại xưởng 2 sẽ nằm trong GHCP của Bộ Y tế.

Nhận xét:

Việc lắp đặt thêm thiết bị cũng sẽ làm mức ồn trong xưởng sản xuất tăng nhưng chưa vượt GHCP theo QCVN 24:2016/BYT. Tuy nhiên, tiếng ồn sẽ giảm theo khoảng cách và ra ngoài khu vực xưởng, với vật cản là tường nhà xưởng thì tiếng ồn còn tiếp tục giảm nên ra đến ngoài hàng rào Công ty tiếng ồn không ảnh hưởng đến cán bộ, công nhân viên của các đơn vị xung quanh.

Công ty sẽ trình bày các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn tối thiểu để giảm tác động đối với người công nhân làm việc trong khu vực xưởng.

F. Nguồn phát sinh độ rung

Trong giai đoạn hoạt động của Dự án, nguồn phát sinh độ rung chủ yếu là các máy dập có công suất lớn. Rung động với cường độ lớn hoặc kéo dài sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến cơ thể như làm rối loạn tiền đình, thay đổi nhịp tim, di lệch các nội tạng trong ổ bụng, gây các bệnh nghề nghiệp như viêm xương khớp, vô sinh... Ngoài ảnh hưởng đến cơ thể, rung động còn gây sụt lún, nứt, vỡ, sập... các công trình hạ tầng.

Tuy nhiên, các khu vực sản xuất của Dự án hiện tại và sau mở rộng được gia cố nền móng trước khi lắp đặt các máy móc, thiết bị. Đồng thời tại chân đế của các máy móc, thiết bị có khả năng gây rung động đều được lắp đặt các đệm cao su chống rung hoặc bộ đế giảm chấn. Vì vậy, ảnh hưởng của độ rung trong các khu vực sản xuất đến trực tiếp người lao động là nhỏ và đến các khu vực xung quanh là không đáng kể.

G. Ô nhiễm nhiệt

Quá trình gia công cùng với máy móc sản xuất thải ra một lượng nhiệt dư thừa làm tăng nhiệt độ môi trường nơi làm việc lên cao hơn tiêu chuẩn cho phép $0,5 - 1,5^{\circ}\text{C}$. Vào mùa hè, dưới tác động của bức xạ mặt trời làm cho nhiệt độ môi trường không khí xung quanh nhà xưởng cao, gây cảm giác khó chịu và ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. Lượng nhiệt phát sinh trong nhà xưởng sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe người công nhân lao động trực tiếp, làm cho quá trình trao đổi chất trong cơ thể công nhân sản sinh ra nhiều nhiệt sinh học hơn. Nếu khả năng thích ứng của cơ thể người lao động không đủ để trung hòa các nhiệt dư thì gây ra trạng thái mệt mỏi, làm tăng khả năng chấn thương và có thể xuất hiện dấu hiệu lâm sàng của bệnh do nhiệt cao. Trong điều kiện phải làm việc thời gian dài ở nhiệt độ cao sẽ gây rối loạn các hoạt động sinh lý của cơ thể và gây ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thần kinh trung ương. Nếu quá trình này kéo dài có thể dẫn đến bệnh đau đầu kinh niên.

H. Tác động của nước mưa chảy tràn

Dự án hiện tại và mở rộng đều nằm trong khu vực diện tích $11.250,0 \text{ m}^2$. Dự án đi vào vận hành sẽ không làm thay đổi lưu lượng, thành phần, tính chất của nước mưa chảy tràn qua khu vực Công ty do toàn bộ hoạt động sản xuất được thực hiện trong khu vực có mái che. Tuy nhiên, nếu không chú ý quét dọn đường nội bộ Nhà máy dễ dẫn đến ô nhiễm nước mưa tràn mặt do nước mưa cuốn theo rác, đất cát xuống rãnh thoát gây tắc nghẽn, ô nhiễm môi trường cục bộ.

So với nước thải sinh hoạt, nước mưa khá sạch, theo số liệu thống kê của Tổ chức Y tế Thế Giới (WHO) cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa đợt sau là: N: $0,5-1,5 \text{ mg/l}$; P: $0,004-0,03 \text{ mg/l}$; COD: $10-20 \text{ mg/l}$ và TSS: $10-20 \text{ mg/l}$.

Lưu lượng nước mưa qua khu vực Công ty là không lớn, như tính toán ở giai đoạn xây dựng là: $Q = 0,19 \text{ m}^3/\text{s}$. Lượng chất bẩn tích tụ trong khoảng 15 ngày tại khu vực Công ty là **22,45 kg**. Lượng chất bẩn này sẽ theo nước mưa chảy vào nguồn nước xung quanh gây ô nhiễm môi trường, tác động đến hệ sinh thái thủy sinh. Chủ dự án sẽ đưa biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn tại phần sau của báo cáo.

I. Tác động đối với giao thông

Khi Dự án đi vào giai đoạn vận hành, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm của Dự án sẽ làm gia tăng mật độ của các phương tiện lưu thông dọc tuyến đường vận chuyển, nhất là tuyến đường nội bộ của KCN.

Số lượng công nhân tăng từ 63 người lên 120 người, nên dễ khiến tăng lượng xe lưu thông trên đường nội bộ KCN vào giờ tan tầm.

Số lượng xe vận chuyển nguyên vật liệu sản xuất và sản phẩm khá ít, trung bình 0,42 chuyến/ngày trong giai đoạn hoàn thành xây dựng dự án. Trong quá trình vận chuyển, một phần nguyên vật liệu có thể bị rơi vãi xuống đường sẽ ảnh hưởng đến hoạt động đi lại của người dân, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông, đồng thời là nguồn phát sinh bụi chính trên tuyến đường. Tuy nhiên chủ dự án vẫn đưa các biện pháp giảm thiểu tối đa tới hoạt động giao thông.

J. Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực

Việc thực hiện dự án sẽ mang lại hiệu quả về mặt kinh tế, xã hội như sau:

- Đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đột dập và khuôn đột dập từ khách hàng của Công ty.

- Dự án phù hợp với quy hoạch phát triển KCN VSIP, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng, tạo điều kiện thuận lợi để khai thác tiềm năng của địa phương, góp phần duy trì công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho một bộ phận người ở độ tuổi lao động, (khoảng 120 lao động).

- Sản phẩm của dự án 100% xuất khẩu sẽ giúp thu ngoại tệ hàng năm, góp phần tăng ngân sách của thành phố thông qua việc đóng thuế, nâng cao thu nhập quốc dân và tăng trưởng kinh tế của địa phương.

Tuy nhiên, việc quản lý công nhân của Công ty nếu không tốt cũng tiềm ẩn việc mất an ninh trật tự, an toàn khu vực, dễ xảy ra đình công, tệ nạn xã hội.

4.2.1.3. Đánh giá các rủi ro, sự cố trong giai đoạn vận hành

a. Sự cố tai nạn lao động

Tai nạn lao động có thể xảy ra khi công nhân không tuân thủ nghiêm ngặt các nội quy an toàn lao động như trong quá trình nhập nguyên vật liệu hay sản xuất sản phẩm, quá trình vận hành máy móc, thiết bị đặc biệt là các máy dập, thiết bị nâng hạ hay trong quá trình vận chuyển và xếp dỡ hàng hóa....

Xác suất xảy ra rủi ro tai nạn lao động tùy thuộc vào ý thức chấp hành nội quy và các quy tắc an toàn lao động của người lao động trong các trường hợp cụ thể. Tai nạn lao động xảy ra gây thiệt hại tài sản, ảnh hưởng đến sức khỏe và có thể gây thiệt hại đến tính mạng người lao động.

b. Sự cố cháy nổ

*** Nguyên nhân xảy ra sự cố cháy nổ**

- Cháy nổ do chập điện: Do sai phạm trong thiết kế, thi công lắp đặt hệ thống điện hay trong quá trình vận hành, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, công nhân thao tác sai, vi phạm các quy trình kỹ thuật về sử dụng điện gây chập mạch dẫn đến cháy nổ, phá hủy các đường dây tải điện và các máy móc, thiết bị.

- Cháy nổ do sét đánh: Do hệ thống chống sét không đạt tiêu chuẩn hay do không được thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế kịp thời, nên khi bị sét đánh sẽ gây ra sự cố cháy nổ, đặc biệt là sự cố sét đánh thường xảy ra tại các công trình cao tầng như khách sạn, nhà lễ tân...

- Cháy nổ do nấu ăn: Chủ yếu xảy ra tại bếp ăn do việc sử dụng bếp ga, bình gas, đường ống dẫn gas không đảm bảo yêu cầu chất lượng, hoặc không rõ nguồn gốc xuất xứ, không có tem đảm bảo an toàn hoặc đã hết thời hạn sử dụng.

- Cháy nổ do ý thức con người: Sự bất cẩn của người lao động sử dụng lửa gần các vật liệu dễ bắt cháy, có thể gây ra sự cố cháy nổ.

*** Ảnh hưởng của sự cố cháy nổ**

Sự cố cháy nổ xảy ra do bất kỳ một nguyên nhân nào cũng sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và tính mạng của con người, tài sản và môi trường của khu vực. Cụ thể như sau:

- Ảnh hưởng đến tính mạng con người.

- Gây thiệt hại về tài sản.

- Ảnh hưởng tới môi trường: Khói bụi của đám cháy phát sinh các khí gây hiệu ứng nhà kính như CO, NO₂, SO₂, dung môi hữu cơ... làm ô nhiễm môi trường không khí của khu vực xung quanh, mùi khét sẽ gây nhiễm độc cấp tính cho con người và dân sinh khu vực.

c. Sự cố máy gia công đột dập

Các yếu tố nguy hiểm khi vận hành máy:

- Máy gia công đột dập có gắn trục truyền lực trực tiếp thường không thể dừng khẩn cấp khi thực hiện hành trình đi xuống dập.

- Khi vận hành sai nguyên tắc: Tai nạn thường xảy ra do rơi phần khuôn mặt trên hoặc trượt đi xuống trong khi đang điều chỉnh, tháo, lắp khuôn.

- Thiếu chú ý khi sử dụng thiết bị an toàn hoặc tự ý tắt thiết bị an toàn của máy.

- Sử dụng các thiết bị an toàn không thích hợp với chủng loại, hình thức của máy dập, lắp đặt các thiết bị an toàn ở vị trí không thích hợp hoặc vận hành máy dập khi thiết bị an toàn không hoạt động.

- Khởi động máy hoặc cài đặt bàn máy trong khi lắp, tháo, điều chỉnh khuôn

không đúng.

- Không vệ sinh bàn máy trước khi gá đặt khuôn, làm cho khuôn bị kênh không phẳng với mặt bàn máy.
- Tai nạn có thể xảy ra do người khác vận hành sai khi làm việc tập thể.

d. Sự cố máy nén khí

Dự án sử dụng máy nén khí để phục vụ các công đoạn sản xuất, các sự cố thường gặp của máy nén khí như sau:

- Động cơ máy nén bị quá tải gây cháy động cơ, cháy thiết bị đóng cắt trong tủ điện. Nguyên nhân là do điện áp nguồn bị lỗi pha; bi động cơ hết mỡ bôi trơn, kẹt bánh răng và kẹt đầu nén làm tăng tải.
- Nhiệt độ khí xả cao ảnh hưởng đến các thiết bị sử dụng khí nén, sản phẩm. Nguyên nhân là do lượng nước làm mát không đủ; van điều nhiệt, quạt làm mát và giàn trao đổi nhiệt bị hỏng.
- Áp lực xả khí quá cao ảnh hưởng đến các thiết bị sử dụng khí nén và công nhân vận hành. Nguyên nhân là do cảm biến áp lực và van xả khí bị hỏng; tắc lọc điều khiển đường ống.

e. Sự cố cầu trục, xe nâng hàng

Cầu trục, xe nâng hàng là thiết bị hỗ trợ rất quan trọng trong việc bốc xếp hàng hóa, có thể nâng vật với trọng lượng 2 tấn, chiều cao nâng 2,8m. Do hoạt động bằng cơ điện nên khi vận hành nếu hoạt động không tốt có thể gây mất an toàn cho người lao động, gây thiệt hại đáng kể về vật chất cho Công ty. Do đó, cần chú ý phát hiện ra các lỗi hỏng kịp thời và khắc phục ngay để nâng cao năng suất của cầu trục.

f. Sự cố khi vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung

Các công trình bảo vệ môi trường nếu vận hành không đúng quy trình, không thường xuyên được kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng có thể bị hỏng hóc hoặc gặp sự cố trong quá trình vận hành. Dự án hiện tại đang vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 5m³/ngày đêm, khi mở rộng, tăng công suất xử lý lên 7m³/ngày đêm. Các sự cố điển hình như sau:

- Cảnh báo mức nước ở bể điều hòa ở mức cao. Nước trong bể điều hòa sẽ tiếp tục dâng và tràn ra ngoài hoặc gây tràn các công trình phía trước.
- Cảnh báo mức nước bể xả thải ở mức cao.
- Cảnh báo mức hóa chất ở các bồn hóa chất thấp. Việc thiếu hụt dinh dưỡng sẽ khiến hệ vi sinh vật trong hệ thống suy giảm về số lượng lẫn khả năng xử lý. Chất lượng nước sau xử lý có thể không đạt.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Sọt rác đầy rác: Rác tràn ra ngoài có thể gây tắc các thiết bị trong bể; bơm đầu vào và đầu ra bị tắc khiến lưu lượng giảm, có thể gây tràn hệ thống; bơm khuấy trộn tắc có thể gây giảm khả năng xử lý của bể thiếu khí.

- Bể điều hòa phát sinh mùi. Gây mùi khó chịu ra môi trường xung quanh.

- Bể thiếu khí DO (nồng độ oxy hòa tan) cao (lớn hơn 1mg/L). DO cao sẽ dẫn đến giảm khả năng khử Nitrat, chỉ tiêu T-N đầu ra có thể sẽ không đạt

- Bể hiếu khí DO (nồng độ oxy hòa tan) thấp (nhỏ hơn 1mg/L). DO thấp sẽ dẫn đến hệ vi sinh vật hiếu khí trong bể suy giảm, bùn hoạt tính có thể chuyển sang màu đen và có mùi thối. Giảm khả năng Nitrat hóa, chỉ tiêu Ammonia đầu ra có thể sẽ không đạt.

- Chỉ số MLSS/ SV30 trong bể hiếu khí giảm. Nồng độ bùn giảm sẽ khiến khả năng xử lý các chất ô nhiễm của hệ thống giảm, nước đầu ra có thể sẽ không đạt tiêu chuẩn xả thải.

- Bùn nổi tại bể lắng. Bùn nổi khiến MLSS tại các bể vi sinh bị giảm. Bùn nổi có thể trôi sang bể xả khiến nước bể xả bị ô nhiễm. Bùn nổi có thể đọng lại trong các Pit đầu ra gây ô nhiễm.

- Bánh khử trùng bể xả hết. Chỉ tiêu Coliform có thể sẽ vượt tiêu chuẩn xả thải.

- Máy thổi khí không hoạt động. Hệ thống sẽ không thể xử lý được nếu không có khí cấp xuống.

Ngoài ra, khi hệ thống vận hành mà kết quả quan trắc nước thải không đạt tiêu chuẩn thì cần có các biện pháp xử lý phù hợp. Amoni đầu ra vượt; T-N đầu ra vượt; T-P đầu ra vượt.

g. Sự cố hóa chất

❖ **Giai đoạn hiện tại:** Khi vận hành Nhà máy và hệ thống xử lý nước thải tập trung có sử dụng các loại dầu gia công, dầu thủy lực và hóa chất Methanol, NaOH, Polytetsu, TCCA. Nếu nhân viên vận hành hoặc cán bộ công nhân viên sơ ý làm dầu tràn hoặc rây đổ hóa chất vào người sẽ dẫn đến hậu quả gây nguy hại đến sức khỏe, cụ thể như:

- Dầu tràn đổ có thể gây nguy hại đến sức khỏe người tiếp xúc, hít phải và có thể bắt lửa nếu nguồn gây cháy gần đó. Khi tiếp xúc trực tiếp với mắt sẽ có triệu chứng mắt đỏ, sưng, tiếp xúc lượng lớn có thể gây tổn thương nặng cho mắt, dẫn đến mù mắt.

- Hóa chất Methanol dễ cháy nếu có tác động từ bên ngoài. Khi tiếp xúc bằng đường thở và hít thở một lượng lớn Methanol có thể có các triệu chứng về hô hấp: thở gấp, buồn nôn, nhức đầu. Khi tiếp xúc với da, gây da khô, nứt nẻ, đỏ rát. Nuốt phải gây thở gấp, chóng mặt, nhức đầu.

- Hóa chất NaOH khi tiếp xúc trực tiếp có thể gây bỏng da; khi nuốt phải gây đau bụng, chảy máu đường tiêu hóa, thủng thực quản.

- Với hóa chất Polyetsu và TCCA thì dễ gây kích ứng.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Dự án sẽ nâng cấp hệ thống xử lý lên 7m³/ngày đêm bằng cách giữ nguyên thể tích bể, thay đổi công nghệ xử lý. Hóa chất sử dụng cho Hệ thống xử lý là: Ethanol 96%; Javen 7%; Hợp chất khử trùng TCCA 90%; NAOH 90%.

- Ethanol 96% là hóa chất dễ cháy nếu có tác động từ bên ngoài, làm khô, kích ứng da; gây kích ứng hệ hô hấp gây khó thở, tiếp xúc lâu dài gây ảnh hưởng hệ thần kinh như chóng mặt, đau đầu; khi tiếp xúc với mắt, gây đỏ mắt, đau mắt.

- Hóa chất khử trùng Javen 7%: khi tiếp xúc trực tiếp với hóa chất sẽ gây bỏng da, kích ứng mắt, hít phải sẽ gây khó thở, nuốt phải hóa chất gây nôn, đau bụng, rồi loại tiêu hóa.

h. Sự cố kho chất thải

❖ **Giai đoạn hiện tại:** Đối với kho chứa rác thải và đặc biệt là kho chứa chất thải nguy hại thường gặp những sự cố như đổ vỡ, cháy nổ kho chứa; rò rỉ thiết bị lưu chứa chất thải đặc biệt là chất thải nguy hại dạng lỏng, dễ bay hơi dẫn đến phát tán chất thải gây ô nhiễm môi trường.

+ Phát tán tại chỗ: Do rò rỉ thiết bị chứa... dẫn đến chất thải phát tán ra nền nhà kho chứa, với số lượng lớn sẽ phát tán ra môi trường.

+ Phát tán cường bức: Do kho chứa có chất dễ cháy, nổ, hoặc được xây dựng cạnh các thiết bị có khả năng phát nổ... trong quá trình sản xuất vô tình gây nổ kho chứa vì một lý do nào đó nêu trên dẫn đến chất thải nguy hại theo sức ép của vụ nổ mà phát tán mạnh ra môi trường xung quanh, không theo diễn biến cố định ảnh hưởng lớn đến tài sản, tính mạng con người cũng như môi trường xung quanh.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Dự án mở sẽ phá kho rác hiện tại, xây kho rác giáp với xưởng sản xuất mới. Do đó, sẽ dễ dẫn đến tình trạng mất trật tự hoặc không đúng quy trình khi lưu kho trong thời gian xây dựng phá kho cũ, xây kho rác mới.

k. Sự cố mất vệ sinh an toàn thực phẩm

❖ **Giai đoạn hiện tại:** Dự án có bố trí bữa ăn cho cán bộ, công nhân viên. Hiện tại, suất ăn được cung cấp bởi đơn vị Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ North River.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Dự án dự kiến nấu ăn cho toàn bộ công nhân viên nhà máy, 120 suất ăn/ngày.

Vấn đề thực phẩm nếu không được quản lý, kiểm soát chặt chẽ và khoa học có thể gây ra những rủi ro đáng tiếc như: ngộ độc thực phẩm cho cán bộ, dịch bệnh. Nguyên nhân dẫn đến sự cố này có thể do: sự bất cẩn trong việc kiểm soát nguồn gốc thực phẩm, chất lượng thực phẩm kém, mất vệ sinh trong khâu chế biến.

l. Sự cố do thiên tai

Các sự cố do thiên tai gây ra đối với dự án, bao gồm:

- Mưa bão làm hỏng đường vận chuyển, gây tổn thất đến quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, tiêu thụ sản phẩm. Gió bão cấp 12, trên cấp 12 có thể lật đổ các xe đang chuyên chở nguyên liệu và lật đổ các xe đang chuyên chở sản phẩm trên đường, có thể phá hủy các thiết bị công nghệ có độ cao. Ngoài ra, mưa bão lớn liên tục có thể không thu gom và vận chuyển hết lượng rác thải trong khuôn viên dự án.

- Lốc cuốn phá hủy các công trình xưởng làm thiệt hại tới tài sản.

- Sét làm phá hủy hệ thống điện, làm ngừng trệ sản xuất, phá hỏng các công trình có độ cao.

m. Sự cố rò rỉ khí gas từ máy điều hòa nhiệt độ

- Nguyên nhân: Do đường ống điều hòa bị lắp đặt sai kỹ thuật hoặc do quá trình ăn mòn khi sử dụng và bảo quản đường ống.

- Ảnh hưởng: Khi máy điều hòa bị rò rỉ gas sẽ dẫn đến hiện tượng điều hòa chạy kém lạnh, mất gas có thể làm hỏng điều hòa và khó sửa chữa.

n. Sự cố dịch bệnh

❖ **Giai đoạn hiện tại:** Số lượng cán bộ, công nhân viên 63 người..

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Số lượng cán bộ, công nhân viên 120 người.

Việc tập trung một số lượng lớn công nhân sẽ rất dễ xảy ra hiện tượng lây lan dịch bệnh. Nguyên nhân xảy ra dịch bệnh chủ yếu do lây nhiễm chéo từ người này sang người khác, do điều kiện làm việc không đủ vệ sinh, do môi trường xung quanh bị ô nhiễm.... Nếu không có biện pháp phòng chống dịch cụ thể sẽ là mối nguy hại ảnh hưởng trực tiếp tới tính mạng người lao động cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án.

4.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

Khi dự án đi vào vận hành, Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam là đơn vị trực tiếp quản lý dự án. Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực cụ thể như sau:

4.2.2.1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đối với các tác động có liên quan đến chất thải

a. Giảm thiểu tác động xấu do bụi, khí thải

Trong giai đoạn vận hành, Dự án phát sinh bụi, khí thải hoạt động giao thông: các phương tiện vận chuyển, phương tiện giao thông cá nhân; bụi, khí thải từ quá trình sản xuất: gia công đột dập, gia công tạo hình...; bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng; mùi từ hoạt động nấu ăn. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý như sau:

*** Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông**

❖ Giai đoạn hiện tại:

- Các tuyến sân đường giao thông nội bộ đều đã được trải nhựa, thường xuyên tiến hành vệ sinh công nghiệp, phun ẩm sân đường vào những ngày hanh nắng. Định kỳ kiểm tra và sửa chữa kịp thời các tuyến sân đường nội bộ ngay khi phát hiện thấy hư hỏng.

- Đối với hoạt động vận chuyển sản phẩm, nguyên vật liệu: chỉ sử dụng các phương tiện vận chuyển được che chắn và được kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Đối với các phương tiện xe máy ra vào Dự án phải tắt máy từ cổng và dắt bộ vào khu vực nhà để xe.

- Trồng cây xanh xung quanh và trong khuôn viên, diện tích cây xanh hiện tại là 3.078,80 m² (chiếm 27,37% tổng diện tích). Đồng thời, tận dụng các khoảng trống để trồng thêm cây xanh và bố trí nhân viên chăm sóc.

❖ Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án: Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện. Riêng cây xanh, đảm bảo diện tích trồng cây xanh 2.282,1 m² chiếm 20,3% tổng diện tích.

*** Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất**

❖ Giai đoạn hiện tại:

- Đảm bảo các yêu cầu về điều kiện làm việc, hệ thống nhà xưởng của công ty được lắp đặt hệ thống quạt thông gió OF (Outdoor Fan); EF (Exhaust Fan); hệ thống điều hòa, hệ thống hút khói chữa cháy, hệ thống hút ẩm không khí, thiết bị đặt sàn tại các khu vực sản xuất, khu vực kho chứa, khu vực văn phòng, khu vực ăn nghỉ.... Cụ thể như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Bảng 4.41. Hệ thống gió, điều hoà, hút khói, hút ẩm hiện tại

Vị trí	Hệ thống quạt thông gió		Hệ thống điều hoà không khí		Hệ thống hút khói chữa cháy		Hệ thống hút ẩm không khí	
	Số lượng (chiếc)	Tổng công suất (m ³ /giờ)	Số lượng (chiếc)	Tổng công suất (BTU/giờ)	Số lượng (chiếc)	Tổng công suất (m ³ /giờ)	Số lượng (chiếc)	Tổng công suất (kg/giờ)
Khu vực sản xuất (xưởng 1)	2	9.800	6	900.000	1	63.200	-	-
Khu vực kho chứa	9	1.690	-	-	1	63.200	13	104
Khu vực văn phòng	5	3.370	14	312.000	-	-	-	-
Khu vực ăn nghỉ	5	13.370	6	180.000	-	-	-	-

- Các máy móc, thiết bị phải được vận hành theo đúng quy trình, hướng dẫn kỹ thuật và tắt máy khi không làm việc. Thường xuyên vệ sinh, định kỳ bảo dưỡng các phương tiện, máy móc, thiết bị, khắc phục ngay khi phát hiện sự cố; bố trí khu vực thông thoáng để đặt máy phát điện dự phòng.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân vận hành sản xuất; ưu tiên sử dụng các loại dầu bôi trơn, dầu gia công, dầu nhiên liệu thân thiện hơn với môi trường và sức khoẻ người lao động.

- Công ty duy trì hai ca làm việc, 26 ngày/tháng, bố trí việc làm hợp lý cho công nhân làm việc trong nhà xưởng phù hợp với sức khỏe và tay nghề của công nhân. Tổ chức khám sức khỏe và du lịch nghỉ dưỡng định kỳ hàng năm.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện. Do mở rộng nhà xưởng, nên công ty sẽ bổ sung hệ thống điều hòa, quạt thông gió, hút mùi ở xưởng mới như sau:

Bảng 4.42. Danh mục bổ sung hệ thống gió, điều hoà, hút khói của dự án giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án

Vị trí	Hệ thống quạt thông gió		Hệ thống điều hoà không khí		Hệ thống hút khói chữa cháy	
	Số lượng (chiếc)	Tổng công suất (m ³ /giờ)	Số lượng (chiếc)	Tổng công suất (BTU/giờ)	Số lượng (chiếc)	Tổng công suất (m ³ /giờ)
Khu vực sản xuất mở rộng (xưởng 2)	1	8 500	5	200 000	1	60 000
Khu vực kho chứa -3	1	2 500	1	200 000	1	63.200

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Vị trí	Hệ thống quạt thông gió		Hệ thống điều hoà không khí		Hệ thống hút khói chữa cháy	
	Số lượng (chiếc)	Tổng công suất (m ³ /giờ)	Số lượng (chiếc)	Tổng công suất (BTU/giờ)	Số lượng (chiếc)	Tổng công suất (m ³ /giờ)
Kho khuôn đúc-2 và kho sản phẩm hoàn thiện	1	5 000	1	200 000	-	-
Nhà vệ sinh	1	1 000	-	-	-	-
Khu kho phụ trợ	1	9 800	-	-	-	-

*** Biện pháp giảm thiểu mùi từ hoạt động đun nấu**

❖ **Giai đoạn hiện tại:** Hiện tại, công ty có khu nhà bếp, khu nhà ăn. Công ty có bố trí ăn ca, tuy nhiên suất ăn được cung cấp từ đơn vị bên ngoài nên chưa phát sinh mùi từ hoạt động đun nấu. Khu bếp và nhà ăn thường xuyên được vệ sinh, quét dọn. Chất thải phát sinh phải được phân loại, thu gom hàng ngày vào trong các thùng chứa tại khu tập kết. Tại khu vực bếp ăn đã lắp đặt hệ thống thông gió, hút mùi, đảm bảo không gây ảnh hưởng cho người đứng nấu và khu vực xung quanh.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Dự kiến tổ chức nấu ăn cho 120 suất ăn/ngày. Hoạt động nấu ăn được triển khai tại khu nhà bếp hiện tại. Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện.

*** Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng**

❖ **Giai đoạn hiện tại:** Nhiên liệu sử dụng cho máy phát điện ưu tiên sử dụng nhiên liệu sinh học, hoặc nhiên liệu DO có hàm lượng lưu huỳnh nhỏ. Định kỳ bảo dưỡng máy phát điện theo đúng quy định của nhà cung cấp. Hạn chế thời gian hoạt động của máy phát điện dự phòng khi không cần thiết.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Không bổ sung máy mới, tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện.

b. Giảm thiểu tác động xấu do nước thải

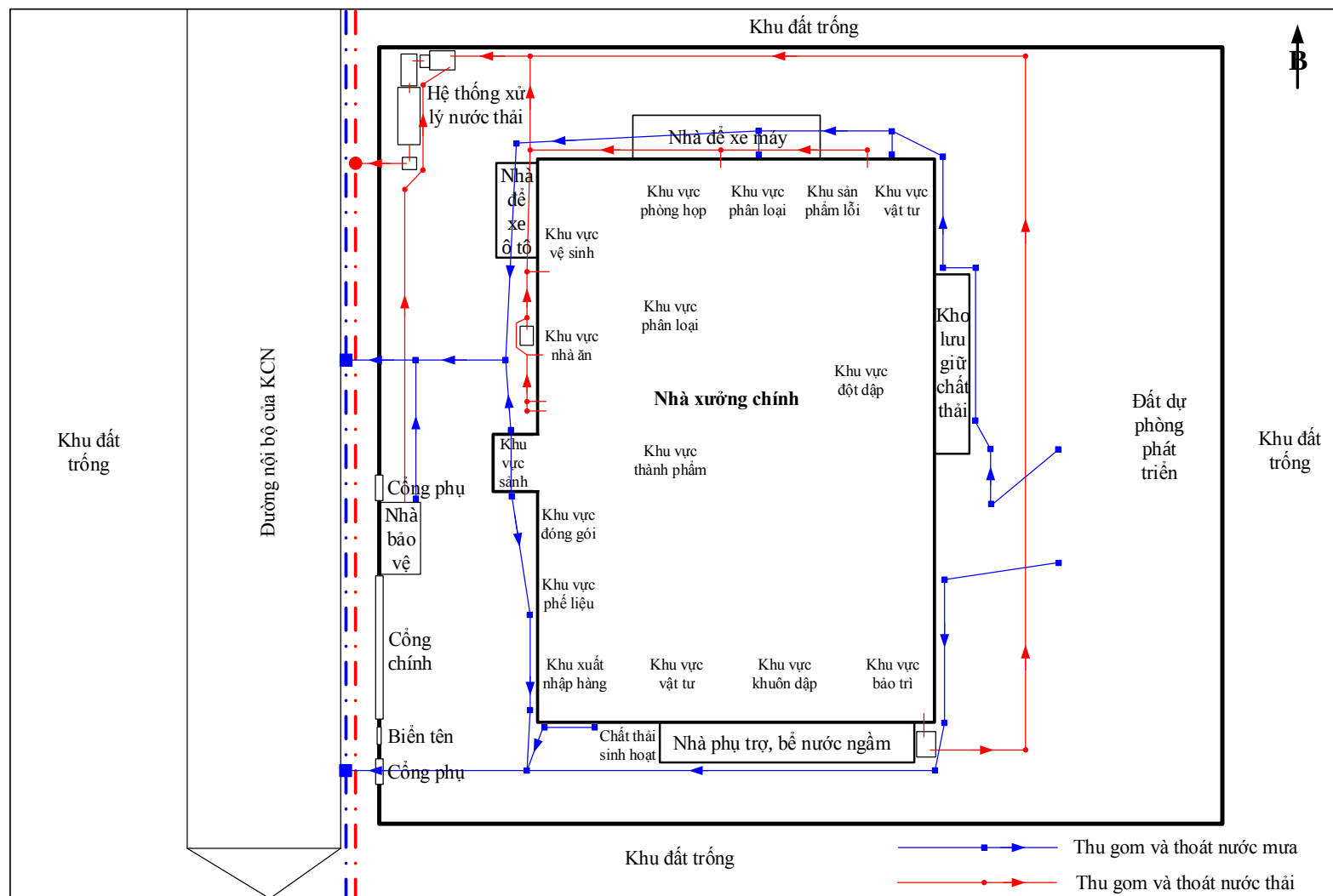
Nước thải phát sinh tại dự án bao gồm nước thải sinh hoạt từ hoạt động của các cán bộ, công nhân viên trong nhà máy; nước thải lẫn dầu từ máy nén khí; nước rửa sản phẩm có lẫn dầu, cặn kim loại. Tuy nhiên, nước thải từ rửa sản phẩm và nước thải từ máy nén khí được thu gom, quản lý như chất thải nguy hại. Do vậy, Dự án chỉ xả nước thải sinh hoạt vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN VSIP.

*** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt**

❖ **Giai đoạn hiện tại:** Sơ đồ thoát nước mưa và nước thải của dự án như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ dệt dáp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

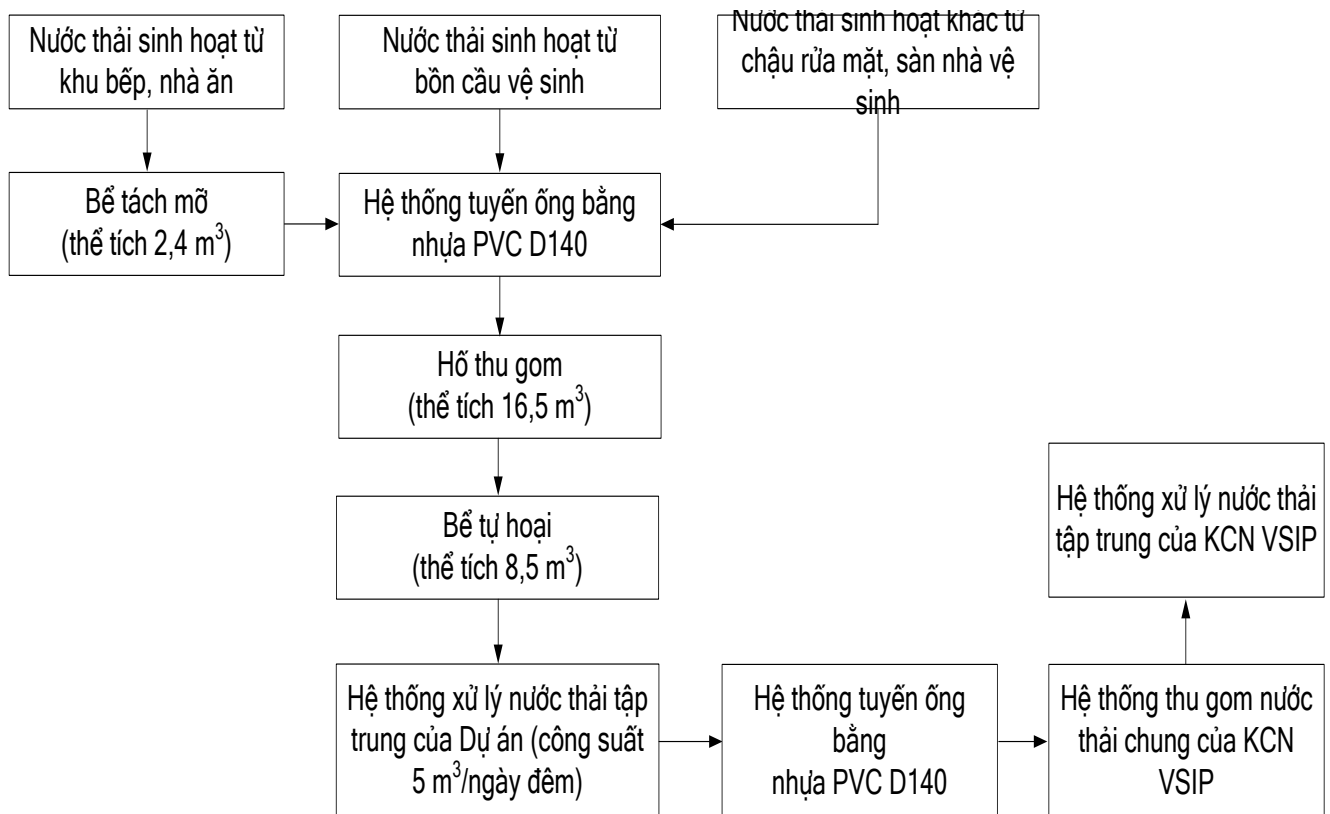


Hình 4.3. Bản vẽ tổng thể hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải của Dự án hiện tại

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Nước thải sinh hoạt từ bếp ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ; cùng với nước thải sinh hoạt từ các bồn cầu vệ sinh, nước thải sinh hoạt khác từ chậu rửa mặt, sàn nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại; sau đó được thu gom xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5 m³/ngày đêm, và chảy vào hệ thống thoát nước thải của KCN VSIP. Nước thải cuối cùng được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP để tiếp tục xử lý. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại Dự án như sau:



Hình 4.4. Sơ đồ khối hệ thống thu gom và thoát nước thải hiện tại

Nước thải sinh hoạt từ khu bếp, nhà ăn được thu gom, xử lý tại bể tách mỡ (thể tích 2,4 m³), sau đó cùng với nước thải sinh hoạt từ bồn cầu vệ sinh, nước thải sinh hoạt khác từ chậu rửa mặt, sàn nhà tắm theo hệ thống tuyến ống bằng nhựa PVC D140 (độ dốc $i = 1\%$) chảy vào hồ thu gom (thể tích 16,5 m³) và được bơm vào bể tự hoại (thể tích 8,5 m³) để xử lý. Toàn bộ nước thải sau xử lý tại bể tự hoại chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty (công suất 5,0 m³/ngày đêm) để tiếp tục được xử lý. Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu (theo hợp đồng) KCN VSIP, theo hệ thống tuyến ống bằng nhựa PVC D140 (độ dốc $i = 1\%$) xả vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN và cuối cùng được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN. Tại Công ty chỉ có một điểm xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN VSIP (nằm về phía Tây Bắc khu đất của Công ty).

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

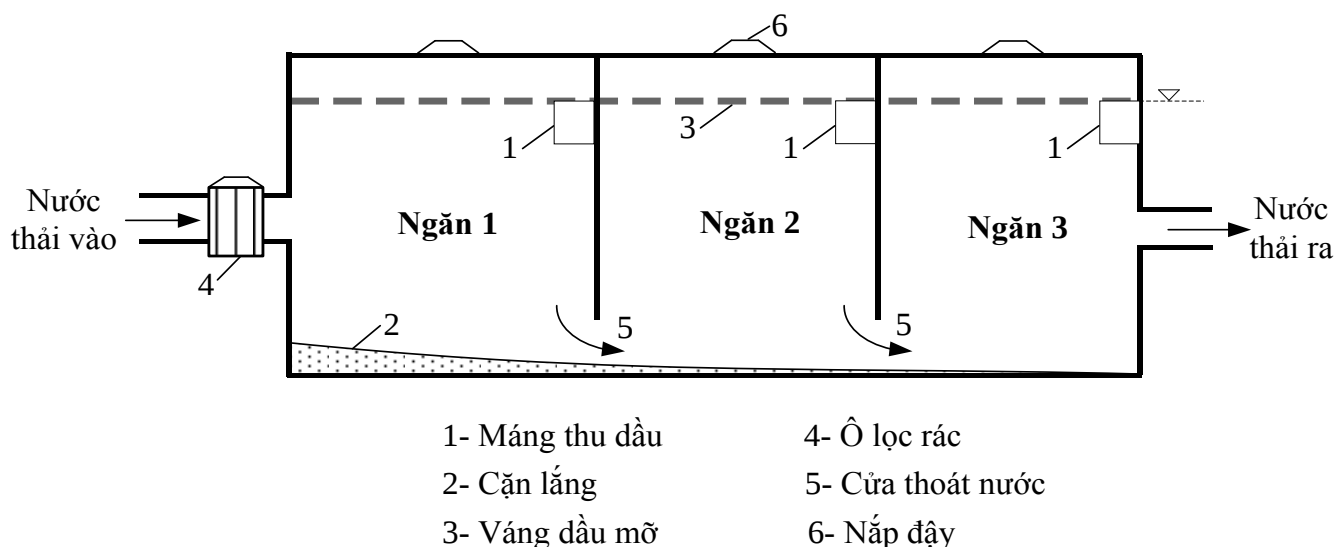
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Hồ thu gom có thể tích $16,5 \text{ m}^3$ (kích thước xây dựng $B \times L \times H = 2,40 \times 3,40 \times 3,47 \text{ m}$), có đáy đổ BTCT mác M200 dày 200 mm, thành xây gạch đặc dày 200 mm, trát vữa xi măng mác M100 dày 20 mm chống thấm, nắp bằng BTCT mác M100 dày 50 mm, bên trong lắp đặt 02 bơm chìm (công suất 250 W; $6 \text{ m}^3/\text{giờ}$) để bơm nước thải vào bể tự hoại.

Các công trình xử lý nước thải hiện bao gồm: 01 bể tách mỡ (thể tích $2,4 \text{ m}^3$), 01 bể tự hoại (thể tích $8,5 \text{ m}^3$) và 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất $5 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$). Các công trình xử lý nước thải này do Công ty TNHH Shimizu Việt Nam là nhà thầu thi công, Công ty TNHH So Asia Việt Nam là đơn vị tư vấn thiết kế và giám sát.

Bể tách mỡ

* *Vị trí và kích thước:* Hiện tại, công ty đã xây dựng 01 bể tách mỡ gần khu vực nhà ăn. Bể tách mỡ có thể tích là $2,4 \text{ m}^3$ (kích thước xây dựng $B \times L \times H = 1,40 \times 2,60 \times 2,31 \text{ m}$).



Hình 4.5. Sơ đồ cấu tạo bể tách mỡ

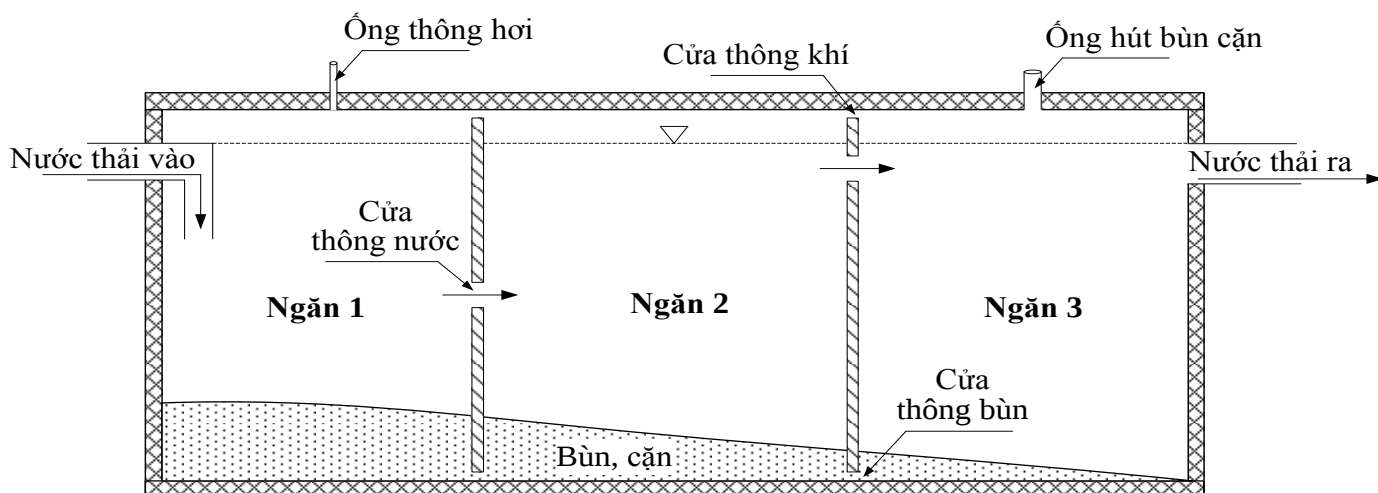
* *Cấu tạo:* Bể tách mỡ có cấu tạo gồm 3 ngăn thông nhau, đáy bể đổ BTCT mác M200 dày 200 mm, thành bể xây gạch đặc dày 200 mm, trát vữa xi măng mác M100 dày 20 mm chống thấm, nắp bể bằng BTCT mác M100 dày 50 mm.

* *Nguyên lý hoạt động:* Nước thải chứa dầu mỡ sau khi qua ô lọc rác chảy vào ngăn thứ nhất để lắng bớt cặn rắn có trong nước thải. Theo trọng lực, váng dầu mỡ nổi lên trên bề mặt sẽ tràn vào máng thu dầu. Nước trong sẽ lần lượt chảy vào ngăn thứ 2 và ngăn thứ 3 thông qua cửa thoát. Tại đây, váng dầu mỡ còn sót lại trong nước thải sẽ được tách vào máng thu dầu của các ngăn này.

Bể tự hoại

* *Vị trí và kích thước:* Hiện tại tại Công ty đã xây dựng 01 bể tự hoại gần khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung. Bể tự hoại có thể tích là $8,5 \text{ m}^3$ (kích thước xây dựng $B \times L \times H = 2,10 \times 4,20 \times 2,93 \text{ m}$).

* **Cấu tạo:** Bể tự hoại gồm 3 ngăn thông nhau, đáy bể đổ BTCT mác M200 dày 200 mm, thành bể xây gạch đặc dày 200 mm trát vữa xi măng mác M100 dày 20 mm chống thấm, nắp bể bằng BTCT mác M200 dày 150 mm.



Hình 4.6. Sơ đồ cấu tạo của bể tự hoại

* **Nguyên lý hoạt động:** Nước thải được làm sạch bởi hai quá trình chính lắng cặn và lên men. Do tốc độ nước qua bể rất chậm nên quá trình lắng cặn trong ngăn lắng có thể xem như quá trình lắng tĩnh. Dưới tác dụng của trọng lực các cặn sẽ lắng dần xuống đáy bể. Tại đây các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí. Cặn lắng được phân hủy sẽ giảm mùi hôi, chất hữu cơ và thể tích. Tốc độ phân hủy chất hữu cơ nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải và lượng vi sinh vật có mặt trong lớp cặn. **Hiệu suất xử lý của bể tự hoại phụ thuộc vào thời gian lưu nước thải trong bể, theo nghiên cứu có thể xử lý đạt 10% - 20% đối với các chất hữu cơ dễ phân huỷ (BOD) và 40% - 50% đối với các chất rắn lơ lửng (TSS).**

Để tăng hiệu quả xử lý của bể tự hoại, định kỳ 6 tháng/lần, Công ty thuê đơn vị có chức năng đến nạo hút bùn cặn và bổ sung thêm chế phẩm vi sinh.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Công ty đã xây lắp 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 5 m³/ngày đêm về phía Tây Bắc khu đất của Công ty để xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh. Hệ thống xử lý nước thải tập trung có cấu tạo, nguyên lý hoạt động, chế độ vận hành và các máy móc thiết bị lắp đặt như sau:

Cấu tạo hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5,0m³/ngày đêm: Hệ thống bao gồm bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng, bể lọc, hộp hóa chất khử trùng và bể xả thải được tổ hợp trong một thiết bị hợp khối (module) bằng vật liệu nhựa FRP, hình trụ có kích thước BxLxH = 2,0 x 5,4 x 2,0 m. Ngoài ra, còn có bồn Methanol/ Ethanol, bồn Polytetsu/ PAC & NaOH đặt bên ngoài bằng vật liệu nhựa PE:

 **Nguyên lý hoạt động**

Hệ thống xử lý nước thải tập trung áp dụng công nghệ xử lý sinh học liên tục kết hợp với hoá lý, dưới tác dụng phân hủy của các hệ vi sinh vật khác nhau (thiếu khí và hiếu khí) mà các chất gây ô nhiễm có trong nước thải được xử lý.

* *Bể điều hòa*: Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại được bơm sang bể điều hòa. Trong bể điều hòa có lắp đặt hệ thống phân phối khí dưới đáy bể để đảo trộn nước thải nhằm tránh phân hủy yếm khí, đồng thời ổn định lưu lượng, các chất ô nhiễm, nhiệt độ và độ pH của nước thải. Thời gian lưu nước thải tại bể điều hòa đạt từ 4 giờ đến 8 giờ, sau đó nước thải từ bể điều hòa được bơm sang bể thiếu khí.

* *Bể thiếu khí*: Tại đây, nhờ hai chủng vi sinh vật yếm khí tùy tiện dính bám trên các tấm đệm vi sinh là Paracoccus và Acinetobacter, mà quá trình khử Nitrat và quá trình Photphoril trong nước thải được diễn ra.

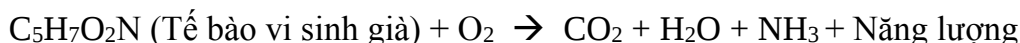
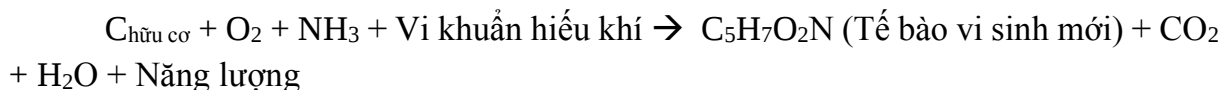
Quá trình khử Nitrat là quá trình tách oxy khỏi Nitrat dưới tác dụng của hệ vi khuẩn Paracoccus để sử dụng cho quá trình oxy hóa các chất hữu cơ, mục đích là chuyển Nitrat về dạng Nitơ tự do theo phản ứng:



Trong phản ứng này, các chất hữu cơ có trong nước thải đóng vai trò là nguồn cung cấp năng lượng cho các vi sinh vật. Do vậy, cần bổ sung thêm các chất hữu cơ để đảm bảo phản ứng luôn được diễn ra. Dự án sử dụng Methanol (CH_3OH) hoặc Ethanol ($\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$) để bổ sung vào bể thiếu khí qua hệ thống bơm định lượng. Ngoài ra, trong bể thiếu khí có lắp đặt hệ thống phân phối khí dưới đáy bể để tăng hiệu quả xử lý sinh học.

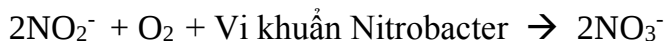
Quá trình Photphoril là quá trình chuyển hóa các hợp chất Photpho hữu cơ. Các hợp chất hữu cơ chứa Photpho sẽ được hệ vi khuẩn Acinetobacter chuyển hóa thành các hợp chất mới không chứa Photpho và các hợp chất có chứa Photpho nhưng dễ phân hủy đối với chủng vi khuẩn hiếu khí.

* *Bể hiếu khí*: Bao gồm 02 ngăn, tại đây nhờ các chủng vi sinh vật hiếu khí dính bám trên các giá thể lơ lửng chuyển động (MBBR) sẽ sử dụng các chất hữu cơ ($\text{C}_{\text{hữu cơ}}$) và các chất dinh dưỡng (N, P) có trong nước thải để tổng hợp thành các tế bào mới. Cùng với quá trình tổng hợp tế bào mới, sẽ tồn tại quá trình phân hủy nội sinh (các tế bào vi sinh vật già sẽ tự phân hủy).



Tuy nhiên, quá trình tổng hợp tế bào mới vẫn chiếm ưu thế vì vậy số lượng tế bào mới tạo thành nhiều hơn tế bào bị phân hủy, đây chính là nguyên nhân tạo thành bùn dư và lượng bùn dư này sẽ được nạo hút định kỳ. Đồng thời, nhờ sự có mặt của hai

chúng vi sinh vật hiếu khí là Nitrosomonas và Nitrobacter, mà Amoni (NH_4^-) có trong nước thải được chuyển hóa thành Nitrat (NO_3^-).



Trong bể hiếu khí có lắp đặt hệ thống phân phối khí dưới đáy bể và các giá thể MBBR. Đồng thời, để tăng hiệu quả lắng bùn và hỗ trợ xử lý Photpho trong nước thải, tiến hành bổ sung hóa chất keo tụ (Polytetsu hoặc PAC) vào bể hiếu khí thông qua hệ thống bơm định lượng. Tuy nhiên, việc bơm bổ sung Polytetsu hoặc PAC vào bể hiếu khí có thể làm ảnh hưởng đến khả năng phát triển của vi sinh vật, do vậy phải đặc biệt lưu ý đến việc điều chỉnh bơm định lượng theo đúng hướng dẫn vận hành. Ngoài ra, quá trình khử Amoni sẽ làm giảm độ pH của nước thải nên chất trung hoà (NaOH) được bổ sung cùng với Polytetsu hoặc PAC vào bể hiếu khí để đảm bảo độ pH của nước thải thích hợp cho vi sinh vật hoạt động.

Như vậy, nước thải sau khi qua bể thiếu khí và bể hiếu khí mà các chất hữu cơ (BOD) và các chất dinh dưỡng (N; P) có trong nước thải được xử lý (hiệu quả xử lý có thể đạt đến 85% - 90%). Thời gian lưu nước tại bể hiếu khí và thiếu khí đạt 6 giờ đến 10 giờ, sau đó nước thải được bơm sang bể lắng.

* **Bể lắng:** Nước thải tại bể lắng được di chuyển theo chiều từ dưới lên trên, các chất rắn lơ lửng trong nước thải sẽ theo trọng lực lắng xuống đáy bể tạo thành bùn. Đáy bể lắng được đánh dốc để bùn có thể tự di chuyển vào phễu thu. Bùn được bơm hồi lại bể điều hoà để làm môi trường phát triển cho vi sinh vật trong các bể thiếu khí và hiếu khí. Nước trong bên trên mặt bể lắng sẽ chảy vào bể lọc.

* **Bể lọc:** Tại đây, nước thải sẽ đi qua lớp vật liệu lọc (là các hạt giá thể bằng nhựa HDPE) theo chiều từ trên xuống dưới. Các chất rắn lơ lửng có trong nước thải sẽ được giữ lại trên bề mặt vật liệu lọc, phần nước trong sẽ chảy vào hộp hóa chất khử trùng. Để làm sạch lớp vật liệu lọc tiến hành rửa ngược định kỳ bằng cách sục khí nén, nước thải từ quá trình rửa ngược được bơm hồi lại bể điều hoà để xử lý.

* **Hộp hóa chất khử trùng:** Tại đây, nước thải được khử trùng bằng viên nén Chlorinne (TCCA). Quá trình diệt vi khuẩn xảy ra qua 2 giai đoạn, đầu tiên chất khử trùng khuếch tán xuyên qua lớp vỏ tế bào vi sinh, sau đó phản ứng với lớp men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến sự diệt vong của tế bào.

* **Bể xả thải:** Nước thải sau khi qua hộp hóa chất khử trùng sẽ chảy vào bể xả thải, và cuối cùng xả vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN VSIP.

Chế độ vận hành

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 5,0 m³/ngày đêm được vận hành liên tục 24/24 giờ.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Định kỳ 03 tháng/lần, tiến hành kiểm tra mức bùn dư tại bể điều hoà, bể lắng và thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý.

 Các bể chứa, máy móc, thiết bị lắp đặt

Bảng 4.43. Kích thước các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện tại

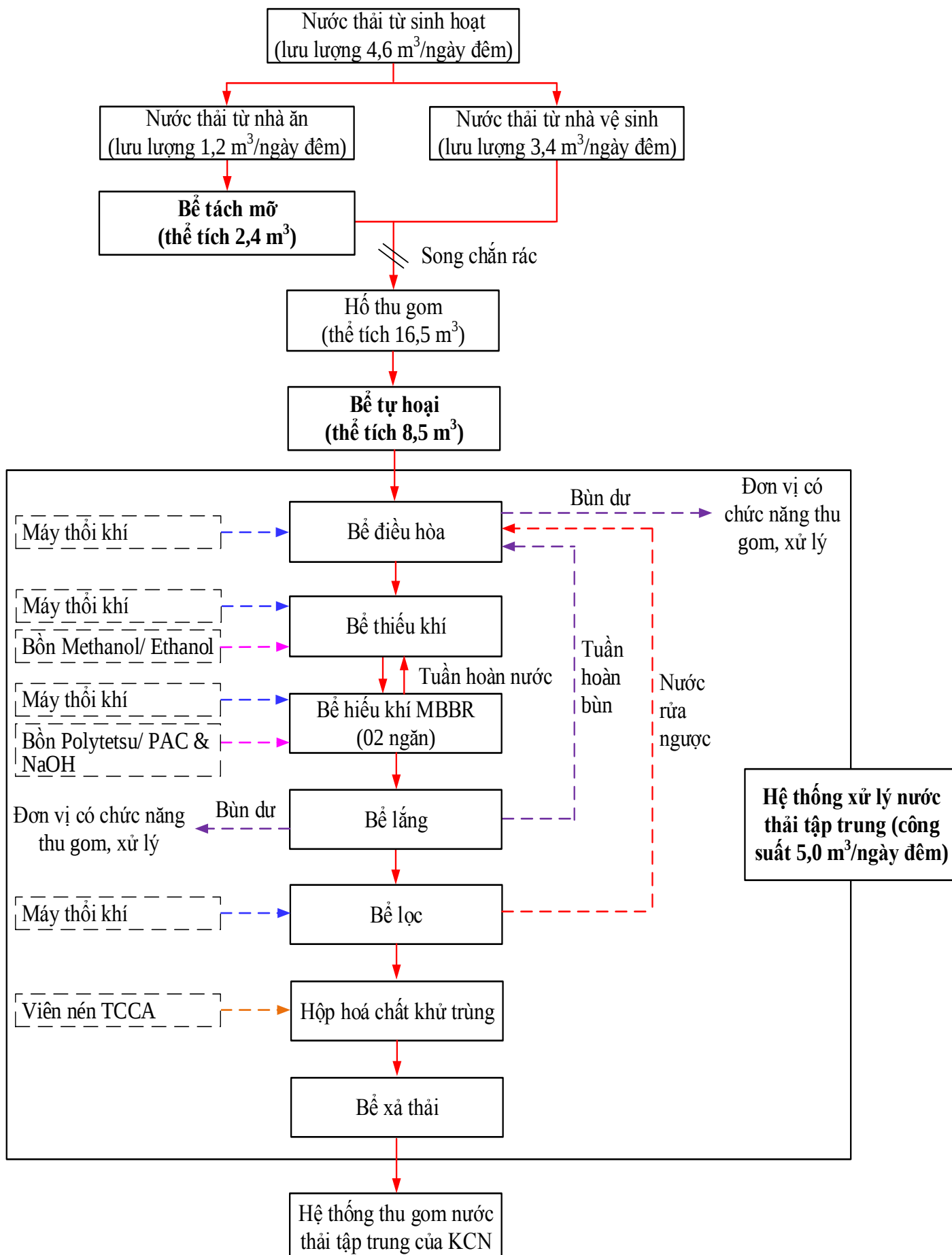
STT	Tên bể/ bồn	Kích thước	Thể tích
1	Bể điều hoà	BxLxH = 2,0 x 5,4 x 2,0 m	3,752 m³
2	Bể thiếu khí		2,720 m³
3	Bể hiếu khí (02 ngăn)		1,640 m³
			3,260 m³
4	Bể lắng		1,500 m³
5	Bể lọc		0,710 m³
6	Bể xả thải		0,500 m³
7	Hộp hóa chất khử trùng	-	
8	Bồn Methanol/ Ethanol	-	100 lít
9	Bồn Polytetsu / PAC & NaOH	-	100 lít

Bảng 4.44. Máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện tại

TT	Máy móc, thiết bị	Số lượng (bộ)	Thông tin kỹ thuật
1	Bơm nước thải vào bể điều hoà	02	250 W; 6 m ³ /giờ
2	Máy thổi khí (cấp khí vào bể điều hoà, bể thiếu khí, bể hiếu khí)	01	186 W; 15 m ³ /giờ
3	Máy thổi khí (cấp khí vào bể lọc để rửa ngược vật liệu lọc)	01	186 W; 15 m ³ /giờ
4	Bơm định lượng Methanol hoặc Ethanol	01	22 W; 270 ml/phút
5	Bơm định lượng Polytetsu hoặc PAC và NaOH	01	22 W; 270 ml/phút
6	Tủ điều khiển trung tâm	01	220/380V – 50 Hz

Các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung được lắp đặt theo bộ. Mỗi bộ gồm có 02 thiết bị hoạt động luân phiên và được điều khiển tự động bằng hệ thống rơ le thời gian. Khi một trong hai thiết bị gặp sự cố, người vận hành hệ thống sẽ chuyển chế độ vận hành tự động sang chế độ vận hành thủ công bằng công tắc được đặt trong tủ điều khiển trung tâm và tiến hành khắc phục sự cố.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư



Hình 4.7. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải của Dự án hiện tại

 Chất lượng nước thải sau khi xử lý

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy (trước khi xả thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN VSIP) đáp ứng yêu cầu của Công ty TNHH VSIP Hải Phòng theo hợp đồng đã ký kết.

 Các hóa chất, chế phẩm vi sinh sử dụng trong xử lý nước thải hiện tại:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 5,0 m³/ngày đêm) của Dự án sử dụng Methanol (CH₃OH) hoặc Ethanol (C₂H₅OH), chất keo tụ (Polytetsu hoặc PAC), chất trung hoà (NaOH) và chất khử trùng Chlorine (TCCA) để hỗ trợ xử lý nước thải. Danh mục các hóa chất sử dụng trong hệ thống xử lý nước thải hiện tại được thể hiện chi tiết trong Bảng 1.5.

Ngoài ra, để các vi sinh vật trong các bể xử lý nước thải hoạt động hiệu quả, định kỳ bổ sung thêm dưỡng chất vi sinh vào bể thiếu khí và bể hiếu khí, đặc biệt là trong giai đoạn đầu vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Các biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải đang thực hiện như sau:

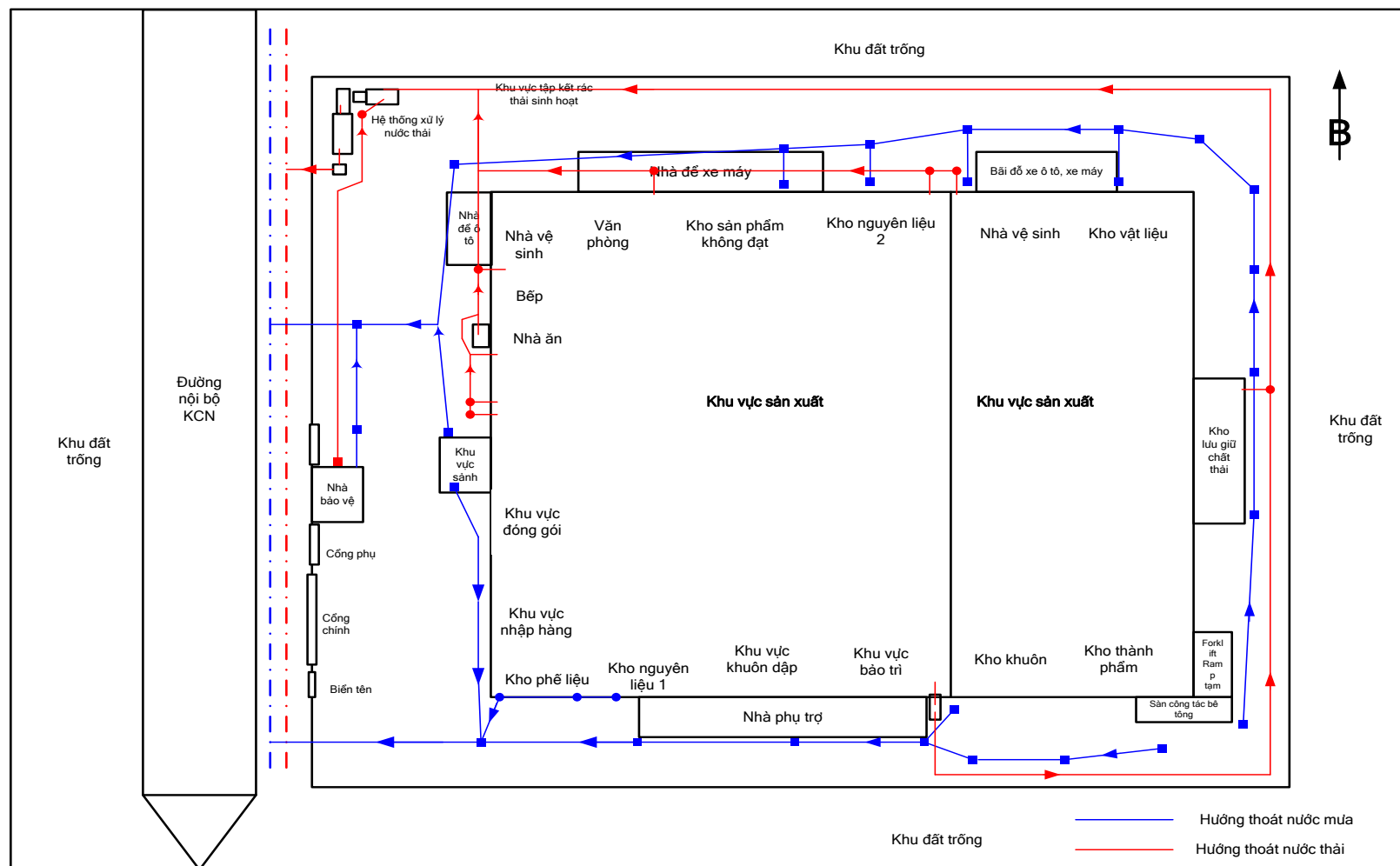
- Bố trí cán bộ phụ trách quản lý, vận hành đúng quy trình kỹ thuật và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành của hệ thống xử lý nước thải.
- Tại khu vực xây lắp hệ thống xử lý nước thải tập trung niêm yết sơ đồ quy trình công nghệ và hướng dẫn vận hành.
- Thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo các hệ thống xử lý luôn hoạt động hiệu quả.
- Thường xuyên kiểm tra và kịp thời sửa chữa đường ống và các hồ ga bị hư hỏng. Định kỳ vệ sinh công nghiệp, các đường ống thu thoát nước mưa, nước thải; vệ sinh, nạo hút bùn cặn tại bể tự hoại, bể lắng, các hồ ga; vớt váng dầu mỡ tại bể tách mỡ.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Dự án sẽ giữ nguyên các hạng mục công trình hiện tại, chuyển đổi công nghệ từ MBBR sang màng lọc MBR (cải tạo bể lắng thành bể chứa màng lọc); Cải tạo các đường ống cũ (cấp khí, đường nước) cho phù hợp với công nghệ mới; bổ sung thêm các máy móc thiết bị. Dự kiến quá trình cải tạo sẽ diễn ra 1 tuần, trong quá trình thi công sẽ thuê xe thu hút lượng nước thải phát sinh nên không ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của nhà máy hiện tại.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

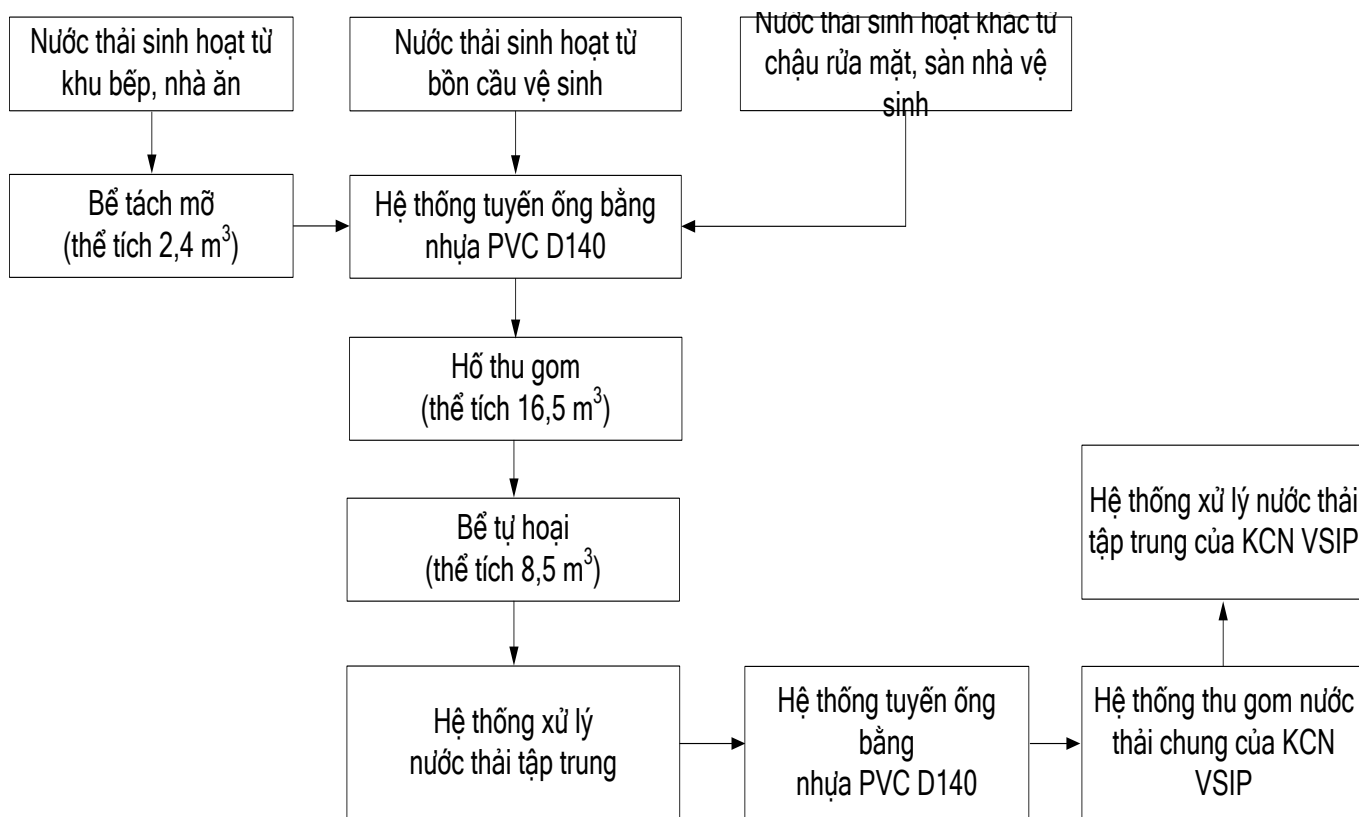
Sơ đồ thoát nước mưa và nước thải của dự án như sau:



Hình 4.8. Bản vẽ tổng thể hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải của Dự án giai đoạn sau hoàn thành xây dựng

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

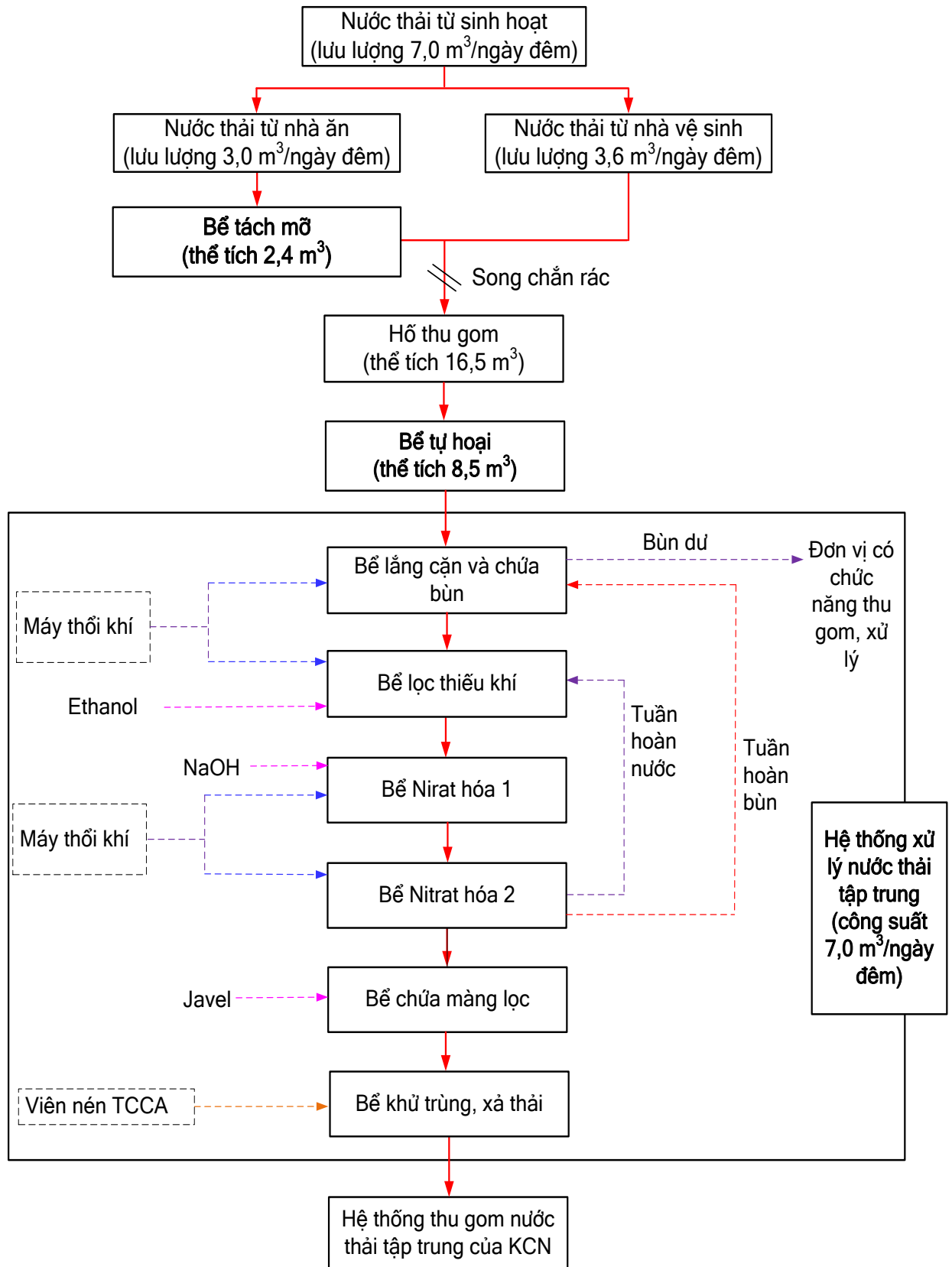
***Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư***



Hình 4.9. Sơ đồ khối hệ thống thu gom và thoát nước thải giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

*Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư*



Hình 4.10. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án

Thuyết minh công nghệ xử lý:

Bể lắng cặn và chứa bùn: Loại bỏ các tạp chất có kích thước và trọng lượng riêng lớn ra khỏi nước thải trước khi đưa vào hệ thống xử lý. Qua đó giúp nâng cao hiệu quả làm việc và tuổi thọ của các thiết bị trong hệ thống. Sau khi tách các tạp chất bằng bể lắng cặn và chứa bùn, nước thải sẽ chảy tràn sang bể lọc thiếu khí. Bể có tác dụng lưu trữ lượng bùn dư trong quá trình xử lý vi sinh của hệ thống. Nước thải từ bể lắng cặn và chứa bùn sẽ được chảy tràn sang cụm xử lý sinh học AO (thiếu khí và hiếu khí) kết hợp màng lọc MBR. Chức năng chính của thiếu khí phân hủy các chất hữu cơ BOD, COD, Nitrat, Phospho; bể hiếu khí xử lý Amoni và lượng BOD còn lại trong nước thải xuống mức đạt tiêu chuẩn xả thải và được bơm sang bể chứa màng lọc MBR để tách cặn. Bùn lắng tại bể sẽ được hút định kỳ và vận chuyển đến nhà máy xử lý bùn dư. Thời gian lưu nước theo thiết kế là 10,6 h (lớn hơn thời gian lưu tối thiểu 2 h). Theo dự tính đối với hệ thống tương tự, lượng bùn thải phát sinh trung bình 18m³/năm. Định kỳ hút bùn thải 12 tháng/ lần.

Bể thiếu khí: Tại đây, thực hiện quá trình phản ứng Nitrat hóa, giải phóng N₂ bay lên khỏi dòng nước thải nhờ quá trình trao đổi chất giữa hệ vi sinh vật thiếu khí để tăng khả năng tiếp xúc giữa vi sinh vật và cơ chất. Tại bể thiếu khí, có lắp đặt hệ thống sục khí thô nhằm duy trì DO <1mg/l đáp ứng điều kiện tồn tại của chủng vi sinh thiếu khí. Hệ thống mới lược bớt bể điều hòa, tận dụng phần thể tích trên của bể lắng cặn và chứa bùn cùng bể thiếu khí để điều hòa lưu lượng cho toàn bộ hệ thống. Thời gian lưu nước tối thiểu của bể thiếu khí là 7,7h (lớn hơn mức yêu cầu là 3h).

Bể Nitrat 1 và bể Nitrat 2 (Bể hiếu khí): Bể hiếu khí gồm hai ngăn. Trong bể diễn ra quá trình oxi hóa hoàn toàn các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học nhờ các hoạt động của vi sinh vật hiếu khí hoặc tùy tiện. Vi sinh vật được cấp khí cưỡng bức, quá trình trao đổi vi sinh vật sử dụng chất hữu cơ làm nguồn dinh dưỡng, làm giảm nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải. Việc sục khí cũng làm xáo trộn, tăng quá trình tiếp xúc giữa vi sinh vật và các chất ô nhiễm, làm tăng hiệu quả sử dụng chất nền của vi sinh vật. Các chất hữu cơ bị oxi hóa hoàn toàn trong thời gian ngắn.

Trong bể hiếu khí, diễn ra quá trình Nitrat hóa, chuyển hóa NH₃, NH₄⁺ thành NO₂⁻, NO₃⁻ bằng phương pháp sinh học hiếu khí trước khi bơm tuần hoàn về bể thiếu khí để thực hiện quá trình Nitrat hóa. Thể tích bể 4,85m³, thời gian lưu nước 13,9h (lớn hơn mức yêu cầu là 8h).

Bể chứa màng lọc MBR: Công nghệ MBR sử dụng màng lọc nano cao phân tử, kích thước lỗ rất nhỏ (0,08μm), chỉ cho nước lọc tinh khiết đi qua nên hiệu quả xử lý các chất rắn lơ lửng tốt hơn nhiều so với bể lắng trọng lực. Màng lọc MBR cũng có hiệu quả trong loại bỏ vi sinh vật kích thước lớn. Ưu điểm vượt trội của công nghệ MBR là lưu giữ nồng độ bùn hoạt tính trong bể hiếu khí cao (khoảng 10.000 đến 12.000 mg/l), do

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

đó diện tích bề hiệu khí được thu nhỏ lại. Nước sau khi lọc qua màng sẽ được bơm ra ngoài bằng bơm hút màng đặt cạn.

Việc ứng dụng MBR kết hợp giữa công nghệ màng lọc giúp thay thế vai trò tách bùn của bể lắng và bể lọc nước đầu ra. Do vậy, hệ thống đã lược bỏ bể lắng và vận hành với nồng độ chất rắn lơ lửng trong dung dịch bùn cao hơn.

Sau một thời gian sử dụng, màng lọc MBR có khả năng bị tắc nghẽn. Định kỳ hàng tuần sẽ bổ sung Javel vào bể để ngâm, rửa sạch các tạp chất bám dính trên bề mặt màng, giúp màng lọc thông thoáng, tránh gây tắc nghẽn.

Bể khử trùng, xả thải: Bể có chức năng lưu trữ nước thải sau xử lý, trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực hay trạm xử lý nước thải tập trung của toàn khu công nghiệp. Hệ thống xử lý nước thải sử dụng hóa chất khử trùng là viên clo nén TCCA. Viên clo nén sẽ được đặt vào đường xả nước ra của bơm hút màng để loại bỏ các vi sinh vật và vi rút gây bệnh.

- Nội dung cải tạo các bể hiện hữu và bổ sung các thiết bị như sau:

Bảng 4.45. Các bể trong hệ thống xử lý giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án

STT	Tên bể/Bồn	Thể tích	Ghi chú
1	Bể lắng cạn và chứa bùn	3,752 m ³	Cải tạo bể điều hòa hiện tại
2	Bể lọc thiếu khí	2,720 m ³	Giữ nguyên bể thiếu khí
3	Bể Nitrat hóa 1	1,640 m ³	Cải tạo bể hiếu khí (02 ngăn)
4	Bể Nitrat hóa 2	3,260 m ³	
5	Bể chứa màng lọc MBR	1,500 m ³	Cải tạo Bể lắng
		0,710 m ³	Cải tạo Bể lọc
6	Bể khử trùng và xả thải	0,500 m ³	Giữ nguyên bể xả thải
7	Bồn Ethanol	100 lít	Tận dụng Bồn Methanol/ Ethanol
8	Bồn NaOH	100 lít	Tận dụng Bồn Polytetsu / PAC & NaOH
9	Bồn hóa chất (chứa hóa chất ngâm màng - Javel)	300l	Mua mới

Bảng 4.46. Máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án

TT	Máy móc, thiết bị	Số lượng (bộ)	Thông tin kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy thổi khí	02	750W; 0,4 m ³ /phút	Mua mới

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

TT	Máy móc, thiết bị	Số lượng (bộ)	Thông tin kỹ thuật	Ghi chú
2	Bơm hồi lưu nước	01	150 W; 0,1 ³ /phút	Mua mới
3	Bơm hồi lưu bùn	01	150 W; 0,13m ³ /phút	Mua mới
4	Bơm hút màng	02	370 W; 0,09m ³ /phút	Mua mới
5	Màng lọc MBR	01	Kích thước lỗ màng: 0,08ucm	Mua mới
6	Bơm định lượng 270	02	22W, 270ml/phút	Tận dụng
7	Hộp hóa chất khử trùng	01	-	Tận dụng

Danh mục các hóa chất sử dụng trong hệ thống xử lý nước thải Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án được thể hiện chi tiết trong Bảng 1.5.

*** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ phòng máy nén khí**

❖ **Giai đoạn hiện tại:** Nước thải từ phòng máy nén khí thường lẫn dầu trong máy nén khí. Lượng nước này được chuyển giao cho Công ty CP xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình xử lý được thu gom xử lý như chất thải nguy hại.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện.

*** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình rửa sản phẩm**

❖ **Giai đoạn hiện tại:** Nước thải từ rửa sản phẩm chứa dầu cặn và nước rửa xả lẫn dầu được thu gom vào phuy dầu thải để chuyển giao cho Công ty CP xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình xử lý được thu gom xử lý như chất thải nguy hại.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện.

c. Giảm thiểu tác động do chất thải rắn thông thường

*** Đối với chất thải rắn sinh hoạt**

❖ **Giai đoạn hiện tại:**

- Ban hành nội quy quản lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh theo đúng quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn Thành phố Hải Phòng và thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định. Trong đó, chất thải rắn sinh hoạt được phân loại thành: (1) chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; (2) chất thải thực phẩm; (3) chất thải rắn sinh hoạt khác. Việc thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt cụ thể như sau

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Tại khu vực nhà ăn, đã bố trí các thùng rác loại 120 lít bằng nhựa có nắp đậy với các màu khác nhau để quy định chứa chất thải tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Tại khu vực văn phòng, đã bố trí các thùng rác loại 25 lít bằng nhựa có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn từ hoạt động văn phòng.

- Đã bố trí khu tập kết rác thải sinh hoạt có diện tích khoảng 8,4 m² (về phía Tây Nam của nhà xưởng chính). Tại đây, đã bố trí 03 thùng rác loại 500 lít bằng nhựa có nắp đậy kín để tập kết rác thải sinh hoạt thành ba loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải sinh hoạt khác.

- Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng – Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân để thu gom, vận chuyển, xử lý theo hợp đồng ký với KCN VSIP.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện. Bố trí khu tập kết rác thải sinh hoạt diện tích 8,4m² tại vị trí phía Tây Bắc dự án thay thế khu tập kết cũ để thuận tiện cho vận chuyển. Việc bố trí khu vực tập kết thực hiện trong ngày do chỉ phải di chuyển các thùng chứa rác nên không ảnh hưởng đến hoạt động thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt tại Dự án.

*** Đối với phế liệu**

❖ **Giai đoạn hiện tại:** Đồng phế liệu và thép phế liệu (bao gồm nguyên liệu thừa từ sản xuất và sản phẩm lỗi không thể khắc phục) được thu gom về khu lưu giữ nguyên liệu thừa, vật liệu tái chế trong nhà xưởng chính (khu lưu giữ phế liệu), có tổng diện tích là 31,6 m² (khu lưu giữ đồng phế liệu là 27,6 m², khu lưu giữ thép phế liệu là 4,0 m²).

- Đối với đồng, thép phế liệu, Chủ dự án đã ký Hợp đồng số OHG (S) – MPV01 ngày 01/07/2015 với Công ty Ohgitani Singapore để chuyển giao toàn bộ lượng đồng phế liệu phát sinh này. Tần suất chuyển giao phế liệu là khoảng 15 ngày/lần.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện.

*** Đối với chất thải rắn sản xuất**

❖ Giai đoạn hiện tại:

- Bố trí nhân viên phụ trách việc thu gom, phân loại, tập kết, chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường và phế liệu theo quy định.

- Bố trí các thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường và phế liệu đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 26,9m², bao gồm 4 ngăn được bố trí ở phía Đông của nhà xưởng chính.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Chủ dự án đã ký Hợp đồng số 01-2023/HĐKT/MOCHIZUKI-HB ngày 16/01/2023 với Công ty CP xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình để thu gom, vận chuyển và xử lý) toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh của Dự án. Tần suất chuyên giao chất thải rắn công nghiệp thông thường là khoảng 03 tháng/lần.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện. Kho chứa rác cũ sẽ được thay thế bởi kho mới ở phía Đông nhà xưởng mới với tổng diện tích 70,04m² được chia thành 7 ngăn, trong đó, rác thải công nghiệp được chứa trong 04 ngăn, tổng diện tích 47,94m² để tập kết chất thải công nghiệp thông thường.

Trong quá trình phá bỏ kho rác cũ, dự án bố trí kho rác tạm chứa chất thải công nghiệp diện tích 10m², tường cao 1,5m, có mái che tại khu vực phía Đông Bắc dự án và dự kiến tăng tần suất thu gom rác thải từ 3 tháng/lần lên 1 tháng/lần. Khi kho rác mới được hoàn thiện, sẽ di chuyển rác thải sang kho mới và phá kho rác tạm.

d. Giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại

❖ **Giai đoạn hiện tại:**

Các chất thải nguy hại phát sinh tại Công ty được quản lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Cụ thể như sau:

- Phân công một cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để đảm nhiệm việc phân định, phân loại và quản lý CTNH.

- Thực hiện phân loại CTNH ngay tại nguồn phát sinh. Các CTNH khi phát sinh sẽ được tập kết về kho lưu giữ và phân loại vào các thùng chứa riêng biệt. Bên ngoài mỗi thùng chứa CTNH có dán mã và dấu hiệu cảnh báo CTNH.

- Đã xây dựng một kho lưu giữ CTNH có diện tích là 20,2 m² gồm 03 ngăn riêng biệt (về phía Đông của nhà xưởng chính) theo các yêu cầu kỹ thuật như sau:

+ Kho có mái che kín nắng mưa, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải dạng lỏng bên trong, có gờ chắn tại cửa.

+ Bên ngoài kho có cửa ra vào khép kín và có biển báo ghi rõ “Kho lưu giữ chất thải nguy hại” bằng khổ chữ lớn để nhận biết.

+ Bên trong kho bố trí các vật liệu hấp phụ (cát khô, tấm thấm....) và dụng cụ (xô, xẻng....) để ứng phó trong trường hợp tràn đổ CTNH. Ngoài ra, kho được trang bị các thiết bị PCCC (bình cứu hoả....) theo quy định.

- Chủ dự án đã ký Hợp đồng số 01-2023/HĐKT/MOCHIZUKI-HB ngày 16/01/2023 với Công ty CP xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình để thu gom,

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh của Dự án. Tần suất chuyển giao chất thải nguy hại là khoảng 03 tháng/lần.

- Lưu giữ đầy đủ Chứng từ CTNH, lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường có nội dung về quản lý chất thải nguy hại và gửi về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Thuỷ Nguyên, Công ty TNHH VSIP Hải Phòng để theo dõi, giám sát.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện. Dự án mở rộng bố trí kho chất thải nguy hại mới diện tích 31,5m² gồm 3 ngăn riêng biệt phía Đông xưởng mới, trong đó một ngăn chứa riêng dầu thải phát sinh.

Trong quá trình phá bỏ kho rác cũ, dự án bố trí kho rác tạm chứa chất thải nguy hại diện tích 10m², tường cao 1,5m, có mái che, nền chống thấm, có gờ chống tràn, bố trí bình cứu hỏa tại khu vực phía Đông Bắc dự án. Khi kho rác mới được hoàn thiện, sẽ di chuyển rác thải sang kho mới.

4.2.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đối với các tác động không liên quan đến chất thải

e. Giảm thiểu tác động xấu do tiếng ồn, độ rung

❖ Giai đoạn hiện tại:

- Các phương tiện vận chuyển ra vào công ty phải giảm tốc độ, đi theo hướng dẫn của bảo vệ và tắt máy khi dừng đỗ.

- Lập phương án sản xuất hợp lý để hạn chế các phương tiện, máy móc, thiết bị bị có tiếng ồn, độ rung cao hoạt động vào cùng một thời điểm.

- Các phương tiện, máy móc, thiết bị được vận hành đúng công suất, yêu cầu kỹ thuật và được thường xuyên vệ sinh, định kỳ bảo dưỡng, kịp thời sửa chữa để đảm bảo luôn hoạt động ở trạng thái ổn định.

- Nền móng nhà xưởng được gia cố vững chắc, được tính toán chịu lực để giảm độ rung và tiếng ồn của máy móc, thiết bị lắp đặt.

- Lắp đặt đệm tiêu âm, để chống rung cho các máy móc, thiết bị có khả năng gây tiếng ồn, độ rung lớn như máy đột dập, máy mài, máy khoan, máy nén khí, máy phát điện...

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân vận hành như nút bịt tai, găng tay chống rung, giày chống rung...

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện.

f. Giảm thiểu tác động xấu do ô nhiễm nhiệt

❖ **Giai đoạn hiện tại:**

- Nhà xưởng được thiết kế thông thoáng, bố trí các ô thoáng thông gió đảm bảo quá trình lưu thông trao đổi không khí bên trong với bên ngoài.
- Lắp đặt hệ thống quạt gió, hệ thống điều hoà không khí (sử dụng khí gas thân thiện với môi trường như R32), hệ thống hút ẩm, quạt hút mùi (chi tiết Bảng 44.1) để đảm bảo môi trường làm việc thoáng mát cho người lao động.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cá nhân như quần áo, găng tay, kính, bịt tai... cho người lao động.
- Bố trí các bình nước uống phục vụ công nhân viên tại những vị trí thuận tiện, đặc biệt là vào những ngày nắng nóng.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện. Bổ sung các thiết bị thông gió, điều hòa, hút mùi tại xưởng mới (chi tiết Bảng 44.2).

g. Giảm thiểu tác động xấu do nước mưa chảy tràn

❖ **Giai đoạn hiện tại:**

- Thường xuyên vệ sinh sân đường nội bộ, đồng thời đề ra nội quy và biện pháp xử phạt các hành vi vứt rác không đúng nơi quy định.
- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ vệ sinh, nạo hút bùn cặn tại đường ống, hố ga thoát nước và kịp thời khắc phục khi phát hiện hư hỏng.
- Bố trí hệ thống đường cống thoát nước mưa D300, D400, D600, D800 bằng bê tông cốt thép chạy quanh nhà xưởng và đường nội bộ quy hoạch. Tại đầu các ống đứng thoát nước mưa mái có lắp đặt hố thu và bố trí các hố ga thu nước mưa dọc theo ống thoát. Nước mưa từ hệ thống cống thoát nước mưa của Dự án được đầu nối về hệ thống thoát nước mưa của KCN.
- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, làm vệ sinh đường nội bộ, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước mưa đảm bảo nguyên tắc không gây ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước mưa chung của KCN

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện. Xây bổ sung hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

h. Giảm thiểu tác động đến giao thông khu vực

❖ **Giai đoạn hiện tại:**

- Ký hợp đồng với các đơn vị dịch vụ vận tải để vận chuyển các nguyên nhiên vật liệu và sản phẩm của công ty. Các đơn vị này phải có đầy đủ chức năng, năng lực về con người, trang thiết bị để tham gia dịch vụ vận chuyển đường bộ.
- Yêu cầu người điều khiển phương tiện chấp hành các quy định về an toàn giao

thông đường bộ như chở đúng trọng tải, chạy đúng làn đường, đúng tốc độ...

- Bố trí tuyến đường vận chuyển, thời gian vận chuyển hợp lý, hạn chế qua khu vực đông dân cư, chợ, trường học, bệnh viện... và tránh vào các giờ cao điểm, tan tầm.

- Các phương tiện vận chuyển dừng, đỗ đúng nơi quy định và có kế hoạch cứu hộ các phương tiện bị sự cố, tránh gây ách tắc giao thông.

- Bố trí người hướng dẫn giao thông khi các phương tiện có kích thước lớn quay đầu ra vào công ty.

- Tuyên truyền, giáo dục về an toàn giao thông, phổ biến các văn bản pháp luật về giao thông đường bộ cho các lái xe và người lao động làm việc tại công ty.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện.

i. Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội khu vực

❖ **Giai đoạn hiện tại:**

- Toàn thể cán bộ nhân viên phải tuân thủ nội quy của công ty trong giờ làm việc, ra vào cổng Công ty.

- Đội ngũ bảo vệ công ty thường trực 24/24h để sẵn sàng ứng phó với các sự cố mất an ninh trong công ty.

- Lượng cán bộ công nhân viên làm việc trong Nhà máy vẫn duy trì là các lao động trong khu vực huyện Thủy Nguyên, thời gian làm việc tại các Nhà máy thường là 8 giờ/ngày và không có nội trú cho công nhân. Vì vậy, rất ít xảy ra các hiện tượng tệ nạn xã hội, điều đó tạo điều kiện cho Ban quản lý KCN VSIP cũng như các công ty dễ dàng trong việc quản lý lao động và ngăn chặn tệ nạn. Công ty luôn giữ vững an ninh chính trị, không tạo ra điểm nóng về trật tự an toàn xã hội.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện.

4.2.2.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đối với các rủi ro, sự cố có thể xảy ra

a. Biện pháp phòng ngừa với sự cố tai nạn lao động

❖ **Giai đoạn hiện tại:**

- Ban hành các quy định và quy trình an toàn lao động cho các công đoạn sản xuất. Đặc biệt là quy trình vận hành an toàn các máy móc, thiết bị có nguy cơ gây tai nạn lao động cao như máy đột dập, máy mài, máy khoan, máy nén khí, cầu trục...

- Tuyên truyền giáo dục về an toàn lao động cho công nhân, thường xuyên kiểm tra, giao trách nhiệm cho người quản lý tại các bộ phận sản xuất, đồng thời xử lý nghiêm

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

những trường hợp vi phạm quy định về an toàn lao động.

- Lắp đặt hoặc bổ sung những công cụ cần thiết ở những khu vực tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động để ngăn ngừa tai nạn lao động xảy ra.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn lao động cá nhân thích hợp như khẩu trang, găng tay, mũ và kính bảo hộ...

- Trang bị các dụng cụ sơ cứu, thuốc men tại phòng y tế để đề phòng khi xảy ra tai nạn lao động, ốm đau. Trong trường hợp cần thiết cần nhanh chóng đưa nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để cứu chữa kịp thời.

- Bố trí thời gian làm việc và thời gian làm thêm giờ hợp lý để đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động.

- Đảm bảo 100% cán bộ, công nhân viên có bảo hiểm y tế và tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo quy định cho toàn thể cán bộ, công nhân viên.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện.

b. Biện pháp phòng ngừa với sự cố cháy nổ

❖ **Giai đoạn hiện tại:**

- Ban hành các quy định và quy trình an toàn lao động cho các công đoạn sản xuất. Đặc biệt là quy trình vận hành an toàn các máy móc, thiết bị có nguy cơ gây tai nạn lao động cao như máy đột dập, máy mài, máy khoan, máy nén khí, cầu trục...

- Công ty đã lắp đặt hoàn thiện hệ thống báo nhiệt, báo khói tự động và hệ thống chuông báo cháy theo quy định.

- Công ty đã lắp đặt hoàn thiện các trang thiết bị chữa cháy tại chỗ, hệ thống chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động theo quy định.

- Công ty đã lập Đội PCCC thường trực và hàng năm sẽ kết hợp với Cảnh sát PCCC tổ chức tập huấn những kiến thức, kỹ năng về PCCC.

- Công ty thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống PCCC và kịp thời thay thế khi hư hỏng để đảm bảo luôn trong tình trạng sẵn sàng sử dụng khi xảy ra sự cố.

- Công ty nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng ngừa đối với một số nguy cơ gây cháy nổ cao như an toàn về điện, an toàn về sét đánh.

- Công ty đã được Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ – Công an thành phố Hải Phòng đã chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Văn bản số 151/NT-PC07 ngày 21/7/2022.

- Tổ chức diễn tập PCCC một năm/ lần, năm 2023 công ty thực hiện diễn tập

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

PCCC tháng 11/2023 theo Kế hoạch 3059/KH-PC07 ngày 18 tháng 10 năm 2023 đã được Phòng cảnh sát PCCC và CNCH phê duyệt.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện. Công ty đã lập phương án PCCC cho Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án nhà xưởng.

c. Biện pháp phòng ngừa với sự cố máy gia công đột dập

- ❖ **Giai đoạn hiện tại:** Đề ra quy định an toàn khi sử dụng máy
- Tuyệt đối không cho tay vào bàn máy khi máy hoạt động dù có xảy ra bất kỳ sự cố nào.
 - Khi máy đang gia công đột dập có xảy ra sự cố thì người công nhân phải dừng máy khẩn cấp bằng cắt tắt máy hoặc ngắt kết nối nguồn điện.
 - Đảm bảo bàn máy cứng vững, cân bằng và vệ sinh sạch sẽ bàn máy mới được đưa khuôn dập vào gá đặt.
 - Kiểm tra các chế độ của máy trước khi vận hành: hệ thống cảm biến an toàn cho người gia công; hệ thống nén khí, dầu thủy lực có trong mức cho phép không; khuôn trên và khuôn dưới đã được gá đặt chắc chắn trên bàn máy; chạy thử; thận trọng khi làm việc từ hai người; sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động đúng quy chuẩn.
 - * *Các quy tắc về an toàn khi thay khuôn trên máy gia công đột dập*
 - Cẩn thận ngắt điện nguồn và cảnh báo khi thực hiện thay khuôn dập.
 - Trong quá trình thay khuôn phải thực hiện chậm và chính xác, chắc chắn là 2 mặt khuôn đã được khớp lại với nhau mới được đưa khuôn ra khỏi bàn máy.
 - Khi làm việc tập thể cần có sự phân công rõ ràng hoặc nghe theo hiệu lệnh của người chỉ huy.
 - Cần kiểm tra khu vực xung quanh máy trước khi tiến hành chạy thử.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện.

d. Biện pháp phòng ngừa với sự cố máy nén khí

- ❖ **Giai đoạn hiện tại:**
- Nghiêm chỉnh thực hiện các biện pháp an toàn cho bình chứa chịu áp lực được quy định tại QCVN 01:2008/BLĐTBXH – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động nồi hơi và bình chịu áp lực.
 - Bố trí khu vực riêng đặt máy nén khí.
 - Người quản lý, vận hành trạm khí nén được đào tạo, sát hạch theo đúng quy định.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Sử dụng nguồn điện áp ổn định cho máy nén khí.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy nén khí, van an toàn, đồng hồ đo áp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Định kỳ 1 năm/lần thuê đơn vị có chức năng kiểm định an toàn thiết bị.
- ❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện.

e. Biện pháp phòng ngừa với sự cố cầu trục, xe nâng hàng

- ❖ **Giai đoạn hiện tại:**
 - Chỉ sau khi thử hoạt động các cơ cấu đảm bảo an toàn mới đưa vào hoạt động.
 - Trong quá trình hoạt động, công nhân vận hành luôn lắng nghe sự hoạt động của các cơ cấu xem có bình thường không, quan sát các thiết bị báo hiệu để xem xét.
 - Luôn chú ý đến phanh hãm, các cơ cấu hạn chế hành trình.
 - Trước khi nâng vật liệu hay thả vật phải nhấn còi báo hiệu cho mọi người biết.
 - Thực hiện thao tác từ từ, không để giật cục, không thay đổi chiều quay đột ngột.
 - Luôn chú ý sự cuốn cáp trên các tang khi làm việc để tránh chồng cáp lên nhau.
 - Để đảm bảo an toàn cho người lao động và đảm bảo năng suất làm việc khi sử dụng cầu trục, Công ty sẽ định kỳ thực hiện kiểm định an toàn thiết bị cầu trục.

- ❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện.

f. Biện pháp phòng ngừa với sự cố khi vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung

- ❖ **Giai đoạn hiện tại:**
 - Đã niêm yết sơ đồ công nghệ và quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu vực xây lắp hệ thống xử lý.
 - Bố trí nhân viên được đào tạo, tập huấn về chuyên môn để quản lý và vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng yêu cầu kỹ thuật, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (thời gian vận hành, tình trạng thiết bị, lưu lượng nước thải, lượng hóa chất sử dụng, lượng bùn thải phát sinh....).
 - Nhân viên vận hành thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng hệ thống đường ống, hệ thống điện, hệ thống máy bơm, động cơ.... theo khuyến cáo của đơn vị xây lắp hệ thống xử lý nước thải.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Nhân viên vận hành hàng ngày kiểm tra bằng cảm quan chất lượng nước thải sau khi xử lý (như màu sắc, mùi, chất rắn lơ lửng....) nếu phát hiện bất thường thì phải ngưng bơm nước thải từ bể điều hòa vào các bể xử lý và tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố theo hướng dẫn của đơn vị xây lắp hệ thống xử lý nước thải.

- Các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung được lắp đặt theo bộ gồm có 02 thiết bị hoạt động luân phiên và được điều khiển tự động bằng hệ thống rơ le thời gian. Khi một trong hai thiết bị gặp sự cố, người vận hành hệ thống sẽ chuyển chế độ vận hành tự động sang chế độ vận hành thủ công bằng công tắc được đặt trong tủ điều khiển trung tâm và tiến hành khắc phục sự cố.

- Khi hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục ngay được sự cố, Chủ dự án sẽ liên hệ với Công ty TNHH VSIP Hải Phòng để thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh theo quy định.

- Hiện tại, công ty đã trang bị máy phát điện dự phòng và đảm bảo công suất phục vụ cho việc vận hành hệ thống xử lý nước thải khi điện lưới bị mất.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện.

g. Biện pháp phòng ngừa với sự cố tràn đổ hóa chất

❖ Giai đoạn hiện tại:

- Các hóa chất được lưu giữ tại khu vực riêng biệt trong kho nguyên liệu, có bảng nội quy về an toàn hóa chất, có biển báo nguy hiểm thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm của hóa chất, có bảng hướng dẫn cụ thể về quy trình thao tác an toàn.

- Khu vực lưu giữ hóa chất có rãnh thu và hồ gom hóa chất bị rò rỉ, tràn đổ. Sàn kho chịu được hóa chất, tải trọng, chống trơn trượt và có gờ bao quanh đảm bảo hóa chất bên trong không chảy ra bên ngoài.

- Khu vực lưu giữ hóa chất có trang bị đầy đủ thiết bị PCCC theo quy định và các trang thiết bị ứng phó sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất như xô nhựa, xẻng nhựa, cát khô, kính và mặt nạ phòng độc...

- Các thùng phuy, can đựng hóa chất đảm bảo được xếp đúng yêu cầu kỹ thuật và người được phân công quản lý an toàn hóa chất có trách nhiệm hàng ngày kiểm tra tình trạng an toàn tại khu vực lưu giữ hóa chất.

- Khi xảy ra sự cố hóa chất (rò rỉ, tràn đổ, cháy nổ...) phải thông báo ngay người quản lý an toàn hóa chất và thực hiện ngay các biện pháp ứng phó đã đề ra theo từng loại hóa chất, sử dụng các bảo hộ lao động, trang thiết bị PCCC... để ứng phó sự cố.

- Thực hiện các biện pháp sơ cứu khi bị hóa chất dây dính vào người hoặc bị ngộ độc hóa chất theo đúng hướng dẫn trong phiếu an toàn hóa chất và nhanh chóng chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

- Định kỳ hàng năm tổ chức đào tạo, kiểm tra kiến thức cho cán bộ, công nhân về an toàn hóa chất và tổ chức diễn tập biện pháp ứng phó sự cố hóa chất tại khu vực sản xuất và khu vực lưu giữ hóa chất.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện.

h. Biện pháp phòng ngừa với sự cố kho chất thải

❖ **Giai đoạn hiện tại:**

- Xây dựng và ban hành quy định hoặc nội quy của cơ sở về bảo vệ môi trường, trong đó bao gồm quy định/nội quy chung; các quy định an toàn cho khu vực kho chứa.

- Lắp đặt thiết bị, dụng cụ PCCC, phương tiện ứng phó sự cố môi trường phù hợp cho kho chứa, đặc biệt là kho chứa CTNH như cát, xẻng, bình chữa cháy...

- Xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường, lập kế hoạch đào tạo, huấn luyện hàng năm.

- Kiểm tra thường xuyên kho chứa chất thải, cũng như trang thiết bị ứng phó, ứng phó khẩn cấp sự cố môi trường; áp dụng biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật liên quan.

- Thực hiện các biện pháp loại trừ, xử lý ngay nguyên nhân gây ra sự cố môi trường khi phát hiện dấu hiệu. Các bước thực hiện như sau:

+ Báo động;

+ Xác định nguồn phát tán, rò rỉ và ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng;

+ Xử lý việc phát tán, tràn đổ chất thải. Trong quá trình thực hiện cần chú ý công tác cháy nổ, chống điện giật....;

+ Trong trường hợp vượt quá khả năng của cơ sở, phải khẩn cấp thông báo ngay cho chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố, Ban quản lý khu công nghiệp và cơ quan Thường trực (Sở Tài nguyên và Môi trường), đồng thời cung cấp chi tiết các thông tin liên quan đến sự cố.

+ Thực hiện các hoạt động quản lý, xử lý chất thải thu hồi (nếu có).

+ Thực hiện các hoạt động khắc phục sau sự cố môi trường.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện.

k. Biện pháp phòng ngừa với sự cố mất an toàn vệ sinh thực phẩm

❖ **Giai đoạn hiện tại:** Ký hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp số 01/2024 ngày 01/3/2024 với Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ North River để cung cấp suất ăn ca cho cán bộ công nhân viên. Đơn vị cung cấp suất ăn có Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 100/2024/ATTP-CNĐK ngày 26/4/2024 được cấp bởi Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện cho đến khi Công ty tổ chức nấu ăn tại nhà máy. Khi thực hiện nấu ăn, Công ty sẽ thực hiện chương trình đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm như: giám sát việc cung cấp thực phẩm của nhà cung cấp. Các thực phẩm sử dụng đều có nguồn gốc và hạn sử dụng rõ ràng. Trang bị thuốc men cần thiết cho trường hợp bị ngộ độc thực phẩm tại Công ty.

m. Biện pháp phòng ngừa với sự cố rò rỉ khí gas từ máy điều hòa nhiệt độ

❖ **Giai đoạn hiện tại:** Khi xảy ra sự cố rò rỉ khí gas từ máy điều hòa nhiệt độ, thực hiện các biện pháp khắc phục sau: Tiến hành kiểm tra kỹ lại đường ống, phát hiện tất cả các chỗ rò rỉ; Hàn lại điểm rò rỉ; Nếu có nhiều mối rò rỉ sẽ thay thế lại đường ống; Nạp lại phần gas bị mất; Kiểm tra lại bằng máy hút chân không đường ống, đảm bảo đường ống kín, không rò rỉ.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện.

l. Biện pháp phòng ngừa với sự cố dịch bệnh

❖ **Giai đoạn hiện tại:**

- Đề ra nội quy đối với công nhân và toàn thể cán bộ của Công ty, trong trường hợp mắc bệnh, công nhân phải nghỉ làm, không được đến Công ty.

- Tăng cường tổ chức vệ sinh khu vực nhà xưởng, văn phòng, đảm bảo sức khỏe cho công nhân. Tổ chức truyền thông cho công nhân và cán bộ nội dung phòng chống dịch bệnh.

- Khi phát hiện công nhân có dấu hiệu nhiễm bệnh nguy cơ gây truyền nhiễm cao, lập tức cách ly và đưa đến cơ sở y tế gần nhất.

- Khi phát hiện có dấu hiệu của dịch bệnh bùng phát, lập tức liên hệ với Trung tâm Y tế dự phòng để phối kết hợp xác định nguyên nhân và dập tắt dịch bệnh kịp thời.

❖ **Giai đoạn sau hoàn thành xây dựng dự án:** Tiếp tục duy trì các biện pháp đang thực hiện.

4.3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

4.3.1. Kế hoạch xây lắp và dự toán kinh phí đối với các công trình, biện pháp bảo

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

vệ môi trường của dự án

Kế hoạch xây lắp và dự toán kinh phí đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án như sau:

Bảng 4.47. Kế hoạch xây lắp và dự toán kinh phí đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Các giai đoạn của dự án	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kế hoạch xây lắp công trình	Dự toán kinh phí
Giai đoạn thi công xây dựng	Dựng hàng rào bằng tôn cao 3m xung quanh Dự án	Khi bắt đầu xây dựng	20 triệu
	Trang bị nhà vệ sinh di động cho công nhân xây dựng	Khi bắt đầu xây dựng	20 triệu
	Xây nhà chứa rác thải tạm	Khi bắt đầu xây dựng	20 triệu
	Xây bể lắng cặn có các tấm thấm dầu để xử lý nước thải xây dựng	Khi bắt đầu xây dựng	10 triệu
	Đào rãnh và hố ga để lắng cặn nước mưa chảy tràn	Khi bắt đầu xây dựng	10 triệu
	Trang bị bạt phủ cho khu vực tập kết chất thải xây dựng	Khi bắt đầu xây dựng	5 triệu
	Tổ chức phun nước trong công trường vào những ngày trời hanh khô	Trong suốt thời gian xây dựng	3 triệu/tháng
	Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng	Trong suốt thời gian xây dựng	40 triệu
	Cải tạo các bể và lắp đặt bổ sung thiết bị của hệ thống xử lý nước thải	Trong suốt thời gian xây dựng	80 triệu
Giai đoạn dự án đi vào vận hành	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng với nước mưa	Trước khi vận hành	150 triệu
	Bố trí kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH	Trước khi vận hành	50 triệu
	Trang bị các thùng chứa chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.	Trước khi vận hành	10 triệu
	Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.	Trong suốt thời gian vận hành	30 triệu/tháng
	Lắp đặt đệm xốp, đế cao su giảm ồn, chống rung cho các máy móc, thiết bị có tiếng ồn, độ rung lớn.	Trong suốt thời gian vận hành	5 triệu/năm

4.3.2. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

*** Giai đoạn triển khai xây dựng**

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với các nhà thầu thi công và thỏa thuận về công tác bảo vệ môi trường như là một điều khoản cam kết trong hợp đồng thi công. Đồng thời, Chủ dự án sẽ bố trí cán bộ quản lý, giám sát toàn bộ việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của nhà thầu thi công đã được đề cập trong Báo cáo này.

*** Giai đoạn vận hành dự án**

Chủ dự án có trách nhiệm bố trí cán bộ quản lý, giám sát toàn bộ việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành các hạng mục công trình của Dự án.

4.4. NHẬN XÉT VỀ MỨC ĐỘ CHI TIẾT, ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO

4.4.1. Về mức độ chi tiết của các đánh giá

Báo cáo đã thực hiện phân tích, đánh giá tác động môi trường do các nguồn có liên quan đến chất thải (bụi, khí thải, nước thải,...), các nguồn không liên quan đến chất thải (tiếng ồn, độ rung, nước mưa...) và các rủi ro, sự cố phát sinh trong giai đoạn triển khai xây dựng của Dự án cũng như trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành. Việc đánh giá tác động tới môi trường của Dự án tuân thủ theo trình tự:

- Xác định khối lượng, quy mô, biện pháp thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án; các nguyên vật liệu tiêu thụ; các máy móc, thiết bị được sử dụng.
- Xác định nguồn gây tác động theo từng hoạt động (hoặc từng thành phần của các hoạt động) do dự án gây ra.
- Dự báo khối lượng các chất thải phát sinh theo từng loại chất thải gồm: Khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn và độ rung.
- Xác định mức độ tác động của từng loại chất thải (quy mô không gian và thời gian) cũng như xác định các đối tượng bị tác động.
- Đánh giá tác động dựa trên quy mô nguồn gây tác động, quy mô không gian, thời gian và tính nhạy cảm của các đối tượng chịu tác động.
- Dự báo các rủi ro, sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình triển khai dự án. Trong đó bao gồm các nội dung: Nguyên nhân, phạm vi, mức độ ảnh hưởng.
- Trên cơ sở các dự báo, đánh giá, báo cáo đề ra được các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường một cách khả thi.

4.4.2. Về độ tin cậy của các đánh giá

- Các số liệu tính toán, phân tích dựa trên phương pháp tính toán của tổ chức WHO,

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Bộ Giao thông vận tải Mỹ... các đánh giá được dựa trên cơ sở tính toán, số liệu tài liệu khoa học. Đồng thời căn cứ vào đặc điểm vị trí mặt bằng của dự án, hiện trạng tài nguyên thiên nhiên và phân bố dân cư xung quanh khu vực dự án để đánh giá ảnh hưởng của các tác động.

- Sử dụng các phương pháp, các mô hình đánh giá truyền thống có cơ sở khoa học và đáng tin cậy.

- Việc đánh giá tác động trên cơ sở lấy ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực môi trường và khảo sát, đo đạc hiện trạng môi trường tại khu vực triển khai thực hiện dự án. Việc lấy mẫu, phân tích các chỉ tiêu về môi trường không khí, đất, nước, trầm tích, tiếng ồn, độ rung đều tuân theo các TCVN, QCVN về môi trường hiện hành.

- Các thiết bị phân tích trong phòng thí nghiệm có độ chính xác cao và được kiểm chuẩn nên có độ tin cậy cao. Việc quan trắc, phân tích các chỉ tiêu môi trường được thực hiện tại phòng thí nghiệm của Trung tâm Quan trắc môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng. Phòng thí nghiệm của Trung tâm Quan trắc môi trường đã được cấp chứng nhận đạt ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số 20/GCN-BTNMT ngày 29/8/2023, mã số chứng nhận VIMCERTS 008.

CHƯƠNG V. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm chủ đầu tư được triển khai thực hiện tại Lô IN3-10*C, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Dự án không thuộc đối tượng phải lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (chỉ yêu cầu đối với các dự án khai thác khoáng sản; dự án chôn lấp chất thải; dự án gây tổn thất, suy giảm đa dạng sinh học).

CHƯƠNG VI. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

6.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

6.1.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Dự án nằm trong Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng nên không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Do nước thải sau xử lý của Dự án đã xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng, không xả ra ngoài môi trường.

Chủ dự án đã ký Hợp đồng thuê lại đất và cơ sở hạ tầng trong Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng (Hợp đồng số 001/2019/LA/MCSD-VSIP HP ngày 16/9/2019 và Hợp đồng số 0022-24/W&S/VSIP HP ngày 06/3/2024) với Công ty TNHH VSIP Hải Phòng (Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng), trong đó có thỏa thuận về đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN VSIP và xử lý nước thải có nồng độ ô nhiễm vượt quá giới hạn tại Dự án VSIP Hải Phòng.

6.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

6.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

a. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt từ khu bếp và nhà ăn sau xử lý tại bể tách mỡ, cùng với nước thải sinh hoạt từ bồn cầu vệ sinh, nước thải sinh hoạt khác từ chậu rửa mặt, sàn nhà tắm chảy vào hố thu gom và được bơm vào bể tự hoại để xử lý. Toàn bộ nước thải sau xử lý tại bể tự hoại chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 7,0 m³/ngày đêm của Dự án để tiếp tục xử lý trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP.

b. Công trình thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: (1) Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu bếp nấu nhà ăn sau xử lý tại bể tách mỡ + (2) Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các bồn cầu vệ sinh + (3) Nước thải sinh hoạt khác từ chậu rửa mặt, sàn nhà tắm → Hố thu gom nước thải → Bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải tập trung, trong đó: Nước thải → Bể lắng cặn và chứa bùn → Bể lọc thiếu khí → Bể hiếu khí (Bể Nitrat hóa 1 và bể Nitrat hóa 2) → Bể chứa màng lọc MBR → Bể khử trùng xả thải (khử trùng bằng viên nén TCCA trên đường ống) → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP.

- Công suất thiết kế:

+ 01 Bể tách mỡ có thể tích 2,4 m³.

+ 01 Bể tự hoại có thể tích 8,5 m³.

+ 01 Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 7,0 m³/ngày đêm.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Ethanol (C₂H₅OH); Chất trung hoà (NaOH); Hóa chất ngâm màng (Javel); Chất khử trùng Chlorine (TCCA).

c. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

d. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Niêm yết sơ đồ công nghệ và quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí cán bộ phụ trách quản lý, vận hành đúng quy trình kỹ thuật và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành của hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải luôn hoạt động hiệu quả.

- Định kỳ vệ sinh các đường ống thu thoát nước mưa, nước thải; nạo hút bùn cặn tại các hố ga, bể tự hoại, bể lắng; vớt váng dầu mỡ tại bể tách mỡ.

- Trang bị các phương tiện, máy móc, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời trong các bể xử lý để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố.

- Khi việc kiểm tra, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải bị kéo dài và các bể xử lý không còn khả năng lưu chứa nước thải thì phải thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải phát sinh.

6.1.2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

b. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

+ Mẫu nước thải trước xử lý: tại bể lắng cặn và chứa bùn (để đánh giá chất lượng nước thải trước khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung). Tọa độ: X = 2313876; Y = 601050 (m).

+ Mẫu nước thải sau xử lý: tại bể xả thải (để đánh giá chất lượng nước thải

sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung; hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải tập trung). Tọa độ: X = 2313869; Y = 601047 (m).

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Tuân thủ theo yêu cầu của Khu công nghiệp VSIP.

c. Tần suất lấy mẫu: Đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của các công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

6.1.2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nổi, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Dự án.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nổi nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

6.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

6.2.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Dự án không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý nên không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với bụi, khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

6.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

a. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Dự án không có (do không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý).

b. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Dự án không có (do không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý).

c. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

d. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Dự án không có (do không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý).

6.2.2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không phải vận hành thử nghiệm do Dự án không có công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6.2.2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thường xuyên vệ sinh công nghiệp, định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị sản xuất, chỉ sử dụng các phương tiện giao thông được kiểm định theo quy định.
- Lắp đặt hệ thống quạt thông gió, hệ thống điều hoà không khí để đảm bảo môi trường làm việc thoáng mát cho người lao động.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động, ưu tiên sử dụng các loại dầu gia công thân thiện với môi trường và sức khỏe người lao động.
- Tiến hành trồng cây xanh xung quanh và trong khuôn viên, đảm bảo diện tích trồng cây xanh tối thiểu theo quy định.

6.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

6.3.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

6.3.1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Trong giai đoạn vận hành, các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung của Dự án như sau:

- Nguồn số 1: Khu vực đặt các máy dệt dấp để sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tại xưởng 1 (hiện hữu)
- Nguồn số 2: Khu vực đặt các máy mài, máy khoan, máy phay, máy cắt, máy cưa... để sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm.
- Nguồn số 3: Khu vực đặt các máy nén khí.
- Nguồn số 4: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 5: Khu vực đặt các máy dệt dấp để sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện tại xưởng 2 (mở rộng)

6.3.1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Các vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tại Dự án tương ứng với các nguồn phát sinh.
Cụ thể như sau:

Bảng 6. 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

TT	Vị trí phát sinh	Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)
1	Nguồn số 1	X = 2313839.628; Y = 601102.508
2	Nguồn số 2	X = 2313795.574; Y = 601097.483
3	Nguồn số 3	X = 2313787.906; Y = 601109.519
4	Nguồn số 4	X = 2313788.217; Y = 601086.825
5	Nguồn số 5	X = 2313844.780; Y = 601134.000

6.3.1.3. Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung tại các vị trí xung quanh ngoài tường rào Nhà máy phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Cụ thể như sau:

- Giá trị giới hạn đối với Tiếng ồn

Bảng 6.2. Giá trị giới hạn đối với mức ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Ghi chú
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Khu vực thông thường
	70	55	

Bảng 6.3. Giá trị giới hạn đối với mức gia tốc rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Khu vực thông thường
	70	60	

6.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

6.3.2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt đệm tiêu âm, đế chống rung cho các máy móc, thiết bị có khả năng gây tiếng ồn, độ rung lớn như máy đột dập, máy mài, máy khoan, máy nén khí, máy phát điện...

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Các phương tiện, máy móc, thiết bị thường xuyên được vệ sinh, định kỳ được bảo dưỡng để đảm bảo luôn hoạt động ở trạng thái ổn định.

6.3.2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại mục 6.3.1.3 trên.

- Các phương tiện, máy móc, thiết bị được vận hành theo đúng yêu cầu kỹ thuật và đúng công suất thiết kế.

6.4. YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

6.4.1. Yêu cầu về quản lý chất thải

6.4.1.1. Nguồn phát sinh chất thải

- Chất thải nguy hại: Phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh và hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc, thiết bị của Dự án.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm và hoạt động sản xuất, kinh doanh của Dự án

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các cán bộ, công nhân viên làm việc tại Dự án.

- Phế liệu: Phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện gồm nguyên liệu thừa và sản phẩm lỗi không thể khắc phục.

6.4.1.2. Chung loại, khối lượng chất thải

a. Chất thải nguy hại

Bảng 6.4. Khối lượng phát sinh chất thải nguy hại

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Tính chất nguy hại chính	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải có silic hữu cơ nguy hại (gói hút ẩm)	Rắn	02 08 01	Đ, C	KS	160,0
2	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	Đ, ĐS	NH	500,0
3	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu	Rắn	07 03 11	Đ, ĐS	KS	120,0

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Tính chất nguy hại chính	Khối lượng (kg/tháng)
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Đ, ĐS	NH	3,0
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	Đ, ĐS, AM	NH	10,0
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Đ, ĐS, C	NH	60,0
7	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02	Đ, ĐS	KS	100,0
8	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	Đ, ĐS	KS	20,0
9	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Đ, ĐS	KS	640,0
10	Nước thải có các thành phần nguy hại (nước thải từ rửa sản phẩm, nước thải từ máy nén khí)	Lỏng	19 10 01	Đ	KS	100,0
Tổng						1.713,0

b. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và phế liệu phát sinh

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Bảng 6.5. Khối lượng phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Gỗ (thùng gỗ, pallet gỗ)	5000,0
2	Nhựa (khay nhựa, bao bì nhựa)	400,0
3	Giấy (bìa carton, giấy bọc, giấy in)	1000,0
4	Kim loại (dây đai sắt, đinh ghim kẹp, chi tiết khuôn)	180,0
5	Khác (túi nilon, màng bọc nilon, dây sợi buộc,...)	1000,0
Tổng		7580,0

- Khối lượng, chủng loại phế liệu (gồm nguyên liệu thừa và sản phẩm lỗi không thể khắc phục) phát sinh:

Bảng 6.6. Khối lượng, chủng loại phế liệu phát sinh

STT	Tên phế liệu	Khối lượng (kg/tháng)
1	Đồng phế liệu	122.000,0
2	Thép phế liệu	1.100,0
Tổng		123.100,0

c. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 1.560 kg/tháng tương đương khoảng **18,7 tấn/năm**.

6.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

6.4.2.1. Công trình biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại

* **Thiết bị lưu chứa:** Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

* **Kho lưu chứa**

- Diện tích của kho: 01 kho lưu giữ CTNH gồm 03 ngăn có tổng diện tích khoảng 30 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho lưu giữ CTNH có cửa ra vào khép kín, mái lợp tôn che kín nắng mưa, tường xây gạch, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải dạng lồng bên trong, có gờ chắn tại cửa; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại vào các thùng chứa riêng biệt cho từng loại chất thải, ghi mã chất thải nguy hại, dán dấu hiệu cảnh báo và lưu giữ tạm thời tại kho chứa chất thải nguy hại trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

6.4.2.2. Công trình biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và phế liệu

* **Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích của kho: 01 kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế gồm 02 ngăn, có tổng diện tích khoảng 20,0 m² và 01 kho lưu giữ chất

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

thải rắn công nghiệp thông thường không có khả năng tái chế gồm 02 ngăn, có tổng diện tích khoảng 20,0 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có mái lợp tôn, tường xây gạch, nền xi măng; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại, thu gom, lưu giữ tạm thời tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và tái chế hoặc đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

** Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ phế liệu*

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa đặt tại các vị trí phát sinh trong nhà xưởng và khu lưu giữ phế liệu.

- Khu vực lưu chứa: Bố trí khu lưu giữ phế liệu tại nhà xưởng chính có tổng diện tích khoảng 31,6 m². Phế liệu được thu gom vào chứa trong các bao tải và tập kết tại khu lưu giữ phế liệu trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và tái chế theo quy định.

c. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa có nắp đậy đặt tại các vị trí phát sinh và khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

- Khu vực lưu chứa: Bố trí khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt có diện tích khoảng 8,4 m². Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom vào các thiết bị lưu chứa tại khu tập kết và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

6.4.3. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện các biện pháp, phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, sự cố hoá chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải và các rủi ro, sự cố khác (như thiên tai, dịch bệnh, an toàn thực phẩm....).

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các

nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

6.5. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

6.5.1. Yêu cầu về cải tạo, phục hồi môi trường

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường.

6.5.2. Yêu cầu về bồi hoàn đa dạng sinh học

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện việc bồi hoàn đa dạng sinh học.

6.5.3. Các nội dung chủ dự án đầu tư tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Dự án đã hoàn thành việc xây lắp các công trình phục vụ sản xuất, kinh doanh và các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.5.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn hoá chất, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII.

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án, Chủ dự án đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành. Cụ thể như sau:

7.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

7.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 7.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

STT	Tên công trình	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 7m ³ /ngày đêm.	06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm

7.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải

Dự án không thuộc đối tượng quy định tại cột 3 Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Căn cứ khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải dự kiến như sau:

Bảng 7.2. Kế hoạch quan trắc nước thải, đánh giá hiệu quả công trình xử lý

TT	Thời gian	Tần suất quan trắc	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc
I	Công trình xử lý nước thải			
1	03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải	01 lần/ngày	Tại bể lắng cặn và chứa bùn (để đánh giá chất lượng nước thải trước khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung). Tọa độ: X = 2313876; Y = 601050 (m). Tại bể xả thải (để đánh giá chất lượng nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung; hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải tập trung). Tọa độ: X = 2313869; Y = 601047 (m).	pH; BOD ₅ (20°C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Sunfua; Amoni (tính theo N); Tổng nitơ; Tổng photpho (tính theo P); Dầu mỡ khoáng; Coliform

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch là Trung tâm Quan trắc môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng.

7.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

7.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

** Quan trắc định kỳ đối với nước thải*

Căn cứ khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

** Quan trắc định kỳ đối với khí thải*

Căn cứ khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ.

7.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

** Quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải:* Căn cứ khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

** Quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải:* Căn cứ khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục.

7.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

** Quan trắc định kỳ đối với nước thải:*

Theo quy định của pháp luật, Dự án không phải thực hiện việc quan trắc môi trường định kỳ. Tuy nhiên, để kiểm soát chất lượng nước thải và khí thải sau xử lý đồng thời để đánh giá nội bộ việc vận hành các công trình xử lý nước thải và khí thải của Dự án, Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam đề xuất thực hiện việc quan trắc định kỳ đối với nước thải và khí thải tại Dự án như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Bảng 7.3. Chương trình quan trắc định kỳ

STT	Vị trí quan trắc	Tần suất quan trắc	Thông số quan trắc	Quy chuẩn đánh giá
I	Quan trắc định kỳ đối với nước thải			
1	Tại hố ga cuối trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP	01 lần/năm	pH; BOD ₅ (20°C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Sunfua; Amoni (tính theo N); Tổng nitơ; Tổng photpho (tính theo P); Dầu mỡ khoáng; Coliform	Theo tiêu chuẩn của KCN VSIP

** Quan trắc môi trường lao động*

Chủ dự án sẽ lập Hồ sơ vệ sinh môi trường lao động trong giai đoạn vận hành của Dự án và sẽ nghiêm túc thực hiện việc quan trắc định kỳ môi trường lao động theo đúng Hồ sơ vệ sinh môi trường lao động đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, xác nhận theo quy định.

7.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam có dự trù khoản kinh phí khoảng 150.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng), được sử dụng trong việc quan trắc định kỳ nước thải, môi trường lao động để kiểm soát, đánh giá nội bộ và lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam là Chủ đầu tư của Dự án cam kết các nội dung trong quá trình thực hiện Dự án như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu, số liệu trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.
- Cam kết nghiêm túc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong KCN VSIP.
- Cam kết thực hiện việc thu gom, xử lý, xả thải nước thải, bụi và khí thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết thực hiện việc thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường khác đảm bảo vệ sinh môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Cam kết thực hiện các biện pháp, phương án phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các sự cố môi trường, sự cố cháy nổ, sự cố tràn dầu và các sự cố khác. Công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
- Cam kết thực hiện việc quan trắc giám sát chất lượng môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật.
- Cam kết dành khoản kinh phí để thực hiện công tác bảo vệ môi trường, giám sát chất lượng môi trường và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0201288701, do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đăng ký lần đầu ngày 09/01/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/09/2022.
2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 4330084821 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chứng nhận lần đầu ngày 09/01/2013, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 14/6/2024.
3. Hợp đồng thuê lại đất và cơ sở hạ tầng số 001/2019/LA/MCSD – VSIP HP ngày 16/9/2019 giữa Công ty TNHH VSIP Hải Phòng và Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam.
4. Giấy phép môi trường 1133/GPMT ngày 21/3/2023 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp.
5. Hợp đồng số 0022-24/W&S/VSIP HP ngày 06/3/2024 giữa Công ty TNHH VSIP Hải Phòng và Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam về việc cung cấp dịch vụ xử lý nước thải có nồng độ ô nhiễm vượt quá giới hạn tại Dự án VSIP Hải Phòng.
6. Công văn số 151/NT-PC07 ngày 21/7/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an thành phố Hải Phòng chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam.
7. Hợp đồng mua bán phế liệu số 02-2023/HĐKT/FIRST-MOCHIZUKI-HB ngày 01/02/2023 với Công ty CP xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.
8. Hợp đồng số 01-2023/HĐKT/MOCHIZUKI-HB ngày 16/01/2023 với Công ty CP xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.
9. Hợp đồng số OHG (S) – MPV01 ngày 01/07/2015 giữa Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam và Công ty Ohgitani Singapore về việc mua bán, chuyển giao đồng phế liệu.
10. Các bản vẽ tổng mặt bằng, thoát nước mưa, thoát nước thải.

PHỤ LỤC 2. HÌNH ẢNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



Hố thu gom nước thải



Bể tách mỡ



Bể tự hoại



Hệ thống xử lý nước thải tập trung

Hình 1. Các công trình xử lý nước thải

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dáp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư



Hệ thống thông gió



Hệ thống điều hòa

Hình 2. Hệ thống quạt thông gió, điều hoà không khí



Kho rác thải công nghiệp



Kho chất thải nguy hại



Khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt



Khu lưu giữ phế liệu

Hình 3. Các công trình lưu giữ chất thải

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0201288701

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 01 năm 2013

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 27 tháng 09 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐỘT DẬP
MOCHIZUKI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MOCHIZUKI PRESS VIETNAM CO.,LTD

Tên công ty viết tắt: MPV

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Lô đất IN3-10*C, khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, thuộc khu
kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng,
Việt Nam*

Điện thoại: 02253869918

Fax: 02253869919

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

64.695.000.000 đồng

*Bằng chữ: Sáu mươi bốn tỷ sáu trăm chín mươi lăm triệu đồng
(giá trị tương ứng: 2.907.000 đô la Mỹ)*

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: MOCHIZUKI PRESS INDUSTRIAL CO., LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0800-01-005278

Ngày cấp: 01/06/1961 Nơi cấp: Cục Pháp lý quận Shizuoka, Nhật Bản

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 1359, Hirooka, thành phố Fukuroi, tỉnh Shizuoka, Nhật Bản

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: CHOKI MASA HARU

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 05/04/1961

Dân tộc:

Quốc tịch:

Nhật Bản

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: TZ1220707

Ngày cấp: 11/07/2017

Nơi cấp: Đại sứ quán Nhật Bản tại Mexico

Địa chỉ thường trú: 3-3-1 chome, Akanedai, Quận Aoba, Thành phố Yokohama, Tỉnh Kanagawa, Nhật Bản

Địa chỉ liên lạc: Khách sạn Trang Thành, số 16 Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Đình Phúc

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

17-05-2024

Số: 800...../CT Quyền số: 800.....SCT/BS
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN KHÁNH



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Khánh

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: **4330084821**

Chứng nhận lần đầu: Ngày 09 tháng 01 năm 2013

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 05: Ngày 14 tháng 06 năm 2024

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4330084821 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2013, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 04 ngày 06 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Nhà đầu tư Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam nộp ngày 10 tháng 6 năm 2024,

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Chứng nhận nhà đầu tư:

Dự án đầu tư DỰ ÁN SẢN XUẤT MOCHIZUKI VIỆT NAM; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4330084821 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2013, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 04 ngày 06 tháng 01 năm 2023; được đăng ký điều chỉnh quy mô và tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:



Nhà đầu tư:Tên doanh nghiệp: **MOCHIZUKI PRESS INDUSTRIAL CO.,LTD;**

Chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0800-01-005278,

Ngày cấp: 01/6/1961

Nơi cấp: Cục pháp lý quận Shizuoka, Nhật bản.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 1359, Hirooka, thành phố Fukuroi, tỉnh Shizuoka, Nhật Bản.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật:

Họ tên: Ông Mochizuki Takanori

Chức danh: Chủ tịch

Hộ chiếu số: TT1798267

Ngày cấp: 03/08/2021

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Nhật Bản

Địa chỉ thường trú: Số 1, lô 1085, Oike, thành phố Kakegawa, tỉnh Shizuoka, Nhật Bản.

Chỗ ở hiện tại: Số 1, lô 1085, Oike, thành phố Kakegawa, tỉnh Shizuoka, Nhật Bản.

Điện thoại: +81-538-42-3225

Email: takanori_mochizuki@mochipre.co.jp

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên số 0201288701 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 27 tháng 9 năm 2022.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư:

DỰ ÁN SẢN XUẤT MOCHIZUKI VIỆT NAM

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC
1	Sản xuất phụ kiện ô tô	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
2	Sản xuất phụ kiện điện tử	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
3	Sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599

Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất.

3. Quy mô dự án (cho năm sản xuất ổn định):

- Sản phẩm phụ kiện ô tô: 2.380 tấn/năm;

- Sản phẩm phụ kiện điện tử: 20 tấn/năm;
- Khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm: 04 tấn/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất IN3-10*C, Khu Đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

5. Diện tích dự kiến sử dụng:

+ Lô đất IN3-10*C: 11.250m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 153.715.000.000 (một trăm năm mươi ba tỷ, bảy trăm mười lăm triệu) đồng, tương đương 6.907.000 (sáu triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 64.695.000.000 (sáu mươi tư tỷ, sáu trăm chín mươi lăm triệu) đồng, tương đương 2.907.000 (hai triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn) đô la Mỹ bằng tiền mặt, chiếm tỷ lệ 42% tổng vốn đầu tư, đã được nhà đầu tư góp đủ tính đến tháng 5/2016.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu đến hết ngày 11/12/2058.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Phần dự án sản xuất phụ kiện ô tô và phụ kiện điện tử đã đi vào hoạt động chính thức từ tháng 5/2013;

- Phần dự án sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm đã hoạt động chính thức từ tháng 5/2016;

- Phần dự án tại lô đất IN3-10*C:

+ Tháng 02/2021: Khởi công xây dựng nhà máy mới tại lô đất IN3-10*C.

+ Tháng 11/2021: Hoàn thiện nhà xưởng, di chuyển, lắp đặt máy móc vào nhà xưởng mới tại lô đất IN3-10*C.

+ Tháng 12/2022: Hoạt động chính thức tại lô đất IN3-10*C.

- Phần dự án mở rộng tại Lô đất IN3-10*C:

+ Tháng 03/2025: Dự kiến khởi công xây dựng tại Lô đất IN3-10*C.

+ Tháng 8/2025: Hoàn thiện nhà xưởng, di chuyển, lắp đặt máy móc vào nhà xưởng mới tại Lô đất IN3-10*C.

+ Tháng 11/2025: Hoạt động chính thức tại Lô đất IN3-10*C.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: Được hưởng ưu đãi đối với doanh nghiệp chế xuất theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.



3. Các loại thuế khác: Được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành nếu đảm bảo đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, nhà đầu tư và tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư tự xác định ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan thuế, cơ quan tài chính, cơ quan hải quan và cơ quan khác có thẩm quyền tương ứng với từng loại ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 17 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Điều 3: Các quy định đối với Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam khi thực hiện dự án:

1. Chấp hành quy định về lĩnh vực đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, môi trường, lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chỉ được hoạt động theo loại hình doanh nghiệp chế xuất nếu đáp ứng các quy định tại Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP; Nghị định 18/2021/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật về doanh nghiệp chế xuất.

3. Dự án đầu tư sẽ bị chấm dứt hoạt động theo một trong các trường hợp quy định tại Điều 48, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình triển khai thực hiện dự án cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4330084821 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2013, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 04 ngày 06 tháng 01 năm 2023.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản cấp cho Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng. ✓

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Lưu: VT/BQL.



TRƯỞNG BAN

Lê Trung Kiên

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG – VSIP HẢI PHÒNG
(LÔ ĐẤT SỐ IN3-10*^C)
Số: 001/2019/LA/MCSD - VSIP HP

Giữa

CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

Và

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐỘT DẬP MOCHIZUKI VIỆT NAM

NỘI DUNG

		Trang
	Các Bên	3
	Căn cứ	3
<u>Điều</u>	<u>Nội dung/Tiêu đề</u>	
1	ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH	4
2	THUÊ	5
3	TIỀN THUÊ VÀ LỊCH THANH TOÁN	6
4	BÀN GIAO KHU ĐẤT	6
5	XÂY DỰNG KHU NHÀ MÁY	7
6	SỬ DỤNG KHU ĐẤT VÀ KHU NHÀ MÁY	7
7	TIỆN ÍCH CÔNG CỘNG VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG	7
8	PHÍ QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN	8
9	CHUYỂN NHƯỢNG, CHO THUÊ LẠI VÀ CẤP PHÉP CHO KHU ĐẤT	8
10	CÁC PHÍ TỒN, THUẾ, PHÍ VÀ CHI PHÍ	9
11	TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN THUÊ	9
12	TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN CHO THUÊ	10
13	RỦI RO	11
14	TRÁCH NHIỆM KHI VI PHẠM	11
15	PHÁ HỦY VÀ THU HỒI BẮT BUỘC	12
16	CHẤM DỨT THUÊ	12
17	THÔNG BÁO	14
18	LUẬT ĐIỀU CHỈNH	15
19	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	15
20	BẢO MẬT	15
21	CÁC ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG	15
	PHỤ LỤC 1 - KHU ĐẤT	17
	PHỤ LỤC 2 - CÁC YÊU CẦU VỀ QUY HOẠCH VÀ XÂY DỰNG	18
	PHỤ LỤC 3 - CAM KẾT CỦA BÊN THUÊ	19
	TRANG KÝ KẾT	22



HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG – VSIP HẢI PHÒNG

(LÔ ĐẤT SỐ IN3-10*C)
Số: 001/2019/LA/MCSD - VSIP HP

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG (“Hợp Đồng Thuê”) này được ký kết vào ngày 16 tháng 09 năm 2019

GIỮA

- (1) Bên Cho Thuê : **CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG**
- Địa chỉ trụ sở : Tòa nhà Điều hành VSIP Hải Phòng, Khu Đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lữ, Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại : 84-31-3959 868
- Fax : 84-31-3959 886
- Đại diện theo pháp luật : Lam Kim Vee
- Chức vụ : Tổng Giám đốc
- (2) Bên Thuê : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐỘT DẬP MOCHIZUKI VIỆT NAM**
- Địa chỉ trụ sở : Nhà xưởng D4, lô đất IL08 ~ IL10 và IL18 ~ IL20 (P1-SP1), Khu Đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, thuộc Khu Kinh Tế Đình Vũ-Cát Hải, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
- Địa chỉ lô đất : Lô đất IN3-10*C, Khu Đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, Huyện Thủy Nguyên, thuộc Khu Kinh Tế Đình Vũ-Cát Hải, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại : 0225-3869918
- Fax : 0225-3869919
- Đại diện theo pháp luật : Masaaki Yoshida
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Bên Cho Thuê và Bên Thuê được gọi chung là “Các Bên” và gọi riêng là “Bên”.

XÉT RÀNG:

Căn cứ vào:

- Luật Đầu Tư (“LĐT”) được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm và các quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành LĐT.
- Luật Đất Đai được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2013 và được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm và các quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất Đai.
- Các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư hoặc các chỉ thị khác liên quan có hiệu lực tại Việt Nam.

CÁC BÊN TẠI ĐÂY ĐÃ THỎA THUẬN NHƯ SAU:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1.1 Trong Hợp Đồng Thuê này, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

“HEZA”	là Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Hải Phòng.
“Phương Tiện Công Cộng”	là các khu vực và các phương tiện chung trong phạm vi Khu Công Nghiệp, bao gồm nơi đậu xe, các tiện nghi về ăn uống, y tế và giải trí, các tiện nghi ngoài trời, vườn, đèn đường, đường đi, lan can, đê, kè, các thiết bị phòng chống cháy, các thiết bị bảo vệ an ninh, thùng rác, Cơ sở hạ tầng Tiện ích Công cộng cho Khu Công Nghiệp.
“Tiện Ích Công cộng”	có nghĩa là nước, hệ thống cống rãnh, hệ thống tiêu thoát nước trong các trường hợp dùng chung với những tổ chức sử dụng khác trong Khu Công Nghiệp, và bất kỳ hệ thống nào khác.
“Cơ Sở Hạ Tầng Tiện Ích Công Cộng”	là Cơ sở hạ tầng trong Khu Công Nghiệp nhằm cung cấp Tiện ích Công cộng và các dịch vụ liên quan.
“Ngày Bàn Giao”	là (các) ngày quyền sở hữu quyền sử dụng đất được giao cho Bên Thuê không muộn hơn ngày 30 tháng 9 năm 2019.
“Phí Quản Lý Bất Động Sản”	là khoản phí Quản lý Bất động sản được quy định tại Điều 8.1.
“Khu Nhà Máy”	là nhà máy và các toà nhà phụ khác, các kết cấu và hệ thống được xây dựng trên Khu Đất.
“Khu Công Nghiệp”	là Khu Đô Thị, Công Nghiệp và Dịch Vụ VSIP Hải Phòng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
“Giấy Phép”	là Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các loại giấy phép được áp dụng khác) do cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam cấp cho Bên Thuê theo mục đích nêu tại Điều 6.
“Khu Đất”	là lô đất số IN3-10*C trong Khu Công Nghiệp có diện tích khoảng 11.250 mét vuông được viền đỏ thể hiện tại Quy hoạch phân bổ đất - Phụ Lục 1.
“Tiền Thuê Đất”	Là khoản tiền phải trả cho Chính phủ Việt Nam theo quy định pháp luật để Chính phủ Việt Nam cho Bên Cho Thuê thuê Khu Đất.
“Pháp luật”	là tất cả các luật, nghị định, quy chế, thông tư, chỉ thị, quyết định của các cơ quan cấp Chính phủ, cấp Tỉnh/ thành phố hoặc bất kỳ văn bản nào có giá trị pháp lý ràng buộc hoặc có hiệu lực tương tự, và bao gồm các sửa đổi, bổ sung kèm theo hay văn bản thay thế tại thời điểm bất kỳ.
“Thuê”	là việc cho thuê lại cơ sở hạ tầng và quyền sử dụng Khu Đất theo Hợp Đồng Thuê này.

“Tiền Đặt Cọc Phí Quản Lý”	là khoản tiền đặt cọc theo quy định tại Điều 8.3.
“Quy Chế Hoạt Động của VSIP-HP”	là các quy định hoạt động do Bên Cho Thuê soạn thảo nhằm phát triển, quản lý, vận hành và sử dụng Khu Công Nghiệp đúng mục đích và có thể được sửa đổi theo từng thời điểm.
“Tiền Thuê”	là khoản tiền mà Bên Thuê thanh toán cho Bên Cho Thuê cho việc sử dụng đất và cơ sở hạ tầng theo Hợp Đồng Thuê này, như được quy định tại Điều 3 dưới đây.
“Thời Hạn Thuê”	là thời hạn Thuê theo quy định tại Điểm 2.2, Điều 2.
“Đô La Mỹ” hay “US\$”	là tiền tệ hợp pháp của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.
“Đồng Việt Nam” hay “VNĐ”	là tiền tệ hợp pháp của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
“Việt Nam” hay “CHXHCNVN”	có nghĩa là nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
“Hướng Dẫn Quy Hoạch và Phát triển VSIP- HP”	Là Hướng Dẫn Quy Hoạch và Phát Triển Khu Công Nghiệp do Bên Cho Thuê soạn thảo nhằm quy hoạch, phát triển và xây dựng Khu Công Nghiệp đúng mục đích, có thể được sửa đổi tùy từng thời điểm.

- 1.2 Liên quan đến “Hợp Đồng Thuê” này bao gồm các Phụ Lục đính kèm, Hướng Dẫn Quy Hoạch và Phát Triển VSIP- HP và Quy Chế Hoạt Động của VSIP- HP có thể được sửa đổi theo từng thời điểm.
- 1.3 Tiêu đề các điều khoản và Phụ lục trong Hợp Đồng Thuê này để tiện tham khảo và sẽ không ảnh hưởng đến việc giải thích nội dung của các điều khoản và Phụ lục đó.
- 1.4 Trừ khi có quy định khác, các dẫn chiếu của một điều khoản hay một Phụ lục là dẫn chiếu đến một điều khoản hay một Phụ lục của Hợp Đồng Thuê này, và các dẫn chiếu trong một Phụ lục đến một điều khoản là dẫn chiếu điều khoản của Phụ lục đó trong Hợp Đồng Thuê này.
- 1.5 Mỗi hạn chế hoặc nghĩa vụ đối với Bên Thuê ở đây bao gồm cả nghĩa vụ của Bên Thuê trong việc đảm bảo rằng bất kỳ người nào vào, sử dụng hoặc thăm viếng Khu Đất hoặc Khu Công Nghiệp, rõ ràng hoặc hàm ý đã được sự chấp thuận của Bên Thuê bao gồm (nhưng không giới hạn ở) các đại lý, nhân viên, nhà thầu hoặc khách của Bên Thuê sẽ phải tuân thủ các hạn chế hoặc nghĩa vụ đó.

ĐIỀU 2: THUÊ

- 2.1 Bên Cho Thuê tại đây cho Bên Thuê thuê lại quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng Khu Đất.
- 2.2 Thời hạn thuê sẽ bắt đầu kể từ ngày ký kết Hợp Đồng Thuê này và hết hạn vào ngày 11 tháng 12 năm 2058 (“Ngày Hết Hạn”).

ĐIỀU 3: TIỀN THUÊ VÀ LỊCH THANH TOÁN

- 3.1. Tùy thuộc vào điều chỉnh nêu tại Điều 4.2, tổng số Tiền Thuê phải thanh toán cho Thời Hạn Thuê là 30.335.850.000 VND (Ba mươi tỷ, ba trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi ngàn Đồng Việt Nam).
- 3.2. Tiền Thuê sẽ được thanh toán cho Bên Cho Thuê theo các đợt như sau:
- (a) 3.011.850.000 VND được Công ty TNHH công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam thanh toán ngay sau khi ký Thư Đề Nghị;
 - (b) 9.109.293.750 VND thanh toán ngay sau khi cấp Giấy Phép;
 - (c) 9.107.353.125 VND thanh toán ngay sau khi ký Hợp Đồng Thuê;
 - (d) 9.107.353.125 VND thanh toán vào Ngày Bàn Giao. Khoản thanh toán cuối cùng này sẽ được Bên Cho Thuê điều chỉnh dựa trên điều kiện thị trường tại thời điểm thanh toán.
- 3.3. Trừ khi Bên Cho Thuê có yêu cầu khác bằng văn bản, Bên Thuê sẽ thanh toán bất kỳ phần nào của Tiền Thuê hoặc bất kỳ khoản tiền phải trả nào theo Hợp Đồng Thuê này bằng Đồng Việt Nam thông qua việc chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Bên Cho Thuê ("Tài Khoản") trước hoặc đúng thời hạn. Bên Cho Thuê sẽ thông báo chi tiết về Tài Khoản.
- 3.4. Việc thanh toán đủ số tiền sẽ được công nhận khi ngân hàng của Bên Cho Thuê nhận được khoản thanh toán đó (Bên Cho Thuê sẽ thông báo). Bên Cho Thuê sẽ gửi văn bản thông báo trước ít nhất bảy (07) ngày cho Bên Thuê về bất kỳ sự thay đổi nào liên quan đến các chi tiết của Tài Khoản.
- 3.5. Ngoài Tiền Thuê trên, Bên Thuê phải thanh toán cho Bên Cho Thuê vào Ngày Bàn Giao khoản tiền bổ sung và không hoàn lại theo mức hiện hành, khoản thanh toán đó là khoản phí cho việc kết nối đường cấp nước và hệ thống tiêu thoát nước thải, phí khảo sát, phí trình duyệt quy hoạch ban đầu, phí chuẩn bị và chi phí công chứng hoặc chứng thực (nếu áp dụng) Hợp Đồng Thuê này. Mức phí hiện hành tại thời điểm ký Hợp Đồng Thuê này là 163.555.000 Đồng Việt Nam.

ĐIỀU 4: BÀN GIAO KHU ĐẤT

- 4.1. Bên Cho Thuê sẽ bàn giao Khu Đất vào Ngày Bàn Giao. Nếu Bên Thuê trì hoãn tiếp nhận Khu Đất một cách không chính đáng thì coi như Bên Thuê đã vi phạm Hợp Đồng Thuê theo Điều 14.3(c).
- 4.2. (a) Sau khi khảo sát lần cuối diện tích Khu Đất ("Diện tích khảo sát"), Tiền Thuê và các khoản thanh toán khác theo quy định tại Điều 3.2 sẽ được điều chỉnh tương ứng. Bất kỳ khoản thanh toán nào ít hơn hoặc vượt quá số Tiền Thuê, khoản thanh toán khác của Tiền Thuê (tùy từng trường hợp cụ thể) và Tiền Đặt Cọc Phí Quản Lý theo Hợp Đồng Thuê này sẽ được Bên Thuê trả cho Bên Cho Thuê hoặc ngược lại khi được yêu cầu (tùy từng trường hợp cụ thể) mà không tính lãi.
- (b) Bên Cho Thuê sẽ lắp đặt và chôn những cọc biên để phân định ranh giới Khu Đất và Bên Thuê phải đảm bảo các cọc này không bị dịch chuyển hay phá hủy.
- (c) Bên Thuê phải chấp nhận và nhận bàn giao Khu Đất nhằm mục đích phát triển Khu Đất và xây dựng Khu Nhà Máy và sau đó sử dụng Khu Đất, Khu Nhà Máy phù hợp với Hợp Đồng Thuê và Pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 5: XÂY DỰNG KHU NHÀ MÁY

- 5.1 Bên Thuê phải phát triển Khu Đất và xây dựng Khu Nhà Máy theo đúng với mục đích sử dụng công nghiệp và tuyệt đối tuân theo Điều 5 và Phụ lục 2, các quy định, yêu cầu và hướng dẫn khác của Bên Cho Thuê hoặc HEZA và Pháp Luật Việt Nam. Bên Thuê bảo đảm rằng việc xây dựng này sẽ được thực hiện một cách chuyên nghiệp và nghiêm túc, Không phương hại đến tính chất chung của các quy định nêu trên.
- 5.2 Bên Thuê cam kết sẽ tiến hành việc xây dựng Khu Nhà Máy trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày được cấp Giấy Phép.
- 5.3 Việc xây dựng được xem là hoàn tất ngay khi các cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp giấy phép xác nhận quyền sở hữu của Khu Nhà Máy. Bản sao các giấy phép đó phải được gửi cho Bên Cho Thuê trong vòng mười bốn (14) ngày kể từ ngày được cấp.
- 5.4 Bên Thuê sẽ cho phép Bên Cho Thuê cùng hoặc không cùng các đại lý và đại diện của mình đi vào Khu đất trong khoảng thời gian hợp lý, và sắp xếp trước để kiểm tra, xem xét Khu Đất, các công trình xây dựng thực hiện trên Khu Đất, tiến trình xây dựng các công trình này.
- 5.5 Nếu Bên Thuê muốn thay đổi kế hoạch xây dựng và phát triển Khu Đất và Khu Nhà Máy, Bên Thuê phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên Cho Thuê, tuân thủ các điều kiện do Bên Cho Thuê đưa ra (nếu có), phải nộp đơn cho các cơ quan thẩm quyền xin phê duyệt, và tự chịu tất cả các chi phí có liên quan.

ĐIỀU 6: SỬ DỤNG KHU ĐẤT VÀ KHU NHÀ MÁY

Bên Thuê sẽ sử dụng Khu Đất và Khu Nhà Máy đúng với mục đích trong Hợp Đồng Thuê này, và theo quy định trong Giấy Phép của Bên Thuê.

ĐIỀU 7: TIỆN ÍCH CÔNG CỘNG VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG

- 7.1 Bên Cho Thuê sẽ cung cấp và lắp đặt Cơ Sở Hạ Tầng Tiện Ích Công Cộng theo đúng Hướng Dẫn Quy Hoạch và Phát Triển VSIP- HP.
- 7.2 Bên Thuê sẽ thông báo với Bên Cho Thuê nhu cầu về công suất các Tiện Ích Công Cộng cần thiết cho Khu Đất bằng việc điền vào mẫu đơn có sẵn do Bên Cho Thuê cung cấp.
- 7.3 Bên Thuê phải trả tất cả các chi phí và phí tổn hợp lý liên quan đến việc nộp đơn xin lắp đặt, kết nối và cung cấp đường dây, mạng liên lạc viễn thông cho Bên Thứ Ba cung cấp dịch vụ được chỉ định.
- 7.4 Nếu công suất của Tiện Ích Công Cộng mà Bên Thuê yêu cầu vượt quá công suất của Cơ Sở Hạ Tầng Tiện Ích Công Cộng được lắp đặt lúc ban đầu theo thông báo của Bên Thuê căn cứ Điều 7.2 nêu trên, Bên Thuê sẽ tham khảo ý kiến của Bên Cho Thuê để được tăng công suất và phải chịu mọi chi phí phát sinh.
- 7.5 Bên Thuê phải tuân theo tất cả các điều khoản và điều kiện liên quan đến việc cung cấp Tiện Ích Công Cộng.

ĐIỀU 8: PHÍ QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN

- 8.1 Bên Cho Thuê sẽ bảo trì bảo dưỡng tài sản chung và cơ sở hạ tầng chung của Khu Công Nghiệp. Bên Thuê phải trả Phí Quản Lý Bất Động Sản căn cứ theo Diện Tích Khảo Sát (Mức phí hiện hành tại thời điểm ký Hợp Đồng Thuê này là 1.636 VND / m²/ tháng).
- 8.2 Phí Quản Lý Bất Động Sản sẽ được Bên Cho Thuê xem xét, điều chỉnh vào Tháng 1 và Tháng 7 mỗi năm dương lịch. Bên Cho Thuê sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên Thuê về Phí Quản Lý Bất Động Sản điều chỉnh sẽ được áp dụng kể từ ngày được quy định trong thông báo của Bên Cho Thuê.
- 8.3 Vào ngày ký Hợp Đồng Thuê này, Bên Thuê phải trả cho Bên Cho Thuê Tiền Đặt cọc Phí Quản Lý là 55.215.000 VND tương đương Phí Quản Lý Bất Động Sản của ba (03) tháng.
- 8.4 Trong vòng bảy (07) ngày kể từ Ngày Bàn Giao, Bên Thuê phải thanh toán trước cho Bên Cho Thuê Phí Quản Lý Bất Động Sản giai đoạn kể từ Ngày Bàn Giao và ngày cuối cùng của quý dương lịch mà Ngày Bàn Giao diễn ra. Sau đó, Phí Quản Lý Bất Động Sản hàng quý phải được Bên Thuê trả trước cho Bên Cho Thuê vào ngày đầu tiên của mỗi quý dương lịch tiếp theo.
- 8.5 Trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày kết thúc Thời Hạn Thuê, Bên Cho Thuê sẽ trả lại Bên Thuê Tiền Đặt Cọc Phí Quản Lý không tính lãi trừ đi bất kỳ khoản khấu trừ nào mà Bên Cho Thuê đã khấu trừ theo Hợp Đồng Thuê này và bất kỳ khoản phí ngân hàng nào (nếu có). Các khoản khấu trừ này (nếu có) sẽ không phương hại tới bất kỳ quyền nào khác mà Bên Cho Thuê có thể có theo Hợp Đồng Thuê này hoặc theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9: CHUYỂN NHƯỢNG, CHO THUÊ LẠI VÀ CẤP PHÉP CHO KHU ĐẤT

- 9.1 Quyền, lợi ích và lợi nhuận của Bên Thuê theo Hợp Đồng Thuê này sẽ không được chuyển nhượng nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên Cho Thuê.
- 9.2 Bên Thuê phải trực tiếp nhận bàn giao Khu Đất và sử dụng Khu Đất theo đúng mục đích đã được phê duyệt trong Giấy Phép (bao gồm cả Giấy Phép sửa đổi, nếu có). Bên Thuê không được chuyển giao, chuyển nhượng, cho thuê lại, thỏa thuận cho thuê lại, bàn giao, từ bỏ hoặc chia sẻ quyền sở hữu hoặc chiếm giữ Khu Đất với bên thứ ba hoặc giao cho bên thứ ba bất kỳ quyền nào đối với bất kỳ phần nào của Khu Đất hay Khu Nhà Máy hoặc tiến hành bất kỳ hoạt động nào gây ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên Cho Thuê trừ khi được sự đồng ý của Bên Cho Thuê và được Pháp luật cho phép.
- 9.3 Trong trường hợp Bên Thuê chia tách, sáp nhập hay chuyển giao tài sản và/ hoặc Hợp Đồng Thuê này với bên thứ ba là cá nhân và/ hoặc tổ chức, thành lập một pháp nhân mới, bên thứ ba phải tiến hành các thủ tục thuê lại theo quy định của Pháp luật.
- 9.4 Căn cứ vào các quy định hiện hành của Pháp Luật, Bên Thuê có thể thế chấp Khu Đất và Khu Nhà Máy cho bất kỳ ngân hàng nào được phép hoạt động tại Việt Nam và theo yêu cầu của Bên Thuê, Bên Cho Thuê phải thực hiện tất cả những công việc được coi là cần thiết và hợp lý trong phạm vi trách nhiệm của Bên Cho Thuê để thực hiện các quyền của Bên Thuê như được nêu tại Điều 9.4.

ĐIỀU 10: CÁC PHÍ TỒN, THUẾ, PHÍ VÀ CHI PHÍ

- 10.1 Bên Thuê sẽ chịu mọi phí tổn và chi phí hợp lý (nếu có) không bao gồm chi phí theo qui định tại Điều 3.5, liên quan đến việc đăng ký và thủ tục hành chính liên quan đến Hợp Đồng Thuê này, việc xây dựng Khu Nhà Máy và đơn xin cấp tất cả các giấy phép và giấy chứng nhận có liên quan.
- 10.2 Không phụ thuộc vào bất kỳ điều khoản nào được quy định trong Hợp Đồng Thuê này, trong trường hợp Bên Thuê tham gia vào một thỏa thuận hoặc bất kỳ dàn xếp nào để chuyển nhượng Khu Đất cho bên thứ ba, mặc dù theo Điều 9.3 hoặc Điều 16.3 hay theo quy định khác (khác với thế chấp Khu Đất cho ngân hàng), Bên Thuê sẽ phải thanh toán một khoản phí chuyển nhượng cho Bên Cho Thuê. Mức phí chuyển nhượng này sẽ do Bên Cho Thuê ấn định.
- 10.3 Nếu không có thỏa thuận khác, Bên Thuê phải trả Tiền Thuê, Phí Quản Lý Bất Động Sản, Tiền Thuê Đất và các khoản khác mà Bên Thuê phải thanh toán theo Hợp Đồng Thuê này cùng phí ngân hàng, thuế giá trị gia tăng, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, lệ phí trước bạ, thuế tiêu thụ hàng hóa dịch vụ, hoặc các khoản thuế, phí và lệ phí khác của nhà nước được Nhà nước hoặc các cơ quan chức năng Việt Nam áp dụng trong hiện tại hoặc sau này đối với việc Thuê Khu Đất và/ hoặc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bên Thuê và/ hoặc Tiền Thuê và/ hoặc Phí Quản Lý Bất Động Sản hoặc các khoản thanh toán khác với việc Thuê, Tài sản, các tiện ích hay thuế áp dụng đối với chủ sở hữu hoặc người chiếm giữ ("**Thuế**"). Nếu Bên Thuê hay Bên Cho Thuê được yêu cầu phải thanh toán bất kỳ khoản Thuế nào như vậy thì:
- (a) Bên Thuê phải thanh toán tất cả các khoản Thuế đó khi đến hạn, hoặc thay mặt và nhân danh Bên Cho Thuê thanh toán tất cả các khoản Thuế (nếu các thuế đó áp dụng với Bên Cho Thuê); nếu Pháp luật hay cơ quan chức năng yêu cầu Bên Cho Thuê thu hộ và/ hoặc phải thanh toán các khoản Thuế đó thì Bên Thuê phải hoàn trả cho Bên Cho Thuê các khoản đó ngay khi nhận được văn bản thông báo của Bên Cho Thuê.
 - (b) Bên Thuê sẽ phải thanh toán tất cả những khoản tiền phải trả này mà không được khấu trừ, giữ lại hay cản trở bất kỳ khoản nào khác. Nếu vì lý do nào đó mà dẫn đến việc khấu trừ, giữ lại hoặc cản trở thì bất kỳ khoản chi trả nào của Bên Thuê sẽ được tăng lên đến một mức cần thiết để đảm bảo rằng khi đến ngày đáo hạn, Bên Cho Thuê vẫn nhận được và không bị ràng buộc gì về trách nhiệm pháp lý, một khoản tiền tương đương khoản tiền mà Bên Cho Thuê lẽ ra đã nhận được khi không có trường hợp khấu trừ, giữ lại hay cản trở xảy ra.

ĐIỀU 11: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN THUÊ

- 11.1 Bên Thuê đồng ý và bảo đảm rằng, trong suốt Thời Hạn Thuê, Bên Thuê sẽ tuân thủ và thực hiện tất cả các điều khoản của Hợp Đồng Thuê, bao gồm các cam kết của Bên Thuê tại Phụ lục 3.
- 11.2 Bên Thuê cam kết rằng:
- (a) Bên Thuê có năng lực để ký kết Hợp Đồng Thuê và thực hiện tất cả nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Thuê và tiến hành tất cả các công việc cần thiết để ủy quyền thực hiện các công việc này; và
 - (b) tất cả các thông tin do Bên Thuê cung cấp có liên quan đến việc Thuê và Khu Đất này là trung thực và chính xác về mọi phương diện và không có sự việc hay lý do quan trọng nào khác mà Bên Thuê bỏ sót sẽ làm các thông tin này bị sai lệch.

11.3 Bên Thuê sẽ tự chịu rủi ro khi chiếm giữ và sử dụng Khu Đất và Khu Nhà Máy. Bên Thuê sẽ chịu trách nhiệm và bồi thường đầy đủ cho Bên Cho Thuê đối với mọi khiếu nại, yêu cầu, các khoản nợ, phán quyết, chi phí, các khoản lỗ và phí tổn thất phát sinh mà Bên Cho Thuê phải gánh chịu do hoặc liên quan đến:

- (a) tổn thất về tính mạng, thương tổn cá nhân và/hoặc thiệt hại đối với Khu Đất, các khu đất kế cận hay các khu nhà được xây dựng trên đó phát sinh từ:
 - (i) mọi sự cố, phát triển, xây dựng trên Khu Đất do Bên Thuê gây ra hoặc cho phép hoặc bất kỳ nhân viên, nhà thầu, đại lý của Bên Thuê hay bất kỳ người nào khác được Bên Thuê cho phép đi vào Khu Đất gây ra; hoặc
 - (ii) việc sử dụng Khu Đất hoặc các công trình được xây dựng trên đó hoặc các Tiện Ích Công Cộng bởi Bên Thuê hoặc bởi các nhân viên, nhà thầu, đại lý của Bên Thuê hay bất kỳ người nào được Bên Thuê cho phép sử dụng Khu Đất; hoặc
 - (iii) bất kỳ hành vi, sự thiếu sót, vi phạm hoặc bất cẩn của Bên Thuê hoặc của bất kỳ nhân viên, nhà thầu, đại lý của Bên Thuê hay bất kỳ người nào được Bên Thuê cho phép sử dụng Khu Đất, cụ thể nhưng không giới hạn ở những hành vi chung nêu trên, bất kỳ việc sử dụng sai, lãng phí hoặc lạm dụng hệ thống tiện ích hoặc lắp đặt sai các thiết bị hoặc đồ gá lắp hoặc thiết bị điện hay các thiết bị hoặc dụng cụ khác của Bên Thuê; hoặc
- (b) Bên Thuê vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng Thuê này.

ĐIỀU 12: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN CHO THUÊ

- 12.1 Bên Thuê sẽ được sử dụng Khu Đất và các Tiện Ích Công Cộng trong Khu Công Nghiệp trong suốt Thời Hạn Thuê miễn là Bên Thuê thực hiện và tuân thủ nghiêm chỉnh các điều khoản của Hợp Đồng Thuê này.
- 12.2 Bên Cho Thuê sẽ duy trì các Tiện Ích Công Cộng và các Cơ Sở Hạ Tầng Tiện Ích Công Cộng trong tình trạng tốt trong suốt Thời Hạn Thuê.
- 12.3 Bên Cho Thuê sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý với Bên Thuê (hoặc nhân viên, đại diện, nhà thầu, khách mời hay khách đến thăm của Bên Thuê) về:
 - (a) bất kỳ thiệt hại, thương vong, tổn thất về tính mạng hay tài sản do bất kỳ bên thuê nào hoặc người chiếm giữ hoặc người nào trong Khu Công Nghiệp gây ra, hoặc do bất kỳ sự cố nào xảy ra tại bất kỳ phần nào khác của Khu Công Nghiệp; hoặc
 - (b) bất kỳ thiệt hại, thương vong, tổn thất hoặc bất tiện do Bên Cho Thuê trực tiếp hay gián tiếp gây ra khi đang thực hiện các quyền hay nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Thuê này hoặc theo luật định, trừ khi lỗi do bất cẩn rõ ràng hay lỗi cố ý của Bên Cho Thuê.
- 12.4 Trong vòng bảy (07) ngày kể từ khi có bất kỳ sửa đổi nào về Hướng dẫn Quy hoạch và Phát triển VSIP- HP và Quy Chế Hoạt Động của VSIP- HP, Bên Cho Thuê sẽ thông báo cho Bên Thuê về việc sửa đổi hoặc các sửa đổi này.
- 12.5 Bên Cho Thuê khi được yêu cầu hỗ trợ Bên Thuê xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên của Bên Thuê, cho phép Bên Thuê quyền sử dụng Khu Đất riêng

biệt trong suốt Thời Hạn Thuê, với điều kiện là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ không được giao cho Bên Thuê cho đến khi Bên Thuê thanh toán đầy đủ Tiền Thuê. Vì mục đích của Khoản này, Bên Thuê có thể được yêu cầu ký kết bất kỳ văn bản nào mà Bên Cho Thuê hoặc các cơ quan chức năng cho là cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn việc ký lại Hợp Đồng Thuê này.

ĐIỀU 13: RỦI RO

Với hiệu lực kể từ Ngày Bàn Giao, Bên Thuê phải chịu trách nhiệm về mọi rủi ro phát sinh theo bất kỳ cách thức nào (bao gồm nhưng không giới hạn đối với các tổn thất, phá hủy, thiệt hại hoặc khiếu kiện về sự sở hữu/ xâm nhập của bên thứ ba) đối với Khu Đất, cơ sở hạ tầng cơ bản, cơ sở hạ tầng tiện ích lắp đặt trong Khu Đất, các công trình xây dựng và các vật phụ thuộc (nếu có) trên đó, bất kể việc Bên Thuê đã chiếm hữu hoặc sử dụng Khu Đất hay chưa.

ĐIỀU 14: TRÁCH NHIỆM KHI VI PHẠM

14.1 Bên Thuê phải trả lãi cho bất kỳ phần nào của Tiền Thuê hoặc bất kỳ khoản đáo hạn nào mà chưa được thanh toán trong ngày đáo hạn, tính từ ngày vi phạm đến ngày thanh toán thực tế với mức lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành hàng năm, và có quyền cộng gộp các khoản chưa thanh toán.

Ngoài ra, Bên Thuê sẽ phải trả một khoản phạt hai phần trăm (2%) một tháng cho phần Tiền Thuê chưa thanh toán kể từ ngày đáo hạn. Để tránh hiểu nhầm, tháng nói trên được hiểu là một tháng tròn hoặc một phần của tháng. Bên Cho Thuê có quyền cộng gộp các khoản chưa thanh toán.

14.2 Nếu Bên Thuê vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng Thuê này, Bên Cho Thuê có quyền:

- (a) yêu cầu Bên Thuê khắc phục tất cả vi phạm đó trong một khoảng thời gian cụ thể hợp lý hoặc tự sửa chữa những vi phạm đó và Bên Thuê phải trả ngay cho Bên Cho Thuê tất cả các chi phí và phí tổn liên quan đến việc khắc phục này ngay khi được yêu cầu;
- (b) khấu trừ vào Tiền Đặt Cọc Phí Quản Lý mà Bên Cho Thuê đang giữ các khoản tiền cần thiết để khắc phục hoặc bồi thường cho các thiệt hại hay mất mát phát sinh do vi phạm của Bên Thuê (mà không làm phương hại đến quyền của Bên Cho Thuê liên quan đến việc đòi bồi thường khi vượt quá Tiền Đặt Cọc Phí Quản Lý). Bên Thuê phải trả cho Bên Cho Thuê bất kỳ khoản tiền nào đã được khấu trừ sao cho Tiền Đặt Cọc Phí Quản Lý luôn duy trì ở mức là ba (03) tháng Phí Quản Lý Bất Động sản tại mọi thời điểm;
- (c) Ngừng toàn bộ hay một phần việc sử dụng của Bên Thuê đối với các Tiện Ích, Tiện Ích Công Cộng và Cơ Sở Hạ Tầng Tiện Ích Công Cộng;
- (d) Chấm dứt Hợp Đồng Thuê trước thời hạn.

14.3 Nếu xảy ra bất kỳ tình huống nào dưới đây, cụ thể là:

- (a) Bên Thuê không thanh toán bất kỳ phần nào của Tiền Thuê theo Điều 3.2 và số tiền đó vẫn chưa được thanh toán trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán; hoặc

- (b) Bên Thuê không thanh toán bất kỳ khoản nào đến hạn ngoài Tiền Thuê, theo Hợp Đồng Thuê và số tiền đó vẫn chưa được thanh toán trong vòng mười bốn (14) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán; hoặc
- (c) Bên Thuê có bất kỳ vi phạm nghiêm trọng đối với Hợp Đồng Thuê (ngoài việc không thanh toán theo Điều 14.3 (a) và 14.3 (b)), và việc vi phạm không thể được khắc phục, hoặc nếu có thể được nhưng không được khắc phục trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bên Cho Thuê có thông báo yêu cầu khắc phục hoặc trong khoảng thời gian được quy định trong thông báo (nếu có), hoặc trong khoảng thời gian gia hạn được Bên Cho Thuê cho phép một cách hợp lý; hoặc
- (d) Bên Thuê bị vỡ nợ, hoặc đang nộp đơn hay tiến hành thủ tục xin phá sản, giải thể hoặc chấm dứt hoạt động, hoặc bị bắt buộc phải bán hoặc bị đặt dưới sự kiểm soát của người quản lý tài sản hoặc dưới sự quản lý tư pháp hay hành chính, hoặc ngừng kinh doanh, hoặc không thể thanh toán các khoản nợ của mình khi đến hạn; hoặc
- (e) Bên Thuê vi phạm Điều 9;

thì Bên Cho Thuê có quyền chấm dứt Hợp Đồng Thuê bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên Thuê mà không làm phương hại đến các quyền khác của mình theo Hợp Đồng Thuê này hay theo luật định.

- 14.4 Trường hợp Bên Cho Thuê chấm dứt Hợp Đồng Thuê do Bên Thuê vi phạm Điều 14.3, Bên Cho Thuê có quyền giữ lại tất cả các khoản liên quan đến Tiền Thuê mà Bên Thuê đã trả tính đến ngày chấm dứt.
- 14.5 Việc chấm dứt Hợp Đồng Thuê sẽ không làm ảnh hưởng đến bất kỳ quyền nào mà mỗi Bên có thể có đối với bên kia do bất kỳ lỗi vi phạm nào đối với Hợp Đồng Thuê xảy ra trước thời điểm chấm dứt Hợp Đồng Thuê.
- 14.6 Các quyền của Bên Cho Thuê theo Điều 14 này là bổ sung và không ảnh hưởng tới bất kỳ quyền nào khác của Bên Cho Thuê theo luật định.

ĐIỀU 15: PHÁ HỦY VÀ THU HỒI BẮT BUỘC

Trong trường hợp Khu Đất và/hoặc Khu Nhà Máy hoặc bất kỳ phần nào của nó vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt Thời Hạn Thuê bị phá hủy hoặc bị hư hỏng vì bất kỳ lý do gì, Bên Thuê sẽ phải nhanh chóng bắt đầu việc xây dựng lại và sửa chữa Khu Nhà Máy theo các Hướng Dẫn Quy Hoạch và Phát Triển và Quy Chế Hoạt Động của VSIP- HP và theo các yêu cầu khác của Bên Cho Thuê và HEZA và Pháp Luật Việt Nam có liên quan. Trong trường hợp Khu Đất và/ hoặc Khu Nhà Máy bị hư hại đến mức cần thiết phải phá hủy Khu Nhà Máy hoặc đó là biện pháp khắc phục kinh tế nhất, thì Bên Thuê, sau khi tham khảo ý kiến với Bên Cho Thuê có quyền chấm dứt Hợp Đồng Thuê và khôi phục nguyên trạng Khu Đất như quy định tại Điều 16.

ĐIỀU 16: CHẤM DỨT THUÊ

- 16.1 Tùy thuộc vào Điều 16.2 dưới đây, ngay trước khi kết thúc Thời Hạn Thuê hoặc chấm dứt Hợp Đồng Thuê trước thời hạn vì bất kỳ lý do gì, Bên Thuê sẽ:
 - (a) tháo dỡ và/ hoặc dời chuyển Khu Nhà Máy và tất cả các thiết bị cố định, trang bị nội thất và thiết bị đã lắp đặt trên Khu Đất, và khôi phục Khu Đất trở lại tình trạng ban đầu như trong Ngày Bàn Giao. Nếu Bên Thuê không tuân thủ cam kết này, Bên Cho Thuê có thể thực hiện việc khôi phục đó và thu hồi từ Bên

Thuê các chi phí cùng với Tiền Thuê và Phí Quản Lý Bất Động Sản và các khoản tiền khác mà Bên Cho Thuê được quyền nhận từ Bên Thuê do cộng thêm vào Thời Hạn Thuê khoảng thời gian mà Bên Cho Thuê đã sử dụng để thực hiện các công việc đó; và

- (b) thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để chuyển quyền sử dụng Khu Đất lại cho Bên Cho Thuê theo quy định pháp luật.

16.2 Bên Cho Thuê sẽ, trong một thời gian hợp lý trước khi hết hạn Hợp Đồng Thuê hoặc chấm dứt Hợp Đồng Thuê trước thời hạn vì bất kỳ lý do gì, thông báo cho Bên Thuê nếu Bên Cho Thuê không yêu cầu khôi phục lại Khu Đất. Trong trường hợp này thì Bên Thuê không phải thực hiện quy định tại Điều 16.1 (a), nhưng phải:

- a. bàn giao Khu Đất, Khu Nhà Máy và tất cả các thiết bị, tài sản cố định, thiết bị lắp đặt trên Khu Đất trong điều kiện và tình trạng đã sửa chữa và có thể cho thuê được (ngoại trừ các hao mòn hợp lý), cùng toàn bộ ổ khoá và chìa khoá mà không tính bất kỳ khoản phí hay bồi thường nào. Bên Cho Thuê được toàn quyền vào lại Khu Đất và Khu Nhà Máy, nắm giữ, giải quyết và định đoạt Khu Nhà Máy với tư cách là chủ sở hữu hợp pháp mà không phải đền bù hoặc xin phép đối với những việc đó;
- b. thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để xác lập quyền sở hữu Khu Nhà Máy và các thiết bị, tài sản cố định, thiết bị lắp đặt trên Khu Đất và quyền sử dụng đất của Khu Đất cho Bên Cho Thuê theo quy định pháp luật.

16.3 Trường hợp:

- (1) Giấy Phép của Bên Thuê không được gia hạn hoặc bị chấm dứt; hoặc
- (2) Bên Thuê ngừng kinh doanh (nếu được yêu cầu, phải xuất trình giấy tờ chứng minh việc ngừng kinh doanh thỏa mãn yêu cầu của Bên Cho Thuê),

thì trước Ngày Hết Hạn, Bên Thuê có quyền chuyển nhượng phần còn lại của thời hạn thuê ("Thời Hạn Còn Lại") dù phần thời hạn đó không phải để cho mục đích chuyển nhượng dự kiến, phù hợp với các điều kiện sau. Nếu một trong các trường hợp nêu trên xảy ra, Bên Thuê ngay lập tức phải thông báo bằng văn bản cho Bên Cho Thuê ("Thông báo chuyển nhượng") về sự việc và nguyện vọng (nếu có) muốn chuyển nhượng phần Thời Hạn Còn Lại cho một bên thứ ba với sự đồng ý bằng văn bản của Bên Cho Thuê. Bên Cho Thuê có quyền đồng ý tùy thuộc vào những điều kiện mà Bên Cho Thuê và/hoặc HEZA (nếu được yêu cầu) có thể toàn quyền áp đặt. Điều kiện để Bên Cho Thuê đồng ý là không có trường hợp nào của Điều 14.3 xảy ra hay tồn tại vào thời điểm chuyển nhượng. Điều kiện chuyển nhượng là người nhận chuyển nhượng phần Thời Hạn Còn Lại được Bên Cho Thuê chấp thuận.

Nếu được sự đồng ý của Bên Cho Thuê và HEZA phê duyệt (nếu được yêu cầu), thì:

- (a) Việc Thuê sẽ không chấm dứt và Bên Thuê phải tiến hành các thủ tục và ký tất cả các giấy tờ cần thiết để thực hiện việc chuyển nhượng phần Thời Hạn Còn Lại cho một bên thứ ba đã được Bên Cho Thuê chấp thuận ("Bên Nhận Chuyển Nhượng") để:
 - (i) Bên Nhận Chuyển Nhượng sẽ được hưởng tất cả quyền và lợi ích của Bên Thuê kể từ ngày chuyển nhượng;
 - (ii) Bên Nhận Chuyển Nhượng sẽ gánh vác tất cả nghĩa vụ của Bên Thuê kể từ ngày chuyển nhượng; và

- (iii) Bên Cho Thuê sẽ chấp nhận việc thực hiện Hợp Đồng Thuê của Bên Nhận Chuyển Nhượng thay cho Bên Thuê kể từ ngày chuyển nhượng;
 - (b) nếu việc chuyển nhượng không thể thực hiện theo cách thức tại điểm (a) nói trên, thì các Bên phải tiến hành các thủ tục pháp lý khác và ký các giấy tờ cần thiết, theo đó Bên Thuê sẽ chấm dứt và thanh lý việc Thuê và đồng thời Bên Nhận Chuyển Nhượng sẽ ký một Hợp Đồng Thuê cho phần Thời Hạn Còn Lại, về cơ bản bao gồm các điều khoản và điều kiện tương tự như trong Hợp Đồng Thuê này và tùy theo vào các sửa đổi mà Bên Cho Thuê có thể yêu cầu và các điều khoản khác được thỏa thuận giữa Bên Cho Thuê và Bên Nhận Chuyển Nhượng;
 - (c) Bên Thuê và Bên Nhận chuyển Nhượng có thể thỏa thuận với nhau về khoản tiền mà Bên Nhận Chuyển Nhượng phải trả cho Bên Thuê;
 - (d) Bên Cho Thuê sẽ có những hỗ trợ thiết yếu để hoàn tất mọi thủ tục cần thiết được yêu cầu cho việc chuyển nhượng và các giao dịch được dự liệu khác có liên quan đến điểm (a) hoặc (b), miễn là tất cả điều kiện cho việc chuyển nhượng này (nếu có) được tuân thủ; và
 - (e) Nếu các Bên không có thỏa thuận khác, Bên Thuê phải chịu các chi phí có liên quan đến và phụ trợ cho việc chuyển nhượng.
- 16.4 Nhằm tránh hiểu nhầm, cùng với việc chuyển nhượng phần Thời Hạn Còn Lại theo Điều 16.3, Bên Thuê được bán hoặc định đoạt Khu Nhà Máy và/hoặc bất kỳ thiết bị cố định, trang bị nội thất và các thiết bị lắp đặt trên Khu Đất cho Bên Nhận Chuyển Nhượng.
- 16.5 Trường hợp Bên Thuê không thực thi các quyền của mình theo Điều 16.3 hoặc không có được sự đồng ý và/hoặc phê chuẩn cần thiết cho việc chuyển nhượng theo Điều 16.3, thì việc Thuê sẽ kết thúc và Điều 16.1 và 16.2 sẽ được áp dụng.

ĐIỀU 17: THÔNG BÁO

- 17.1 Bất kỳ thông báo nào theo Hợp Đồng Thuê này sẽ được Bên gửi thông báo hoặc đại diện của mình ký và có thể được gửi bằng (a) chuyển tay, (b) fax (tùy thuộc/căn cứ vào bản sao xác nhận đã nhận được thông báo được gửi đến bằng dịch vụ bảo đảm) hoặc (c) dịch vụ bảo đảm trả trước (bằng máy bay, nếu chuyển thư quốc tế) tới số fax hoặc địa chỉ của Bên nhận tương ứng quy định tại Điều 17.2 (hoặc như được thông báo nếu có sự khác biệt, tùy từng thời điểm). Bất kỳ thông báo nào được thực hiện như trên sẽ được xem là đã nhận được:
- (i) tại thời điểm giao, trong trường hợp chuyển bằng tay;
 - (ii) tại thời điểm gửi, trong trường hợp chuyển bằng fax;
 - (iii) hai (02) ngày kể từ ngày gửi (bao gồm ngày gửi), trong trường hợp dịch vụ bảo đảm trả trước; và
 - (iv) mười bốn (14) ngày kể từ ngày gửi (bao gồm ngày gửi), trong trường hợp chuyển thư quốc tế.

17.2 Địa chỉ thư tín và số fax liên lạc của các Bên nêu ở điều 17.1 như sau:

Bên Cho Thuê : CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

Địa chỉ : Tòa nhà Điều hành VSIP Hải Phòng, Khu Đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lữ Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Fax : 84-225-3959 886

Người nhận : Lam Kim Vee

Bên Thuê : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐỘT DẬP MOCHIZUKI VIỆT NAM

Địa chỉ : Nhà xưởng D4, lô đất IL08 ~ IL10 và IL18 ~ IL20 (P1-SP1), Khu Đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, thuộc Khu Kinh Tế Đình Vũ-Cát Hải, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Fax : 0225-3869919

Người nhận : Masaaki Yoshida

17.3 Với hiệu lực từ Ngày Bàn Giao, Bên Cho Thuê cũng có thể gửi thông báo đến Bên Thuê bằng cách gửi qua đường bưu điện hoặc chuyển tay tới địa chỉ nằm trong Khu Đất.

ĐIỀU 18: LUẬT ĐIỀU CHỈNH

Nội dung, hiệu lực pháp lý, việc diễn giải, thực hiện, và giải quyết các tranh chấp phát sinh từ Hợp Đồng Thuê này sẽ được điều chỉnh bởi Pháp Luật Việt Nam.

ĐIỀU 19: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

19.1 Các Bên sẽ cố gắng giải quyết bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ Hợp Đồng Thuê này bằng thương lượng, hoà giải. Nếu vẫn không thể giải quyết được tranh chấp theo cách đó trong một khoảng thời gian hợp lý, thì tranh chấp đó sẽ được đệ trình và giải quyết chung thẩm tại một tòa án có thẩm quyền của Thành Phố Hải Phòng.

19.2 Trong khi bất kỳ tranh chấp nào đang được giải quyết, các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng Thuê này vẫn tiếp tục ràng buộc và được các Bên thực hiện, tuân thủ.

ĐIỀU 20: BẢO MẬT

Các Bên sẽ bảo mật nội dung và tất cả các vấn đề phát sinh trong quá trình thương thảo Hợp Đồng Thuê này cũng như các công việc của Bên còn lại, và sẽ không được tiết lộ (trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia) cho bất kỳ bên thứ ba nào, trừ khi tiết lộ theo yêu cầu của pháp luật hiện hành hoặc quy định của cơ quan hữu quan có thẩm quyền hoặc sở giao dịch chứng khoán (ở Việt Nam, Singapore hoặc các nước có liên quan khác), hoặc liên quan đến việc buộc thực thi các quyền của mình chống lại Bên kia. Các Bên sẽ thực hiện các biện pháp hợp lý nhằm bảo đảm rằng nhân viên của mình tuân thủ nghĩa vụ bảo mật được quy

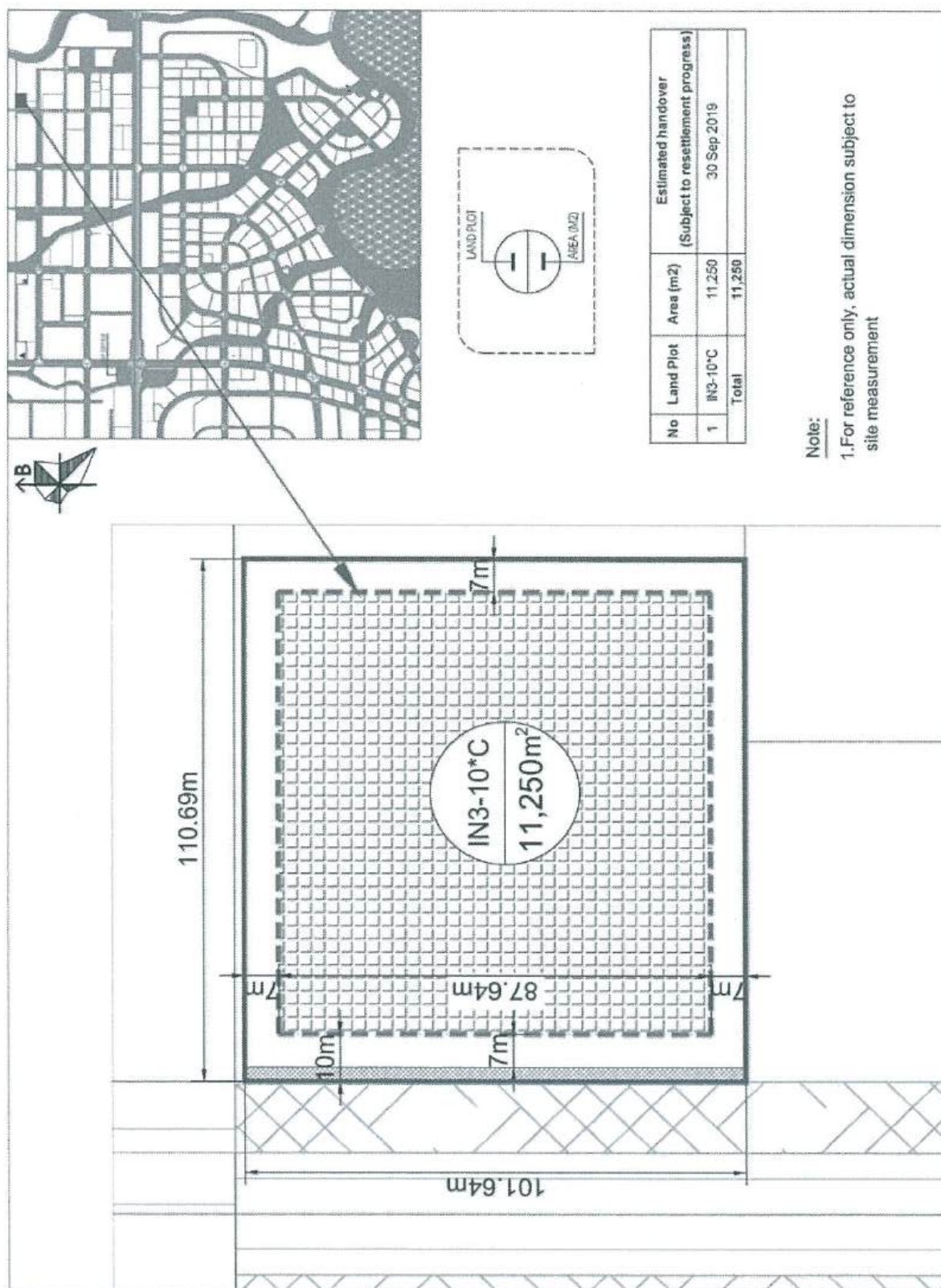
định tại Hợp Đồng Thuê này. Điều khoản này sẽ tiếp tục có hiệu lực không phụ thuộc vào việc chấm dứt Hợp Đồng Thuê này vì bất kỳ lý do gì.

ĐIỀU 21: CÁC ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

- 21.1 Bên Thuê phải bảo đảm rằng mọi thông tin do Bên Thuê cung cấp liên quan đến Hợp Đồng Thuê này và Khu Đất là trung thực và chính xác về mọi phương diện. Bên Thuê sẽ gửi cho Bên Cho Thuê văn bản thông báo về việc đổi tên của mình trong vòng một (01) tháng kể từ ngày thay đổi. Bên Thuê bảo đảm rằng mình có năng lực ký kết Hợp Đồng Thuê này và thực hiện mọi nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Thuê, cũng như tiến hành các việc cần thiết để ủy quyền thực hiện các việc này. Bên Thuê cũng sẽ cung cấp bằng chứng mà Bên Cho Thuê có thể yêu cầu liên quan đến năng lực ký Hợp Đồng Thuê của Bên Thuê và việc Bên Thuê tuân thủ hay không tuân thủ Pháp Luật Việt Nam.
- 21.2 Các Phụ Lục của Hợp Đồng Thuê này (có thể được sửa đổi theo thỏa thuận của hai bên), Hướng Dẫn Quy Hoạch và Phát triển VSIP- HP và Quy Chế Hoạt Động của VSIP- HP là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng Thuê này, và sẽ có hiệu lực pháp lý tương tự như các điều khoản khác của Hợp Đồng Thuê.
- 21.3 Hợp Đồng Thuê phải phù hợp với các chỉnh sửa của Bên Cho Thuê theo từng thời điểm được xem xét thay đổi khi cần thiết để tuân thủ Pháp Luật Việt Nam, các thông báo hoặc chỉ thị của HEZA hay của bất kỳ cơ quan cấp Chính phủ, cấp Tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền và được Bên Cho Thuê thông báo với Bên Thuê bằng văn bản.
- 21.4 Hợp Đồng Thuê sẽ ràng buộc các Bên và các đại diện, người kế nhiệm, người nhận thế chấp và người nhận chuyển nhượng tương ứng của các Bên.
- 21.5 Nếu Bên Thuê gồm hai hay nhiều bên, thì nghĩa vụ của họ theo Hợp Đồng Thuê là nghĩa vụ liên đới và riêng rẽ; nếu một trong các bên vì bất kỳ lý do gì không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình thì bên/các bên còn lại sẽ phải cùng liên đới chịu trách nhiệm thay cho bên đó.
- 21.6 Hợp Đồng Thuê này sẽ thay thế và có giá trị cao hơn tất cả các thỏa thuận miệng hoặc viết tay nào đưa ra trước đây liên quan đến vấn đề chính của Hợp Đồng Thuê này và các Phụ Lục của Hợp Đồng Thuê.
- 21.7 Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng Thuê này hoặc bất kỳ phần nào của Hợp Đồng Thuê bị coi là vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không có hiệu lực thì hành bởi bất kỳ luật, quy chế hay chính sách nào, thì chỉ những điều khoản đó vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không có hiệu lực thì hành trong phạm vi đó và không ảnh hưởng đến tính pháp lý của những điều khoản khác của Hợp Đồng Thuê này.
- 21.8 Việc bất kỳ Bên nào không thực hiện hoặc trì hoãn thực hiện bất kỳ quyền, quyền năng hay đặc quyền theo Hợp Đồng Thuê này hoặc theo bất kỳ thỏa thuận nào khác có liên quan sẽ không được xem là hành vi từ bỏ chúng, và việc thực hiện đơn lẻ hay một phần bất cứ quyền, quyền năng hay đặc quyền nào cũng sẽ không ngăn cản việc thực hiện các quyền đó trong tương lai.
- 21.9 Hợp Đồng Thuê sẽ có hiệu lực kể từ ngày ghi ở trên đầu của Hợp Đồng Thuê.
- 21.10 Trường hợp một Bên yêu cầu Bên kia về bất kỳ sự đồng ý, chấp thuận, ủy quyền và/hoặc chỉ định nào, thì sự đồng ý, chấp thuận, ủy quyền và/hoặc chỉ định không được phép rút lại từ chối hay trì hoãn một cách bất hợp lý. Khi sự đồng ý, chấp thuận, ủy quyền và/hoặc chỉ định đã được đưa ra thì chúng sẽ không được phép rút lại một cách bất hợp lý.
- 21.11 Hợp đồng Thuê này được lập thành bảy (07) bản gốc bằng tiếng Việt và hai (02) bản gốc bằng tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một (01) bản gốc bằng tiếng Anh và ba (03) bản gốc bằng tiếng Việt. Một (01) bản gốc còn lại bằng tiếng Việt sẽ được Văn phòng Công chứng hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giữ lại khi làm thủ tục công chứng hay chứng thực Hợp Đồng Thuê (nếu áp dụng), nếu không

thì Bên Cho Thuê sẽ giữ lại bản này. Nếu có sự khác biệt giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

PHỤ LỤC 1
QUY HOẠCH KHU ĐẤT



30.11.2018

Handwritten signature

PHỤ LỤC 2
YÊU CẦU VỀ QUY HOẠCH VÀ XÂY DỰNG

1. Bên Thuê phải thuê kỹ sư chuyên nghiệp tiến hành khảo sát đất để tư vấn về điều kiện đất đai và thiết kế kết cấu nhà xưởng phù hợp, xem xét điều kiện Khu Đất và tiến hành các công việc cần thiết liên quan đến tình trạng và điều kiện của Khu đất. Bên Thuê được xem là hiểu biết đầy đủ về tình trạng và điều kiện Khu đất vào Ngày Bàn Giao và đồng ý rằng tình trạng và điều kiện Khu Đất là phù hợp với tất cả mục đích sử dụng của Bên Thuê. Bên Thuê, bằng chi phí của mình, thực hiện các bước và tiến hành những công việc cần thiết trên Khu Đất nhằm bảo vệ các đê kè (nếu có), ngăn chặn sự xói mòn/ lở đất hoặc làm hư hỏng độ dốc, theo phương pháp chuyên nghiệp và đáp ứng yêu cầu của Bên Cho Thuê và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
 2. Bên Thuê phải xây dựng lối vào Khu Đất và cống nước phía bên dưới dọc theo ranh giới Khu Đất bằng nhựa đường, bê tông hay vật liệu có bề mặt cứng khác. Lối vào Khu Đất và cống nước này sẽ không tạo nên hay cấu thành một phần của Khu Đất được thuê theo Hợp Đồng Thuê này nhưng Bên Thuê, bằng chi phí của riêng mình, phải duy trì chúng trong điều kiện hoạt động tốt trong suốt Thời Hạn Thuê.
-

PHỤ LỤC 3

CAM KẾT CỦA BÊN THUÊ

Bên Thuê bằng văn bản này cam kết với Bên Cho Thuê những điều sau đây:

1. Tiền Thuê và Các khoản thanh toán khác: Thanh toán Tiền Thuê, Phí Quản Lý Bất Động Sản và các khoản tiền đến hạn phải trả khác cho Bên Cho Thuê mà không khấu trừ, giữ lại hay cản trở bất cứ khoản nào vào thời điểm thanh toán và phương thức thanh toán phù hợp trong Hợp Đồng Thuê này.
2. Dự phòng hợp lý tránh tổn thất: Thực hiện các dự phòng hợp lý tránh tất cả mất mát, thương tổn hay thiệt hại về người và tài sản mà Bên Thuê có thể và sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý phát sinh trong hoặc liên quan đến việc chiếm hữu và sử dụng Khu đất hoặc Khu Nhà Máy, bao gồm việc tham gia và duy trì chế độ bảo hiểm hợp lý cho Khu Nhà Máy và cho các rủi ro và các khoản chi phí mà Bên Cho Thuê có thể yêu cầu một cách hợp lý, Bên Thuê sẽ trình bản sao của các hợp đồng bảo hiểm, các chứng từ thanh toán và bằng chứng về các dự phòng hợp lý khi Bên Cho Thuê có yêu cầu tham khảo một cách hợp lý, tùy từng thời điểm.
3. Xâm phạm ranh giới: Nếu vào bất kỳ thời điểm nào mà Bên Cho Thuê phát hiện Bên Thuê lấn ra ngoài ranh giới của Khu Đất; thì Bên Thuê, ngay khi được Bên Cho Thuê thông báo và bằng chi phí của mình, ngay lập tức hoặc trong thời hạn do Bên Thuê quy định (nếu có), phải sửa chữa và tháo dỡ phần xâm lấn nhằm đáp ứng yêu cầu của Bên Cho Thuê.
4. Làm mất hiệu lực các Chế độ/Hợp đồng bảo hiểm: Không được hoặc không cho phép làm bất kỳ điều gì trên Khu Đất hoặc trong Khu Nhà Máy mà theo đó có thể làm cho bất kỳ Chế độ/Hợp đồng bảo hiểm nào thực hiện liên quan đến Khu Đất hoặc Khu Nhà Máy hay Khu Công Nghiệp hoặc bất kỳ phần nào của nó bị vô hiệu hoặc từ đó có thể làm tăng mức phí bảo hiểm đối với Bên Cho Thuê. Theo yêu cầu, Bên Thuê phải trả lại cho Bên Cho Thuê toàn bộ số tiền mà Bên Cho Thuê đã chịu do tăng mức phí bảo hiểm và tất cả các khoản để làm lại hợp đồng bảo hiểm do những vi phạm nêu trên.
5. Vận chuyển và lắp đặt Máy móc: Không được vận chuyển hay lắp đặt vào Khu Đất hay Khu Nhà Máy bất kỳ máy móc, thiết bị, hàng hoá, đồ vật gì vượt quá trọng lượng mà Bên Cho Thuê đã chỉ định, hoặc (nếu không có chỉ định) sẽ, hay có thể làm ảnh hưởng xấu đến tình trạng và điều kiện của Khu Đất hay phần đất đai hoặc tài sản liền kề/kế cận và, nếu Bên Cho Thuê có yêu cầu, phải phân bổ việc vận chuyển và phân chia tải trọng lắp đặt từng phần vào Khu Đất hay Khu Nhà Máy theo yêu cầu của Bên Cho Thuê và các kỹ sư xây dựng của Bên Cho Thuê.
6. Cho phép Bên Cho Thuê đi vào: Cho phép Bên Cho Thuê, khảo sát viên, đại diện của Bên Cho Thuê và những người khác được Bên Cho Thuê ủy quyền, cùng hoặc không cùng với công nhân, vào mọi thời điểm hợp lý, đi vào hoặc vào bên trong Khu Đất và Khu Nhà Máy:
 - (a) để kiểm tra và đánh giá tình trạng và điều kiện của Khu Đất hay Khu Nhà Máy, thiết bị nội thất và các công trình lắp đặt cố định và bất kỳ nhu cầu sửa chữa hay có vi phạm các cam kết nào không. Bên Cho Thuê có thể gửi thông báo bằng văn bản tới Khu Đất thông báo cho Bên Thuê về những sửa chữa cần thiết và tất cả các vi phạm cam kết được phát hiện và yêu cầu Bên Thuê sửa chữa hay khắc phục vi phạm trong khoảng thời gian thích hợp được nêu rõ trong thông báo. Nếu Bên Thuê không tiến hành sửa chữa hay khắc phục vi phạm, Bên Cho Thuê có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) đi vào hay vào trong Khu Đất hay Khu Nhà Máy để thực hiện các công việc này và tất cả chi phí và phí tổn mà Bên Cho Thuê đã chi trả sẽ được Bên Thuê lập tức thanh toán lại theo yêu cầu của Bên Cho Thuê;

- (b) tiến hành mọi công việc bảo dưỡng, cải tạo, dọn dẹp, thay thế hoặc bổ sung, sửa chữa hay các công việc khác đối với bất kỳ phần nào của Khu Đất hay phần đất hoặc tài sản kề cận hay liền kề mà Bên Cho Thuê xét thấy là cần thiết hay phải thực hiện;
- (c) tiến hành lắp đặt và các công việc khác và kiểm tra đối với các thiết bị, tiện ích trên hoặc liên quan đến Khu Đất, và đặt biệt là thực hiện các công việc trên đường ống nước hay các đường tiện ích khác hoặc các đường dẫn chính băng qua, dọc theo hay bên ngoài ranh giới của Khu Đất mà Bên Cho Thuê xét thấy là cần thiết hay phải thực hiện;
- (d) giới thiệu Khu đất hoặc Khu Nhà Máy với những người có nhu cầu mua hay thuê hoặc bất kỳ bên nào được Bên Cho Thuê ủy quyền và trong suốt thời gian sáu (06) tháng trước khi hết Thời Hạn Thuê hoặc chấm dứt trước Thời Hạn Thuê, Bên Cho Thuê có quyền đăng bảng "Cho Thuê/ Để Bán" trên Khu Đất hoặc Khu Nhà Máy; và
- (e) cho mục đích nêu tại khoản 5 nói trên.

Nghĩa vụ của Bên Thuê theo Hợp Đồng Thuê sẽ không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ công việc nào được nêu tại điều này.

7. Tuân thủ Hướng Dẫn Quy Hoạch và Phát Triển VSIP- HP: Thực hiện và tuân thủ các quy định của Hướng Dẫn Quy Hoạch và Phát Triển VSIP- HP và Quy Chế Hoạt Động của VSIP- HP.

8. Tuân thủ Pháp Luật:

- (a) thực hiện và tuân thủ các quy định của tất cả Luật, quy chế, quy định, thông tư hoặc quyết định, hoặc bất kỳ chỉ thị hay hướng dẫn hoặc yêu cầu có liên quan của bất kỳ cơ quan Chính phủ, cấp Tỉnh hay cấp có thẩm quyền nào. Nếu Bên Thuê không tuân thủ hoặc không thực hiện cam kết này, Bên Cho Thuê bằng quyết định riêng của mình có quyền thực hiện việc này, và tất cả chi phí và phí tổn phát sinh liên quan mà Bên Cho Thuê đã chi trả phải được Bên Thuê thanh toán ngay lập tức theo yêu cầu của Bên Cho Thuê với Điều Kiện Luôn Luôn là Bên Cho Thuê không phải chịu trách nhiệm với Bên Thuê về bất kỳ tổn thất, thiệt hại, hay sự bất tiện nào gây ra do việc thực hiện này; và
- (b) tuân thủ tất cả nghĩa vụ liên quan đến Khu Đất mà Bên Cho Thuê có thể có trách nhiệm thực hiện hay tuân thủ trong suốt Thời Hạn Thuê theo bất kỳ chỉ thị hay yêu cầu nào của bất kỳ cơ quan Chính phủ, cấp Tỉnh hay cấp có thẩm quyền nào.

9. Thông báo cho Bên Cho Thuê

- (a) Bên Thuê phải ngay lập tức thông báo bằng văn bản cho Bên Cho Thuê về bất kỳ thiệt hại hay hủy hoại đối với hoặc tại Khu Đất hay Khu Nhà Máy hoặc thiết bị cố định hay các thiết bị lắp đặt trong đó ngay khi Bên Thuê biết hoặc phải biết về các sự cố đó;
- (b) Ngay khi nhận được bất kỳ thông báo, yêu cầu, chỉ thị hay các văn bản khác từ cơ quan có thẩm quyền liên quan hoặc ảnh hưởng đến Khu Đất hoặc Khu Nhà Máy, Bên Thuê phải ngay lập tức gửi đến Bên Cho Thuê bản sao các thông báo, lệnh, chỉ thị hay văn bản đó.

10. Quyền xây cất: Không phụ thuộc vào bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng Thuê này, Bên Cho Thuê có quyền xây cất các công trình như sau:

Quyền mắc và dẫn truyền tự do, liên tục các đường dây tải điện, ống nước, hệ thống tiêu thoát nước thải, hệ thống thông tin viễn thông và các dịch vụ khác từ và đến các điểm khác của Khu Công Nghiệp trong và xuyên qua bất kỳ đường ống nước, cống rãnh, ống khói, dây cáp, đường dây và các thiết bị khác có thể ở trong, trên, dưới Khu Đất hay ngang qua không gian Khu Đất vào bất cứ lúc nào trong suốt Thời Hạn Thuê.

VỚI SỰ LÀM CHỨNG DƯỚI ĐÂY, Hợp Đồng Thuê này được ký kết bởi hoặc thay mặt của các Bên tham gia vào Hợp Đồng Thuê này.

Bên Cho Thuê

CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG



Tên : Lam Kim Vee
Chức vụ: Tổng Giám đốc
(Đóng dấu Công ty)

Người làm chứng


Trần Thị Loan

Bên Thuê

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐỘT DẬP
MOCHIZUKI VIỆT NAM**



Tên : Masaaki Yoshida
Chức vụ: Tổng Giám đốc
(Đóng dấu Công ty)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Masaaki Yoshida

Người làm chứng


Nguyễn Thị Thanh Nga

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1133 /GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 21 tháng 3 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thêm mới lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2640/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư tại Lô IN3-10*C, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên;

Xét Văn bản số 01/2023-MT ngày 05/01/2023 của Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Văn bản số 02/2023-MT ngày 08/3/2023 của Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam về việc hoàn thiện Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam và Hồ sơ đã hoàn thiện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Lô IN3-10*C, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô IN3-10*C, Khu Đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, xã Lập Lễ, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 4330084821 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 09/01/2013, chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 06/01/2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0201288701 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 09/01/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/09/2022.

1.4. Mã số thuế: 0201288701.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện, khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất sử dụng: 11.250 m².

- Quy mô, công suất:

+ Sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện: 1.200 tấn/năm;

+ Khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm: 04 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm

2020.

2. Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 21 tháng 3 năm 2023 đến ngày 21 tháng 3 năm 2033).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi Trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo Ban;
- UBND huyện Thủy Nguyên, UBND xã Lập Lễ;
- Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam;
- Công ty TNHH VSIP Hải Phòng;
- Các Phòng: QLTNMT, QHXD, QLĐT, HTGS, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT. /

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~1133~~ /GPMT-BQL ngày ~~24~~ tháng ~~3~~ năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải (do nước thải sau xử lý xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng, không xả ra ngoài môi trường).

- Công ty TNHH Công nghệ dệt dệt Mochizuki Việt Nam đã ký Hợp đồng thuê lại đất và cơ sở hạ tầng trong Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng số 001/2019/LA/MCSD-VSIP HP ngày 16/9/2019 với Công ty TNHH VSIP Hải Phòng là Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt từ khu bếp nấu nhà ăn sau xử lý tại bể tách mỡ, cùng với nước thải sinh hoạt từ các bồn cầu vệ sinh, nước thải sinh hoạt khác từ chậu rửa mặt, sàn nhà tắm chảy vào hố thu gom và được bơm vào bể tự hoại để xử lý. Toàn bộ nước thải sau xử lý tại bể tự hoại chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5,0 m³/ngày đêm của Dự án để tiếp tục xử lý trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt từ khu bếp nấu nhà ăn sau xử lý tại bể tách mỡ + Nước thải sinh hoạt từ các bồn cầu vệ sinh + Nước thải sinh hoạt khác từ chậu rửa mặt, sàn nhà tắm → Hố thu gom nước thải → Bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải tập trung, trong đó: Nước thải → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể lọc → Hộp hoá chất khử trùng (khử trùng bằng Chlorine) → Bể xả thải → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng.



- Công suất thiết kế:

+ 01 Bể tách mỡ có dung tích 2,4 m³.

+ 01 Bể tự hoại có dung tích 8,5 m³.

+ 01 Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 5,0 m³/ngày đêm.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Methanol (CH_3OH) hoặc Ethanol ($\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$); Chất keo tụ (Polytetsu hoặc PAC); Chất trung hoà (NaOH); Chất khử trùng Chlorine (TCCA).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Niêm yết sơ đồ công nghệ và quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí cán bộ phụ trách quản lý, vận hành đúng quy trình kỹ thuật và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành của hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải luôn hoạt động hiệu quả.

- Định kỳ vệ sinh các đường ống thu thoát nước mưa, nước thải; nạo hút bùn cặn tại các hố ga, bể tự hoại, bể lắng; vớt váng dầu mỡ tại bể tách mỡ.

- Trang bị các phương tiện, máy móc, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời trong các bể xử lý để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố.

- Khi việc kiểm tra, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải bị kéo dài đồng thời các bể xử lý không còn khả năng lưu chứa nước thải thì phải thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải phát sinh.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường do đã hoàn thành việc vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận tại Văn bản số 10/STNMT-CCBVMT ngày 04/01/2023 về việc thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải của Dự án.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Dự án.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.



Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-BQL ngày 21.. tháng 3... năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải (do không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục**

Không có (do không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không phải vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường do không có công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thường xuyên vệ sinh công nghiệp, định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị sản xuất, chỉ sử dụng các phương tiện giao thông được kiểm định theo quy định.

3.2. Lắp đặt hệ thống quạt thông gió, hệ thống điều hoà không khí để đảm bảo môi trường làm việc thoáng mát cho người lao động.

3.3. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động, ưu tiên sử dụng các loại dầu gia công thân thiện với môi trường và sức khoẻ người lao động.

3.4. Tiến hành trồng cây xanh xung quanh và trong khuôn viên, đảm bảo diện tích trồng cây xanh tối thiểu theo quy định.

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-BQL ngày... tháng... năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị tại Dự án gồm: Khu vực đặt các máy đột dập để sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện; khu vực đặt các máy mài, máy khoan, máy phay, máy cắt, máy cưa... để sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm; khu vực đặt các máy nén khí; khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Khu vực đặt các máy đột dập để sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện. Tọa độ: X = 2313839.628 m; Y = 601102.508 m.

- Nguồn số 2: Khu vực đặt các máy mài, máy khoan, máy phay, máy cắt, máy cưa... để sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm. Tọa độ: X = 2313795.574 m; Y = 601097.483 m.

- Nguồn số 3: Khu vực đặt các máy nén khí. Tọa độ: X = 2313787.906 m; Y = 601109.519 m.

- Nguồn số 4: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng. Tọa độ: X = 2313788.217 m; Y = 601086.825 m.

(theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', mũi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt đệm tiêu âm, để chống rung cho các máy móc, thiết bị có khả năng gây tiếng ồn, độ rung lớn.

- Các phương tiện, máy móc, thiết bị thường xuyên được vệ sinh, định kỳ được bảo dưỡng để đảm bảo luôn hoạt động ở trạng thái ổn định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các phương tiện, máy móc, thiết bị được vận hành theo đúng yêu cầu kỹ thuật và đúng công suất thiết kế.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-BQL ngày... tháng... năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải có silic hữu cơ nguy hại (gói hút ẩm)	Rắn	02 08 01	80
2	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	250
3	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu	Rắn	07 03 11	60
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	1,5
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	5
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	30
7	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02	50
8	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	10
9	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	320
10	Nước thải có các thành phần nguy hại (nước thải từ rửa sản phẩm, nước thải từ máy nén khí)	Lỏng	19 10 01	50
Tổng khối lượng				856,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường, phế liệu phát sinh:**1.2.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Gỗ (thùng gỗ, pallet gỗ)	18 01 07	1.200
2	Giấy (bìa carton, giấy bọc, giấy in)	18 01 05	600

PHI PHA

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
3	Kim loại (dây đai sắt, đinh ghim kẹp, chi tiết khuôn)		50
4	Nhựa (khay nhựa, bao bì nhựa)	18 01 06	300
5	Mực in văn phòng	08 02 06	0,5
6	Khác (túi nilon, màng bọc nilon, dây sợi buộc,...)		60
Tổng khối lượng			2.210,5

1.2.2. Khối lượng, chủng loại phế liệu (nguyên liệu thừa và sản phẩm lỗi không thể khắc phục) phát sinh: Khoảng **61.550 kg/tháng** (gồm đồng phế liệu: 61.000 kg/tháng; thép phế liệu: 550 kg/tháng).

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 820 kg/tháng tương đương khoảng **9,8 tấn/năm**.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích: Bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại gồm 02 ngăn có tổng diện tích khoảng 13,5 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại 01 tầng, có cửa ra vào khép kín, mái lợp tôn che kín nắng mưa, tường xây gạch, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải dạng lỏng bên trong, có gờ chắn tại cửa; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại vào các thùng chứa riêng biệt cho từng loại chất thải, ghi mã chất thải nguy hại, dán dấu hiệu cảnh báo và lưu giữ tạm thời tại kho chứa chất thải nguy hại trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.



2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, phế liệu:

2.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn và đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích: Bố trí 01 kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế gồm 02 ngăn có tổng diện tích khoảng 13,4 m² và 01 kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường không có khả năng tái chế gồm 03 ngăn có tổng diện tích khoảng 20,2 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường 01 tầng, có mái lợp tôn, tường xây gạch, nền xi măng; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại, thu gom, lưu giữ tạm thời tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và tái chế hoặc đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ phế liệu

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa đặt tại các vị trí phát sinh trong nhà xưởng và khu lưu giữ phế liệu.

- Khu vực lưu chứa: Bố trí 02 khu lưu giữ phế liệu trong nhà xưởng chính có tổng diện tích khoảng 31,6 m².

- Phế liệu được thu gom, phân loại vào các thùng chứa và tập kết tại khu lưu giữ phế liệu trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và tái chế theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa có nắp đậy đặt tại các vị trí phát sinh và khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

- Khu vực lưu chứa: Bố trí 01 khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt có diện tích khoảng 8,4 m².



- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom vào các thiết bị lưu chứa tại khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.
 2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn hoá chất, phòng cháy chữa cháy.
 3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
 4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường theo quy định nếu để xảy ra sự cố môi trường.
-

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÓ NỒNG ĐỘ Ô NHIỄM VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN
TẠI DỰ ÁN VSIP HẢI PHÒNG**

SỐ: 0022-24/W&S/VSIP HP



Giữa

CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

Và

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐỐT DẬP MOCHIZUKI VIỆT NAM

(Dưới đây gọi là “**Bên A**”)

Và

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐỘT DẬP MOCHIZUKI VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô đất IN3-10*C, Khu Đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, thuộc Khu Kinh Tế Đình Vũ-Cát Hải, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại : 02253869918

Đại diện : **Masaharu Choki**

Chức vụ : Tổng Giám đốc

MST : 0201288701

Số tài khoản : 160314851017949

Ngân hàng : Ngân Hàng Eximbank – Chi nhánh Hải Phòng

(Dưới đây gọi là “**Bên B**”)

Các Bên sau đây gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai Bên”.

XÉT RÀNG:

- Bên A cho Bên B thuê đất để thực hiện dự án của Bên B. Trong quá trình thực hiện dự án, Bên B có nghĩa vụ tuân thủ các quy định trong Hướng dẫn về Quy hoạch và Phát triển dự án của VSIP Hải Phòng. Tuy nhiên, Bên B đã xả nước thải với nồng độ ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép quy định trong Hướng dẫn về Quy hoạch và Phát triển dự án của VSIP Hải Phòng.
- Bên A đồng ý xử lý và Bên B đồng ý trả phí xử lý nước thải khi nước thải có nồng độ ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép và hệ thống xử lý nước thải của Bên A vẫn còn đáp ứng được khả năng xử lý.

Sau khi bàn bạc và thảo luận, Bên A và Bên B đồng ý ký kết Hợp Đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải có nồng độ ô nhiễm vượt quá giới hạn cho Bên B tại Dự án VSIP Hải Phòng (“**Hợp đồng**”) với những điều khoản và điều kiện như sau:

Điều 1. Điều khoản chung

- 1.1. Bên A là đơn vị thu gom nước thải từ hố ga cuối cùng của Bên B được xây dựng trong từng giai đoạn (theo hồ sơ xin đấu nối nước thải Bên B đã đệ trình và được Bên A phê duyệt) về trạm xử lý nước thải tập trung của Bên A để xử lý.
- 1.2. Bên B cam kết rằng tất cả các chỉ tiêu trong nước thải mà Bên B xả ra phải đáp ứng các chỉ tiêu, giới hạn theo (i) Hướng dẫn về Quy hoạch và Phát triển dự án của VSIP Hải Phòng số 1.6 ngày 01 tháng 09 năm 2020 (VSIP Hai Phong Industrial Park Planning and Development Guideline) đã được Bên A cung cấp cho Bên B (sau đây gọi tắt là “**Hướng dẫn**”) và (ii) quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành trong từng giai đoạn.
- 1.3. Trong trường hợp nước thải của Bên B có bất kỳ thông số nào vượt ngưỡng giới hạn quy định tại Điều 1.2 ở trên và hệ thống xử lý nước thải của Bên A còn có khả năng tiếp nhận, Bên B đồng ý rằng Bên A sẽ cung cấp dịch vụ xử lý nước thải vượt ngưỡng và Bên B sử dụng dịch vụ theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này.

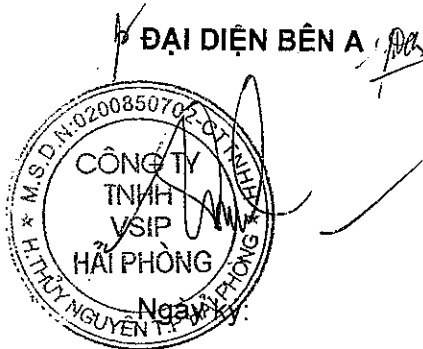
Điều 4. Quyền và Trách nhiệm của Bên A

- 4.1. Bên A có quyền ngừng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải có thông số vượt tiêu chuẩn theo Điều 1.2 cho Bên B kèm theo bất kỳ biện pháp nào để ngăn chặn việc Bên B xả nước thải vào hệ thống của Bên A, đồng thời và đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không phải chịu bất cứ trách nhiệm liên quan nào khi một trong các trường hợp sau xảy ra:
 - (i) sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo chính thức bằng văn bản hoặc email tới Bên B về việc Bên A ngừng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải có thông số vượt tiêu chuẩn cho Bên B.
 - (ii) ngay khi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền không cho phép Bên B tiếp tục xả nước thải với nồng độ vượt quá các chỉ tiêu, giới hạn nêu trong Điều 1.2.
 - (iii) ngay lập tức khi hệ thống xử lý nước thải của Bên A không còn khả năng xử lý.
 - (iv) Bên B vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp đồng này mà không khắc phục được trong thời hạn và theo tiêu chuẩn như tại yêu cầu bằng văn bản của Bên A.
 - (v) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm.
- 4.2. Bên A có quyền tiếp cận, kiểm tra định kỳ và đột xuất hệ thống thoát nước và xử lý nước thải nội bộ của Bên B để lấy mẫu và phân tích nồng độ ô nhiễm. Dựa trên kết quả phân tích này, Bên A sẽ quyết định việc xử lý nước thải có thông số vượt ngưỡng theo Điều 1.2 Hợp đồng này và thu Phí xử lý từ Bên B theo Hợp Đồng này.
- 4.3. Bên A có trách nhiệm thu gom xử lý nước thải của Bên B theo quy định tại Hợp đồng này, Hướng dẫn và các quy định pháp luật liên quan.
- 4.4. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B kế hoạch dừng cung cấp dịch vụ phục vụ cho công tác bảo trì bảo dưỡng hệ thống (nếu có).

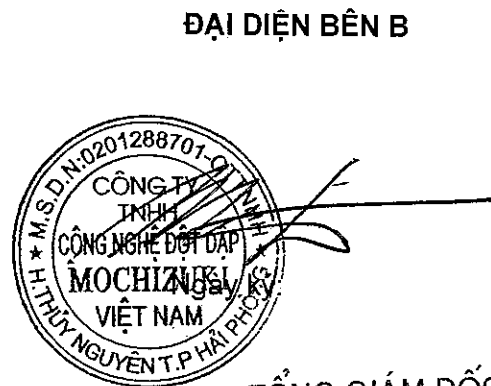
Điều 5. Quyền và Trách nhiệm của Bên B

- 5.1. Được cung cấp dịch vụ xử lý nước thải có thông số vượt tiêu chuẩn theo thỏa thuận trong Hợp đồng này.
- 5.2. Tạo điều kiện thuận lợi tối đa để Bên A lấy mẫu nước thải bên trong hàng rào khu đất (và khu nhà máy) của Bên B. Trong trường hợp Bên B gây khó khăn, cản trở hay làm chậm trễ quá trình lấy mẫu nước thải để xác định nồng độ ô nhiễm theo quy định tại Hợp đồng này, Bên B đồng ý rằng Bên A có quyền áp dụng quy định tại Điều 2.2.
- 5.3. Phối hợp với Bên A trong việc kiểm tra hệ thống thoát nước và xử lý nước thải của Bên B nhằm phát hiện và ngăn chặn nguy cơ gây ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước và xử lý nước thải của Bên A.
- 5.4. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên A theo đúng quy định tại Điều 3 Hợp đồng.
- 5.5. Bồi thường cho Bên A tất cả các tổn thất hay thiệt hại mà Bên A phải gánh chịu do việc Bên B vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp đồng.
- 5.6. Chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan nhà nước liên quan đến việc xả thải của mình không đúng với quy định của pháp luật và Hướng dẫn gây ảnh hưởng đến môi trường. Bên B đồng ý bảo vệ, bồi thường và bảo đảm Bên A không bị tổn hại bởi bất kỳ và tất cả các cáo buộc, yêu sách, chi phí, phí tổn, nghĩa vụ, kiện tụng và thiệt hại theo bất kỳ cách thức hay tính chất nào (bao gồm cả chi phí pháp lý hợp lý) do bất kỳ bên thứ ba hay cơ quan nhà nước nào đưa ra, theo bất kỳ cách nào, liên quan tới hoặc phát sinh từ việc xả nước thải của Bên B.
- 5.7. Thực hiện các yêu cầu hợp lý của Bên A khi được yêu cầu.
- 5.8. Tuân thủ Phụ lục chống tiêu cực số 1 đính kèm và Chính sách chất lượng, môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp mà Bên A truyền đạt cho Bên B tùy từng thời điểm.

- 8.3. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng này, không đơn phương thay đổi hay chấm dứt Hợp đồng, mọi sửa đổi đều phải được lập thành văn bản có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện được ủy quyền phù hợp.
- 8.4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì Hai Bên cùng nhau giải quyết trên tinh thần hợp tác. Nếu Hai Bên không thể giải thích bằng thương lượng thì tranh chấp sẽ được chuyển lên Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Hải Phòng để giải quyết.
- 8.5. Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản gồm hai (02) bản Tiếng Anh và hai (02) bản Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ hai (02) bản gồm một (01) bản tiếng Việt và một (01) bản tiếng Anh để cùng theo dõi và thực hiện. Trong bất kỳ trường hợp nào, bản tiếng Việt cũng được ưu tiên áp dụng.



NGUYỄN HỒNG ĐẠI
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Choki Masaharu

CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

VSIP Hai Phong Administration Office, VSIP Hai Phong Township, Industrial & Service Park,

An Lu Commune, Thuy Nguyen District, Haiphong City, Vietnam

Tel: (84-225) 3959868 Fax: (84-225) 3959886

PHỤ LỤC 01

ĐIỀU KHOẢN VỀ CHÍNH SÁCH CHỐNG TIÊU CỰC VÀ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi, CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐỘT DẬP MOCHIZUKI VIỆT NAM, xác nhận Chính sách Nội bộ của VSIP Hải Phòng và đồng ý nói rộng mức độ hợp tác song phương của Hợp đồng tới một mức hai Bên cùng thống nhất được, mà qua đó VSIP Hải Phòng yêu cầu chúng tôi đảm bảo rằng việc thực hiện thỏa thuận Hợp đồng của chúng tôi không làm cho VSIP Hải Phòng vi phạm Chính sách Nội bộ của mình, bao gồm tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm toán được thực hiện bởi kiểm toán viên độc lập do VSIP Hải Phòng chỉ định với mục đích đảm bảo các Điều khoản trong hợp đồng được thực hiện đúng theo quy định tại điều khoản này.

Chúng tôi thừa nhận rằng VSIP Hải Phòng không cho phép việc biếu xén, xin xỏ, đưa hoặc nhận hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào, kể cả việc đưa hối lộ bôi trơn. Chúng tôi xác nhận và đồng ý rằng VSIP Hải Phòng có quyền chấm dứt Hợp đồng mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu như VSIP Hải Phòng có những bằng chứng xác thực (được cung cấp cho chúng tôi dưới dạng văn bản) chứng minh rằng chúng tôi đã trực tiếp hoặc gián tiếp gợi ý đưa, nhận hối lộ dưới mọi hình thức, liên quan đến việc ký kết hoặc thực hiện Hợp đồng, kể cả việc đưa hối lộ bôi trơn.

Đặc biệt, chúng tôi xác nhận rằng VSIP Hải Phòng có quyền áp đặt các giới hạn đối với bất kỳ giao dịch nào mà nhân viên của VSIP Hải Phòng hoặc thành viên trong gia đình, hoặc người thân của họ có lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp. Mỗi quan hệ trong giao dịch này được gọi là "mối quan hệ nhân viên – nhà thầu". Việc thu lợi từ mối quan hệ nhân viên – nhà thầu có thể bị cấm do xung đột lợi ích. nhà cung cấp dịch vụ cho VSIP Hải Phòng, chúng tôi và nhân viên công ty chúng tôi cam kết sẽ không tham gia hay cố gắng gây ảnh hưởng tới bất kỳ quyết định nào thuộc các trường hợp mà có thể dẫn tới một xung đột lợi ích thực tế hoặc có thể thấy được. Những trường hợp này có thể là lợi ích kinh doanh hoặc lợi ích cá nhân trong vấn đề liên quan – dù là lợi ích kinh tế hay lợi ích khác – dù là lợi ích trực tiếp hay thông qua một người nào đó có mối quan hệ thân thiết. Chúng tôi sẽ thông báo ngay lập tức cho VSIP Hải Phòng khi nhận thấy có các xung đột lợi ích tiềm ẩn có thể phát sinh từ bất kỳ mối quan hệ nhân viên – nhà thầu nào.

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐỘT DẬP MOCHIZUKI VIỆT NAM



TỔNG GIÁM ĐỐC

Choki Masaharu

Số: 151 /NT-PC07

Hải Phòng, ngày 21 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 151/TD-PCCC ngày 02/7/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH.

Căn cứ văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 201/TD-PCCC ngày 16/8/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 01/HP-PCCC ghi ngày 01/6/2022 của Công ty TNHH công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật là ông: Masaaki Yoshida; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 18/7/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH.

Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình “Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam” với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Lô đất IN3-10*C, khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam.

Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty TNHH thiết bị phòng cháy chữa cháy Hải Phòng.

Đơn vị thi công: Công ty TNHH Shimizu Việt Nam và Công ty TNHH thương mại và dịch vụ phòng cháy chữa cháy Bách Khang.

Quy mô công trình: Khu đất có tổng diện tích 11.250m² gồm các hạng mục:

- Các nhà 01 tầng: Nhà chứa chất thải diện tích 76,8m², nhà phụ trợ sản xuất diện tích 198,9m², nhà để xe máy diện tích 215,1m², nhà để xe ô tô diện tích 61,7m².

- Nhà xưởng 02 tầng, diện tích 3.796m².

- Và các hạng mục phụ trợ (nhà vệ sinh, đường giao thông, cây xanh).

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

1. Bậc chịu lửa; Bố trí công năng và hạng nguy hiểm cháy nổ (Hạng C);

2. Đường giao thông phục vụ chữa cháy; Khoảng cách an toàn PCCC;
3. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Giải pháp thoát nạn;
4. Giải pháp chống tụ khói (hút khói cưỡng bức nhà xưởng, thông gió tự nhiên các hạng mục còn lại); Phương án chống sét;
5. Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống cấp nước chữa cháy (hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống chữa cháy trong và ngoài nhà);
6. Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí cho phòng điện; Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan về PCCC;
7. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
8. Phương tiện chữa cháy xách tay.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020;
- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

Ghi chú: Việc chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC không thay thế cho các tiêu chí về quy hoạch, cấp phép xây dựng mà chỉ là một trong những căn cứ để chủ đầu tư trình các cơ quan có thẩm quyền cấp phép đưa công trình vào hoạt động./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PC07 (Đ2).

TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Hoàng Văn Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ベトナム社会主義共和国

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc.

独立 – 自由 – 幸福

----- *** -----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHẾ LIỆU

有価廃棄物売買契約書

Số/No: 02. 2023/HĐKT/FIRST-MOCHZUKI-HB

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2015 年 11 月 24 日にベトナム社会主義共和国の国会によって制定され、2017 年 01 月 01 日に施行された民事法 No.91/2015/QH13 に基づく。

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.

2005 年 6 月 14 日にベトナム社会主義共和国の国会によって制定され、2006 年 01 月 01 日に施行された商業法 No.36/2005/QH11 に基づく。

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. 2020 年 11 月 17 日にベトナム社会主義共和国の国会によって制定され、2022 年 01 月 01 日より施行されている環境保護法 No. 72/2020/QH14 に基づく。

- Căn cứ nghị định số 08/2022/ ND- CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của thủ tướng chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường
政府が環境保護法にいくつかの規則を公布した 2022 年 01 月 10 日に法令第 08/2022/ ND-CP 号に基づく。

- Căn cứ vào nhu cầu, khả năng, điều kiện của ba bên.
3 社における需要、能力、条件に基づく。

Hôm nay, ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại Công ty Cổ Phần Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình, chúng tôi gồm:

本日、2023 年 1 月 16 日、Hoa Binh 産業廃棄物リサイクル&処理株式会社にて：

I. BÊN A: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐỘT DẬP MOCHIZUKI VIỆT NAM

A : MOCHIZUKI PRESS VIETNAM CO., LTD.

Địa chỉ • 住所 : Lô đất IN3-10*C, khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng
Land lot IN3-10*C, VSIP Hai Phong urban, industrial and service area, belonging to Dinh Vu - Cat Hai economic zone, Lap Le commune, Thuy Nguyen district, Hai Phong

Điện thoại • TEL : 02253869918

Tài khoản số • 口座 : 160314851017949

Tại ngân hàng・銀行 : Eximbank – CN Hải Phòng

Mã số thuế・税番号 : 0201288701

Người đại diện
代表者 : Mr. Choki Masaharu

Chức vụ : Tổng Giám đốc
役職 : 社長

**II. BÊN B: CÔNG TY CP XỬ LÝ TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH
B : HOA BINH INDUSTRIAL WASTE RECYCLING AND TREATMENT., JSC.**

Địa chỉ・住所 : Số 64 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội
No. 64 Pham Huy Thong, Ngoc Khanh ward, Ba Dinh district, Hanoi city

Địa chỉ giao dịch : B8-BT 06 Khu đô thị Việt Hưng, P Giang Biên, quận Long Biên, Hà Nội

Điện thoại・TEL : 024.38274399 Fax: 024.38729668

Tài khoản số・口座 : 118000113569

Tại ngân hàng・銀行 : Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thăng Long

Mã số thuế・税番号 : 0102963031

Người đại diện
代表者 : Ông ĐĂNG TRẦN ANH

Chức vụ : Giám đốc
役職 : 社長

**III. BÊN C: CÔNG TY TNHH MTV CƠ BẢN
C : FIRST CO., LTD.**

Địa chỉ・住所 : 6A đường Ngô Chí Quốc, khu phố 2, phường Bình Chiểu, Tp Thủ Đức,
Tp.HCM.
6A Ngô Chí Quốc St., Quarter 2., Binh Chieu ward, Thu Duc city.,
HCMC

Điện thoại・TEL : 028. 3729 4251 Fax: 028.3729 4253

Tài khoản số・口座 : 038.100.0417591

Tại ngân hàng・銀行 : Vietcombank - chi nhánh Thủ Đức
Vietcombank - Thu Duc Branch

Mã số thuế・税番号 : 0305895958

Người đại diện
代表者 : Mr. GO YASUHARU

Chức vụ : Giám đốc
役職 : 社長

Bên A, Bên B và Bên C, sau đây có thể được gọi riêng rẽ là “Bên” và gọi chung là “Các Bên”
A、B及びCは、個別に「各社」といい、あわせて「3社」という。
Cùng nhau thỏa thuận ký kết hợp đồng theo các điều khoản sau:
3社は以下の通り契約を締結する。

Điều 1: Nội dung hợp đồng

第1条：契約内容

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc thu mua phế liệu, phát sinh từ quá trình hoạt động của Bên A tại Nhà máy của CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐỘT DẬP MOCHIZUKI VIỆT NAM – Lô đất IN3-10°C, khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng với sự tiếp nhận, phối hợp, giám sát của Bên C cùng với Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng.

A は B に、住所：MOCHIZUKI PRESS VIETNAM CO., LTD に有る A の生産活動から発生する有価廃棄物の買取を依頼する。契約を履行中に B 及び C は互いに連携、観察し、調整する。

- 1.1 Danh mục phế liệu và đơn giá của từng loại được thể hiện chi tiết trong Phụ lục 1 Hợp đồng.
廃棄物の名目と単価は、契約書附則 No.1 に記載される。
- 1.2 Thời điểm chuyển rủi ro đối với phế liệu: kể từ thời điểm phế liệu được cân xong.
廃棄物のリクス移転時点：廃棄物の計量が完了した時点から移転される。

Điều 2: Thời hạn hợp đồng

第 2 条：契約期間

- 2.1 Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2023 đến ngày 1 tháng 02 năm 2024.
契約は 2023 年 2 月 1 日から 2024 年 2 月 1 日にかけて有効とする。
Hợp đồng có hiệu lực 1 năm, và sẽ tự động gia hạn khi đến thời hạn mà một trong ba bên không có bất cứ ý kiến về việc chấm dứt hợp đồng trước 30 ngày.
契約期間満了の 1 ヶ月（30 日間）前に 3 社のいずれかから意思表示が無ければさらに 1 年間更新するものとする。
- 2.2 Thời gian Bên B thực hiện thu gom phế liệu: Theo yêu cầu của Bên A. Trong vòng 3 ngày làm việc (trừ ngày lễ và ngày tết) kể từ ngày nhận thông báo của Bên A, hoặc bên C
回収時間：A の依頼に応じる。A 又は C の通知日から 3 日間以内に実施します。（祝日、祭日を除く）

Điều 3: Hình thức thanh toán

第 3 条：支払方法

- 3.1 Đại diện do Bên B chỉ định (bằng văn bản) ký nhận biên bản bàn giao phế liệu từ Bên A mỗi lần thu gom phế liệu. Đến cuối tháng Bên A gửi Bên C và Bên B đối chiếu ký xác nhận.
廃棄物回収時、B の受託者（書面で指定された）は A の廃棄物授受書類に署名する。
月末に A は廃棄物総合一覧を B 及び C に送り、B 及び C は確認してサイン承認する。
- 3.2 Vào ngày 15 của tháng liền kề kể từ ngày nhận được Hóa đơn VAT từ Bên A, Bên B thực hiện thanh toán cho Bên A (hoặc ngược lại bên A có thể sẽ phải thanh toán cho bên B) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên A (hoặc bên B) được chỉ định tại phần thông tin Các Bên đầu Hợp đồng. Trường hợp ngày 15 là thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, thì ngày thanh toán là ngày thứ hai đầu tuần, hoặc ngày đầu tiên sau kỳ nghỉ lễ.
A (または B) は B (または A) から VAT インボイスを受領した翌月 15 日に契約書で指定された銀行口座へ振り込みによって支払います。但し、支払日が土・日曜日または祝日の場合、これらの翌日とします。

Điều 4: Quyền - nghĩa vụ của ba bên

第 4 条：3 社の責務

4.1 Quyền - nghĩa vụ của Bên A

A の権限・責務：

- Phân loại các loại phế liệu thành từng loại tương ứng như quy định tại phụ lục nhằm hỗ trợ Bên B thu gom.
B の回収作業を支援するため、A が契約附則の規則通りに廃棄物分別を行う。
- Lập bảng thống kê phế liệu.
廃棄物総合一覧を作成するものとします。
- Xuất hóa đơn VAT cho Bên B tương ứng với giá trị Bên B phải thanh toán.
B の支払価格に応じて B にレッドインボイスを発行する。
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng
本契約書の規定通りに他の義務を遂行する。

4.2 Quyền- nghĩa vụ của Bên B:

Bの権限・責任：

- Tiến hành cân đo bằng công cụ/dụng cụ của Bên B, hoặc bên A
B又はAの計量器で計量します。
- Khi thu gom phế liệu tại bên A phải nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về an toàn, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường của bên A.
Aにて回収を行う際、A側の安全、防火、および環境衛生に関する規制を遵守しないといけません。
- Sắp xếp các loại phế liệu để quá trình cân được nhanh chóng, dễ dàng.
計測を速やかに実施する為に、各種廃棄物を整理する。
- Thực hiện việc thu gom phế liệu theo thời gian quy định của Bên A, thông tin từ Bên C.
Cからの情報に従い、Aが定めた時間通りに廃棄物回収を行う。
- Sắp xếp, chuyển phế liệu sau khi cân lên phương tiện vận chuyển và vận chuyển khỏi địa điểm thu gom nêu tại Điều 1.1.
本契約第1条1項に記載された収集場所から廃棄物をトラックに積載し、廃棄物を整理し運搬する。
- Xe và công nhân viên của Bên B khi ra vào nhà máy của Bên A phải chịu sự kiểm tra và thực hiện tốt nội quy của Bên A.
Bのトラック及び作業員はAの工場を出入する際、Aの社内規則を遵守しAの適切な検査の実施対象となる。
- Bên B có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh kho chứa của Bên A được sạch sẽ và để công cụ, dụng cụ đúng vị trí sau khi thu gom phế liệu.
回収後、BはAの倉庫を掃除し、整理整頓する。
- Bên B phải làm các thủ tục xuất khẩu phế liệu ra khỏi doanh nghiệp chế xuất giúp bên A mà không đòi hỏi bất kỳ 1 chi phí nào.
Bは、費用を請求せず輸出加工企業からスクラップを輸出するための手続きを実行する必要があります。
- Kết thúc buổi làm việc, đại diện bên B ký xác nhận vào “bảng tổng hợp bàn giao rác thải”, “giấy đề nghị mang hàng ra ngoài” do bên A lập để làm cơ sở theo dõi việc giao nhận hàng
回収作業完了後、重量を管理するため、Aから頂く「廃棄物受領証明書」及び「廃棄物の持ち出し依頼書」はB側が確認後に署名します。
- Thanh toán cho Bên A theo quy định tại Điều 3 Hợp đồng.
本契約書の第3条の規定通りにAに支払う。
- Các nghĩa vụ khác theo quy định Hợp đồng.
本契約書の規定通りに他の義務を遂行する。

4.3 Quyền - nghĩa vụ Bên C:

Cの権限・責任：

- Bên C nhận thông tin liên lạc khi thu mua phế liệu từ Bên A.
CはAから有価廃棄物買取に関して連絡情報を受け取る。
- Bên C thực hiện việc đàm phán giá cả thu mua phế liệu, đồng thời giám sát bên B thực hiện hợp đồng của Bên A.
Cは本契約内容に従いBを観察し、Aの有価廃棄物買取の価格交渉を実施する。
- Bên C cử đại diện cùng Bên B giám sát việc thu gom phế liệu tại Bên A. Giám sát việc tuân thủ các qui trình, qui định, nội qui, kiểm soát khối lượng bàn giao tại Bên A của công nhân Bên B trong quá trình tác nghiệp.
Bの作業管理者と協力しAの普通産業廃棄物回収及び有価廃棄物回収の監視を実施する。
Aの社内規則を遵守し、Aから回収する廃棄物重量の確認工程においてBの作業員を監視する。

Điều 5: Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp đồng

第5条：罰則及び契約賠償

- 5.1 Bồi thường thiệt hại: Trường hợp Bên B, Bên C vi phạm Hợp đồng dẫn đến thiệt hại cho Bên A

và ngược lại thì Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho Bên Bị thiệt hại với mức bồi thường bằng giá trị thiệt hại thực tế của Bên Bị thiệt hại. Trường hợp Bên B, Bên C vi phạm hai bên sẽ liên đới trách nhiệm trong bồi thường.

損害賠償：A、B及びCのどちらかが本契約内容に違反し、違反された側が損害を受けた場合、実際の損害額に等しい損害を賠償しなければなりません。B及びCのどちらとも違反した場合、共同で賠償責任を負います。

Điều 6: Trách nhiệm xã hội

第6条：社会的責任

Bên B và Bên C cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội trong việc cung cấp hàng hóa và/hoặc dịch vụ cho Bên A, tuân thủ mọi luật và quy định hiện hành trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn, pháp luật về cấm lao động cưỡng bức, lao động lệ thuộc, buôn người, lao động trẻ em và phân biệt đối xử (bao gồm lao động và điều kiện lao động), bảo vệ môi trường, luật cạnh tranh và luật chống độc quyền, chống hối lộ, sức khỏe và an toàn lao động, quốc gia cấm vận và xung đột khoáng sản. Bên B, Bên C cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức cao trong thực tiễn kinh doanh mọi lúc.

B及びCはAにサービス又は商品を提供時に社会責任を果たすことを確約し、本契約書の通りに各義務及び現行法を遵守する。強制労働、債務労働、人身売買、児童労働及び差別（労働及び労働条件を含む）、環境保護、競争法と独占禁止法、贈収賄防止、労働安全衛生、制限国及び鉱物紛争等を含むがこれらに限定されない。Bはサービス提供時に道徳基準を遵守する。

Điều 7: Bảo mật

第7条：極秘

7.1 Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

各社は本契約期間中および本契約の満了後も、相手側から受領した全情報の機密保持に努めるものとし、この情報の機密性を維持するために必要なすべての措置を取る必要があります。

7.2 Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kỳ thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

各社は本契約に関する情報を貴重な機密情報として扱い、各社の社員も相手側の書面による同意がない場合はいかなる情報も第三者へ漏洩しない事を保障します。

Điều 8: Điều khoản chung

第8条：共通条項

8.1 Các Bên Cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký, nếu có phát sinh thêm chủng loại phụ liệu cần bổ sung vào danh mục Các Bên sẽ cùng nhau thảo luận và được thể hiện qua các phụ lục hợp đồng.

3社は、本契約書の記載事項を十分に遂行することを確約する。本契約書記載事項に変更および追記事項が発生した際は、3社は相談して、契約附則で定めること。

8.2 Hợp đồng này được điều chỉnh bởi và được giải thích tất cả các khía cạnh theo Luật Việt Nam.

本契約は、ベトナム法に準拠し、ベトナム法に従って解釈される。

8.3 Các Bên Cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng. Trường hợp này sinh nghi vấn, bất đồng ý kiến về các điều khoản nêu ra tại hợp đồng này thì các Bên phải kịp thời thông báo bằng văn bản và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở bình đẳng tôn trọng lẫn

nhau (có lập biên bản ghi toàn bộ nội dung đó). Trong trường hợp không tự giải quyết được thì Các Bên đồng ý Tòa án có thẩm quyền sẽ là nơi phân xử cuối cùng. Mọi chi phí về kiểm tra, xác minh và lệ phí tòa án do bên thua chịu.

3社は契約履行の進捗状況をお互いに連絡する。本契約に関して問題が発生した場合、3社にて相互尊重の下、協議し解決する（協議内容は書面に記録する）。また、3社にて解決できない場合は、管轄する裁判所へ審議を委ね、有した経費は敗者が負担する。

- 8.4 Khi Các Bên ký kết Phụ lục hợp đồng thì nội dung của Phụ lục hợp đồng cũng có giá trị tương đương như các nội dung của bản hợp đồng này.

本契約書に付随する契約附則は、本契約書と同等の効力を有する。

- 8.5 Trường hợp A hoặc B muốn chấm dứt hợp đồng thì phải báo trước cho bên còn lại bằng văn bản trước 1 tháng.

A及びBは、1か月前までに相手方に書面をもって通知することにより、本契約を解約することができるものとする。

- 8.6 Hợp đồng này được lập thành 03 bản song ngữ Việt-Nhật, mỗi Bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

本契約書は日本語とベトナム語の2カ国語で03部作成され、03部とも同等の価値を有する。A、B及びCは各01部ずつを保有する。

Dại Diện Bên A

Aの代表

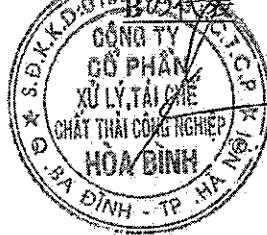


TỔNG GIÁM ĐỐC

Choki Masaharu

Dại Diện Bên B

Bの代表

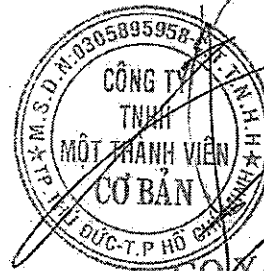


GIÁM ĐỐC

Dặng Trần Anh

Dại Diện Bên C

Cの代表



GOYASU HARU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ベトナム社会主義共和国

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc.

独立 – 自由 – 幸福

----- *** -----

HỢP ĐỒNG

契約書

**THU GOM, VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG, CHẤT THẢI NGUY HẠI**

普通産業廃棄物、有害廃棄物回収・運搬・保管・処理に関して

Số/No: Q/Δ.-2023/HĐKT/MOCHIZUKI- HB

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội thông qua, có hiệu lực ngày 01/01/2017.
国会で可決され 2017 年 1 月 1 日に施行された民事法 No. 91/2015/QH13 に基づく。
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015.
2015 年 07 月 01 日に施行された事業法 No. 68/2014/QH13 に基づく。
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.
2020 年 11 月 17 日にベトナム社会主義共和国の国会によって制定され、2022 年 01 月 01 日より施行されている環境保護法 No. 72/2020/QH14 に基づく。
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường.
2022 年 01 月 10 日付けの環境保護に関する法律 No.08/2022/NĐ_CP に基づく。
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường.
2022 年 01 月 10 日、資源環境局より公布された有害廃棄物管理に関する通達 No.02/2022/TT-BTNMT に基づく。
- Căn cứ vào năng lực và nhu cầu hai bên.
両社の需要に基づく。

Hôm nay, ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại Công ty Cổ Phần Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình, chúng tôi gồm:

本日、2023 年 1 月 16 日、Hoa Binh 産業廃棄物リサイクル&処理株式会社にて：

I. BÊN A: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐÓT DẬP MOCHIZUKI VIỆT NAM

A : MOCHIZUKI PRESS VIETNAM CO., LTD.

Địa chỉ・住所

Lô đất IN3-10*C, khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng

: Land lot IN3-10*C, VSIP Hai Phong urban, industrial and service area, belonging to Dinh Vu - Cat Hai economic zone, Lap Le commune, Thuy Nguyen district, Hai Phong

Điện thoại • TEL : 02253869918

Tài khoản số • 口座 : 160314851017949

Tại ngân hàng • 銀行 : Eximbank – CN Hải Phòng

Mã số thuế • 税番号 : 0201288701

Người đại diện
代表者 : Mr. Choki Masaharu

Chức vụ : **Tổng Giám đốc**
役職 : 社長

II. BÊN B: CÔNG TY CP XỬ LÝ TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH
B : HOA BINH INDUSTRIAL WASTE RECYCLING AND TREATMENT., JSC.

Địa chỉ • 住所 : Số 64 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội
No. 64 Pham Huy Thong, Ngoc Khanh ward, Ba Dinh district, Hanoi city

Địa chỉ giao dịch : B8-BT 06 Khu đô thị Việt Hưng, P Giang Biên, quận Long Biên, Hà Nội

Điện thoại • TEL : 024.38274399 Fax: 024.38729668

Tài khoản số • 口座 : 118000113569

Tại ngân hàng • 銀行 : Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thăng Long

Mã số thuế • 税番号 : 0102963031

Người đại diện
代表者 : Ông GO YASUHARU

Chức vụ: **Phó Giám đốc**
役職: **Deputy Director**

• Theo giấy ủy quyền số 011222/HB-UQ ngày 01 tháng 12 năm 2022 do Ông Đặng Trần Anh ủy quyền ông GO YASUHARU làm phó giám đốc về việc ký kết các hợp đồng với khách hàng.

Mr. DANH TRAN ANH より Mr.Go Yasuharu を副社長および顧客との契約締結を委任する 2017 年 10 月 12 日に発行された委任状 No. 011222/HB-UQ に基づく。

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, với các nội dung sau đây:

両社は交渉後、普通産業廃棄物、有害廃棄物の回収・運搬・保管・処理契約に関して以下の通り締結することに同意した。:

ĐIỀU I. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

第 I 条：対象及び契約期間

1. Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại (Sau đây gọi tắt là chất thải) phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu chứa chất thải Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải của Bên B.

A の生産稼働から発生した普通産業廃棄物、有害廃棄物（省略：廃棄物）を A の廃棄物保管場所から B の廃棄物保管・処理場所まで、A は B のサービスを使用して B が回収・運搬・保管・処理を実施することを同意する。

2. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2023 đến ngày 1 tháng 02 năm 2024.

契約は 2023 年 2 月 1 日から 2024 年 2 月 1 日にかけて有効とする。

Hợp đồng có hiệu lực 1 năm, và sẽ tự động gia hạn khi đến thời hạn mà một trong ba bên không có bất cứ ý kiến về việc chấm dứt hợp đồng trước 30 ngày.

契約期間満了の 1 ヶ月（30 日間）前に 3 社のいずれかから意思表示が無ければさらに 1 年間更新するものとする。

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

第2条：廃棄物授受場所及び運搬

1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại nơi lưu giữ chất thải Nhà máy của CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐỘT DẬP MOCHIZUKI VIỆT NAM – Lô đất IN3-10*C, khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng

回収場所: MOCHIZUKI PRESS VIETNAM CO., LTD の廃棄物の保管場所。

2. Thời gian giao nhận: theo sự thống nhất của hai bên.

回収時間：両社の交渉より決定する

3. Phương tiện vận chuyển: Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi vấn đề liên quan đến phương tiện và đảm bảo các phương tiện đáp ứng theo đúng quy định của pháp luật môi trường.

運搬手段：B は運搬車両に関する各問題について全責任を負い、各車両が環境法にある要件を満たす事を確約します。

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

第3条：サービス価格及び決済方法：

1. Đơn giá cụ thể và hình thức thanh toán theo phụ lục đính kèm Hợp đồng này.

具体的な単価および支払い方法は、本契約に添付されている契約附則に従います。

2. Đơn giá dịch vụ sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản và điều chỉnh bằng phụ lục hợp đồng.

市場の変化が起きる場合は、両社の書面による交渉及び合意によりサービス価格が調整され、契約附則で定める事とする。

3. Vào ngày 15 của tháng liền kề kể từ ngày nhận được Hóa đơn VAT từ Bên A, Bên B thực hiện thanh toán cho Bên A (hoặc ngược lại bên A có thể sẽ phải thanh toán cho bên B) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên A (hoặc bên B) được chỉ định tại phần thông tin Các Bên đầu Hợp đồng. Trường hợp ngày 15 là thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, thì ngày thanh toán là ngày thứ hai đầu tuần, hoặc ngày đầu tiên sau kỳ nghỉ lễ.

A (hoặc B) là B (hoặc A) から VAT インボイスを受領した翌月 15 日に契約書で指定された銀行口座へ振り込みによって支払います。但し、支払日が土・日曜日または祝日の場合、これらの翌日とします。

4. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản của các bên như đã nêu ở trên.

決済方法：上記に記載された通り当事者の口座に振り込みます。

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

第4条：A の責任及び権限

1. Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo ĐIỀU 3 của Hợp đồng.

本契約の第3条に従い A は B に期間内に決済する義務を有する。

2. Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, các tài liệu về thu gom và quản lý chất thải, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu Bên A có sử dụng loại chứng từ đặc biệt).

A は廃棄物の各書類（発生元証明書、廃棄物管理・回収に関する各書類、廃棄物授受記録書のフォーム（A が特別な書類を使用する場合）などを含む）を B に提供する責任を有する。

3. Bên A có trách nhiệm bàn giao chất thải theo đúng quy định về lưu giữ chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường.

A は資源環境省の通達 No. 02/2022/TT-BTNMT の規則に準じて有害廃棄物を保管し廃棄物を引き渡す責任を有する。

4. Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải tại cơ sở phát sinh chất thải bên A và đóng gói theo đúng quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

B に引き渡す前に、A は廃棄物管理・運搬・処理業務が円滑に進むようにするため法律に従い A の廃棄物発生場所から回収、分別、梱包する責任を有する。廃棄物の成分が変更する場合、A は即座に解決するため、事前に B に通知し処理費に関し適宜調整すること。

5. Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc thu gom và vận chuyển chất thải trong phạm vi của Bên A.

A の活動範囲内で廃棄物回収・運搬業務に関し B へ協力します。

6. Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

A は契約に基づく支払いや情報確認の為、廃棄物回収・運搬・処理される重量を確認する担当者を配置します。

7. Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

A は廃棄物の軽量・運搬・処理する過程を検査及び監視する権利を有する、この権利は B の生産活動に影響を与えてはいけません。

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

第 5 条 : B の責任及び権限

1. Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường và Hợp đồng này và cung cấp đầy đủ hồ sơ năng lực, giấy phép xử lý cho Bên A.

B は資源環境省の通達 No. 02/2022/TT-BTNMT 及び本契約の規則に準じ廃棄物の回収・運搬・処理に関する責任を有し、処理ライセンス及び十分な関係書類を A に提出します。

2. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A, Bên B có trách nhiệm bố trí phương tiện, thời gian và công nhân bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển. Bên B có trách nhiệm đảm bảo phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại là phương tiện được ghi trong Giấy phép xử lý chất thải nguy hại. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm pháp lý đối với chất thải kể từ khi chất thải được bốc xếp lên phương tiện của Bên B và ra khỏi công nhà máy của Bên A.

A の回収依頼を受けて 02 日間以内に B は運搬手段、時間、作業員を手配します。B は配置する運搬車両が有害廃棄物処理ライセンスに登録してある車両に属する事を確約する。B は B の車両に廃棄物を荷積みして A の正門を出た後の廃棄物に対して全法的責任を有する。

3. Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

A と協力して契約に基づく支払いや情報確認の為、回収・運搬される廃棄物重量を確認します。

4. Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

B là xử lý quá trình trong đó xảy ra vấn đề thì A có trách nhiệm thông báo bằng văn bản để thông báo.

5. Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường và bàn giao lại các liên chứng từ gốc cho Bên A lưu trữ.

B là cơ quan môi trường của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT theo quy định, có trách nhiệm thực hiện các thủ tục liên quan đến việc xử lý chất thải nguy hại và lưu trữ các tài liệu liên quan.

6. Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không được ghi nhận trong hợp đồng xử lý thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và sẽ bổ sung bằng các phụ lục hợp đồng.

B là chất thải của một hoặc tất cả các chất thải liên quan đến việc xử lý chất thải nguy hại được ghi nhận trong hợp đồng xử lý. Hai bên đã thỏa thuận và đồng ý về việc xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

7. Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của Bên A không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật, hoặc Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

Hiện hành pháp luật quy định về việc xử lý chất thải nguy hại, hai bên đã thỏa thuận và đồng ý về việc xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

8. Cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội trong việc cung cấp hàng hóa và/hoặc dịch vụ cho Bên A, tuân thủ mọi luật và quy định hiện hành trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn, pháp luật về cấm lao động cưỡng bức, lao động lệ thuộc, buôn người, lao động trẻ em và phân biệt đối xử (bao gồm lao động và điều kiện lao động), bảo vệ môi trường, luật cạnh tranh và luật chống độc quyền, chống hối lộ, sức khỏe và an toàn lao động, quốc gia cấm vận và xung đột khoáng sản. Bên B cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức cao trong thực tiễn kinh doanh mọi lúc.

B là A cung cấp dịch vụ hoặc hàng hóa cho Bên A theo đúng quy định của pháp luật và cam kết thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn, pháp luật về cấm lao động cưỡng bức, lao động lệ thuộc, buôn người, lao động trẻ em và phân biệt đối xử (bao gồm lao động và điều kiện lao động), bảo vệ môi trường, luật cạnh tranh và luật chống độc quyền, chống hối lộ, sức khỏe và an toàn lao động, quốc gia cấm vận và xung đột khoáng sản. Bên B cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức cao trong thực tiễn kinh doanh mọi lúc.

9. Xe và công nhân viên của Bên B khi ra vào nhà máy của Bên A phải chịu sự kiểm tra và thực hiện đúng nội quy của Bên A cũng như đại diện giám sát do bên A ủy quyền.

B là xe tải và nhân viên của Bên B khi ra vào nhà máy của Bên A phải chịu sự kiểm tra và thực hiện đúng nội quy của Bên A cũng như đại diện giám sát do bên A ủy quyền.

ĐIỀU 6. BẢO MẬT

Điều 6: Mật

1. Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

Hai bên đã thỏa thuận và đồng ý về việc xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

2. Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kì thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

両社は本契約に関する情報を貴重な機密情報として扱い、両社の社員も相手側の書面による同意がない場合はいかなる情報も第三者へ漏洩しない事を保障します。

ĐIỀU 7. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

第7条：契約変更及び解除

1. Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

本契約及び契約附則（ある場合）は両社の書面による合意により変更できます。

2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

本契約は下記のような場合に終了します：

- Hợp đồng hết hạn;

契約満了

- Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;

両社が書面で契約解約に同意

- Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo đến Bên A nếu Bên A không thanh toán phí dịch vụ theo đúng quy định tại ĐIỀU 3 trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ khi nhận được thông báo đề nghị thanh toán của Bên B.

第3条に記載された規定により A が B から請求書を受領した日から 30 日以内に費用の支払いをしない場合、B は A へ直ちに契約解約を通知する権利を有する。

ĐIỀU 8. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

第8条：紛争解決

1. Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

本契約または本契約に関連して生じるすべての紛争、矛盾、苦情は、両社が相互尊重の下協力し解決します。

2. Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết. Bên có lỗi phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại Tòa.

両社の協議によって解決できない場合、ベトナムの管轄する人民裁判所へその紛争、矛盾、苦情の審議をゆだね、敗者が有した経費を負担します。

ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG

第9条：不可抗力

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

不可抗力とは契約当事者の合理的な支配を超えた予想できない又は克服できない事件である。例：地震、津波、地滑り、火災、戦争、その他の予期せぬ災害、政策の変更、ベトナム当局による禁止などの問題

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

不可抗力が原因でどちらかの一方が義務を遂行できないことを理由に、相手側は契約を解約することはできません。但し、不可抗力の影響を受けた側は下記の様に努める義務を有する：

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

不可抗力が発生した後、07 日以内に不可抗力の詳細について相手側へすぐ通知します。

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

不可抗力から発生した影響を最小限に抑えるために必要な予防策を講じます。

3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

不可抗力が発生した際、当契約の履行期間は不可抗力の発生により当契約の義務を遂行できない期間と同様の期間を延長することができます。

ĐIỀU 10. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

第 10 条：一般条件

- Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.

両社は本契約の進捗状況についてお互いに共有し、解決が必要な問題があれば両社は速やかに書面で互いに連絡を取り合い、両当事者の利益を確保するための交渉に基づいて積極的に議論し、解決します。

- Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản tiếng Việt - tiếng Nhật. Mỗi bên giữ một (01) bản tiếng Việt - tiếng Nhật và có cùng giá trị như nhau.

本契約書はベトナム語と日本語の2カ国語で02部作成され、各社が01部を保管し、全て同等の価値を有する。

ĐẠI DIỆN BÊN A

A の代表



TỔNG GIÁM ĐỐC

Choki Masaharu

ĐẠI DIỆN BÊN B

B の代表



GO YASUHARU



10 20 30 40 50 60 70 80 90 100 110 120 130 140 150 160 170 180 190 200 210 220 230 240 250 260 270 280 290 300 310 320 330 340 350 360 370 380 390 400 410 420 430 440 450 460 470 480 490 500 510 520 530 540 550 560 570 580 590 600 610 620 630 640 650 660 670 680 690 700 710 720 730 740 750 760 770 780 790 800 810 820 830 840 850 860 870 880 890 900 910 920 930 940 950 960 970 980 990 1000

10 20 30 40 50 60 70 80 90 100 110 120 130 140 150 160 170 180 190 200 210 220 230 240 250 260 270 280 290 300 310 320 330 340 350 360 370 380 390 400 410 420 430 440 450 460 470 480 490 500 510 520 530 540 550 560 570 580 590 600 610 620 630 640 650 660 670 680 690 700 710 720 730 740 750 760 770 780 790 800 810 820 830 840 850 860 870 880 890 900 910 920 930 940 950 960 970 980 990 1000

10 20 30 40 50 60 70 80 90 100 110 120 130 140 150 160 170 180 190 200 210 220 230 240 250 260 270 280 290 300 310 320 330 340 350 360 370 380 390 400 410 420 430 440 450 460 470 480 490 500 510 520 530 540 550 560 570 580 590 600 610 620 630 640 650 660 670 680 690 700 710 720 730 740 750 760 770 780 790 800 810 820 830 840 850 860 870 880 890 900 910 920 930 940 950 960 970 980 990 1000

10 20 30 40 50 60 70 80 90 100 110 120 130 140 150 160 170 180 190 200 210 220 230 240 250 260 270 280 290 300 310 320 330 340 350 360 370 380 390 400 410 420 430 440 450 460 470 480 490 500 510 520 530 540 550 560 570 580 590 600 610 620 630 640 650 660 670 680 690 700 710 720 730 740 750 760 770 780 790 800 810 820 830 840 850 860 870 880 890 900 910 920 930 940 950 960 970 980 990 1000

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
-----o0o-----

Số/No. OHG (JP) - MPV01

Ngày 01 tháng 07 năm 2015
July, 01st 2015

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v mua bán phế liệu đồng

CONTRACT

Ref: purchasing of wire scraps

- Căn cứ Bộ luật Dân sự và Luật thương mại đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.
Pursuant to the law on Civil and Trade issued by National Assembly of Socialist Republic of Vietnam dated June 14th, 2005 and became valid since January 01st, 2006.

ĐẠI DIỆN HAI BÊN GỒM:

REPRESENTATIVE OF TWO PARTIES:

BÊN A/ PARTY A	: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐỘT DẬP MOCHIZUKI VIỆT NAM <i>MOCHIZUKI PRESS VIET NAM CO., LTD</i>
Địa chỉ/ Address	: NX D4, lô đất IL 08 - IL 10 và IL 18 - IL 20 (P1-SP1), Khu ĐT, CN & DV VSIP HP, Thủy Nguyên, Hải Phòng, Việt Nam. <i>Workshop D4, Land lot IL08 ~ IL10 and IL18 ~ IL20 (P1 - SP1), VSIP Hai Phong Township, Industrial and Service Park, Thuy Nguyen, Hai Phong, Vietnam.</i>
Điện thoại/ Tel no.	: (+84) 2253869918
Fax/ Fax no.	: (+84) 2253869919
MST/ Tax Code	: 0201288701
Tài khoản NH/ Bank Account	: A/C No.: (USD) 160314851017952 CIP BANK: Swift Code: EBVIVNVXHPH NAME A/C: Mochizuki Press Vietnam Co.,Ltd
Tại NH/ At Bank	: Eximbank – Hai Phong Branch

Đại diện bởi/ Rep.	: Ông/Mr. Masaaki Yoshida
Chức danh/ Title	: Tổng Giám Đốc/ Genaral Director

BÊN B/ PARTY B	: OHGITANI CORPORATION
Địa chỉ/ Address	: 3 -7 Tosabori 1- Chome Nishi-ku Osaka, 550-0001, Japan
Điện thoại/ Tel no.	: (06) 6444 - 1526
Fax/ Fax no.	: (06) 6444 - 4930
Đại diện bởi/ Rep.	: Ông/Mr. NireoTakahashi
Chức danh/ Title	: Tổng Giám Đốc/ Genaral Director

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

After discussing, both parties agreed to sign Service Contract with terms and conditions as follows:

ĐIỀU 1/ ARTICLE 1

NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG/ CONTENTS AND DURATION OF THE CONTRACT

1.1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG/ CONTENTS OF THE CONTRACT

- Bên A đồng ý bán và Bên B đồng ý mua phế liệu đồng (sau đây gọi tắt là phế liệu) của Bên A.
Party A agree to sell and Party B agree to buy the copper scrap (hereafter call scrap) of Party A.

1.2. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG/ CONTRACT DURATION

- Hợp đồng có giá trị từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.
This contract is valid from the signed date to Dec 31th, 2025.

ĐIỀU 2/ ARTICLE 2

DANH MỤC PHẾ LIỆU, SỐ LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ/ KINDS OF SCRAP, PRICE AND QUANTITY

2.1. DANH MỤC PHẾ LIỆU/ KINDS OF SCRAPS

- Danh mục được thể hiện bằng báo giá đính kèm.

The list of scrap is shown in quotation.

ĐIỀU 3/ ARTICLE 3

ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN/ TERM FOR PAYMENT

- Việc thanh toán được thực hiện bằng Đồng USD theo phương thức chuyển khoản, chi phí chuyển khoản Bên B chịu.
Payment is performed by bank transferring in USD. Bank transfer fee is covered by Party B.
- Bên B thanh toán cho Bên A tổng số tiền mua phế liệu được ghi trên hóa đơn trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.
Party B pay to party A the amount of purchasing scrap showed in invoice within the first 10 days of the next month.

ĐIỀU 4/ ARTICLE 4

TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN/ RESPONSIBILITIES OF TWO PARTIES

4.1. TRÁCH NHIỆM CỦA PARTY A/ PARTY A's RESPONSIBILITY

- Phân loại, dán nhãn rõ ràng từng loại phế liệu và tập trung về nơi lưu trữ riêng biệt để bảo đảm an toàn và thuận lợi cho việc thu gom.
Separate and label clearly for each scrap and store them in a special place to ensure that it is safe and convenient for the collecting.
- Hỗ trợ phương tiện bốc dỡ phế liệu lên xe của Bên B.
Support the forklift truck to lift the scrap to the lorry of party B.
- Thông báo cho Bên B số lượng phế liệu cần thu gom và xử lý trước 2 ngày làm việc.
Notify to party B about the amount of scrap that need to be collected and treated before 02 working days.

4.2. TRÁCH NHIỆM CỦA PARTY B/ PARTY B's RESPONSIBILITY

- Đảm bảo có chế độ giám sát mọi hoạt động, cũng như đảm bảo và chịu trách nhiệm về an toàn lao động của nhân viên khi làm việc tại bên A.
Have to ensure supervise monitor all activities, as well as ensure and responsible for labour safety of worker when they work at party A.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về những sai phạm phát sinh (nếu có) trong việc vận chuyển phế liệu sau khi đã nhận chuyển giao từ bên A và chịu bồi thường 100% thiệt hại cho những thiệt hại (nếu có) do những sự cố phát sinh bởi lỗi của bên B trong quá trình làm việc tại bên A.
Party B has total responsibilities about mistakes arising (if happen) during transporting process of party A waste, refund property 100% for damages (if happen) by party B's fault during working at party A's factory.
- Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin liên quan đến hàng phế liệu bên A giao cho bên B.
Party B shall be liable for shall keep confidential any information related to the Scrap received from Party A.
- Thanh toán toàn bộ kinh phí cho Bên A đúng thời hạn theo Điều 3 của hợp đồng này.
Paying fully expenditure to party A on time following Article 3 of this contract.
- Chịu trách nhiệm thủ tục, chi phí khai hải quan và các thủ tục, chi phí cơ quan ban ngành khác có liên quan.
Paying fully expenditure for conduct Customs clearance and other necessary paper work if related.

ĐIỀU 5/ ARTICLE 5

ĐIỀU KHOẢN CHUNG/ GENERAL CONDITIONS

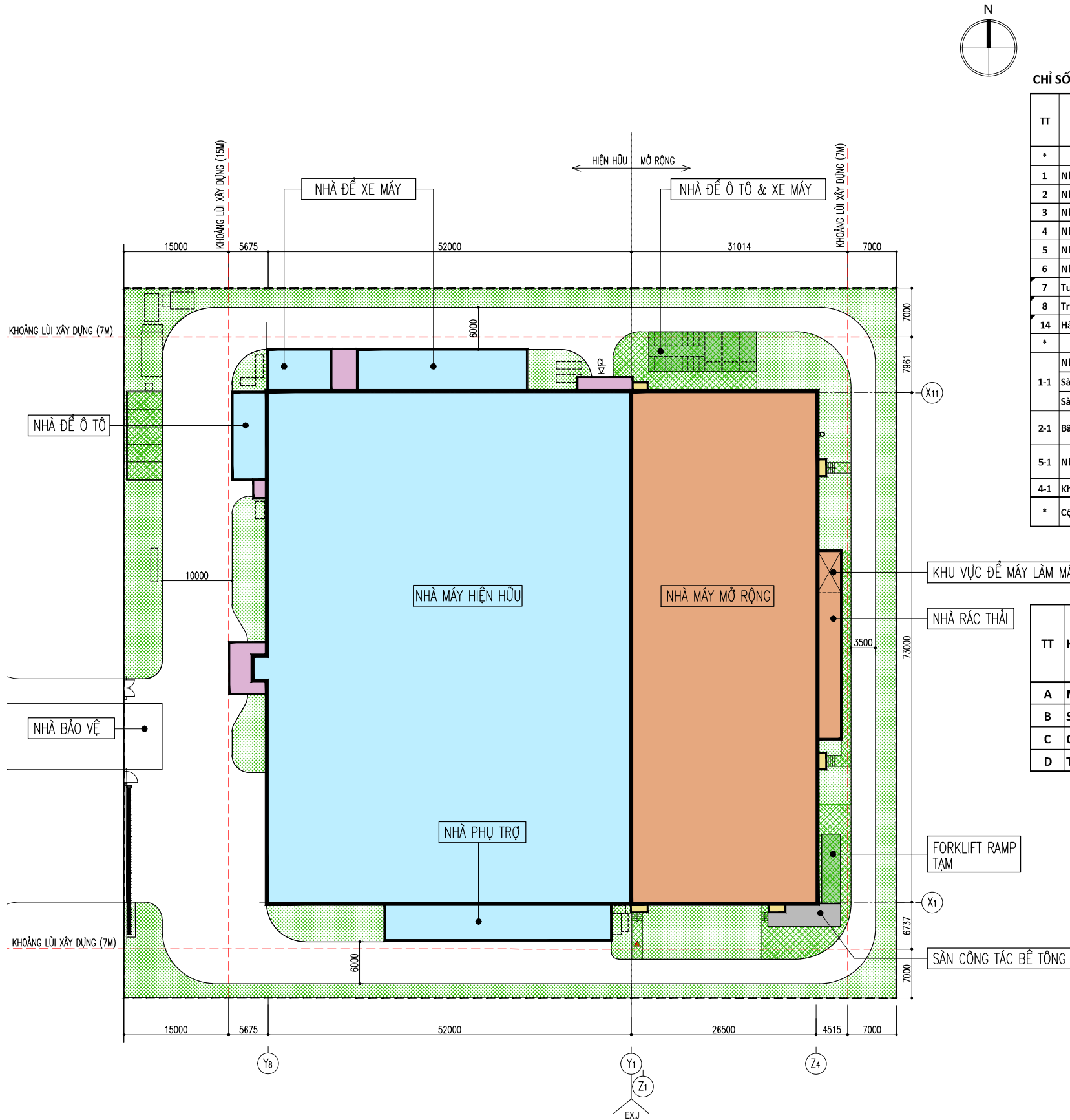
- Trong trường hợp cần thay đổi về đơn giá hoặc các điều khoản trong hợp đồng thì phải được sự đồng thuận của hai bên, thể hiện bằng phụ lục hợp đồng được ký bởi hai bên.
In the case of changing the provisions in the contract, it has to be agreed by both parties and written in appendix of the contract which is signed by both parties.
- Hợp đồng này được xem như bản thanh lý của chính nó sau khi hai bên thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng. Hợp đồng này hết hiệu lực trong trường hợp một bên đề nghị chấm dứt thì phải thông báo bằng văn bản cho bên còn lại ít nhất trước 60 ngày.
This contract will be itself liquidation after both parties have been performed completely all clauses in the signed contract. This contract may be terminated when one party sends a written notice to the other party at least 60 days in advance.
- Hợp đồng được lập thành 02 bản song ngữ (Anh – Việt) và có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản để căn cứ thực hiện.
The contract is signed by both parties in 02 copies of bilingual languages (English and Vietnamese) with the similar legal value. Each party keeps 01 copy for the basis of implementation.

ĐẠI DIỆN BÊN A
FOR PARTY A

MASA AKI YOSHIDA
TỔNG GIÁM ĐỐC
Masaaki Yoshida

ĐẠI DIỆN BÊN B
FOR PARTY B

Nireo Takahashi
NIREO TAKAHASHI

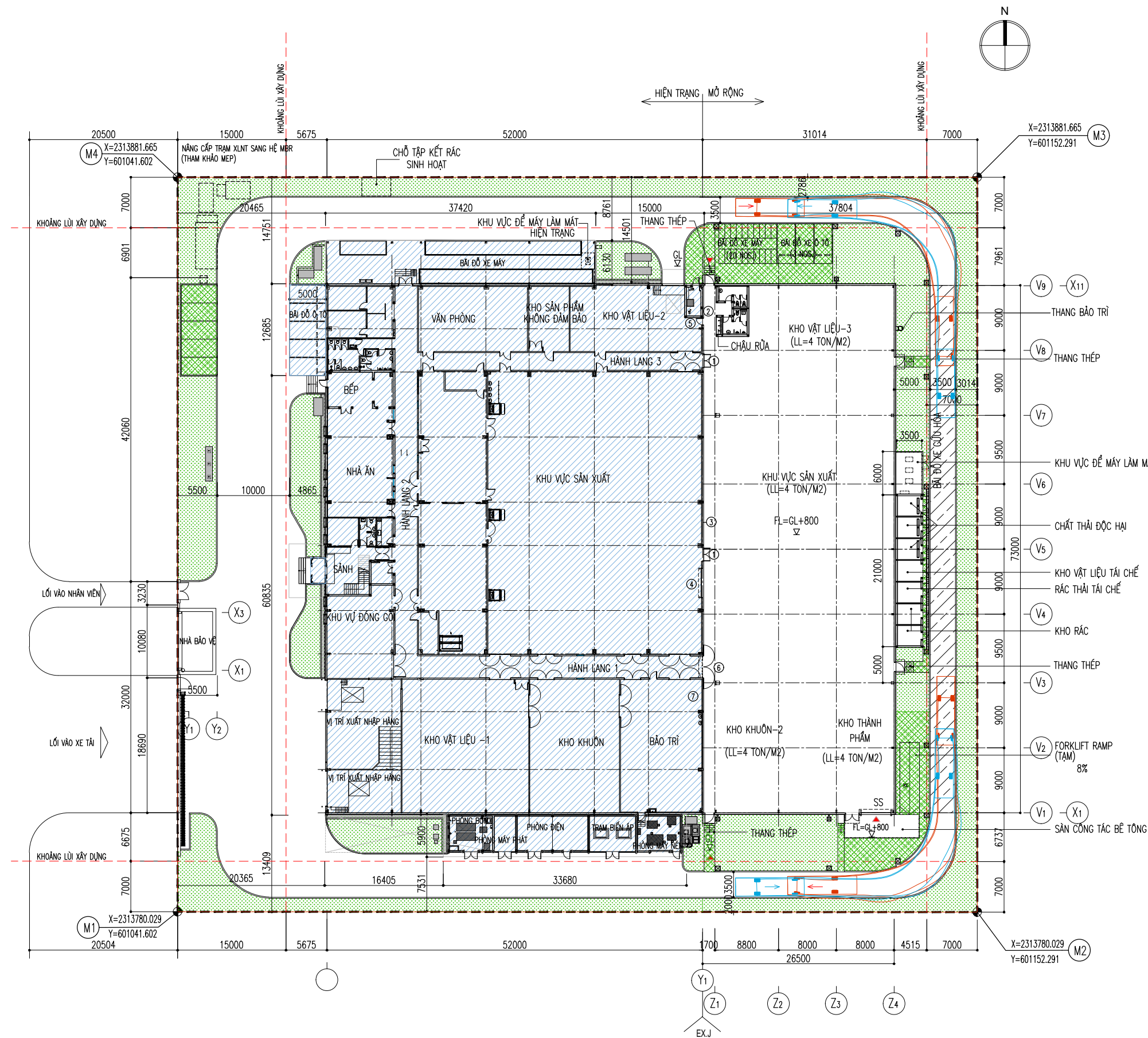


CHỈ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (GD1 + GD2)

TT	Hạng mục XD	GD 1 (Hiện Hữu)			GD 1 + GD 2 (Mở rộng)			Ghi chú
		DTXD (m2)	Mái đón (m2)	DT tính mật độ XD (m2)	DTXD (m2)	Mái đón (m2)	DT tính mật độ XD (m2)	
*	HẠNG MỤC XD HIỆN HỮU							
1	Nhà Xưởng Chính	3,852.87	126.50	3,979.37	3,852.87	76.03	3,852.87	Mái đón không tính trong MĐXD
2	Nhà xe Máy	229.40	0.00	229.40	229.40	0.00	229.40	Mái đón không tính trong MĐXD
3	Nhà xe Ô tô	63.43	0.00	63.43	63.43	0.00	63.43	Mái đón không tính trong MĐXD
4	Nhà phụ trợ	170.86	28.04	198.90	170.86	28.04	198.90	
5	Nhà rác thải	112.60		112.60	0.00		0.00	Tháo dỡ
6	Nhà bảo vệ	55.44		55.44	55.44		0.00	Không tính trong MĐXD
7	Tường Logo	2.64		2.64	2.64		2.64	Giữ nguyên hiện trạng
8	Trụ cờ	4.81		4.81	4.81		4.81	Giữ nguyên hiện trạng
14	Hàng rào	93.43		93.43	93.43		93.43	Giữ nguyên hiện trạng
*	HẠNG MỤC XD MỚI (MỞ RỘNG)					0.00		
	Nhà Xưởng Chính (phần mở rộng)				1,966.13	0.00	1,966.13	
1-1	Sân công tác (bê tông)				35.70	0.00		Không tính trong MĐXD
	Sân bê tông 1,2,3,4,5				7.50	0.00		Không tính trong MĐXD
2-1	Bãi đỗ xe máy & xe ô tô				96.00			Kết cấu tạm
5-1	Nhà rác thải (xây lại)				79.44		79.44	
4-1	Khu vực để máy làm mát				22.41			
*	Cộng	4,585.48	154.54	4,740.02	6,576.56	104.07	6,491.05	

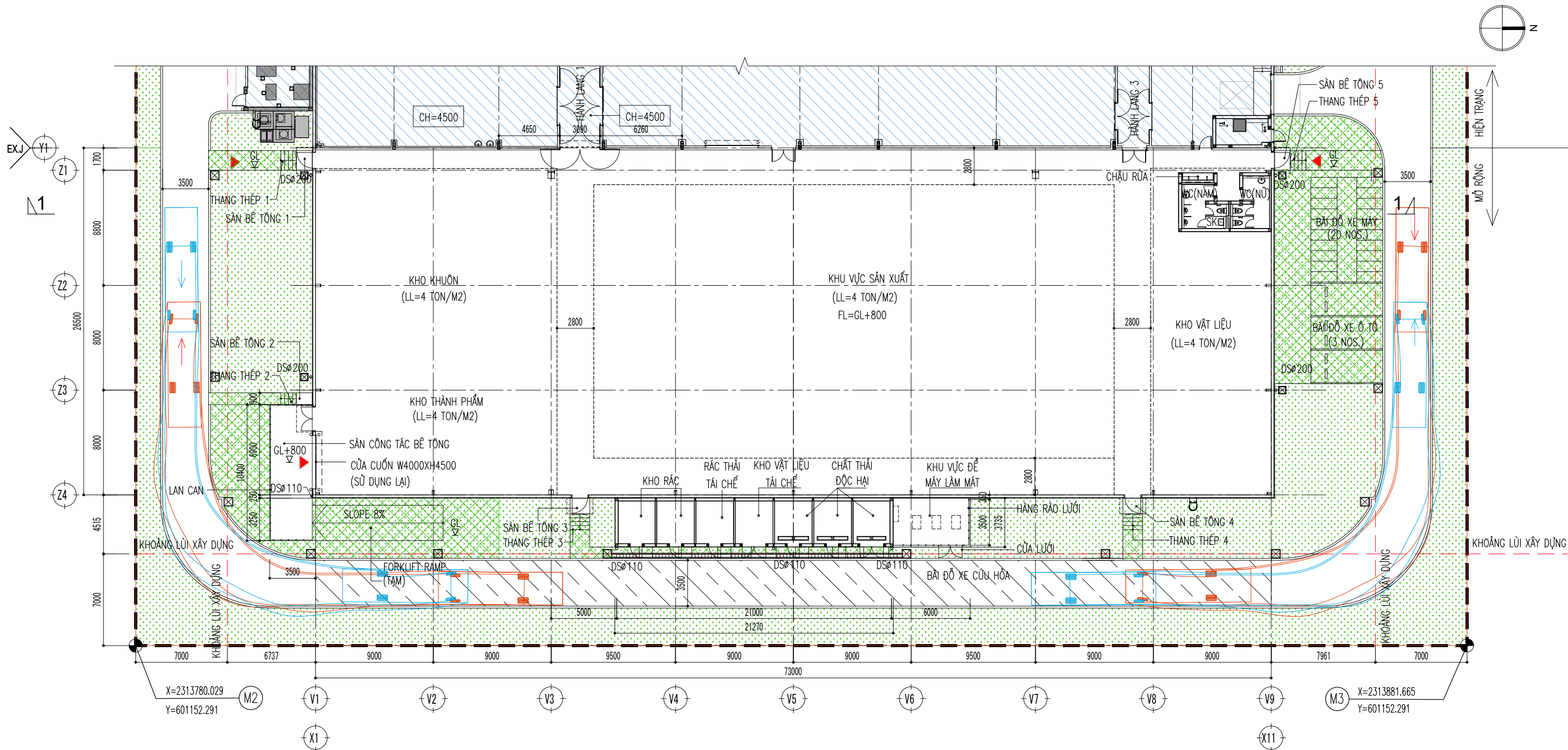
TT	Hạng mục tính toán	GD 1 (Hiện trạng)		GD 1 + GD 2		Quy định (VSIP)	Đánh giá
		Diện tích (m2)	Chỉ số SĐĐ (Theo QCVN 01:2019)	Diện tích (m2)	Chỉ số SĐĐ (Theo QCVN 01:2021)		
A	MẬT ĐỘ XD	4,740.0	42.13%	6,490.0	57.7%	Max.60%	OK
B	SÂN/ ĐƯỜNG	3,431.2	30.50%	2,477.9	22.0%		
C	CÂY XANH (BAO GỒM DIỆN TÍCH GẠCH CỎ)	3,078.8	27.37%	2,282.1	20.3%	Min.20%	OK
D	TỔNG KHU ĐẤT	11,250.0	100.00%	11,250.0	100%		

- GHI CHÚ :
- CÔNG TRÌNH HIỆN HỮU (BAO GỒM TRONG MẬT ĐỘ XÂY DỰNG–THEO QCVN 01:2021)
 - MÁI ĐÓN HIỆN HỮU (KHÔNG BAO GỒM TRONG MẬT ĐỘ XÂY DỰNG–THEO 01:2021)
 - CÔNG TRÌNH MỞ RỘNG (BAO GỒM TRONG MẬT ĐỘ XÂY DỰNG–THEO 01:2021)
 - MÁI ĐÓN HIỆN HỮU (KHÔNG BAO GỒM TRONG MẬT ĐỘ XÂY DỰNG–THEO 01:2021)
 - LÁT GẠCH CỎ
 - KẾT CẤU TẠM TRÊN KHU VỰC CÂY XANH
 - KHU VỰC CÂY XANH



- GHI CHÚ:
- CÔNG TRÌNH HIỆN TRẠNG
 - CÔNG TRÌNH MỞ RỘNG
 - LÁT GẠCH CỎ
 - CÂY XANH

- GHI CHÚ:
- THAY CỬA HIỆN TRẠNG BẰNG CỬA THÉP CHỐNG CHÁY
 - PHÁ ĐỖ CỬA HIỆN HỮU VÀ LẮP DỰNG VÁCH CHỐNG CHÁY
 - THÁO ĐỖ TƯỜNG TÔN VÀ LẮP DỰNG VÁCH CHỐNG CHÁY + SƠN
 - THAY THẾ BẰNG CỬA CUỐN CHỐNG CHÁY
 - THAY THẾ CỬA HIỆN TRẠNG BẰNG CỬA THÉP CHỐNG CHÁY
 - THAY THẾ CỬA HIỆN TRẠNG BẰNG CỬA THÉP CHỐNG CHÁY VÀ CỬA CUỐN
 - TÁI SỬ DỤNG CỬA CUỐN TẠI SÂN CÔNG TÁC



CÔNG TRÌNH HIỆN TRẠNG

